



RỪNG
nhàn
người
Anh

HỒ NHỮ ĐỨC

TÁC GIẢ ĐOẠT GIẢI BOOKER

MICHAEL ONDAATJE



BẠCH VIỆT



NHÀ XUẤT BẢN
LAO ĐỘNG

Mục lục

Mục lục.....	2
LỜI NGƯỜI DỊCH	3
TÒA VILLA1.....	5
HẦU NHƯ HOANG TÀN	25
NGỌN LỬA ĐÔI KHI.....	59
NAM CAIRO 1930-1938.....	115
KATHARINE.....	128
CHIẾC MÁY BAY CHÔN VÙI	138
TẠI CHỖ	155
RỪNG THÁNH.....	175
ĐỘNG NGƯỜI BƠI LỘI	192
THÁNG TÁM	224

LỜI NGƯỜI DỊCH

Bệnh nhân người Anh là một tác phẩm nhiều tham vọng. Nó mang những dữ liệu về những nền văn minh, ngôn ngữ, địa lý, lịch sử, triết học, văn chương, thơ nhạc của bốn lục địa khác nhau. Trong Bệnh nhân người Anh, bốn người từ ba lục địa khác nhau, qua những xô đẩy của một cuộc chiến, gặp nhau nơi một xứ sở không phải là quê hương của bất kỳ ai trong nhóm họ. Ở một góc quả đất nơi đã trở thành hoang tàn theo dấu chân của cuộc chiến, trong nỗi bình yên tạm thời và chông chênh giữa một cuộc chiến còn âm ỉ, họ tìm cách chăm sóc cho nhau, chữa lành vết thương của nhau (và của chính mình), tìm niềm vui trong một thế giới khác: ký ức trước chiến tranh, những áng văn hay, những điệu nhạc vui. Giữa những chết chóc và tang thương, họ vẫn tìm ra cái đẹp, vì cái đẹp sống giữa chúng ta, trong khao khát của chúng ta đi tìm cái đẹp.

Nếu nói theo một lối đơn giản nhất về câu chuyện bên trong Bệnh nhân người Anh, thì nó không có hậu. Trái bom kết thúc cuộc chiến cũng là trái bom nổ tung nỗi yên bình tạm bợ họ đang ấp ủ. Đột nhiên thế giới nhỏ bé không còn là chỗ không ranh giới. Những phân chia văn hóa, chính trị bỗng rõ nét trở lại. Cái đẹp không tranh đua được với nghi ngại và chia rẽ. Cặp tình nhân xa nhau. Nhóm bạn tan tác giữa sống chết và chia ly. Nhưng thật ra, mối nối kết giữa họ, nét đẹp mong manh nào đấy đã mang họ đến với nhau vẫn còn đấy. Như mảnh đất thấm đượm lịch sử và văn hóa nơi họ gặp nhau. Như những bài nhạc họ cùng yêu.

Ngoài viết văn, Michael Ondaatje cũng là một nhà thơ. Thế nên, Bệnh nhân người Anh, tuy không hẳn lúc nào cũng suôn sẻ dễ đọc, thường mang vẻ đẹp khúc mắc của những ý tưởng độc đáo trong một giọng văn thấm đượm chất thơ. Ngòi bút của ông tự tin, vững vàng khi viết về những nhân vật Âu Mỹ, hẳn vì ông đã có kinh nghiệm sống ở Âu Mỹ, và có lẽ cũng vì những điều ông viết là những cảm xúc và suy nghĩ rất chung, rất đại đồng của con người cho dù thuộc xứ sở nào đi chăng nữa. Bệnh nhân người Anh sẽ đưa chúng ta vào quá khứ, vào chiến tranh, vào

những góc tối sâu thẳm nhất của tâm linh. Sẽ không có tất cả câu trả lời trong sách cũng như trong chúng ta, nhưng phải chăng đấy chính là biểu hiện linh động nhất của cuộc sống?

Hồ Như

Tôi chắc đã số quý vị còn nhớ hoàn cảnh thương tâm trong cái chết của Geoffrey Clifton ở Gilf Kebir, sau đó vợ anh, Katharine Clifton, mất tích trong chuyến thám hiểm sa mạc năm 1939 để tìm kiếm Zerzura. Tôi không thể bắt đầu buổi họp tối nay mà không xúc động nhắc đến những biến cố đau lòng ấy.

Bài thuyết trình tối nay...”

Trích biên bản buổi họp Hội Địa lý tháng Mười một, năm 194-, London.

TÒA VILLA

¹ Biệt thự. (Tất cả chú thích trong sách là của người dịch).

Đang làm việc trong vườn, nàng đứng dậy, nhìn về phía xa. Nàng linh cảm thời tiết đang thay đổi.

Một cơn gió giật lại đến, tiếng lách tách trong không gian, hàng cây bách cao nghiêng ngả. Nàng quay người, đi lên đồi về phía căn nhà, trèo qua một bức tường thấp, cảm thấy những giọt mưa đầu tiên trên đôi cánh tay trần. Băng qua hàng hiên, nàng bước nhanh vào nhà.

Không dừng lại trong bếp, nàng bước lên cầu thang chìm trong bóng tối, đi hết hành lang dài đến vệt sáng hắt ra từ một khung cửa mở.

Nàng bước vào phòng, căn phòng là một khu vườn khác - một khu vườn có cây cối và những tàng lá vẽ trên tường và trần phòng. Người đàn ông nằm trên giường, thân thể phô bày trong làn gió nhẹ, và khi nàng bước vào, ông chậm rãi xoay đầu về hướng nàng.

Nàng lau thân thể đen đúa của ông bốn ngày một lần, bắt đầu từ hai bàn chân bị hủy hoại. Nàng nhúng ướt chiếc khăn lau, cầm khăn bên trên hai cổ chân ông, vắt nước nhỏ xuống người ông, ngược mắt lên khi ông nói nhỏ nhỏ, nhìn thấy nụ cười mỉm của ông. Những vết bóng nặng nhất ở phía trên ống chân. Đậm hơn màu tím. Xương.

Nàng đã chăm sóc ông nhiều tháng trời, biết rõ thân thể ông, dương vật đang ngủ như con cá ngựa, vùng hông gầy teo tóp. Xương hông của Chúa Jesus, nàng nghĩ. Ông là vị thánh tuyệt vọng của nàng. Ông nằm thẳng lưng, không gối dựa, nhìn những chiếc lá vẽ trên trần nhà, tàng cây, và phía trên cây lá, bầu trời xanh.

Nàng đổ calamine¹ thành những vệt dài ngang qua ngực ông, chỗ ít bị bóng hơn, chỗ nàng có thể chạm vào. Nàng yêu chỗ lõm bên dưới rё

xương sườn cuối cùng, nơi làn da hõm xuống. Đến hai vai ông, nàng thổi hơi mát xuống cổ ông, và ông thì thào.

¹ *Calamine: một hỗn hợp khoáng chất (sắt và kẽm) và dầu, màu hồng, không mùi vị, dùng làm thuốc mỡ bôi da.*

Gì thế? Nàng hỏi, không còn tập trung.

Ông xoay khuôn mặt đen sạm có đôi mắt màu xám về phía nàng. Nàng đút tay vào túi. Nàng dùng răng lột vỏ trái mận, móc hạt mận ra, rồi đưa phần thịt vào miệng ông.

Ông lại thì thầm, kéo trái tim đang lắng nghe của cô y tá trẻ bên cạnh đến nơi nào tâm trí của ông đến, vào lòng giếng ký ức ông vẫn thường lao xuống trong những tháng trước khi ông chết.

Những câu chuyện người đàn ông lặng lẽ kể lại trong căn phòng lượn từ độ cao này đến độ cao khác như một con chim ưng. Ông thức dậy trong vườn cây vẽ, giữa những cành cổ thụ và hoa nở tràn lan. Ông nhớ đến những chuyến dã ngoại, người đàn bà từng hôn lên những phần thân thể giờ đây đã bị bỏng thành màu tím cà của ông.

Trong sa mạc, có khi nhiều tuần tôi quên ngắm trăng, như một người đàn ông đã thành hôn quên nhìn mặt vợ nhiều ngày. Đây không phải là tội chết chóc, mà là dấu hiệu bận trí.

Đôi mắt ông dán lên khuôn mặt cô gái trẻ. Nếu đầu nàng cử động, tia nhìn đăm đăm của ông sẽ đi ngang qua nàng vào bức tường. Nàng nghiêng người đến phía trước. Làm sao ông bị bỏng?

Lúc ấy là buổi chiều muộn. Hai bàn tay ông nghịch một mảnh khăn trải giường, lưng ngón tay ông mơn trớn tấm vải.

Tôi rơi xuống sa mạc trong khi người đang cháy.

Họ tìm thấy thân thể tôi, làm cho tôi một cái thuyền bằng cành cây, rồi kéo tôi băng qua sa mạc. Chúng tôi ở trong Biển Cát¹, đôi khi băng qua những lòng sông cạn. Dân du mục, cô biết đấy. Bedouin. Tôi lao xuống

và cát cũng bốc cháy. Họ nhìn thấy tôi trần truồng đứng dậy từ đám lửa. Cái mũ phi công bằng da của tôi rực lửa. Họ cột tôi vào một cái nôi, một cái xác thuyền, rồi những bàn chân thậm thịch khi họ mang tôi chạy. Tôi đã phá vỡ vẻ thưa vắng của sa mạc.

¹ *Sand Sea: nằm trong sa mạc Libya.*

Những người Bedouin biết về lửa. Từ năm 1939 họ đã biết về những chiếc máy bay từ trên trời rơi xuống. Một số dụng cụ và đồ dùng của họ được làm bằng kim loại lấy từ máy bay rơi và xe tăng. Đây là thời chiến tranh trên trời. Họ có thể nhận ra tiếng ù ù của chiếc máy bay bị trúng đạn, biết cách nhặt nhanh từ những xác máy bay rơi. Một chiếc đỉnh ốc nhỏ từ buồng lái trở thành nữ trang. Có lẽ tôi là người đầu tiên sống sót đứng lên khỏi khối máy móc đang bốc cháy. Một người đàn ông với cái đầu bốc lửa. Họ không biết tên tôi. Tôi không biết bộ lạc của họ.

Ông là ai?

Tôi không biết. Cô hỏi mãi.

Ông nói rằng ông là người Anh.

Ban đêm, ông không bao giờ đủ mệt để ngủ. Nàng đọc cho ông nghe bất cứ cuốn sách nào nàng tìm được trong thư viện ở tầng dưới. Ngọn nến lung linh trên trang giấy và trên khuôn mặt đang đọc của cô y tá trẻ, soi mờ mờ cây cảnh trang trí trên tường. Ông lắng nghe nàng đọc, nuốt lấy lời nàng như nuốt nước.

Nếu trời lạnh, nàng thận trọng vào giường nằm cạnh ông. Nàng không thể đặt bất cứ vật gì lên người ông, dù chỉ là cổ tay gầy gò của nàng, vì ông sẽ bị đau.

Đôi khi, đến hai giờ sáng ông vẫn chưa ngủ, mắt ông mở trong bóng tối.

Ông ngủ được mùi ốc đảo trước khi ông nhìn thấy nó. Chát lỏng trong không gian. Tiếng mọi thứ xào xạc. Cây cọ và dây cương. Tiếng bình thiếc va vào nhau, âm thanh trầm đục cho biết chúng đựng đầy nước.

Họ đổ dầu lên những tấm vải mềm lớn và đặt chúng lên người ông. Ông đã được xức dầu thánh.

Ông có thể cảm nhận người đàn ông thỉnh thoảng luôn ở bên ông, mùi hơi thở của anh ta khi anh ta cúi xuống tháo lớp vải bọc quanh người ông mỗi hai mươi bốn giờ, khi đêm xuống, để xem xét làn da của ông trong bóng tối.

Không còn lớp vải, ông lại là người đàn ông trần truồng bên cạnh chiếc máy bay đang cháy. Họ trải những lớp nỉ màu xám lên người ông. Đất nước cao quý nào đã tìm thấy ông, ông tự hỏi. Xứ sở nào tạo nên trái chà là mềm đến thế, trái chà là người đàn ông bên cạnh đã nhai rồi mớm cho ông. Trong thời gian ông ở cùng với những người này, ông không nhớ nổi ông là người nước nào. Không chừng ông chính là kẻ thù ông từng chống lại trên không trung.

Sau đó, trong bệnh viện ở Pisa, ông nghĩ ông nhìn thấy bên cạnh mình khuôn mặt đã đến mỗi đêm, nhai mềm trái chà là rồi chuyển xuống miệng ông.

Những đêm ấy không có màu sắc. Không có lời nói hay điệu ca. Những người Bedouin ngưng nói khi ông thức. Ông đang nằm trên một bàn thờ là chiếc vồng, và trong nỗi kiêu căng của mình ông tưởng tượng chung quanh ông có hàng trăm người, trong khi có thể chỉ có hai người tìm thấy ông, tháo cái mũ rực lửa ra khỏi đầu ông. Ông chỉ biết hai người ấy bằng vị nước bọt vào người ông cùng trái chà là, hoặc bằng tiếng chân họ chạy.

Nàng thường ngồi đọc sách trong ánh sáng chập chờn. Thỉnh thoảng nàng sẽ liếc nhìn dọc hành lang tòa villa trước đây là một bệnh viện thời chiến, nơi nàng sống chung với những cô y tá khác trước khi họ dần dà chuyển đi, cuộc chiến đang rời lên phía bắc, cuộc chiến sắp chấm dứt.

Trong đời nàng, đây là lúc nàng tìm thấy sách như cánh cửa duy nhất thoát khỏi căn phòng giam của mình. Sách trở thành nửa phần thể giới của nàng. Ngồi ở chiếc bàn nhỏ, nàng khom người đọc về chú bé ở Ấn Độ tập nhớ những món nữ trang và đồ vật khác nhau trên một cái khay, chú

bị ném từ thầy giáo này sang thầy giáo khác - người dạy chú ngôn ngữ địa phương người dạy chú ghi nhớ người dạy chú tránh thuật thôi miên.

Cuốn sách nằm trên đùi nàng. Nàng nhận ra nàng đã nhìn trang giấy xộp hơn năm phút, vào vết hằn ở góc trang 17 ai đó đã gấp lại làm dấu. Nàng dùng tay vuốt nhẹ mặt giấy. Trong trí nàng có tiếng chân chạy lảng vảng như một chú chuột trên trần nhà, như con nắc nẻ ở cửa sổ ban đêm. Nàng nhìn dọc theo hành lang, mặc dù không còn ai khác sống ở đây, không ai khác ngoài nàng và bệnh nhân người Anh ở villa San Girolamo. Số rau nàng trồng trong vườn cây ăn trái bị giới bom phía trên căn nhà đủ cho họ ăn, đôi khi có một người đàn ông từ thị trấn đến đây để nàng trao đổi xà bông, khăn trải giường và bất cứ thứ gì còn lại trong bệnh viện thời chiến này để lấy những thứ cần dùng khác. Chút đậu, chút thịt. Người đàn ông để lại cho nàng hai chai rượu vang, và mỗi tối, sau khi nằm với ông người Anh và ông đã ngủ, nàng sẽ long trọng rót cho mình một cốc rượu nhỏ, mang nó trở về chiếc bàn nhỏ ngay bên ngoài cánh cửa khép hờ, vừa nhấp từng ngụm nhỏ vừa đọc tiếp bất cứ cuốn sách nào nàng đang đọc dở.

Như thế, những cuốn sách nàng đọc cho ông người Anh nghe, dù ông chăm chú lắng nghe hay không, đều có nhiều chỗ gián đoạn trong câu chuyện, như đoạn đường bị bão làm cho xói lở, thiếu những sự kiện, như thể châu chấu đã ăn mất một mảng thảm treo tường, như đêm đêm vừa tường long ra khỏi bức bích họa vì bom.

Tòa villa nàng và ông người Anh đang ở cũng gần như thế. Có phòng không vào được vì đổ nát. Một lỗ bom cho phép ánh trăng và mưa lọt vào thư viện ở tầng dưới - ở đây có chiếc ghế bành thường xuyên ướt sũng nằm trong một góc.

Nàng không bận tâm cho ông người Anh vì những chỗ trống trong câu chuyện. Nàng không tóm tắt những chương bị thiếu. Nàng chỉ lấy cuốn sách ra, nói: “Trang chín mươi sáu” hay “trang một trăm mười một”. Đây là cách xác định vị trí duy nhất của nàng. Nàng nâng hai bàn tay của ông lên mặt nàng và ngửi, mùi bệnh hoạn vẫn còn trong hai bàn tay ấy.

Hai bàn tay của cô đang thô nhám dần, ông nói. Cỏ dại và cây gai và đào xới.

Cẩn thận đấy. Tôi đã báo trước với cô về những mối nguy hiểm.

Tôi biết.

Rồi nàng bắt đầu đọc.

Cha nàng đã dạy nàng về những bàn tay. Về bàn chân con chó. Mỗi khi cha nàng ở trong nhà một mình với một con chó, ông thường cúi xuống và ngửi lớp da dưới bàn chân nó. Đây là mùi tuyệt nhất thế gian, ông nói, như thể mới ngửi mùi rượu brandy¹! Một chùm hương khác nhau! Những chuyện phiếm tuyệt vời về du lịch! Nàng sẽ giả vờ ghê tởm, nhưng bàn chân con chó quả là kỳ diệu: mùi của nó không bao giờ khiến người ta nghĩ đến đất cát. Cha nàng đã nói, mùi của nó là một thánh đường! Khu vườn của người này, cánh đồng cỏ kia, một chuyến đi dạo qua những cây hoa anh thảo - tập hợp các dấu vết về những lối con vật đã đi qua trong ngày.

¹ *Rượu trái cây.*

Có tiếng chân chạy lảng vảng trên trần nhà như một chú chuột, và nàng lại rời mắt khỏi cuốn sách, ngược nhìn lên.

Họ gỡ tấm mặt nạ bằng dược thảo ra khỏi mặt ông. Hôm ấy là ngày nhật thực. Họ đang chờ đợi nó. Ông đang ở đâu? Họ hiểu những dự đoán về thời tiết và ánh sáng, thế thì họ thuộc nền văn minh nào? Có lẽ là El Ahmar hoặc El Abyadd, vì họ phải là một trong những bộ lạc sa mạc vùng Tây Bắc. Những người có thể đón đỡ được một người đàn ông từ trên trời rơi xuống, những người phủ lên mặt người đàn ông ấy một tấm mặt nạ đan bằng lau sậy trong ốc đảo. Giờ đây ông mang sắc diện cỏ. Khu vườn ông thích nhất trên thế giới vẫn là khu vườn cỏ ở Kew², sắc cỏ dịu nhẹ và nhiều màu, như những lớp cây tần bì trên một ngọn đồi.

² *Kew: thuộc London, Anh quốc.*

Ông ngắm phong cảnh lúc nhật thực. Đến lúc ấy họ đã dạy cho ông cách giơ hai cánh tay lên và kéo sức mạnh từ vũ trụ vào thân thể mình, giống như cách sa mạc kéo những chiếc máy bay rơi xuống. Ông được mang đi trong một cái cang làm bằng nỉ và cành cây. Ông nhìn thấy những vết màu hồng như màu chim hồng hạc giăng ngang thị giác trong ánh sáng mờ mờ của mặt trời bị che khuất.

Trên da ông lúc nào cũng có thuốc mỡ, hoặc bóng tối. Một buổi tối, ông nghe như có tiếng chuông gió trên thình không, và một lúc sau tiếng chuông gió ngưng. Ông thiếp ngủ trong nỗi khao khát âm thanh ấy, nghe như tiếng kêu kéo dài phát ra từ cổ họng một con chim, có lẽ là chim hồng hạc, hoặc một con cáo sa mạc bị nhốt trong túi áo choàng của một người đàn ông trong số họ, miệng túi khâu lại một nửa.

Ngày hôm sau, ông nghe thấy tiếng leng keng như thủy tinh đứt quãng ấy khi lại nằm trong lớp vải phủ. Một tiếng động phát ra từ bóng tối. Lúc hoàng hôn, lớp nỉ được tháo ra và ông nhìn thấy một cái đầu đàn ông trên cái bàn di chuyển về phía mình, rồi ông nhận ra người đàn ông ấy mang một cái đòn gánh khổng lồ, trên đòn gánh treo hàng trăm chiếc lọ nhỏ bằng những sợi dây và sợi kim loại dài ngắn khác nhau. Anh ta di chuyển như một phần của tấm màn thủy tinh, cả người bao phủ trong vầng thủy tinh ấy.

Hình dáng anh ta giống nhất những hình vẽ tổng lãnh thiên thần ông đã cố gắng sao chép khi ông còn là một cậu học trò nhỏ, chưa bao giờ lý giải được làm thế nào một cơ thể lại có chỗ cho những bắp thịt của đôi cánh như thế. Bước đi của anh dài, chậm, êm ái đến nỗi những chiếc lọ hầu như không chao nghiêng. Một làn sóng thủy tinh, một vị tổng lãnh thiên thần, tất cả thuốc mỡ trong những chiếc lọ ám ánh nắng mặt trời, thế nên khi những thuốc mỡ ấy được bôi lên da, dường như chúng đã được đặc biệt hâm nóng để chữa lành vết thương. Phía sau anh là ánh sáng đã phân giải - màu xanh và những màu khác run run trong lớp bụi mờ và cát. Tiếng leng keng mơ hồ, những màu sắc khác nhau, dáng bước uy nghi và khuôn mặt anh gây guộc sạm màu như một khẩu súng.

Nhìn gần, lớp thủy tinh thô ráp và bị cát bào mòn, loại thủy tinh đã mất đi vẻ tao nhã của mình. Mỗi lọ có một nút bắc nhỏ, người đàn ông dùng

răng kéo nút bắc ra và ngậm nó bằng môi lúc anh pha trộn chất đựng trong lọ này với chất đựng trong lọ khác, nút bắc thứ hai cũng nằm giữa răng anh. Anh đứng với đôi cánh của mình bên thân thể bị bỏng nằm ngửa, cắm hai cây gậy vào sâu trong cát rồi tháo cái đòn gánh dài hai mét ra, đặt nó trên hai cây gậy như một cặp nạng. Anh cúi người bước ra ngoài gánh hàng của mình. Quỳ gối, anh cúi xuống người phi công bị bỏng và áp hai bàn tay lạnh lẽo của mình lên cổ ông.

Dọc theo con đường lạc đà từ Sudan lên hướng bắc đến Giza, đường Bốn Mươi Ngày, ai cũng biết anh. Anh đón những đoàn lũ hành, trao đổi gia vị và chất lỏng, di chuyển giữa những ốc đảo và trại trữ nước. Anh đi trong bão cát với chiếc áo choàng bằng chai lọ, hai tai đút hai nút bắc nhỏ, vì thế chính anh, một thầy thuốc con buôn, vua của dầu và nước hoa và thuốc chữa bách bệnh, người làm lễ rửa tội, dường như cũng là một cái chai. Anh vào trại và bày tấm màn chai lọ trước mặt bất cứ ai bị bệnh.

Anh khom người bên cạnh người đàn ông bị bỏng. Chạm hai lòng bàn chân thành hình cái chén, anh ngửa người ra sau, thậm chí không ngoái nhìn, rút một số lọ. Mỗi chiếc lọ bé xíu mở nút là mùi hương tỏa ra. Có mùi biển. Mùi gỉ sắt. Mùi chàm. Mùi mực. Mùi bùn ở sông, mùi cây tú cầu, mùi formaldehyde, mùi paraffin, mùi ether. Luồng không khí xao động. Có tiếng rống của lạc đà phía xa xa khi chúng ngửi thấy những mùi trong lọ. Anh bắt đầu bôi một chất bột nhão màu xanh đen lên lồng ngực ông. Đây là xương con công xay nhuyễn, trao đổi trong một khu phố cổ về phía tây hoặc phía nam - thuốc chữa lành da công hiệu nhất.

Giữa nhà bếp và giáo đường nhỏ đồ nát là cánh cửa dẫn vào một thư viện hình bầu dục. Khoảng không gian bên trong có vẻ an toàn, ngoại trừ một lỗ hổng lớn ở ngang mức treo tranh chân dung trên bức tường phía xa, do một trận pháo kích hai tháng trước gây ra. Phần còn lại của căn phòng đã tự thích nghi với vết thương này, chấp nhận những thói quen của thời tiết, sao đêm, và tiếng chim. Trong phòng có một chiếc ghế sofa, một cây đàn dương cầm phủ khăn xám, đầu một con gấu nhồi và những bức tường cao đầy sách. Những kệ sách gần bức tường vỡ đã bị cong oằn vì mưa, những hạt mưa làm tăng gấp đôi sức nặng của sách. Sấm chớp

cũng vào phòng nhiều lần, rơi ngang qua mặt thảm và chiếc dương cầm phủ kín.

Cuối phòng là hai cánh cửa kiểu Pháp đã bị đóng ván kín lại. Nếu cửa mở nàng có thể đi từ thư viện ra hiên nhà, rồi đi xuống ba mươi sáu bậc thang sấm hối qua giáo đường nhỏ đến một đồng cỏ cổ xưa, giờ đây đã bị xước sọc vì bom lân tinh và những vụ nổ. Khi rút lui, quân Đức đã cài mìn nhiều căn nhà, thế nên hầu hết những phòng không cần đến, như phòng này, đã bị niêm phong vì lý do an toàn, những cánh cửa bị đóng đinh vào khung.

Nàng biết những mối nguy hiểm này khi nàng len vào phòng, bước đi trong bóng tối của căn phòng giữa buổi chiều. Đứng đấy, nàng đột nhiên ý thức được sức nặng của mình trên mặt sàn gỗ, nghĩ rằng sức nặng ấy có lẽ đủ để phát động bất cứ cơ quan nào ở đấy. Chân nàng ngập trong bụi. Nguồn ánh sáng duy nhất rót qua lỗ pháo cối tròn nham nhở hướng lên trời.

Nàng rút cuốn Người Mohican cuối cùng¹ ra với một tiếng rắc, như thể nó bị tách ra khỏi một khối liền lạc, và ngay trong ánh sáng lờ mờ này nàng vẫn thấy vui lên vì bầu trời xanh lam và hồ nước trên hình bìa, cùng hình vẽ một người da đỏ ở cận cảnh. Thế rồi, như để tránh kinh động ai đấy trong phòng, nàng bước lùi lại, giẫm lên những dấu chân của chính mình, vì an toàn, nhưng cũng vì một trò chơi riêng tư. Như thế, nhìn những bước chân của nàng, có vẻ như thân thể hữu hình của nàng đã biến mất sau khi nàng vào phòng. Nàng đóng cửa lại và dán tấm niêm cảnh cáo vào chỗ cũ.

¹ *The Last of the Mohicans: truyện của James Fenimore Cooper.*

Nàng ngồi trong vòm cửa sổ ở phòng bệnh nhân người Anh, một bên là những bức tường sơn vẽ, một bên là thung lũng. Nàng mở cuốn sách. Những trang giấy dính vào nhau cứng đờ thành hình sóng gợn. Nàng cảm thấy mình như Crusoe tìm thấy một cuốn sách theo dòng nước trôi dạt vào bờ và hong khô ở đấy. Chuyện kể về năm 1757. N. C. Wyeth minh họa. Cũng như những cuốn sách hay nhất, cuốn sách này có một

trang quan trọng liệt kê danh sách những hình minh họa, mỗi hình có một hàng chữ.

Nàng vào truyện, biết rằng khi bước ra nàng sẽ cảm thấy như nàng đã trẫm mình vào trong cuộc sống của những người khác, trong cốt truyện kéo dài hai mươi năm, thân thể nàng ngập tràn những câu và những khoảnh khắc, tựa như đang thức dậy với cảm giác nặng trĩu của những giấc mơ nàng không nhớ.

Thị trấn trên đồi nước Ý của họ, người lính canh của tuyến đường Tây Bắc, trước đây đã bị vây hãm hơn một tháng, hàng phòng thủ chính là hai tòa villa và tu viện có vườn cây mận và táo bao quanh. Một là villa Medici, chỗ ở của các ông tướng. Ngay phía trên nó là villa San Girolamo, trước kia là một tu viện nữ, thành trì cuối cùng của quân đội Đức vì có những lỗ châu mai như trong các thành trì. Một trăm quân lính từng ở đây. Lúc thị trấn trên đồi bắt đầu bị vỡ đôi vì bom lửa như một chiến hạm ngoài khơi, quân lính đã dời từ những cái lều doanh trại trong vườn cây ăn trái vào những phòng ngủ bây giờ chật cứng của tòa nhà trước kia là tu viện nữ. Nhiều phần của giáo đường nhỏ đã bị nổ tung. Tầng thượng của tòa villa đã sụp đổ vài nơi vì các vụ nổ. Khi cuối cùng phe Đồng Minh chiếm được tòa nhà và biến nó thành bệnh viện, những bậc thang lên tầng ba đã bị niêm phong, mặc dù vẫn còn một phần ống khói và mái nhà chưa bị hủy.

Nàng và ông người Anh nhất quyết ở lại khi những cô y tá và bệnh nhân khác chuyển đến một địa điểm an toàn hơn về phía nam. Trong thời gian này họ rất lạnh, không có điện. Vài phòng hướng ra thung lũng hoàn toàn không có tường. Nàng sẽ mở một cánh cửa và chỉ nhìn thấy một cái giường sưng nước co ro trong góc phòng, phủ đầy lá. Có những cánh cửa mở ra phong cảnh ngoài trời. Vài phòng đã biến thành chuồng chim bồ ngổ.

Cầu thang đã mất những bậc phía dưới lúc quân lính phóng hỏa trước khi rút lui. Nàng vào thư viện, lấy hai mươi cuốn sách, đóng đinh sách xuống sàn nhà rồi đóng chồng lên nhau, như thế xây lại hai bậc thang dưới cùng. Đa số những chiếc ghế đã được dùng để nhóm lửa. Chiếc ghế bành trong thư viện bị bỏ lại bởi nó lúc nào cũng ướt sũng vì những trận

bão ban đêm lọt vào qua lỗ súng cối. Đồ vật nào ướt thì không bị cháy trong tháng Tư năm 1945.

Vẫn còn lại vài cái giường. Về phần nàng, nàng thích lang thang trong nhà cùng tấm nệm hoặc chiếc võng của nàng, đôi khi ngủ trong phòng bệnh nhân người Anh, đôi khi trong hành lang, tùy theo nhiệt độ, gió hoặc ánh sáng. Buổi sáng, nàng cuộn tròn tấm nệm và dùng dây cột nó lại. Bây giờ thời tiết ấm hơn và nàng mở cửa nhiều phòng hơn, để những góc tối được thoáng hơi, để ánh nắng hong khô hơi ẩm. Có đêm nàng mở những cánh cửa và ngủ trong những căn phòng đã mất tường. Nàng nằm trên tấm nệm sát ngoài rìa căn phòng, nhìn ra những vì sao, những đám mây bay, và thức dậy vì tiếng sấm sét gầm gừ. Nàng hai mươi tuổi điên dại và không màng đến sự an toàn trong lúc này, không băn khoăn về chuyện thư viện có thể bị cài mìn hoặc tiếng sấm khiến nàng giật mình trong đêm. Nàng cảm thấy bồn chồn sau những tháng lạnh lẽo, khi nàng bị gò bó trong những chỗ tối và an toàn. Nàng vào những phòng bị quân lính làm ô uest, những phòng dùng để đốt bàn ghế. Nàng dọn lá, phân, nước tiểu và những cái bàn cháy đen. Nàng sống như một kẻ lang thang, trong khi ở nơi khác, bệnh nhân người Anh nghỉ ngơi trên giường của ông như một vị vua.

Nhìn từ bên ngoài, tòa nhà dường như đã bị phá hủy. Một cầu thang phía ngoài biến mất giữa không trung, tay vịn treo lơ lửng. Cuộc sống của họ là sự lượm lặt và an toàn tạm bợ. Họ chỉ dùng nến khi cần để tránh bọn cướp gặp gì hủy nấy. Họ được bảo vệ trong tòa nhà dường như đã đổ nát. Nhưng nàng cảm thấy an toàn ở đây, nửa trẻ con, nửa người lớn. Sau những chuyện xảy đến với nàng trong chiến tranh, nàng đã đặt ra vài luật lệ cho riêng mình. Nàng sẽ không tuân lệnh nữa, hoặc thi hành những nghĩa vụ vì quyền lợi của nhân quần. Nàng sẽ chỉ chăm sóc cho bệnh nhân bị bỏng. Nàng sẽ đọc cho ông nghe, lau rửa cho ông và chích cho ông những liều morphine - nàng chỉ nói chuyện với ông mà thôi.

Nàng trồng trọt trong vườn cây ăn trái. Nàng mang cây thập tự dài hai mét từ giáo đường nhỏ bị đánh bom đến làm bù nhìn trên luống hạt của nàng, treo những lon cá mòi rỗng lên bù nhìn, mỗi khi gió nổi những chiếc lon va vào nhau kêu lanh canh. Bên trong tòa villa, nàng sẽ bước từ đồng gạch vụn đến một vòm cửa sổ thấp nển, chỗ nàng để cái va li sắp

xếp gọn ghế của mình, trong ấy không có gì nhiều ngoài một vài lá thư, ít bộ quần áo cuộn lại, một hộp kim loại đựng vật dụng y tế. Nàng chỉ dọn dẹp một phần nhỏ của tòa villa, và nàng có thể đốt sạch tất cả nếu nàng muốn.

Nàng thắp một que diêm trong hành lang tối và đưa que diêm đến bậc nấc. Ánh sáng vươn mình lên vai nàng. Nàng đang quỳ gối. Nàng đặt hai tay lên đùi và hít thở mùi lưu huỳnh. Nàng tưởng tượng rằng nàng cũng đang hít thở ánh sáng.

Nàng lùi về phía sau một chút, dùng mẫu phấn trắng vẽ một hình chữ nhật trên sàn gỗ. Rồi nàng vừa lùi vừa vẽ thêm những hình chữ nhật thành dáng kim tự tháp, một tầng gồm một hình chữ nhật rồi một tầng gồm hai hình chữ nhật rồi một tầng gồm một hình chữ nhật, bàn tay trái của nàng chống lên sàn, đầu cúi xuống, nghiêm trang. Càng lúc nàng càng rời xa ánh sáng. Cho đến khi nàng chống người trên hai gót chân, ngồi co ro.

Nàng bỏ mẫu phấn vào trong túi áo đầm của mình. Nàng đứng dậy và buộc túm chiếc váy rộng quanh vòng eo.

Nàng rút một miếng kim loại từ túi khác ra và ném nó về phía trước để nó rơi quá hình chữ nhật xa nhất một chút.

Nàng nhảy về phía trước, hai chân giẫm mạnh xuống. Phía sau, chiếc bóng của nàng uốn mình vào sâu trong hành lang. Nàng nhảy rất nhanh, đôi giày tennis của nàng trượt trên những con số nàng vẽ trong mỗi hình chữ nhật, hạ một chân xuống, rồi hai chân, rồi lại một chân, cho đến khi nàng đến hình chữ nhật cuối cùng.

Nàng cúi xuống nhặt miếng kim loại, ngưng lại trong vị trí ấy, không cử động, váy vẫn buộc cao quá đùi, tay buông thõng, thở dốc. Nàng hít một hơi và thổi tắt nến.

Giờ đây nàng ở trong bóng tối. Chỉ có mùi khói.

Nàng nhảy lên, xoay mình trên không để khi hạ chân xuống nàng sẽ quay mặt về hướng ngược lại, rồi nhảy dọc theo hành lang tối đen,

nhANH hơn cả lúc này, vãn hạ chân xuống những hình chữ nhật nàng biết rằng có ở đấy, đôi giày tennis của nàng nện mạnh xuống sàn nhà tối - vì thế âm thanh ấy vang dội đến những góc xa của tòa villa Ý bỏ trống, đến vầng trăng và khe núi như một vết sẹo bao quanh một nửa tòa nhà.

Ban đêm, đôi khi người đàn ông bị bóng nghe tiếng rung chuyển mơ hồ trong tòa nhà. Ông vặn lớn máy trợ thính và nghe thấy tiếng va đập mà ông vẫn không thể diễn giải hay xác định được nó từ đâu đến.

Nàng nhắc cuốn sổ ghi chép nằm trên chiếc bàn nhỏ bên cạnh giường của ông lên. Nó là cuốn sách ông mang theo qua ngọn lửa - một bản in cuốn Lịch sử của Herodotus ông đã thêm thắt, cắt dán những trang của các cuốn sách khác vào hoặc viết những nhận xét của riêng ông - để tất cả được áp ủ trong những hàng chữ của Herodotus.

Nàng bắt đầu đọc nét chữ nhỏ ngoằn ngoèo của ông.

Ở miền Nam Morocco có một loại gió lốc, aajej, người nông dân Ả Rập phải dùng dao chống lại. Gió africo, có khi thổi đến tận thành Rome. Gió alm, ngọn gió mùa thu từ Nam Tư. Gió arifi, cũng có tên aref hay rifi, đốt sém bằng những luồng bỏng rát. Đây là những ngọn gió không đổi, sống trong thì hiện tại.

Những cơn gió khác, ít cố định hơn, gió chuyển hướng, có thể xô ngã ngựa cùng người cưỡi và tự xoay hướng ngược chiều kim đồng hồ. Gió bist roz thình lình đến Afghanistan trong 170 ngày - chôn vùi nhiều làng mạc. Gió ghibli khô nóng cuộn cuộn thổi từ Tunis, gây trạng thái hoảng hốt. Gió haboob - cơn bão bụi Sudan khoác những bức tường màu vàng rực rỡ cao hàng ngàn mét, theo sau là mưa. Gió harmattan, thổi vào Đại Tây Dương và cuối cùng chìm ở đấy. Imbat, ngọn gió biển nhẹ ở Bắc Phi. Có những ngọn gió chỉ thổi dài trên bầu trời. Những cơn bão bụi về đêm đến cùng hơi lạnh. Gió khamzin, cơn gió bụi ở Ai Cập từ tháng Ba cho đến tháng Năm, theo tiếng Ả Rập có nghĩa là “năm mươi”, rộ lên trong năm mươi ngày - nạn dịch thứ chín của Ai Cập. Gió datoo thổi từ Gibraltar, mang theo mùi hương.

Cũng có cơn gió..., cơn gió bí mật của sa mạc, đã bị một vị vua xóa tên sau khi con trai vua chết trong lòng nó. Gió nafhat - cơn gió dữ dội thổi từ Ả Rập. Gió mezzar-ifoullousen - cơn gió tây nam lạnh giá và hung tợn, người Berber gọi là “gió vật lông gia cầm”. Gió beshabar, cơn gió đông bắc đen và khô thổi từ vùng Caucasus, “ngọn gió đen”. Gió Samiel từ Thổ Nhĩ Kỳ, “gió mang thuốc độc”, thường dùng trong chiến trận. Cũng như những cơn “gió độc” khác, gió simoom từ Bắc Phi, và gió solano, bụi của nó làm rụng những cánh hoa hiem, gây choáng váng.

Những cơn gió khác, riêng tư.

Tràn trên mặt đất như cơn lũ. Làm tróc sơn, xô ngã cột điện thoại, cuốn theo sỏi đá và đầu những pho tượng. Gió harmattan thổi qua Sahara mang đầy bụi đỏ, bụi như lửa, như bột mì, chui vào và làm nghẹt khóa nòng súng trường. Dân đi biển gọi ngọn gió màu đỏ này là “biển tối”. Lớp bụi cát đỏ từ Sahara rơi xuống tận Cornwall và Devon về hướng bắc, gây nên những cơn mưa nhiều bùn đến nỗi người ta ngỡ là máu. “Năm 1901, có nhiều báo cáo về mưa máu ở Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha.”

Trong không khí lúc nào cũng có hàng triệu tấn bụi, cũng như lòng đất có hàng triệu mét khối không khí, và trong lòng đất có nhiều sinh vật (giun, bọ cánh cứng, những loài dưới mặt đất) hơn số sinh vật gặm cỏ và hiện hữu trên mặt đất. Herodotus ghi lại cái chết của nhiều đoàn quân bị ngọn gió simoom nuốt chửng, không bao giờ còn ai gặp lại. Một quốc gia “quá tức giận vì cơn gió quỷ quái này đến nỗi họ khiêu chiến với nó, bày binh bố trận, để rồi nhanh chóng bị chôn vùi không sót một ai”.

Những cơn bão bụi có ba dạng. Cuốn lốc. Cây cột. Tấm khăn. Với dạng thứ nhất, chân trời biến mất. Với dạng thứ hai, bạn bị “những hồn Ginn¹ đang luân vũ” vây quanh. Dạng thứ ba, tấm khăn, có “sắc đồng. Thiên nhiên dường như đang bốc cháy.

¹ Ginn: theo truyền thuyết Hồi giáo, là linh hồn ngụ trong nước suối hoặc trong bóng tối hang động.

Nàng rời mắt khỏi cuốn sách, ngược nhìn lên và thấy đôi mắt ông đang nhìn nàng. Ông bắt đầu nói qua bóng tối.

Những người Bedouin giữ cho tôi sống vì một lý do. Cô thấy đấy, tôi hữu dụng. Khi máy bay của tôi rơi xuống sa mạc, có người cho rằng tôi có một kỹ năng. Tôi là người có thể nhận ra một thị trấn không tên bằng hình dáng của nó trên bản đồ. Trong tôi kiến thức vẫn như biển cả. Tôi là người khi chỉ có một mình trong nhà ai sẽ bước đến kệ sách, rút một cuốn và đọc say sưa. Lịch sử hòa nhập vào chúng ta như thế. Tôi biết bản đồ lòng biển, bản đồ vẽ những điểm yếu trong tấm khiên khí quyển của trái đất, những biểu đồ vẽ trên da thuộc có những lộ trình khác nhau của các cuộc Thập Tự Chinh.

Vì thế tôi biết nơi ở của họ trước khi tôi rơi xuống giữa họ, biết thời trước Alexander đã đi ngang đây lúc nào, vì nguyên cớ này hay lòng tham kia. Tôi biết những lễ thói của dân du mục bị giếng nước và tơ lụa làm cho mê muội. Một bộ lạc nhuộm hết nền một thung lũng, biến nó thành màu đen để tăng độ đối lưu và như thế tăng khả năng có mưa, cũng như xây những kiến trúc cao để xuyên thủng vầng mây. Vài bộ lạc ngửa lòng bàn tay về hướng gió bắt đầu thổi. Họ tin rằng nếu làm thế đúng lúc, họ có thể chuyển hướng trận bão đến một vùng sa mạc kế cận, đến một bộ lạc khác ít được yêu mến hơn. Có những vụ chết chìm từ từ, những bộ lạc bỗng dưng đi vào lịch sử lúc cát tràn vào hơi thở dốc của họ.

Trong sa mạc người ta dễ dàng mất đi ý thức về ranh giới. Khi tôi từ trên trời rơi xuống sa mạc, xuống những gợn cát màu vàng, tôi chỉ nghĩ có một điều, mình phải làm một cái bè... mình phải làm một cái bè.

Ở đây, mặc dù tôi nằm trong cát khô, tôi biết tôi ở giữa những người thạo nước.

Ở Tassili tôi đã nhìn thấy những hình khắc trên đá từ thời dân cư Sahara săn cá ngựa trong những chiếc thuyền làm bằng lau sậy. Ở wadi Sura tôi nhìn thấy những hang động với hình vẽ người bơi lội kín trên vách. Đã từng có một cái hồ ở đây. Tôi có thể vẽ hình dáng của nó lên vách cho họ xem. Tôi có thể dẫn họ đến chỗ sáu nghìn năm trước từng là một bờ hồ.

Hỏi một người đi biển về cánh buồm cổ xưa nhất, và ông ta sẽ diễn tả cánh buồm hình thang treo trên cột buồm của một chiếc thuyền bằng lau sậy trong những hình vẽ trên đá ở Nubia. Trước các triều vua¹.

Những cây lao móc vẫn còn được tìm thấy trong sa mạc. Đây là những người thạo nước. Ngay thời bây giờ, những đoàn lũ hành trình như một dòng sông. Dù vậy, bây giờ nước là kẻ lạ ở đây. Nước là kẻ lưu đày, được mang trở về trong lon và bình, là bóng ma giữa bàn tay và miệng bạn.

¹ Trước các triều vua Ai Cập (từ 5500 đến 3100 trước Công nguyên).

Khi tôi lạc lõng giữa bọn họ, không chắc mình đang ở đâu, tôi chỉ cần tên của một ngọn núi nhỏ, một phong tục địa phương, một tế bào của sinh vật lịch sử này, và tám bản đồ thế giới sẽ trượt vào đúng chỗ.

Đa số chúng ta biết gì về những vùng đất ấy của châu Phi? Những đạo quân sông Nile lui tiến - một chiến trường nằm sâu tám trăm dặm trong sa mạc. Xe tăng nhẹ. Máy bay ném bom trung tâm Bleinheim. Chiến đấu cơ hai tầng cánh Gladiator. Tám ngàn lính. Nhưng ai là kẻ thù? Ai là đồng minh của xứ sở này - vùng đất phì nhiêu của Cyrenaica, những đầm nước mặn của El Agheila? Tất cả châu Âu đang theo đuổi những cuộc chiến của mình ở Bắc Phi, ở Sidi Rezegh, ở Baguoh.

Ông di chuyển trên một cái bàn trượt theo sau những người Bedouin suốt năm ngày trong bóng tối, dưới lớp vải phủ trên người. Ông nằm bên trong lớp vải tấm dầu ấy.

Thế rồi nhiệt độ bỗng hạ xuống. Họ đã đến thung lũng giữa những vách đá đỏ cao, nhập cùng với số người còn lại trong bộ lạc nước của sa mạc, tất cả tràn đi, lướt trên cát đá, những tấm áo choàng màu xanh dương của họ phát phới như tia sữa, hay cánh chim. Họ gỡ lớp vải mềm ra khỏi người ông, ra khỏi sức hút của thân thể ông. Ông đang ở trong lòng hẻm núi rộng hơn của thung lũng. Những con kên kên tí trên cao lượn xuống hàng ngàn năm vào khe đá này, nơi họ dựng trại.

Buổi sáng họ mang ông đến góc xa của siq¹. Giờ đây họ nói lớn tiếng chung quanh ông. Tiếng thổ ngữ đột nhiên làm sáng tỏ mọi chuyện. Ông có mặt ở đây vì những khẩu súng chôn dưới đất.

¹ Hẻm núi dẫn vào thành phố Petra, ở phía nam Jordan ngày nay.

Họ đưa ông đến gần một vật, khuôn mặt bịt mắt của ông nhìn thẳng về phía trước, rồi họ đưa bàn tay ông ra trước mặt khoảng một mét. Sau bao ngày du hành, chỉ để chuyển dịch một mét. Để nghiêng về phía trước và chạm vào một vật vì một mục đích, cánh tay của ông vẫn nằm trong tay họ, lòng bàn tay úp xuống. Ông chạm vào nòng khẩu súng Sten và bàn tay kia thả tay ông ra. Những giọng nói tạm ngưng. Ông có mặt ở đấy để diễn giải những khẩu súng.

“Súng máy Breda mười hai ly. Của Ý.”

Ông kéo khóa nòng, luồn ngón tay vào, không thấy đạn, đóng khóa lại và bóp cò. Pút. “Súng nổi tiếng”, ông lẩm bẩm. Ông lại được đưa đến phía trước.

“Súng Pháp Châtellerault bảy ly rưỡi. Súng máy nhẹ. Một ngàn chín trăm hai mươi bốn.”

“Súng Đức, bảy ly chín, MG-Mười lăm, súng máy trang bị cho phi cơ.”

Ông được mang đến từng cây súng. Số vũ khí dường như từ nhiều quốc gia và thời kỳ khác nhau, một bảo tàng viện trong sa mạc. Tay ông phớt nhẹ đường nét của báng súng và ổ đạn hoặc lần quanh ống nhắm. Ông nói tên của cây súng, rồi được mang đến một cây súng khác. Tám loại vũ khí được chính thức trao cho ông. Ông đọc lớn tên của chúng, nói bằng tiếng Pháp rồi bằng thổ ngữ của bộ lạc. Nhưng điều ấy thì quan trọng gì đối với họ? Có lẽ họ không cần biết tên súng mà chỉ cần biết ông biết khẩu súng là cái gì.

Họ lại nắm cổ tay ông và bàn tay ông hạ xuống một thùng băng đạn. Một cái thùng khác về bên phải cũng có đạn, lần này là đạn bảy ly. Rồi những loại đạn khác.

Khi ông còn nhỏ, ông sống cùng một bà dì. Trên bãi cỏ nhà bà, bà rải một bộ bài cào úp xuống và dạy ông chơi trò Pelmanism. Mỗi người được lật hai lá bài, và dần dà dựa theo trí nhớ để xếp đôi cho chúng. Chuyện này xảy ra trong một khung cảnh khác, với những dòng suối có cá hồi, những tiếng chim hót ông chỉ cần nghe một đoạn là nhận ra được tiếng

loại chim nào. Một thế giới đầy đủ tên gọi. Giờ đây, mắt bịt kín trong tấm mặt nạ bằng sợi cỏ, ông nhặt một viên đạn và mang nó theo cùng những người khiêng ông, dẫn họ đến một khẩu súng, nạp đạn, khóa nòng, rồi chĩa súng lên trời bắn. Tiếng nổ vang dội cuồn cuộn dọc theo những vách núi. “Vì tiếng dội là linh hồn của âm thanh tự xao động trong trống vắng¹.” Một người đàn ông bị cho là súng sủa và điên dại đã viết câu ấy trong một bệnh viện Anh. Và ông, giờ đây trong sa mạc này, tỉnh táo, ý nghĩ sáng suốt, nhặt những lá bài, ung dung xếp chúng, nụ cười của ông ném về phía bà dì, bắn những kết hợp thành công vào không trung, và dần dà những người chung quanh ông không thấy mặt đáp lại mỗi phát súng bằng một đợt hò reo. Ông sẽ xoay về một hướng, rồi chuyển lại về súng Breda trên chiếc kiệu người kỳ lạ của ông, theo sau là một người đàn ông cầm con dao khắc một ký hiệu tương đương trên thùng đạn và bóng súng. Ông thích công việc này - sự chuyển động và tiếng reo hò sau nỗi cô độc. Đây là kỹ năng của ông đền đáp cho những người đã cứu ông vì mục đích ấy.

¹ *For echo is the soul of the voice exciting itself in hollow places: trích trong bài thơ Jubilate Agno của Christopher Smart.*

Có những làng ông đi qua cùng với họ không có phụ nữ. Kiến thức của ông được truyền đi như một quây ịch dụng từ bộ lạc này qua bộ lạc khác. Những bộ lạc gồm tám ngàn người. Ông đi vào những tục lệ đặc trưng và âm nhạc đặc trưng. Hầu như lúc nào cũng bị bịt mắt, ông nghe những bài ca kéo nước từng bùng của bộ lạc Mzina, những điệu vũ dahhiya, những ống sáo dùng để truyền tin lúc khẩn cấp, ống sáo đôi makruna (một ống sáo phát ra một âm đều đều). Rồi vào lãnh thổ của những cây đàn lyre năm dây. Một ngôi làng hoặc một ốc đảo của những khúc dạo đầu và những đoạn nhạc giữa. Bàn tay vỗ. Điệu múa đôi.

Ông chỉ được nhìn thấy sau khi hoàng hôn xuống, khi ông có thể chứng kiến những người cứu vớt và cầm tù ông. Bây giờ ông biết ông đang ở đâu. Ông vẽ những tấm bản đồ rộng hơn ranh giới của họ cho vài bộ lạc, giải thích cơ năng của súng cho những bộ lạc khác. Những nhạc công ngồi bên kia đống lửa. Cơn gió nhẹ cuốn đi những nốt đàn lyre simsimiya. Hoặc những nốt nhạc lướt qua ngọn lửa về phía ông. Một cậu bé đang múa, trong ánh sáng này cậu là sinh vật đáng thèm muốn nhất

ông từng thấy. Bờ vai gầy của cậu trắng như giấy cói¹, ánh sáng từ ngọn lửa phản chiếu mờ hôi trên bụng cậu, vẻ trần truồng thấp thoáng qua những khe hở của tấm vải lạnh màu xanh cậu khoác từ cổ xuống bàn chân để gợi thêm cảm dỗ, phô bày thân thể cậu như một lần chớp màu nâu.

¹ Nguyên văn: *Papyrus*.

Sa mạc đêm bao quanh họ, những cơn bão và đoàn lũ hành qua lại theo một thứ tự lỏng lẻo. Chung quanh ông luôn có bí mật và hiểm nguy, như trong lúc không nhìn thấy ông cử động bàn tay và bị lưỡi lam trong cát cắt. Đôi khi ông không biết có phải ông đã mơ thấy những chuyện ấy, vết cắt thật ngọt không gây chút đau đớn nào, ông phải chùi máu vào đầu (mặt ông vẫn chưa chạm vào được) để báo hiệu vết thương cho những người cầm tù ông. Ngôi làng không có phụ nữ này, nơi họ mang ông đến trong im lặng tuyệt đối, hoặc một tháng ròng ông không nhìn thấy mặt trăng. Có phải đây là chuyện bịa đặt? Chuyện ông mơ thấy khi người ông quấn trong dầu và vải nỉ và bóng tối?

Họ đã đi ngang qua những giếng nước không uống được. Trong những thị trấn ẩn mình giữa vùng đất trống, ông chờ đợi trong lúc họ đào cát xuống những căn phòng chôn vùi bên dưới, hoặc trong lúc họ đào xuống những bông nước. Vẻ đẹp thuần khiết của cậu bé ngây thơ đang múa, như âm thanh của một dàn đồng ca con trai, âm thanh tinh khiết nhất ông nhớ được, làn nước sông trong trẻo nhất, độ sâu thấu suốt nhất của biển cả. Ở đây trong sa mạc, xưa đã từng là một đại dương, nơi không có gì bị ràng buộc hoặc vĩnh viễn, tất cả trôi dạt - như lớp vải lạnh uyển chuyển trên thân thể cậu bé, tựa như cậu đang choàng tay ôm hoặc thoát mình ra khỏi một đại dương hoặc lá nhàu màu xanh của chính mình. Một cậu bé tự kích dục, bộ phận sinh dục của cậu nổi bật trên màu lửa.

Rồi lửa bị cát lấp lên, khói bụi dần chung quanh họ. Những nhạc cụ rơi xuống như một nhịp đập hoặc tiếng mưa. Cậu bé giơ tay qua đống lửa tàn để tắt im những ống sáo. Khi ông rời đi, không có cậu bé, không có tiếng chân. Chỉ có những miếng giẻ vấy mượn. Một người đàn ông trong số họ bò đến phía trước và thu lượm lớp tinh dịch rơi trên mặt cát. Hắn

mang đến bên người da trắng diễn dịch súng và chuyển nó sang hai tay ông. Trong sa mạc, người ta chỉ ca tụng nước.

Nàng đứng cạnh bồn rửa mặt, ghì chặt nó, nhìn bức tường trát vữa. Nàng đã tháo hết những tấm gương và chất chúng vào trong một căn phòng trống. Nàng ghì chặt bồn rửa mặt và lúc lắc đầu, khiến bóng nàng cũng di động. Nàng nhúng ướ tay rồi chải nước vào trong tóc cho đến khi tóc nàng ướt đầm. Nàng dịu đi như thế, và thích ngọn gió thoảng qua người nàng lúc nàng ra khỏi nhà, xóa đi tiếng sấm.

HẦU NHƯ HOANG TÀN

Khi người đàn ông với hai bàn tay băng kín đã ở bệnh viện quân đội tại Rome hơn bốn tháng, anh tình cờ nghe chuyện về bệnh nhân bị bỏng và cô y tá, nghe tên cô. Từ cửa, anh quay lại, bước đến nhóm bác sĩ anh vừa đi ngang qua, để tìm hiểu xem cô đang ở đâu. Anh đã dưỡng bệnh ở đây rất lâu, và họ biết anh là người hay né tránh. Nhưng bây giờ anh nói với họ, hỏi tên cô y tá, khiến họ giật mình. Suốt thời gian qua anh không nói bao giờ, chỉ ra dấu và nhăn mặt, thỉnh thoảng cười. Anh không tỏ lộ điều gì, ngay cả tên của anh, chỉ viết ra mã số của mình, cho biết anh thuộc phe Đồng Minh.

Thân thể của anh đã được kiểm lại, chứng thực trong những thông tin từ London. Anh có một chùm sẹo nhận dạng trên người. Thế nên các bác sĩ đã trở lại bên anh, gặt gù chỉ những chỗ băng bó trên người anh. Một nhân vật nổi tiếng, tuy thế muốn im lặng. Một anh hùng chiến tranh.

Anh cảm thấy an toàn nhất như thế. Không tỏ lộ điều gì. Dù họ tấn công anh bằng dịu nhẹ hay lừa đảo hay những con dao. Anh chưa nói lời nào trong hơn bốn tháng. Anh là một con thú lớn trong số họ, gần như đã hoàn toàn bị hủy diệt khi anh được mang đến bệnh viện, được tiêm những liều morphine thường xuyên để tay anh bớt đau đớn. Anh hay ngồi trên một cái ghế bành trong bóng tối, ngắm nhìn dòng chuyển động của những bệnh nhân và y tá ra vào khu bệnh xá và phòng kho.

Nhưng bây giờ, đi ngang qua một nhóm bác sĩ ở hành lang, anh nghe tên người phụ nữ, và anh bước chậm lại, xoay người, đến gần họ và hỏi chính xác xem cô đang làm việc tại bệnh viện nào. Họ bảo anh trước kia nó là một tu viện nữ, bị quân Đức chiếm đóng, rồi biến thành một bệnh viện sau cuộc vây hãm của quân Đồng Minh. Trong vùng đồi phía bắc Florence. Phần lớn bệnh viện đã tan hoang vì bom. Không an toàn. Nó chỉ là một bệnh viện dã chiến. Nhưng cô y tá và người bệnh không chịu rời đi.

Tại sao các ông không bắt buộc hai người họ đi?

Cô ta quả quyết là ông ta bệnh nặng không di chuyển được. Dĩ nhiên chúng tôi có thể mang ông ta đi an toàn, nhưng thời buổi này ai có thì giờ tranh cãi. Tình trạng của cô ta cũng không khá gì.

Cô ta có bị thương không?

Không. Có lẽ hơi bị sốc bom. Đáng lẽ cô ta phải được gửi về nhà. Vấn đề là, cuộc chiến ở đây đã kết thúc. Không ai bắt ai làm được điều gì nữa. Bệnh nhân đang rời khỏi bệnh viện. Quân lính đào ngũ trước khi được gửi về nhà.

Tòa villa nào? Anh hỏi.

Tòa villa người ta đồn là có ma trong vườn. San Girolamo. Ôi dào, cô ta có bóng ma của riêng mình, một bệnh nhân bị bỏng. Có khuôn mặt đấy, nhưng không còn nhận ra được. Dây thần kinh đã chết. Anh có thể đưa cây diêm ngang qua mặt ông ta mà không thấy ông có cảm xúc nào. Khuôn mặt ngủ rồi.

Ông ta là ai? Anh hỏi.

Chúng tôi không biết tên ông ta. Ông ta không nói?

Nhóm bác sĩ cười lớn. Không phải, ông ta nói chứ, ông ta nói nhiều lắm, ông ta chỉ không biết mình là ai.

Ông ta từ đâu đến?

Người Bedouin mang ông ta đến ốc đảo Siwa. Rồi ông ta ở Pisa một thời gian, rồi... Có lẽ một người Ả Rập đang đeo thẻ bài của ông ta. Có lẽ hẳn sẽ bán nó đi và một ngày nào đấy chúng ta sẽ lấy được nó, hoặc họ sẽ không bao giờ bán nó đi. Những món ấy làm bùa rất tuyệt. Tất cả phi công rớt xuống sa mạc - không ai còn thẻ bài khi trở về. Giờ đây ông ta chui rúc trong một tòa villa vùng Tuscany và cô gái không chịu rời ông ta. Từ chối thẳng thừng. Phe Đồng Minh từng chứa một trăm bệnh nhân ở đấy. Trước kia bọn Đức dùng một đạo quân khá đông để phòng thủ nó,

thành trì cuối cùng của chúng. Vài phòng có vẽ tranh, mỗi phòng cảnh một mùa khác nhau. Bên ngoài tòa villa là một hẻm núi. Tất cả nằm trong vùng đồi, cách Florence khoảng hai mươi dặm. Dĩ nhiên anh sẽ cần giấy phép. Chắc chúng tôi có thể phai người lái xe đưa anh đến đấy. Ngoài ấy còn tệ lắm. Gia súc chết. Ngựa bị bắn chết, đã bị ăn một nửa. Xác người treo ngược xuống từ những cây cầu. Những thói xấu cuối cùng của chiến tranh. Không an toàn chút nào. Lính công binh chưa đến đây dọn dẹp. Bọn Đức rút lui đến đâu là gài mìn đến đấy. Một chỗ làm bệnh viện rất tệ. Kinh khủng nhất là mùi xác chết. Chúng ta cần một trận tuyết lớn để dọn sạch sẽ đất nước này. Chúng ta cần lũ quạ.

Cám ơn.

Lần đầu tiên sau nhiều tháng trời, anh bước ra khỏi bệnh viện, vào ánh nắng, vào khoảng không gian bên ngoài, ra khỏi những phòng thấp đèn màu xanh lá cây trải ra như thủy tinh trong trí anh. Anh đứng đấy ngắm nhìn mọi vật, vẻ hối hả của mọi người. Trước hết, anh nghĩ, mình cần đôi giày đế cao su. Mình cần gelato¹.

¹ Loại kem lạnh kiểu Ý.

Trên xe lửa, anh thấy khó ngủ, người lắc lư qua lại. Những người cùng toa đang hút thuốc. Thái dương anh đập vào khung cửa sổ. Ai cũng mặc quần áo màu đậm, và với tất cả những điều thuốc đang cháy, toa xe dường như đang bốc lửa. Anh để ý mỗi lần xe lửa đi qua một nghĩa trang, hành khách chung quanh anh lại làm dấu thánh giá. Tình trạng của cô ta cũng không khá gì.

Gelato cho amidan, anh nhớ như thế. Đi cùng một cô bé và cha của cô khi cô bị cắt amidan. Cô bé nhìn phòng bệnh đông nghịt trẻ con và nhất quyết không chịu. Cô bé ấy, đứa trẻ dễ thích nghi và dễ thương nhất, bỗng nhiên trở nên sắt đá, quyết liệt khước từ. Sẽ không ai dứt được bất cứ vật gì ra khỏi cổ họng của cô, mặc dù lẽ thường tình trong thời ấy khuyên rằng như thế tốt hơn. Cô sẽ sống cùng với nó trong người cô, dù “nó” trông như thế nào đi nữa. Anh vẫn chưa biết amidan là cái gì.

Điều lạ là bọn chúng không hề chạm đến đầu mình, anh nghĩ. Những lúc khốn khổ nhất là lúc anh bắt đầu tưởng tượng chúng sẽ làm gì kế tiếp, sẽ cắt cái gì kế tiếp. Những lúc ấy anh luôn nghĩ đến cái đầu của mình.

Tiếng chân chạy lằng xằng trên trần nhà như một chú chuột.

Anh đứng cuối hành lang với chiếc va li của mình. Anh đặt va li xuống, vẫy tay qua bóng tối và những vũng ánh nến chập chờn. Không có tiếng chân khi anh bước về phía nàng, không một tiếng động trên sàn nhà, và điều ấy khiến nàng ngạc nhiên, không hiểu sao nàng cảm thấy nó quen thuộc và vỗ về, rằng anh có thể đến gần sự riêng tư của nàng và bệnh nhân người Anh trong êm lặng.

Khi anh đi qua những ngọn đèn trong hành lang dài, chiếc bóng của anh hắt về phía trước. Nàng vặn béc ngọn đèn dầu lớn lên để ánh sáng tỏa ra rộng hơn chung quanh nàng. Nàng ngồi bất động, cuốn sách đặt trên đùi, trong lúc anh đến gần nàng rồi cúi xuống bên nàng như một ông chú.

“Nói chú nghe amidan là cái gì.” Mắt nàng nhìn anh dăm dăm.

“Chú cứ nhớ cái cảnh cháu dùng dùng ra khỏi bệnh viện, theo sau là hai người đàn ông trưởng thành.”

Nàng gật đầu.

“Bệnh nhân của cháu có ở trong ấy không? Chú vào được chứ?”

Nàng lắc đầu, lắc mãi cho đến khi anh lại nói.

“Thế thì ngày mai chú gặp ông ta vậy. Cháu chỉ cần nói cho chú biết chú phải đi đâu. Chú không cần khăn trải giường. Có nhà bếp không? Cuộc hành trình của chú đi tìm cháu lạ ghê lắm.”

Khi anh đã đi xuống hành lang, nàng trở lại cái bàn và ngồi xuống, run rẩy. Nàng cần cái bàn này, cuốn sách đang đọc dở dang này để trấn tĩnh lại. Một người đàn ông nàng quen biết đã đi xe lửa đến tận đây, đã từ làng đi bộ lên dốc bốn dặm rồi đi qua hành lang đến cái bàn này chỉ để gặp nàng. Sau vài phút, nàng bước vào phòng bệnh nhân người Anh và đứng

nhìn ông. Ánh trắng vắt ngang cành lá trên tường. Đây là ánh sáng duy nhất khiến bức trompe l'oeil¹ trông như thật. Nàng có thể hái được đóa hoa kia và cài nó lên áo nàng.

¹ *Bức họa cốt ý vẽ thật giống cảnh thực, khiến hình vẽ nhìn như ba chiều.*

Người đàn ông tên Caravaggio mở tung tất cả cửa sổ trong phòng để anh có thể nghe những tiếng động của đêm. Anh cởi quần áo, nhẹ nhàng xoa lòng bàn tay lên cổ, nằm một lúc trên cái giường không trải khăn. Tiếng cây cối, ánh trăng vỡ thành những con cá màu bạc nhảy nhót trên những chiếc lá cúc tây bên ngoài.

Ánh trăng phủ trên người anh như làn da, như dòng nước. Một giờ sau, anh ở trên mái tòa villa. Trên đỉnh mái, anh nhận ra những phần bị pháo kích dọc theo dốc mái, hai mẫu vườn bị phá hủy và những vườn cây ăn trái bên cạnh tòa villa. Anh ngấm nơi chốn họ đang ở trong nước Ý.

Buổi sáng họ ngập ngừng nói chuyện bên cạnh bồn nước phun.

“Giờ đây cháu ở Ý, cháu nên tìm hiểu thêm về Verdi¹.”

¹ *Giuseppe Verdi (1813 - 1901): nhà soạn nhạc người Ý.*

“Gì cơ?” Nàng ngược nhìn lên trong lúc giặt chăn gối ở bồn nước phun.

Anh nhắc cho nàng nhớ. “Có lần cháu bảo cháu yêu ông ta.” Hana xấu hổ cúi đầu.

Caravaggio đi dạo vòng quanh, ngắm tòa nhà lần đầu tiên, chăm chú nhìn qua hàng hiên đến khu vườn.

“Đúng thế, trước kia cháu yêu ông ta. Cháu thường làm chúng tôi phát điên lên vì tin tức mới của cháu về Giuseppe. Cháu hay nói: một người đàn ông tuyệt vời! Tuyệt nhất về mọi mặt. Chúng tôi phải đồng ý với cháu, cô bé kiêu ngạo mười-sáu-tuổi.”

“Không biết cô ta ra sao rồi.” Nàng trải tấm khăn đã giặt xong lên gờ của bồn nước phun.

“Trước đây cháu là người có một quyết tâm nguy hiểm.”

Nàng bước trên những miếng đá lát, giữa khe đá cỏ mọc đầy. Anh ngắm đôi chân mang vớ đen của nàng, chiếc áo đầm mỏng màu nâu. Nàng ngả người qua lan can.

“Cháu phải thừa nhận rằng, cháu nghĩ cháu đã đến đây vì Verdi. Một điều gì đấy sâu trong tâm trí cháu bắt cháu làm thế. Lúc ấy dĩ nhiên chú đã bỏ đi và cha cháu đã gia nhập cuộc chiến... Chú xem mấy con ưng kìa. Sáng nào bọn nó cũng đến. Mọi thứ khác ở đây đều bị tàn phá, vỡ vụn. Vòi nước duy nhất còn dùng được là vòi phun nước này. Khi bỏ đi, quân Đồng Minh đã gỡ hết ống nước. Họ nghĩ rằng nếu họ làm thế họ sẽ buộc được cháu rời đi.”

“Đáng lẽ cháu nên đi. Họ vẫn còn phải dọn dẹp vùng này. Chỗ nào cũng có bom chưa nổ.”

Nàng đến bên anh và áp những ngón tay lên môi anh.

“Cháu mừng được gặp chú, chú Caravaggio. Không ai khác nữa. Xin chú đừng nói rằng chú đến đây để tìm cách thuyết phục cháu rời đi.”

“Chú muốn tìm một quán rượu nhỏ có máy hát Wurlitzer¹ và uống rượu mà không sợ một quả bom khốn kiếp nào đó sẽ nổ. Nghe Frank Sinatra hát. Mình phải kiếm chút nhạc”, anh nói. “Tốt cho bệnh nhân của cháu.”

¹ *Máy hát tự động, người sử dụng bỏ tiền vào và chọn bài hát.*

“Ông ấy vẫn còn ở châu Phi.”

Anh chăm chú nhìn nàng, đợi nàng nói thêm, nhưng không còn điều gì nữa để nói về bệnh nhân người Anh. Anh lẩm bẩm, “Một số người Anh yêu châu Phi. Một phần bộ óc của họ giống hệt sa mạc. Thế nên ở đây họ không phải là kẻ lạ”.

Anh thấy nàng khẽ gật đầu. Khuôn mặt gầy, tóc cắt ngắn, không có tấm mặt nạ và vẻ bí ẩn của mái tóc dài. Ít nhất nàng có vẻ trầm tĩnh trong vũ

trụ của riêng nàng. Bồn nước phun róc rách phía sau, những con chim ưng, khu vườn hoang tàn của tòa villa.

Có lẽ đây là cách để ra khỏi cuộc chiến, anh nghĩ. Một người đàn ông bị bỏng để chăm sóc, vài tấm khăn để giặt trong bồn nước phun, một căn phòng được vẽ cảnh trí như một khu vườn. Như thế tất cả mọi thứ còn lại là một mảnh của quá khứ, lâu lắm trước khi Verdi hoặc dòng họ Medici ngẫm nghĩ chuyện ban công hoặc cửa sổ, ban đêm giờ cao ngọn nến trước mặt một kiến trúc sư được mời đến - kiến trúc sư giỏi nhất của thế kỷ XV - và yêu cầu một thứ khác, vừa ý hơn, để đóng khung cảnh vật này.

“Nếu chú ở lại thì mình cần thêm thức ăn”, nàng nói. “Cháu có trồng một ít rau, mình có một bao đậu, nhưng mình cần vài con gà.” Nàng nhìn Caravaggio, biết kỹ xảo của anh trong quá khứ, không hẳn nói ra lời.

“Chú không dám nữa”, anh nói.

“Thế thì cháu đi với chú”, Hana đề nghị. “Mình làm chung. Chú có thể dạy cho cháu cách ăn trộm, làm thử cho cháu xem.”

“Cháu không hiểu. Chú không dám nữa.” “Tại sao?”

“Chú từng bị bắt. Suýt nữa là bọn chúng chặt mất hai bàn tay khôn kiếp của chú.”

Ban đêm, đôi khi lúc bệnh nhân người Anh ngủ, hoặc thậm chí sau khi nàng đọc sách một mình bên ngoài cánh cửa phòng của ông một lát, nàng đi tìm Caravaggio. Anh sẽ ở trong vườn, nằm dài trên gờ đá của bồn phun nước nhìn sao trời, hoặc nàng sẽ gặp anh ở một hàng hiên thấp hơn. Anh không thích ở trong nhà ban đêm khi tiết trời đang chớm hè. Hầu như đêm nào anh cũng ở trên mái nhà, cạnh ống khói vỡ, nhưng anh lặng lẽ chuồn xuống khi anh nhìn thấy dáng nàng băng qua hàng hiên tìm anh. Nàng sẽ tìm thấy anh gần pho tượng cụt đầu của một ông bá tước, cần cổ cụt của ông ta là chỗ một con mèo quanh đấy thích ngồi, nghiêm trang và háo hức khi có người xuất hiện. Anh khiến nàng luôn cảm thấy rằng nàng là người tìm ra anh, người đàn ông biết rõ bóng tối,

khi say rượu thường tuyên bố rằng mình được một gia đình chim cú nuôi lớn.

Hai người ở trên một mũi đất, Florence và những ánh đèn của nó phía xa xa. Đôi khi nàng thấy anh như phát cuồng, hoặc anh quá bình tĩnh. Trong ánh sáng ban ngày nàng để ý rõ hơn cách anh di chuyển, để ý hai cánh tay cứng đờ trên hai bàn tay bằng kính, cách anh xoay cả người thay vì chỉ xoay cổ thôi khi nàng chỉ một vật xa phía trên đồi. Nhưng nàng không nói gì với anh về những điều này.

“Bệnh nhân của cháu nghĩ rằng xương con công xay nhuyễn là một thứ thuốc chữa lành vết thương rất hay.”

Anh nhìn lên bầu trời đêm. “Ừ.”

“Lúc ấy có phải chú là điệp viên không?” “Không hẳn thế.”

Anh cảm thấy dễ chịu hơn, có thể ẩn tránh nàng hơn trong khu vườn tối, một ánh đèn dầu lung linh rơi xuống từ phòng người bệnh. “Đôi khi bọn chú được phái đi ăn trộm. Chú là người Ý, cũng là tên trộm. Họ không ngờ họ may mắn đến thế, họ tranh nhau dùng chú. Bọn chú có khoảng bốn, năm người. Chú làm ngon lành trong một thời gian. Rồi chú tình cờ bị chụp hình. Cháu tưởng tượng nổi không?

Chú đang mặc áo đuôi tôm, một bộ đồ vía, để lọt vào buổi họp mặt, một buổi liên hoan, để ăn trộm vài thứ giấy tờ. Thật ra chú vẫn là một tên trộm. Không phải nhà ái quốc vĩ đại. Không phải người anh hùng tuyệt vời. Họ chỉ hợp thức hóa kỹ xảo của chú. Nhưng có một phụ nữ mang máy ảnh, đang chụp hình mấy sĩ quan Đức, và chú bị chụp hình lúc đang băng qua phòng khiêu vũ. Giữa một bước đi, tiếng màn trập của máy ảnh làm đầu chú quay ngoắt về phía tiếng động.

Thế là bỗng nhiên mọi việc trong tương lai trở thành nguy hiểm. Tình nhân của một ông tướng nào đấy.

Tất cả hình chụp trong chiến tranh được chính thức rửa trong những phòng rửa hình của chính phủ, qua kiểm duyệt của Gestapo, vì thế chú đây, rõ ràng không nằm trong bất kỳ danh sách nào, sẽ bị một người

công chức xếp vào hồ sơ khi cuốn phim đến phòng rửa hình ở Milan. Điều ấy có nghĩa là chú phải tìm cách ăn trộm lại cuốn phim.”

Nàng vào xem chừng bệnh nhân người Anh, thân thể đang ngủ của ông có lẽ đang ở xa mãi tận trong sa mạc, đang được một người đàn ông chữa lành, người ấy liên tục nhúng ngón tay mình vào cái chén do hai lòng bàn chân chụm lại, nghiêng về phía trước, đắp lớp bột nhào thắm màu lên khuôn mặt bị bỏng. Nàng hình dung sức nặng của bàn tay ấy trên đôi má mình.

Nàng đi xuống hành lang và trèo vào cái vồng của nàng, đu nó một lần khi nàng rời mặt đất.

Những khoảnh khắc trước giấc ngủ là lúc nàng cảm thấy sống động nhất, nhảy vọt qua những mảnh vụn của ngày, mang mỗi khoảnh khắc theo nàng vào giường như một đứa trẻ mang sách học và bút chì. Một ngày dường như không theo thứ tự nào cho đến lúc này, đối với nàng như một cuốn sổ cái, thân thể nàng ngập tràn những câu chuyện và tình huống. Caravaggio đã cho nàng một điều gì đấy chẳng hạn. Động cơ thúc đẩy anh, một tấn kịch, một hình ảnh bị đánh cắp.

Anh rời buổi liên hoan bằng xe hơi. Chiếc xe lăn bánh lao xạo trên lối đi cong cong trải sỏi dẫn ra ngoài tòa villa, tiếng máy xe rù rù, tĩnh lặng như mực trong đêm hè. Suốt buổi tối còn lại trong cuộc họp mặt ở villa Cosima anh đã nhìn người chụp hình, xoay người đi mỗi khi cô ta giơ máy ảnh về hướng anh để chụp. Bây giờ, anh có thể tránh nó vì anh đã biết sự hiện hữu của nó. Anh tiến vào tầm đối thoại của cô ta, tên cô ta là Anna, người tình của một sĩ quan sẽ qua đêm ở tòa villa rồi sáng mai đi lên hướng bắc xuyên qua vùng Tuscany. Cái chết của người phụ nữ ấy, hoặc sự mất tích đột ngột của cô ta, sẽ chỉ khêu gợi ngờ vực. Thời bấy giờ, chuyện gì bất thường cũng bị điều tra.

Bốn giờ sau, anh mang vợ chạy trên cỏ, ánh trăng vẽ chiếc bóng của anh cuộn mình nép bên dưới. Anh ngừng lại ở lối đi trải sỏi và từ từ đi trên sỏi. Anh ngược nhìn lên villa Cosima, những cửa sổ như những vầng trăng hình vuông. Một cung điện của những người đàn-bà-thời-chiến.

Một ánh đèn pha xe hơi - như phun ra từ một ống nước - rọi sáng căn phòng có anh bên trong, và một lần nữa anh ngưng lại giữa một bước đi, thấy đôi mắt của người phụ nữ chụp hình nhìn anh, một người đàn ông chuyển động trên thân thể cô ta, những ngón tay của hắn lùa trong mái tóc vàng của cô. Anh biết cô ta đã nhìn thấy người đàn ông cô chụp hình trước đấy trong buổi liên hoan đông người, mặc dù bây giờ anh trần truồng, vì anh tình cờ đứng cùng một kiểu, người xoay ngang, kinh ngạc vì ánh đèn phô bày thân thể anh trong bóng tối. Ánh đèn xe quét vào một góc phòng và biến mất.

Rồi bóng tối. Anh không biết có nên di chuyển hay không, cô ta có thì thầm với người đàn ông đang làm tình với cô về nhân vật khác trong phòng hay không. Một tên trộm trần truồng. Một sát thủ trần truồng. Anh có nên đi - hai bàn tay giờ ra sẵn sàng bẻ cổ - về phía cặp nam nữ trên giường?

Anh nghe tiếng làm tình tiếp tục, nghe sự im lặng của người phụ nữ - không có tiếng thì thầm - nghe cô ta đang nghĩ, đôi mắt cô hướng về phía anh trong bóng tối. Đúng ra phải là đang nghĩ ngợi. Óc Caravaggio cân nhắc điểm này, thêm một từ để gợi ý rằng thu thập một ý nghĩ cũng giống như loay hoay với cái xe đạp ráp dở dang. Từ ngữ là chuyện rắc rối, một người bạn của anh đã bảo anh như thế, chúng rắc rối hơn đàn vĩ cầm nhiều. Trong trí, anh nhớ lại mái tóc vàng của người phụ nữ, cài một dải lụa đen.

Anh nghe tiếng chiếc xe quẹo cua và đợi lúc ánh sáng lại đến. Khuôn mặt nổi lên trong bóng tối vẫn như một mũi tên nhắm về phía anh. Luồng sáng chuyển từ mặt cô ta xuống thân hình của ông tướng, rơi trên mặt thảm, rồi lướt qua người Caravaggio một lần nữa. Anh không còn nhìn thấy cô ta. Anh lúc lắc đầu, rồi làm điệu bộ cắt cổ họng. Cái máy ảnh ở trong tay anh để cô ta hiểu. Rồi anh lại ở trong bóng tối. Giờ đây anh nghe tiếng rên lạc thú của cô ta hướng về người tình của cô, và anh biết đấy là sự thỏa thuận của cô với anh. Không một lời, không chút mỉa mai, chỉ là một giao ước với anh, ký hiệu của cảm thông, vì thế anh biết bây giờ anh có thể an toàn đi ra ban công và biến vào màn đêm.

Tìm ra phòng của cô ta thì khó hơn. Anh đã vào tòa villa và âm thầm đi qua những bức bích họa thuộc thế kỷ XVII soi đèn đọc theo những dãy hành lang. Đâu đây có những phòng ngủ như những cái túi đen trong bộ quần áo vàng. Cách duy nhất để anh có thể vượt qua bọn lính gác là tỏ ra vô hại. Anh cởi hết quần áo và bỏ chúng lại trong một bồn hoa.

Anh thông dong đi lên thang lầu đến tầng hai, nơi có bọn lính gác, cúi người để nhạo sự riêng tư nào đó, thế nên mặt anh gần như ngang hông anh, gợi ý cho bọn lính gác rằng anh có một lời mời cho buổi tối ấy, *al fresco*¹, có phải không nhỉ? Hay là quyền rũ kiểu *a cappella*²?

¹ *Ngoài trời.*

² *Kiểu hát không có nhạc cụ đệm theo.*

Một hành lang dài trên tầng ba. Một tên lính gác cạnh thang lầu và một tên cuối hành lang cách đây hai mươi mét, quá xa. Thế nên bây giờ Caravaggio phải trình diễn dáng đi điệu bộ một quãng dài, trong khi hai tên lính canh ở hai đầu hành lang ngắm nghía với vẻ khinh bỉ và sự ngờ vực lặng lẽ, dáng đi mông-và-dương-vật, tạm dừng ở một đoạn tranh tường để chăm chú nhìn hình vẽ một con lừa trong vườn cây. Anh tựa đầu vào tường, gần như thiếp ngủ, rồi lại đi, lảo đảo rồi lập tức thẳng người dậy trong dáng quân hành. Bàn tay trái lác lõng của anh vẩy lên trần nhà vẽ những thiên thần bé con cũng trần truồng như anh, cái vẩy chào của một tên trộm, bản luân vũ ngắn ngủi trong lúc cảnh vẽ trên tường hỗn độn trôi qua, lâu đài, giáo đường màu đen trắng, những vị thánh lơ lửng trên cao, trong ngày thứ Ba này của cuộc chiến, để cứu vãn lớp nguy trang và mạng sống của mình. Caravaggio vui say đi tìm tấm hình của chính mình.

Anh vỗ ngực trần của mình, như thể tìm tấm giấy phép, chụp dương vật của mình và giả vờ dùng nó làm chìa khóa vào căn phòng đang được canh gác. Cười lớn, anh lảo đảo lùi lại, bực mình vì thất bại thảm hại của mình, rồi vừa hát âm ư vừa lén vào căn phòng bên cạnh.

Anh mở cửa sổ và bước ra ban công. Một đêm tối và đẹp. Rồi anh leo ra ngoài ban công và đu người xuống ban công tầng dưới. Chỉ bây giờ anh

mới có thể vào phòng của Anna và ông tướng của cô. Không có gì khác hơn mùi nước hoa quanh họ. Bàn chân không dấu vết. Không hình bóng. Câu chuyện anh đã kể cho đứa con của người nào đấy nhiều năm trước về một người đi tìm chiếc bóng của mình - như anh đang tìm hình ảnh của mình trên một mẫu phim.

Trong phòng, anh lập tức nhận ra chuyện tình dục đang bắt đầu. Hai bàn tay anh lần trong mớ quần áo bị ném lên lưng ghế hoặc thả xuống sàn nhà của cô ta. Anh nằm xuống và lăn trên thảm để lần tìm bất cứ vật gì cứng như một cái máy ảnh, sờ chạm lớp da của căn phòng. Trong im lặng anh lăn người theo hình cánh quạt, không tìm ra vật gì. Thậm chí không có cả một hạt ánh sáng.

Anh đứng dậy và chậm chậm đưa hai cánh tay ra, đụng vào một bộ ngực bằng cẩm thạch. Bàn tay anh lần theo một bàn tay đá - giờ đây anh đã hiểu cách người phụ nữ suy nghĩ - cái máy ảnh mắc ở bàn tay bằng sợi dây đeo của nó. Rồi anh nghe tiếng xe, và đúng lúc anh xoay người, anh bị người phụ nữ nhìn thấy trong tia sáng bất ngờ của đèn xe.

Caravaggio ngắm Hana, đang ngồi đối diện anh, nhìn vào mắt anh, cố đọc được anh, cố đoán dòng suy nghĩ của anh như cách vợ anh thường làm. Anh ngắm nàng đánh hơi anh, tìm dấu vết. Anh vùi dấu vết xuống và nhìn lại nàng, biết rằng đôi mắt anh không tì vết, trong trẻo như bất kỳ dòng sông nào, một phong cảnh không chê trách được. Anh biết người ta lạc lối trong đôi mắt ấy, và anh có thể ẩn náu rất tài tình. Nhưng cô gái ngắm anh với vẻ giấu cợt, nghiêng đầu dò hỏi, như một con chó khi nghe tiếng nói trong giọng hoặc âm vực không phải của loài người. Nàng ngồi đối diện anh trước những bức tường tối, đỏ như máu, màu anh không thích, và với mái tóc đen cùng dáng vẻ ấy, thanh mảnh, làn da nâu màu trái olive vì ánh nắng của xứ sở này, nàng gợi anh nhớ đến vợ anh.

Dạo này anh không nghĩ đến vợ, mặc dù anh biết mình vẫn có thể hình dung tất cả cử động của nàng, diễn tả bất cứ khía cạnh nào của nàng, sức nặng của cổ tay nàng trên trái tim anh trong đêm.

Anh ngồi, hai bàn tay dưới mặt bàn, ngấm cô gái ăn. Anh vẫn thích ăn một mình hơn, dù anh luôn ngồi cùng với Hana trong bữa ăn. Sự hờn hĩnh, anh nghĩ. Sự hờn hĩnh của con người. Qua một khung cửa sổ, nàng đã nhìn thấy anh ăn bốc khi anh ngồi trên một trong ba mươi sáu bậc thang bên giáo đường nhỏ, không dao không nĩa, như anh đang học cách ăn của người phương Đông. Trong bộ râu lởm chởm ngả màu muối tiêu, trong cái áo khoác tối màu của anh, rốt cuộc nàng đã nhìn thấy con người Ý trong anh. Càng lúc nàng càng để ý thấy điều này nhiều hơn.

Anh ngắm hình dáng sẫm màu của nàng nổi trên những bức tường nâu đỏ, làn da của nàng, mái tóc sậm màu cắt ngắn. Trước chiến tranh anh đã biết nàng và cha nàng ở Toronto. Lúc ấy anh là một tên trộm, một người đàn ông có vợ, len lỏi qua thế giới anh lựa chọn với một sự tự tin lười lỉnh, sắc sảo khi lừa bọn nhà giàu, hoặc lấy lòng người vợ Giannetta hoặc với cô bé này, con gái của bạn anh.

Nhưng bây giờ, hầu như không còn thế giới chung quanh họ nữa, và họ buộc phải thu về chính mình. Trong những ngày này, nơi thị trấn vùng đồi gần Florence, ở trong nhà qua những ngày mưa, mơ màng trong chiếc ghế bành êm ái duy nhất trong nhà bếp hoặc trên giường hoặc trên mái nhà, anh không có âm mưu nào để tiến hành, chỉ chăm chú đến Hana. Và nàng dường như đã trói mình vào người đàn ông sắp chết trên lầu.

Trong bữa ăn anh ngồi đối diện cô gái và ngấm nàng ăn.

Nửa năm trước, qua cửa sổ cuối dãy hành lang dài trong bệnh viện Santa Chiara ở Pisa, Hana có thể nhìn thấy một con sư tử trắng. Nó đứng một mình trên đỉnh ổ châu mai, cùng màu cẩm thạch trắng với Duomo¹ và Camposanto², mặc dù vẻ thô thiển và hình dáng ngây ngô của nó dường như thuộc về một thời đại khác. Như món quà tặng của quá khứ phải được nhận lãnh. Dầu vậy, nàng thích nó nhất trong số những vật chung quanh bệnh viện. Lúc nửa đêm nàng sẽ nhìn qua cửa sổ và biết rằng nó đứng trong vùng bóng tối lúc đèn tắt vào giờ giới nghiêm, rằng giống như nàng, nó sẽ hiện ra vào ca sáng. Nàng sẽ ngược nhìn lên lúc năm giờ hoặc năm rưỡi, rồi lúc sáu giờ, để thấy hình dáng nó dần dần trở nên chi tiết hơn. Nó là tên lính canh mỗi đêm của nàng trong lúc nàng di chuyển

giữa những bệnh nhân. Ngay trong giai đoạn bị pháo kích, quân đội vẫn để mặc nó ở đấy, quan tâm nhiều hơn đến những phần khác của khu nhà tuyệt đẹp này - với lý lẽ điên rồ của ngọn tháp nghiêng như một người bị sốc bom đạn.

¹ *Giáo đường.*

² *Nghĩa trang.*

Những tòa nhà bệnh viện của họ nằm trong khu đất của một tu viện cổ. Đám cây cảnh được những nhà tu quá cẩn thận tỉa xén hàng ngàn năm không còn khép mình trong những dạng thú vật dễ nhận diện, và ban ngày các y tá đẩy xe đưa bệnh nhân qua lại giữa những hình dáng đã mất. Đường như chỉ có đá trắng là vĩnh cửu.

Các y tá cũng bị sốc vì những người chết chung quanh họ. Hoặc vì một vật nhỏ như lá thư. Họ sẽ mang một cánh tay bị cắt lìa đi trong hành lang, hoặc lau máu không hề ngưng chảy, như thể vết thương là một miệng giếng, và họ bắt đầu không tin bất cứ điều gì, không kỳ vọng bất cứ điều gì. Họ vỡ ra theo cách một người đàn ông gỡ mình vỡ ra vào giây phút chỗ anh ta bùng nổ. Cảm giác đó Hana cũng từng trải qua trong bệnh viện Santa Chiara khi một viên chức đi xuống khoảng trống giữa một trăm giường bệnh và đưa cho nàng lá thư báo tử của cha nàng.

Một con sư tử trắng.

Một thời gian sau nàng gặp bệnh nhân người Anh - người trông như một con thú bị bồng, đen đúa và cứng đờ, đối với nàng như một hồ nước. Nhiều tháng sau, ông là bệnh nhân cuối cùng của nàng ở villa San Girolamo, cuộc chiến của họ đã chấm dứt, cả hai từ chối không theo những người khác trở về nơi an toàn trong những bệnh viện ở Pisa. Tất cả hải cảng, như Sorrento và Marina di Pisa, bây giờ tràn ngập lính Bắc Mỹ và lính Anh đang đợi trở về nước. Nhưng nàng giặt bộ đồng phục của mình, gấp nó lại và trao cho những cô y tá đang rời đi. Người ta bảo nàng ở nơi khác cuộc chiến chưa kết thúc. Cuộc chiến đã chấm dứt. Cuộc chiến này đã chấm dứt. Cuộc chiến ở đây. Người ta nói làm như thế cũng giống như đào ngũ. Không phải là đào ngũ. Tôi sẽ ở lại đây. Người ta cảnh cáo

nàng về những trái mìn chưa được thu dọn, tình trạng thiếu nước và thức ăn. Nàng lên lầu, đến bên người đàn ông bị bỏng, bệnh nhân người Anh, và bảo ông nàng cũng ở lại.

Ông không nói gì, thậm chí không thể quay đầu về phía nàng, nhưng những ngón tay ông luồn vào trong bàn tay trắng trẻo của nàng, và khi nàng cúi xuống bên ông, ông lùa những ngón tay đen đúa vào tóc nàng và cảm nhận mớ tóc mát lạnh giữa những kẽ tay ông.

Cô bao nhiêu tuổi? Hai mươi.

Ông nói có một ông quận công khi sắp chết muốn được mang lên nửa chùng ngọn tháp ở Pisa để khi chết ông có thể nhìn thấy tầm xa trung bình.

Một người bạn của cha tôi muốn chết trong lúc khiêu vũ kiểu Thượng Hải. Tôi không biết đấy là cái gì. Ông ấy cũng mới nghe đến nó thôi.

Cha cô làm nghề gì?

Ông ấy... ông ấy ở trong cuộc chiến. Cô cũng ở trong cuộc chiến.

Nàng không biết gì về ông. Thậm chí sau khoảng một tháng chăm sóc cho ông và chia cho ông những mũi morphine. Thoạt tiên có một nỗi e thẹn trong cả hai người, càng rõ rệt hơn vì bây giờ chỉ còn hai người trong nhà. Thế rồi họ đột nhiên vượt qua nỗi e thẹn ấy. Những bệnh nhân và bác sĩ và y tá và dụng cụ và khăn trải và khăn lau - tất cả đã trở lại xuống đồi vào Florence rồi đến Pisa. Nàng đã để dành thuốc codeine cũng như morphine. Nàng nhìn những chuyến đi, đoàn xe tải nối đuôi nhau. Tạm biệt. Từ cửa sổ phòng ông nàng vẫy tay, khép lại cánh cửa chớp.

Phía sau tòa villa là bức tường đá cao hơn căn nhà. Phía tây của tòa nhà là một khu vườn dài có tường và mái che, và cách đấy hai mươi dặm là thành phố Florence trải ra như tấm thảm, thường biến mất trong màn sương mù của thung lũng. Nghe đồn một ông tướng ở tòa villa Medici cổ xưa bên cạnh đã từng ăn một con chim sơn ca.

Villa San Girolamo, được xây để bảo vệ những người trong nhà tránh ma quỷ, trông như một pháo đài bị vây hãm, chân tay của hầu hết các pho tượng đã bị nổ văng đi trong những ngày pháo kích đầu tiên. Dường như không có bao nhiêu cách biệt giữa căn nhà và cảnh vật, giữa kiến trúc hư hại và những tàn tích trên mặt đất bị pháo kích và thiêu đốt. Đối với Hana, những khu vườn hoang cũng như những căn phòng phía xa. Nàng trồng trọt trong khoảng đất bên rìa những khu vườn, vẫn biết có những trái mìn chưa nổ trong đất. Trong khoảng đất thịt bên cạnh nhà, nàng bắt đầu làm vườn với sự cuồng nhiệt chỉ một người lớn lên ở thành thị mới có được. Dù cho mặt đất bị thiêu cháy, dù cho thiếu nước. Một ngày kia sẽ có lùm cây chanh, những căn phòng sáng màu lá xanh.

Caravaggio vào bếp và thấy Hana đang ngồi khom người xuống bàn. Anh không thể nhìn thấy khuôn mặt nàng hoặc hai cánh tay nàng xếp lại dưới thân mình, chỉ thấy tấm lưng và hai vai trần.

Nàng không bắt động hoặc đang ngủ. Với mỗi nhịp thốn thức đầu nàng rung rung trên bàn.

Caravaggio đứng đấy. Người ta mất nhiều năng lượng khi khóc hơn là khi làm những việc khác. Chưa đến bình minh. Khuôn mặt nàng nổi lên trên mặt bàn gỗ thẫm màu.

“Hana”, anh nói, và nàng yên lại như thể nàng có thể ngụy trang bằng yên lặng.

“Hana.”

Nàng bắt đầu rên lên để âm thanh ấy trở thành rào cản giữa họ, dòng sông không ai có thể vượt qua để đến bên nàng.

Thoạt tiên anh không biết có nên chạm vào tấm thân trần của nàng hay không, nói “Hana” rồi đặt bàn tay băng kín của anh lên vai nàng. Nàng vẫn run rẩy. Nỗi buồn sâu đậm nhất, anh nghĩ. Nơi cách duy nhất để tồn tại là đào xới lên tất cả.

Nàng nhồm dậy, vẫn cúi đầu, rồi đứng lên tựa người vào anh như thể đang tự kéo mình khỏi sức hút của cái bàn.

“Đừng đụng vào cháu nếu chú định tìm cách làm tình với cháu.”

Làn da nàng trắng xanh sau lớp váy, y phục duy nhất nàng mặc trong nhà bếp này, như thể nàng đã ngủ dậy, khoác quần áo qua loa rồi ra đây, không khí mát mẻ từ những ngọn đèn vào qua cánh cửa bếp và choàng lên người nàng.

Khuôn mặt nàng đỏ và ướt. “Hana.”

“Chú có hiểu không?”

“Tại sao cháu mến mộ ông ấy quá thế?” “Cháu yêu ông ấy.”

“Cháu không yêu ông ấy, cháu mến mộ ông ấy.” “Chú đi đi, Caravaggio. Cháu xin chú.”

“Vì một lý do nào đấy cháu đã tự buộc mình vào một xác chết.”

“Ông ấy là một vị thánh. Cháu nghĩ thế. Một vị thánh tuyệt vọng. Có những vị thánh tuyệt vọng không nhỉ? Ước vọng của chúng ta là bảo vệ họ.”

“Ông ấy thậm chí cũng không cần biết!” “Cháu có thể yêu ông ấy.”

“Một cô gái hai mươi tuổi ném mình ra khỏi thế giới để yêu một bóng ma!”

Caravaggio ngưng lại một thoáng. “Cháu phải bảo vệ chính mình chống lại nỗi buồn. Nỗi buồn rất gần với sự căm ghét. Để chú nói cho cháu nghe điều này. Đây là điều chú học được. Nếu cháu uống thuốc độc của người khác - nghĩ rằng có thể chữa lành họ bằng cách chia bớt thuốc độc - thay vì chữa được cho họ cháu sẽ chất chứa nó trong người cháu. Những người đàn ông trong sa mạc, họ khôn ngoan hơn cháu. Họ cho rằng ông ta có thể là hữu dụng. Vì thế họ cứu ông ta, nhưng khi ông ta không còn hữu dụng nữa, họ rời bỏ ông ta.”

“Để cho cháu yên.”

Khi nàng chỉ có một mình, nàng sẽ ngồi, nhận thức được mối dây thần kinh ở cổ chân nàng, ẩm ướt vì lớp cỏ cao trong vườn cây ăn trái. Nàng lột vỏ một trái mận nàng tìm được trong vườn và mang theo trong túi áo đầm bằng vải đậm màu của nàng. Khi nàng một mình, nàng thử tưởng tượng xem ai sẽ đến theo con đường cổ xưa dưới tàng lá xanh của mười tám cây bách.

Khi ông người Anh thức, nàng cúi xuống người ông và đặt một phần ba trái mận vào miệng ông. Miệng ông há ra giữ lấy nó như giữ nước, quai hàm không cử động. Ông có vẻ như sắp khóc vì lạc thú này. Nàng có thể cảm thấy ông đang nuốt trái mận xuống.

Ông giơ tay lên chùi những giọt mận cuối cùng trên môi lưỡi ông không liếm đến, rồi đặt ngón tay vào miệng mút. Để tôi kể cho cô nghe về mận, ông nói. Lúc tôi còn bé...

Sau những đêm đầu tiên, sau khi hầu hết giường đã bị dùng làm củ đốt cho đỡ lạnh, nàng đã lấy cái văng của một người đàn ông đã chết và bắt đầu sử dụng nó. Nàng sẽ đóng cọc vào bất cứ vách tường nào nàng muốn, bất cứ phòng nào nàng muốn thức dậy trong ấy, lơ lửng trên tất cả sự bắn thủ và thuốc nổ và nước trên sàn nhà, lũ chuột cống bắt đầu xuất hiện, xuống từ tầng ba. Mỗi đêm nàng leo vào chiếc bóng mờ màu khaki của cái văng nàng đã lấy của một người lính đã chết, một người chết trong sự chăm sóc của nàng.

Đôi giày tennis và cái văng. Đây là những gì nàng lấy của người khác trong cuộc chiến này. Nàng sẽ thức giấc dưới vạt trắng lướt qua trên trần nhà, quần mình trong cái áo sơ mi cũ nàng mặc khi ngủ, chiếc áo đầm của nàng treo trên cái đinh cạnh cửa. Bây giờ trời ấm hơn, nàng có thể ngủ như thế này. Trước kia, trời lạnh, họ phải đốt đồ vật.

Cái văng và đôi giày của nàng và áo đầm của nàng. Nàng yên ổn trong thế giới thu nhỏ nàng đã tạo dựng; hai người đàn ông dường như là hai tinh cầu xa xôi, mỗi người ở trong một vầng ký ức và cô đơn của riêng họ. Caravaggio, người bạn thích giao du của cha nàng ở Canada, ngày ấy có khả năng đứng yên mà vẫn gây sóng gió trong đoàn phụ nữ anh dường như đã cống hiến cuộc đời cho. Bây giờ anh nằm trong bóng tối của mình.

Anh đã từng là một tên trộm không chịu làm việc với đàn ông, vì anh không tin cậy họ, anh nói chuyện với đàn ông nhưng thích nói chuyện với phụ nữ hơn, và khi anh bắt đầu nói chuyện với phụ nữ anh sẽ bị vướng vào lưới tình rất nhanh. Khi nàng lớn về nhà buổi sáng sớm, nàng sẽ gặp anh nằm ngủ trên ghế bành của cha nàng, mệt nhoài vì những vụ trộm trong nghề nghiệp cũng như riêng tư.

Nàng nghĩ về Caravaggio - có những người mà bạn phải ôm chặt lấy, bằng cách này hay cách khác, phải cắn vào sớ thịt, để giữ tỉnh táo khi bên họ. Bạn phải túm tóc họ, nắm chặt nó như người sắp chết đuối để họ kéo bạn vào giữa họ. Nếu không, khi họ bước thông dong trên đường về phía bạn, gần như sắp vẫy tay, họ sẽ vọt qua tường rồi biến mất trong nhiều tháng. Lúc anh là ông chú, anh là người hay biến mất.

Caravaggio sẽ khiến bạn xao lòng chỉ đơn giản bằng cách ôm choàng bạn vào trong hai cánh tay, đôi cánh của anh. Với anh, bạn sẽ luôn có cảm giác được che chở. Nhưng bây giờ anh nằm trong bóng tối, cũng như nàng, ở một góc xa nào đấy của căn nhà. Caravaggio ở đấy. Và ông người Anh ở đấy.

Suốt cuộc chiến, với những bệnh nhân trong tình trạng tệ nhất, nàng tồn tại được bằng cách ẩn giấu một sự lạnh lùng trong vai trò y tá của nàng. Mình sẽ vượt qua. Mình sẽ không sụp đổ vì chuyện này. Đây là những câu được chôn kín trong suốt cuộc chiến của nàng, qua những thị trấn họ âm thầm đến và xuyên qua, Urbino, Anghiari, Monterchi, cho đến khi họ vào Florence, rồi đi xa hơn, và cuối cùng đến một đại dương khác gần Pisa.

Nàng đã nhìn thấy bệnh nhân người Anh trong bệnh viện Pisa lần đầu tiên. Một người đàn ông không có khuôn mặt. Một cái hồ màu gỗ mun. Tất cả mọi thứ để nhận diện đã bị hủy hoại trong một đám cháy. Nhiều phần thân thể và khuôn mặt bị bỏng của ông đã được phun acid tannic, chất acid cứng lại thành lớp vỏ bảo vệ làn da lột của ông. Quanh mắt ông phủ một lớp thuốc tím dày. Không còn gì trên cơ thể ông còn lành lặn.

Đôi khi nàng gom nhiều tấm chăn, nằm bên dưới chúng, thích sức nặng của chúng hơn là hơi ẩm chúng mang lại. Khi ánh trăng lướt trên trần

nhà, nó đánh thức nàng, và nàng nằm trên võng, tâm trí lan man. Nàng khám phá ra rằng nghỉ ngơi thay vì ngủ là một trạng thái thật sự dễ chịu. Nếu nàng là một người viết, nàng sẽ gom bút chì và sổ tay và con mèo ưa thích rồi viết trên giường. Kể lạ cũng như người tình sẽ không bao giờ qua được cánh cửa khóa.

Nghỉ ngơi là nhận lấy tất cả sắc thái của thế giới, không phán đoán. Tắm ở biển, làm tình với một người lính chẳng hề biết tên bạn. Niềm dịu dàng đối với những thứ không biết và không tên, cũng là niềm dịu dàng với bản thân.

Hai chân nàng cử động dưới sức nặng của những tấm chăn quân đội. Nàng bơi trong lớp len như bệnh nhân người Anh chuyển động trong lá nhau bằng vải của ông.

Điều nàng thiếu thốn ở đây là buổi hoàng hôn thông thả, tiếng những cây cối quen thuộc. Suốt thời niên thiếu ở Toronto nàng đã học cách đọc một đêm hè. Đây là nơi nàng có thể là chính mình, nằm trên giường, nửa mê nửa tỉnh bước ra cầu thang cứu hỏa với con mèo ôm trong tay.

Trong thời thơ ấu, Caravaggio là lớp học của nàng. Anh đã dạy nàng nhào lộn. Giờ đây, hai tay luôn đút túi, anh chỉ ra dấu bằng vai. Ai biết được cuộc chiến đã buộc anh phải sống ở xứ sở nào. Nàng được huấn luyện ở bệnh viện Đại học Nữ rồi được gửi ra ngoại quốc trong cuộc tấn công Sicily. Đây là năm 1943. Sư đoàn Bộ binh Thứ nhất của Canada tiến lên phía bắc Ý, những thân thể bị tàn phá được gửi về các bệnh viện dã chiến như bùn đất người đào hầm chuyển ngược lại trong bóng tối. Sau trận chiến Arezzo, khi đợt quân đầu tiên lùi lại, thương binh của trận chiến bao quanh nàng ngày đêm. Sau ba ngày liền không nghỉ, cuối cùng nàng nằm xuống trên sàn nhà cạnh một tấm nệm có người nằm chết và ngủ mười hai tiếng, nhắm mắt với mọi sự trên thế gian.

Khi nàng tỉnh giấc, nàng lấy một cây kéo trong cái tô sứ, khom người và cắt tóc mình, không cần biết chiều dài hay dáng vẻ, chỉ cắt nó đi - trong trí nàng vẫn còn nổi khó chịu vì mái tóc trong những ngày trước đây - khi nàng cúi xuống và tóc nàng chạm vào máu trong một vết thương. Sẽ không còn thứ gì nổi lên hoặc ràng buộc nàng với cái chết. Nàng nằm

những sợi tóc còn lại để chắc chắn không còn lộn tóc dài nào, rồi một lần nữa quay lại đối diện những căn phòng ngập người bị thương.

Nàng không bao giờ soi gương nữa. Khi cuộc chiến khốc liệt hơn, nàng nhận được tin về những người nàng từng biết, rằng họ đã chết ra sao. Nàng sợ một ngày kia nàng sẽ lau máu trên mặt một bệnh nhân và nhận ra đó là cha nàng hoặc một người từng trao thức ăn cho nàng qua một quầy hàng ở đại lộ Danforth. Nàng trở nên gay gắt với chính mình, với bệnh nhân. Lẽ phải là điều duy nhất có thể cứu họ, và lẽ phải không còn nữa. Hàn thử biểu máu chuyển lên hướng bắc của xứ sở. Giờ đây Toronto là cái gì và ở đâu trong trí nàng? Đây là một tấn kịch opera bất trắc. Con người trở nên chai đá với những người chung quanh họ - quân lính, bác sĩ, y tá, thường dân. Hana cúi gập hơn những vết thương nàng chăm sóc, miệng nàng thì thảo với những người lính.

Ai nàng cũng gọi là “Bạn”, và cười bài hát có câu:

Mỗi lần tôi tình cờ gặp Franklin D. Ông luôn nói “Chào Bạn” với tôi¹.

¹ Trích *Tôi không thể bắt đầu (I can't get started)* của Ira Gershwin và Vernon Duke.

Nàng lau những cánh tay không ngừng chảy máu. Nàng lấy ra nhiều miếng đạn đến nỗi nàng cảm thấy nàng đã vận chuyển cả tấn kim loại ra ngoài thân thể khổng lồ của con người nàng chăm sóc trong lúc đoàn quân đi về phía bắc. Một đêm, khi một trong những bệnh nhân chết đi, nàng bất chấp tất cả luật lệ, lấy đôi giày tennis anh ta đem theo trong ba lô mang vào chân mình. Nó hơi lớn đối với nàng nhưng nàng thấy dễ chịu.

Khuôn mặt nàng gầy hơn, răn rỏi hơn, khuôn mặt sau này Caravaggio sẽ gặp. Nàng gầy ốm, phần nhiều là vì mệt mỏi. Lúc nào nàng cũng đói, và nhận ra rằng nàng mệt mỏi đến phát cáu nếu nàng cho bệnh nhân ăn mà bệnh nhân ấy không ăn được hoặc không muốn ăn. Nàng nhìn bánh mì vỡ vụn, súp nguội dần, những món nàng thêm được nuốt chửng. Nàng không muốn thức gì lạ, chỉ là bánh mì, thịt. Một trong những thị trấn có khu làm bánh mì gắn liền với bệnh viện, và trong lúc rảnh rỗi nàng đi qua lại giữa những lò bánh, hít thở đám bụi và lời hứa hẹn thức

ăn. Sau đó, khi họ ở phía đông của Rome, có người tặng nàng một đóa hoa hướng dương.

Nàng thấy lạ khi ngủ trong thánh đường, hoặc tu viện, hoặc bất cứ nơi nào người bị thương trú lại, vẫn di chuyển lên phía bắc. Nàng gỡ lá cờ nhỏ bằng bìa cứng ra khỏi chân giường khi có ai chết, để những người hộ lý liếc nhìn từ xa cũng biết. Rồi nàng sẽ rời tòa nhà bằng đá dày và bước ra ngoài, vào mùa xuân hoặc đông hoặc hè, những tiết mùa dường như đã cổ lỗ, ngồi như những ông già suốt cuộc chiến.

Nàng sẽ bước ra ngoài bất kể thời tiết. Nàng muốn khí trời không có mùi con người, muốn ánh trăng cho dù nó đến cùng mưa bão.

Chào Bạn, tạm biệt Bạn. Sự chăm sóc thật ngắn ngủi. Hợp đồng chỉ có hạn đến cái chết. Không có điều gì trong linh hồn hoặc quá khứ của nàng dạy cho nàng biết làm y tá là như thế nào. Nhưng cắt đi mái tóc của nàng là một hợp đồng, và nó có hiệu lực cho đến khi họ đóng quân ở villa San Girolamo ở phía bắc Florence. Ở đấy có bốn y tá khác, hai bác sĩ, một trăm bệnh nhân. Cuộc chiến ở Ý đã di chuyển xa hơn lên phía bắc và họ là những người ở lại.

Thế rồi, trong cuộc ăn mừng một chiến thắng địa phương nào đấy, vẫn nhuốm vẻ u buồn trong thị trấn vùng đồi này, nàng nói nàng sẽ không về lại Florence hoặc Rome hoặc bệnh viện nào khác, cuộc chiến của nàng đã kết thúc. Nàng sẽ ở lại với một người bị bỏng họ gọi là “bệnh nhân người Anh”, bây giờ nàng nhận ra họ không nên di chuyển ông vì chân tay ông quá yếu. Nàng sẽ đắp cây cà được lên mắt ông, rửa nước muối cho những vết sẹo và những vết bỏng nặng. Người ta bảo nàng bệnh viện không an toàn - tu viện nữ từng là phòng tuyến của quân Đức trong nhiều tháng, mục tiêu để quân Đồng Minh bắn đạn pháo và pháo sáng. Người ta sẽ không để lại thứ gì cho nàng, bọn cướp sẽ không để nàng yên. Nàng vẫn không chịu đi, cởi bộ đồng phục y tá, lấy cái áo đầm màu nâu in hoa nàng đem theo bao nhiêu tháng trường, mặc chiếc áo ấy và mang đôi giày tennis. Nàng rời bỏ cuộc chiến. Nàng đã chuyển dịch tới lui theo ý họ. Nàng sẽ ngồi trong tòa villa này với ông người Anh cho đến khi những bà sơ đòi lại chỗ. Ông có một điều gì đấy nàng muốn hiểu rõ, hòa nhập vào, ẩn mình bên trong, nơi nàng có thể chối bỏ vai trò một người

trưởng thành. Có một điệu luân vũ nho nhỏ trong cách ông nói với nàng và cách ông suy nghĩ. Nàng muốn cứu ông, người đàn ông không tên, gần như không có khuôn mặt, một trong khoảng hai trăm người được giao cho nàng chăm sóc trong cuộc bắc tiến.

Trong cái áo đầm in hoa, nàng rời buổi liên hoan. Nàng vào căn phòng nàng ở chung với những y tá khác và ngồi xuống. Trong lúc nàng ngồi đấy, một vật lấp lánh chiếu vào mắt nàng, và nàng nhìn thấy một cái gương tròn nhỏ. Nàng chậm chạp đứng dậy và đến bên cái gương. Nó bé xíu, dù vậy dường như là một vật xa xỉ. Nàng đã không chịu soi gương hơn một năm, chỉ thỉnh thoảng nhìn bóng mình trên tường. Chiếc gương chỉ soi được một bên má nàng, nàng phải đưa nó ra xa một tầm tay, bàn tay nàng run run. Nàng ngắm chân dung nhỏ bé của mình tựa như lồng trong một cây trâm cột tóc. Nàng đấy. Ngoài cửa sổ là tiếng bệnh nhân, ngồi trong ghế của họ, được mang ra sưởi nắng, reo cười cùng nhân viên bệnh viện. Trong nhà chỉ còn những người bệnh nặng. Nàng mỉm cười với ý nghĩ đó. Chào Bạn, nàng nói. Nàng chăm chú nhìn dáng vẻ của mình, cố tự nhận diện.

Giữa Hana và Caravaggio là bóng tối khi họ đi dạo trong vườn. Giờ đây anh bắt đầu nói bằng giọng kéo dài chậm rãi quen thuộc.

“Đấy là một buổi liên hoan sinh nhật của ai đó vào đêm khuya trên đại lộ Danforth. Tiệm ăn Loài Bò Sát Đêm. Cháu có nhớ không, Hana? Mỗi người phải đứng lên ca một bài. Cha cháu, chú, Giannetta, bạn bè, rồi cháu nói cháu cũng muốn hát - lần đầu tiên. Lúc ấy cháu còn đi học, cháu học được bài hát ấy trong lớp Pháp ngữ.

Cháu trình trọng đứng trên băng ghế rồi bước một bước lên cái bàn gỗ, giữa những cái đĩa và những ngọn nến đang cháy.

‘Alonson fon!’¹

¹ *Allons enfants: trích bài La Marseillaise, quốc ca Pháp.*

Cháu hát to lên, tay trái của cháu đặt lên trái tim mình.

Alonson fon! Có đến nửa số người ở đây chẳng biết cháu đang hát cái quái gì, và có lẽ cháu không biết chính xác ý nghĩa lời hát, nhưng cháu biết bài hát nói về cái gì.

Làn gió nhẹ từ cửa sổ lay động váy đầm của cháu, khiến nó suýt chạm vào một ngọn nến, trong quán hai cổ chân cháu dường như màu trắng trong. Mắt cha cháu ngược nhìn cháu, kỳ diệu trong ngôn ngữ mới này, lòng nhiệt tâm tuôn ra thật rõ ràng, toàn bích, không ngần ngại, những ngọn nến chao đi, tưởng như chạm vào áo đầm của cháu. Cuối bài hát, chúng tôi đứng lên, cháu bước xuống bàn vào vòng tay của cha cháu.”

“Cháu sẽ tháo lớp băng bọc tay chú. Cháu là y tá, chú biết đấy.”

“Chú thấy lớp băng dễ chịu. Như lớp găng tay.” “Chuyện này xảy ra như thế nào.”

“Chú bị bắt khi đang nhảy xuống từ cửa sổ phòng của một phụ nữ. Người phụ nữ chú kể cho cháu nghe, người chụp hình chú. Không phải là lỗi của cô ta.”

Nàng ghì chặt cánh tay anh, nắn bóp bắp thịt. “Để cháu làm.” Nàng kéo hai bàn tay băng bó của anh ra khỏi túi áo khoác anh đang mặc. Nàng đã từng nhìn thấy chúng, màu xám trong ánh sáng ban ngày, nhưng trong ánh sáng này chúng gần như rực lên.

Khi nàng nói lỏng lớp băng, anh bước lùi lại, lớp băng trắng tuôn ra từ hai cánh tay như thể anh là nhà ảo thuật, cho đến khi anh không còn mảnh băng nào nữa. Nàng bước về phía ông chú thời thơ ấu, thấy mắt anh hy vọng gặp mắt nàng để hoãn lại điều này, vì thế nàng chỉ nhìn mắt anh thôi.

Hai tay anh chụm lại như một cái chén bằng da thịt người. Nàng với tay nắm lấy chúng khi mặt nàng ngược lên má anh, rồi dụi vào cổ anh. Tay anh trong tay nàng có vẻ chắc chắn, đã lành hẳn.

“Thú thực với cháu là chú phải thương lượng để chúng thôi cắt xẻo chú.”

“Chú làm thế nào?”

“Tất cả tài năng chú có trước kia.”

“Ồ, cháu nhớ rồi. Đừng, chú đừng cử động. Chú đừng dang ra.”

“Kết thúc của một cuộc chiến quả là khoảng thời gian lạ lùng.”

“Vâng. Một giai đoạn điều chỉnh.” “Đúng.”

Anh giơ hai tay lên như để hứng lấy vầng trăng thượng tuần.

“Chúng cắt cả hai ngón tay cái, Hana ạ. Xem này.”

Anh giơ hai bàn tay ra trước mặt nàng. Cho nàng thấy trực tiếp điều nàng đã thoáng nhìn thấy. Anh ngửa một bàn tay lên như chứng tỏ đây không phải là trò bịp, rằng chỗ nhìn giống như một cái mang cá là nơi ngón tay cái đã bị cắt đi. Anh đưa bàn tay đến áo nàng.

Nàng cảm thấy lớp vải ở khoảng dưới vai nàng bị nâng lên khi anh dùng hai ngón tay nhắc và kéo nhẹ nó về phía anh.

“Chú sờ vải như thế này đây.”

“Khi còn nhỏ cháu vẫn nghĩ chú như là Scarlet Pimpernel¹, và cháu đã nằm mơ được bước lên những mái nhà ban đêm cùng với chú. Chú về nhà với những món ăn nguội trong túi áo, hộp bút chì, bản nhạc từ một cây đàn dương cầm trong khu Forest Hill² cho cháu.”

¹ Người hùng giấu mặt trong vở kịch và truyện của nữ Nam tước Emmuska Orczy.

² Một khu nhà sang trọng thuộc trung tâm Toronto, Canada.

Nàng nói với bóng tối của khuôn mặt anh, một bóng lá lướt ngang miệng anh như lớp ren của một người phụ nữ giàu có. “Chú thích đàn bà, phải không? Chú đã thích họ.”

“Chú thích họ. Tại sao cháu dùng thì quá khứ?”

“Chuyện ấy bây giờ dường như không quan trọng, vì cuộc chiến và những thứ đại loại như thế.”

Anh gạt đầu và bóng lá trượt khỏi anh.

“Chú vẫn thường như những nghệ sĩ chỉ vẽ về đêm, một ngọn đèn sáng duy nhất trên con đường nhà họ. Như những người bắt giun buộc lon cà phê cũ vào cổ chân, ánh đèn trên mũ hắt xuống mặt cỏ. Khắp các công viên thành phố.

Chú dẫn cháu đến chỗ ấy, quán cà phê chỗ họ bán giun. Chú nói chỗ ấy giống như thị trường chứng khoán, giá giun lên xuống liên tục, năm xu, mười xu. Người ta bị phá sản hoặc làm giàu. Chú nhớ không?”

“Nhớ.”

“Trời đang trở lạnh, chú đi về với cháu nhé.”

“Những tên móc túi lỗi lạc, bẩm sinh đã có ngón tay thứ hai và thứ ba dài gần như nhau. Họ không cần thò tay quá sâu vào túi. Khoảng cách chỉ hơn một phân mà thật xa vời!”

Họ đi dưới hàng cây về phía căn nhà. “Ai đã làm chú như thế?”

“Chúng tìm ra một người phụ nữ để làm chuyện ấy. Chúng nghĩ như thế sẽ gọn gàng hơn. Chúng đưa một y tá của chúng vào. Hai cổ tay chú bị còng vào chân bàn. Khi chúng cắt đi hai ngón cái, hai tay chú tuột ra khỏi còng không cần chút sức lực. Như ước nguyện trong cơn mơ. Nhưng gã đàn ông gọi cô ta vào, hẳn thật sự có quyền - hẳn là đầu sỏ. Ranuccio Tommasoni. Cô ta là người vô tội, không biết gì về chú, tên tuổi hoặc quốc tịch hoặc chú có thể đã từng làm gì.”

Khi họ vào trong nhà, bệnh nhân người Anh đang la hét. Hana buông Caravaggio và anh nhìn nàng chạy lên thang lầu, đôi giày tennis của nàng ẩn hiện trong lúc nàng lên cao và xoay vòng theo lan can.

Tiếng hét tràn ngập hành lang. Caravaggio vào bếp, bẻ một khúc bánh mì rồi theo Hana lên lầu. Khi anh đến gần căn phòng, tiếng hét trở nên cuồng quýt hơn. Lúc anh bước vào căn phòng ngủ, ông người Anh đang nhìn chăm chăm một con chó - đầu nó ngửa ra sau như kinh ngạc vì tiếng hét. Hana nhìn sang Caravaggio và nhoẻn cười.

“Đã bao nhiêu năm cháu không thấy con chó nào. Suốt cuộc chiến cháu không thấy một con chó nào.”

Nàng cúi người ôm con vật, ngửi lông nó và mùi cỏ trên đồi trong ấy. Nàng hướng con chó về phía Caravaggio, anh đang giơ phần đuôi bánh mì cho nó. Lúc ấy ông người Anh trông thấy Caravaggio và há hốc miệng. Chắc hẳn đối với ông dường như con chó - giờ đây khuất sau lưng Hana - đã biến thành một người đàn ông. Caravaggio ôm con chó trong hai cánh tay và rời phòng.

Tôi nghĩ, bệnh nhân người Anh nói, rằng phòng này phải là phòng của Poliziano¹. Tòa villa chúng ta đang ở hẳn phải là của ông ấy. Nước quả thật chảy ra từ trong bức tường kia, từ vòi phun nước cổ xưa ấy. Đây là một căn phòng nổi tiếng. Tất cả bọn họ đã gặp gỡ ở đây.

¹ Tên thật là *Angelo Ambrogini*, học giả và nhà thơ.

Nó đã là bệnh viện, nàng bình thản nói. Trước đấy lâu lắm nó là một tu viện nữ. Rồi quân lính chiếm lấy nó.

Tôi nghĩ đây là villa Bruscoli. Poliziano - một người tài ba được Lorenzo¹ bảo trợ. Tôi đang nói đến năm 1483. Ở Florence, trong nhà thờ Santa Trinità, cô có thể thấy tranh họa dòng họ Medici với Poliziano ở cận cảnh, mặc một cái áo choàng đỏ. Một người lồi lạc, ghê gớm. Một thiên tài phấn đấu để lọt vào giới thượng lưu.

¹ *Lorenzo de' Medici (1449 - 1492): trị vì xứ Florence từ 1469 đến 1492.*

Đã quá nửa đêm lâu rồi, và một lần nữa ông rất tỉnh ngủ.

Được rồi, kể cho tôi nghe đi, nàng nghĩ, hãy mang tôi đến một nơi nào khác. Tâm trí nàng vẫn còn nghĩ đến hai bàn tay của Caravaggio, giờ này có lẽ anh đang cho con chó hoang ăn một món lấy từ nhà bếp của villa Bruscoli, nếu quả thật đấy là cái tên của tòa villa.

Đấy là một cuộc đời đẫm máu. Dao găm và chính trị và mũ cao ba tầng và vớ dài độn và tóc giả. Tóc giả bằng lụa! Dĩ nhiên Savonarola² đến sau, nhưng không muộn lắm, rồi trận Lửa Thiêu Phù Hoa³ của ông. Poliziano

dịch Homer. Ông viết một bài thơ rất hay về Simonetta Vespucci, cô có biết bà ta không?

² *Girolamo Savonarola (1452 - 1498): linh mục, nhà cải cách người Ý bị xử tử vì tội “phản đạo”.*

³ *Bonfire of the Vanities: Vụ đốt các vật bị coi là nguồn gốc của tội lỗi như sách vở, tranh ảnh, v.v... thời đó.*

Không, Hana vừa cười vừa nói.

Khắp Florence có tranh họa bà ta. Chết vì bệnh lao phổi năm hai mươi ba tuổi. Ông khiến bà nổi tiếng với bài thơ *Le Stanze per la Giostra*¹, rồi Botticelli² vẽ những cảnh trong ấy.

¹ *Những phòng có vòng quay ngựa gỗ.*

² *Sandro Botticelli, hoặc Il Botticelli, tên thật là Alessandro di Mariano di Vanni Filipepi: họa sĩ nổi tiếng người Ý thời Phục hưng.*

Leonardo³ vẽ những cảnh trong ấy. Mỗi ngày Poliziano giảng dạy hai giờ bằng tiếng Latin vào buổi sáng, hai giờ bằng tiếng Hy Lạp vào buổi chiều. Ông có một người bạn tên là Pico della Mirandola, một người giao thiệp rộng, tính tình phóng túng, đột nhiên thay đổi và đi theo Savonarola.

³ *Leonardo da Vinci (1452 - 1519): họa sĩ đa tài nổi tiếng người Ý.*

Đây là tên gọi thân mật của tôi lúc tôi còn bé. Pico. Vâng, tôi nghĩ rất nhiều chuyện đã xảy ra ở đây. Bồn nước phun trong tường này. Pico và Lorenzo và Poliziano và chàng trai trẻ Michelangelo. Một tay họ nắm thế giới cũ, tay kia nắm thế giới mới. Thư viện sẵn tìm cho được bốn cuốn sách cuối cùng của Cicero⁴. Họ nhập cả một con hươu cao cổ, một con tê giác, một con chim dodo. Toscanelli⁵ vẽ bản đồ thế giới dựa trên thư từ với những thương nhân. Họ ngồi trong phòng này với bức tượng bán thân của Plato và tranh cãi cả đêm.

⁴ *Marcus Tullius Cicero (106 tr.CN - 43 tr.CN): triết gia La Mã cổ đại.*

⁵ *Paolo dal Pozzo Toscanelli (1397 - 1482): nhà thiên văn học người Ý.*

Rồi tiếng thét của Savonarola đến từ đường phố: “Sám hối đi! Hồng thủy sắp đến rồi!”. Và tất cả bị cuốn đi - quyền tự do chọn lựa, khát vọng về thanh lịch, danh tiếng, quyền được sùng bái Plato cũng như sùng bái Chúa Jesus. Giờ đây trận lửa thiêu đến - tóc giả, sách, da thú, bản đồ bị thiêu hủy. Hơn bốn trăm năm sau, họ mở những ngôi mộ. Xương của Pico còn. Xương của Poliziano đã tan thành tro bụi.

Hana lắng nghe trong lúc ông người Anh lật trang cuốn sách cũ của ông, đọc tài liệu từ những cuốn sách khác dán vào - về những tấm bản đồ quan trọng mất đi trong ngọn lửa, tượng Plato bị thiêu hủy, đá cẩm thạch của tượng bị bong từng lớp vì sức nóng, những vết nứt cắt ngang tri thức như những tiếng vang rền qua thung lũng trong lúc Poliziano đứng trên những ngọn đồi cỏ cảm nhận tương lai. Pico ở đâu đấy dưới kia, trong hầm mộ màu xám của mình, nhìn mọi chuyện bằng con mắt thứ ba của cứu rỗi.

Anh đổ chút nước vào một cái tô cho con chó. Một con chó lai tạp, già hơn cuộc chiến.

Anh ngồi xuống với bình rượu các tu sĩ ở tu viện đã cho Hana. Đây là nhà của Hana và anh cử động cẩn thận, không sắp xếp lại thứ gì. Anh để ý sự tao nhã của nàng trong những đóa hoa đại nho nhỏ, chút quà nàng trao tặng chính mình. Ngay trong khu vườn um tùm anh cũng bắt gặp một khoảnh đất khoảng ba tấc vuông, trong ấy cỏ được cắt tỉa bằng cây kéo y tá của nàng. Nếu anh trẻ hơn chắc anh sẽ phải lòng những điều này.

Anh không còn trẻ nữa. Nàng nhìn thấy anh như thế nào? Với những vết thương, người thiếu thăng bằng, những lọn tóc ngả xám sau gáy. Anh chưa bao giờ hình dung mình là người có ý thức về tuổi tác và sự khôn ngoan. Họ đều đã già đi, nhưng anh vẫn chưa cảm thấy anh có được sự khôn ngoan đi cùng với tuổi tác.

Anh cúi người nhìn con chó uống nước, không kịp giữ thăng bằng, nắm chặt cái bàn, làm đổ bình rượu.

Tên anh là David Caravaggio, đúng không?

Chúng đã còng anh vào mấy cái chân to của một cái bàn gỗ sồi. Có một lần anh ôm cái bàn đứng dậy, bàn tay trái của anh chảy máu ròng ròng, rồi ngã xuống khi cố mang cái bàn chạy qua cánh cửa mỏng. Người phụ nữ ngừng tay, bỏ con dao xuống, không chịu làm tiếp. Ngăn kéo bàn tuột ra, rớt trên ngực anh cùng tất cả mọi vật bên trong, và anh nghĩ không chừng có một khẩu súng anh có thể dùng. Rồi Ranuccio Tommasoni cầm con dao cạo lên và đến bên anh. Caravaggio, đúng không? Hắn vẫn chưa chắc chắn.

Trong khi anh nằm dưới gầm bàn, máu từ hai bàn tay chảy xuống mặt anh, anh bỗng trở nên sáng suốt và tuột cái còng ra khỏi chân bàn, ném cái ghế đi để nhấn chìm cơn đau rồi nghiêng sang trái để bước ra khỏi cái còng kia. Giờ đây chỗ nào cũng có máu. Hai tay anh đã thành vô dụng. Nhiều tháng sau đó anh thấy mình chỉ nhìn ngón tay cái của người khác, như thể chuyện xảy ra đã biến đổi anh bằng cách làm nảy sinh ghen tỵ. Nhưng sự kiện ấy đã làm anh già đi, như thể trong đêm anh bị khóa vào cái bàn, chúng đã đổ một dung dịch vào người anh và làm anh trì trệ.

Anh choáng váng đứng dậy cạnh con chó, phía trên mặt bàn ướt đầm rượu vang đỏ. Hai tên lính gác, người phụ nữ, Tommasoni, những cái điện thoại reo, reo mãi, ngắt ngang Tommasoni, hắn đặt con dao cạo xuống, mĩa mai nói nhỏ Xin lỗi và nhắc điện thoại bằng bàn tay dính máu, lắng nghe. Anh nghĩ anh đã không nói điều gì quan trọng với chúng. Nhưng chúng đã để cho anh đi, thế nên không chừng anh đã làm.

Thế rồi anh đi dọc theo Via di Santo Spirito đến một địa điểm anh giấu kín trong óc. Đi qua giáo đường Brunelleschi về hướng thư viện của Học viện Đức quốc, nơi anh biết một người sẽ chăm lo cho anh. Bỗng nhiên anh nhận ra đây là lý do chúng để cho anh đi. Để anh tự do đi sẽ lừa được anh và khiến anh để lộ người liên lạc này. Anh vòng sang một con đường nhỏ, không nhìn lại, không hề nhìn lại. Anh muốn có một ngọn lửa trên đường để anh cầm máu vết thương, hong vết thương trên khói từ vạc hắc ín để khói đen bao phủ hai tay anh. Anh đang ở trên cầu Santa Trinità. Không có ai trên đường, không xe cộ qua lại, điều ấy khiến anh ngạc nhiên. Anh ngồi trên thành cầu trơn láng, rồi nằm xuống. Không một tiếng động. Trước đấy, lúc anh bước đi, hai tay trong túi áo ướt, có nhiều xe tăng và xe jeep chạy loạn xạ.

Trong khi anh nằm đấy, cây cầu bị gài mìn bùng nổ, anh bị hất tung lên cao rồi rớt xuống như thể ngày tận thế đang xảy ra. Anh mở mắt và bên cạnh anh là một cái đầu khổng lồ. Anh hít vào và ngực anh ngập đầy nước. Anh đang ở dưới nước. Một cái đầu có râu bên cạnh anh trong vùng nước cạn của sông Arno. Anh vờ tay về hướng cái đầu nhưng thậm chí không đẩy nổi nó. Ánh sáng đang đổ xuống dòng sông. Anh bơi lên mặt nước, nhiều khoảng sông đang bốc cháy.

Khi anh kể câu chuyện với Hana tối hôm ấy, nàng nói, “Họ ngưng tra tấn chú vì quân Đồng Minh đang đến. Quân Đức đang rút khỏi thành phố, nổ sập các cây cầu trong lúc bỏ đi”.

“Chú không biết. Có lẽ chú đã nói hết cho chúng nghe. Cái đầu đó của ai nhỉ? Điện thoại gọi đến phòng ấy liên tục. Sẽ có một khoảng im lặng, và tên đó lùi ra xa chú, và tất cả bọn chúng sẽ nhìn hẩn nhận điện thoại, lắng nghe sự im lặng của giọng nói kia, giọng nói bọn chú không thể nghe thấy. Giọng của ai thế? Đầu của ai đây?”

“Bọn chúng đang rút lui, David.”

Nàng mở cuốn Người Mohican cuối cùng đến trang trống cuối cuốn sách và bắt đầu viết vào đấy.

Có một người đàn ông tên là Caravaggio, bạn của cha tôi. Tôi vẫn luôn yêu mến ông. Ông lớn tuổi hơn tôi, tôi nghĩ khoảng bốn mươi lăm. Ông đang ở trong một thời kỳ tăm tối, thiếu tự tin. Vì một lý do nào đấy tôi được người bạn này của cha tôi chăm sóc.

Nàng gấp sách lại rồi bước vào thư viện và giấu nó trên một trong những dãy kệ cao.

Ông người Anh đang ngủ, thở bằng miệng như mọi khi, dù ngủ hay thức. Nàng rời ghế đứng dậy, nhẹ nhàng rút ngọn nến đang cháy ra khỏi hai tay ông. Nàng bước đến cửa sổ, thổi tắt ngọn nến ở đấy, để khói bay ra ngoài phòng. Nàng không thích ông nằm đấy với ngọn nến trong tay, mô phỏng dáng người chết, không để ý đến lớp sáp đang chảy xuống cổ

tay. Như thể ông đang tự chuẩn bị, như thể ông muốn lén vào cái chết của chính mình bằng cách mô phỏng sắc thái và ánh sáng của nó.

Nàng đứng bên cửa sổ, những ngón tay nàng siết và giật tóc trên đầu mình. Trong bóng tối, trong bất kỳ ánh sáng nào sau hoàng hôn, bạn có thể cắt một mạch máu và máu sẽ có màu đen.

Nàng cần ra khỏi phòng. Bỗng dưng nàng cảm thấy tù túng, không mệt. Nàng sải bước trong hành lang, nhảy xuống những bậc thang, ra hàng hiên của tòa villa, rồi nhìn lên, như thể cố gắng nhìn rõ hình dáng cô gái nàng vừa bỏ lại. Nàng vào lại trong tòa nhà. Đẩy cánh cửa cứng vồng lên vì ứ đọng, nàng vào thư viện và tháo những tấm ván niêm trên hai cánh cửa kiểu Pháp phía cuối phòng, mở cửa ra, để không khí ban đêm lọt vào phòng. Nàng không biết Caravaggio đang ở đâu. Dạo này anh ra ngoài hầu như mỗi đêm, thường trở về trước bình minh vài giờ. Dù sao chẳng nữa, không thấy bóng dáng anh đâu.

Nàng nắm tấm vải màu xám phủ trên cây đàn dương cầm và vừa bước về một góc phòng vừa kéo nó theo, một tấm khăn liệm, một tấm lưới cá.

Không có ánh sáng. Nàng nghe một tiếng sấm rền xa xa.

Nàng đang đứng trước cây đàn dương cầm. Không nhìn xuống, nàng hạ thấp hai tay và bắt đầu chơi đàn, chỉ những hợp âm, rút gọn giai điệu chỉ còn khung nhạc. Nàng ngưng lại sau mỗi hợp âm, như đang rút tay ra khỏi nước để xem mình đã bắt được gì, rồi tiếp tục, đặt xuống những âm chính của điệu nhạc. Những ngón tay nàng chậm lại hơn nữa. Mắt nàng đang nhìn xuống khi hai người đàn ông len vào qua cánh cửa kiểu Pháp, đặt súng của họ xuống cuối cây đàn dương cầm rồi đứng trước mặt nàng. Âm điệu của những hợp âm vẫn còn trong không gian của căn phòng đã biến đổi.

Hai cánh tay nàng buông thõng, một bàn chân trần trên bàn đạp bass, tiếp tục bài nhạc mẹ nàng đã dạy cho, bài nhạc nàng luyện tập trên bất cứ mặt phẳng nào, bàn ăn, bức tường khi nàng đi lên lầu, giường của nàng trước khi ngủ. Họ không có đàn dương cầm. Nàng thường đến trung tâm cộng đồng mỗi sáng thứ Bảy và chơi đàn ở đấy, nhưng cả tuần

nàng luyện tập ở bất cứ chỗ nào, học những nốt nhạc mẹ nàng vẽ bằng phấn trên bàn ăn rồi sau đó chùi đi. Đây là lần đầu tiên nàng dùng cây đàn của tòa villa, mặc dù nàng đã ở đây ba tháng, ngày đầu tiên nàng đến, mắt nàng đã nhận ra hình dáng của nó qua hai cánh cửa kiểu Pháp. Ở Canada, đàn dương cầm cần nước. Bạn mở lưng đàn, để một ly nước đầy ở đây, một tháng sau ly nước sẽ cạn. Cha nàng kể cho nàng nghe về những người lùn chỉ uống nước tại đàn dương cầm, không bao giờ uống trong quán. Nàng chưa bao giờ tin chuyện ấy, nhưng lúc đầu nàng nghĩ có lẽ lũ chuột đã uống nước.

Một lần chớp lóe ngang thung lũng, cơn bão đã kéo dài suốt đêm, và nàng thấy một trong hai người đàn ông là người Sikh. Giờ đây nàng ngưng chơi đàn, mỉm cười, hơi ngạc nhiên, dù sao cũng an lòng, vầng sáng phía sau họ quá ngắn ngủi đến nỗi nàng chỉ thoáng nhìn thấy tấm khăn xếp của anh và hai cây súng ướt sáng bóng. Nắp đàn đã bị tháo ra để dùng làm bàn bệnh viện nhiều tháng trước, vì thế súng của họ nằm ở phía sau rãnh phím đàn. Bệnh nhân người Anh có thể nhận diện hai cây súng. Khỉ thật. Chung quanh nàng toàn là đàn ông ngoại quốc. Không có người Ý thuần chủng nào. Một chuyện lãng mạn ở tòa villa. Poliziano sẽ nghĩ thế nào đây về hoạt cảnh thời 1945 này, hai người đàn ông và một người đàn bà đối diện nhau qua cây đàn dương cầm và cuộc chiến gần kết thúc và hai cây súng ướt sáng bóng mỗi khi ánh chớp len mình vào phòng tràn ngập mọi vật với màu sắc và bóng tối như bây giờ mỗi nửa phút sấm rền khắp thung lũng và điệu nhạc đối, những hợp âm nhấn xuống, *Khi tôi đưa người yêu đi uống trà...*

Các anh có biết lời hát không?

Họ không cử động. Nàng bỏ những hợp âm và thả những ngón tay mình vào những biến âm phức tạp, rơi vào đoạn nhạc trước đó nàng ghìm giữ, đoạn jazz bật mở những nốt nhạc và góc cạnh của hạt dẻ là điệu nhạc.

Khi tôi đưa người yêu đi uống trà

Tất cả lũ con trai ghen với tôi,

Vì thế tôi không bao giờ mang nàng đến chỗ bè bạn hay tụ tập

Khi tôi đưa người yêu đi uống trà¹.

¹ Trích *Khi tôi đưa người yêu đi uống trà (When I take my sugar to tea)* của Sammy Fain, Irving Kahal, Pierre Norman.

Áo quần họ ướt trong lúc họ ngắm nàng mỗi khi ánh chớp vào giữa họ trong phòng, hai bàn tay nàng bây giờ chơi đàn theo sấm chớp, đối chọi với sấm chớp, tiếng đàn lấp đầy bóng tối giữa những lần chớp. Khuôn mặt nàng chăm chú đến nỗi họ biết họ vô hình đối với nàng, với trí óc nàng đang gắng nhớ lại bàn tay mẹ nàng xé giấy báo, thấm ướt nó dưới bồn nước trong bếp rồi dùng nó để lau đi những nốt nhạc vẽ trên bàn, những phím đàn như trò chơi nhảy lò cò. Sau đó nàng đến lớp học hàng tuần ở trung tâm cộng đồng, nàng chơi đàn ở đấy, nếu nàng ngồi chân nàng vẫn chưa với đến bàn đạp, vì thế nàng thích đứng hơn, đôi dép mùa hè của nàng trên bàn đạp bên trái, cái máy nhịp kêu tích tắc.

Nàng không muốn ngừng lại. Từ bỏ lời một bài hát cũ. Nàng nhìn thấy những chỗ họ đến, chỗ đám bạn bè không bao giờ đến, mọc đầy cây dong. Nàng ngược nhìn lên và gật đầu với họ, xác nhận rằng bây giờ nàng sẽ ngưng.

Caravaggio không thấy cảnh này. Khi anh trở về anh thấy Hana và hai người lính thuộc một đơn vị công binh trong nhà bếp, đang làm bánh sandwich.

NGỌN LỬA ĐÔI KHI

Cuộc chiến tranh cuối cùng kiểu Trung cổ xảy ra ở Ý năm 1943 và 1944. Những thị trấn đồn lũy trên những mũi đất quan trọng đã bị tranh giành từ thế kỷ thứ VIII, bây giờ những vị vua mới lại bắt cần ném những đạo quân của họ đến đây. Quanh những vách đá là những chiếc cang qua lại, những vườn nho bị tàn phá, ở nơi ấy nếu bạn đào sâu bên dưới vết rãnh xe tăng, bạn sẽ tìm thấy rìu và giáo. Monterchi, Cortona, Urbino, Arezzo, Sansepolcro, Anghiari. Rồi dọc theo bờ biển.

Lũ mèο ngủ trong những tháp pháo hướng về phía nam. Người Anh và Mỹ và Ấn Độ và Úc và Canada tiến lên phía bắc, những vết đạn pháo bùng nổ rồi tan vào không gian. Khi những đạo quân tập trung ở Sansepolcro, thị trấn với biểu tượng là cây nỏ, một số binh sĩ tìm được nỏ và ban đêm lẳng lẳng bắn chúng qua những bức tường của thành phố chưa chiếm được. Thống chế Kesselring của đội quân Đức đang rút lui đã cản trọng cân nhắc ý kiến đổ dầu sôi từ các lỗ châu mai xuống.

Những học giả về thời Trung cổ bị lôi ra khỏi các trường đại học ở Oxford và được đưa bằng phi cơ đến Umbria. Tuổi trung bình của họ là sáu mươi. Họ trú cùng quân lính, và trong những buổi họp với Bộ Tư lệnh Chiến lược họ cứ quên mất phi cơ đã được phát minh rồi. Họ nói đến các thị trấn bằng nghệ thuật tại nơi ấy. Monterchi có bức tranh tường Madonna del Parto¹ của Piero della Francesca, nằm trong một giáo đường nhỏ bên cạnh nghĩa trang tĩnh. Khi cuối cùng tòa lâu đài xây vào thế kỷ XIII bị chiếm trong những cơn mưa xuân, quân lính trú dưới vòm cao của giáo đường và ngủ cạnh bức giăng kính bằng đá chỗ Hercules giết con rắn chín đầu Hydra. Chỉ có nước độc. Nhiều người chết vì bệnh thương hàn và những bệnh sốt khác. Dùng ống nhòm quân đội ngược nhìn lên trong nhà thờ kiểu Gothic ở Arezzo, quân lính sẽ gặp những khuôn mặt người cùng thời với họ trong những bức tranh tường của Piero della Francesca. Hoàng hậu Sheba trò chuyện cùng Vua Solomon. Gần đây một cảnh nhỏ của Cây Tri Thúc Thiện Ác² được nhét vào trong miệng xác Adam.

¹ *Đức Mẹ mang thai.*

² *Tree of Good and Evil, hoặc Cây Tri thức về Thiện và Ác.*

Nhiều năm sau bà hoàng hậu này sẽ nhận ra rằng cây cầu bắc ngang Siloam¹ được làm bằng gỗ của gốc cây thánh này.

¹ *Jerusalem.*

Trời mưa và lạnh liên miên, không có trật tự nào ngoài những tấm bản đồ nghệ thuật quan trọng bày tỏ sự phán xét, lòng sùng tín và đức hy sinh. Hết sông này đến sông khác, khi Binh đoàn Thứ tám đến bên sông, cây cầu qua sông đã bị phá hủy, và những đội công binh của họ leo xuống bờ sông trên những chiếc thang dây, trong lần đạn địch, bơi hoặc lội bì bõm qua sông. Thức ăn và lều bị cuốn đi. Những người cột liền vào dụng cụ biến mất. Khi đã qua sông, họ cố sức leo lên khỏi mặt nước. Họ thọc bàn tay và cổ tay vào vách bùn dốc của bờ sông và bám vào đấy. Họ muốn bùn cứng lại và giữ họ không bị tuột.

Anh công binh trẻ người Sikh áp má vào bùn và nghĩ đến khuôn mặt của Hoàng hậu Sheba, làn da của bà. Trong dòng sông này, không có nguồn an ủi nào cho anh ngoài nỗi thèm muốn của anh đối với bà, không hiểu vì sao đã khiến anh ảm áp. Anh sẽ kéo tấm mạng ra khỏi mái tóc bà. Anh sẽ đặt bàn tay phải vào giữa cổ bà và chiếc áo màu olive. Anh cũng mỗi mệt và buồn bã, như vị vua khôn ngoan và bà hoàng hậu tội lỗi anh đã nhìn thấy ở Arezzo hai tuần trước đấy.

Anh treo mình trên dòng nước, hai bàn tay bám cứng vào bờ sông bùn lầy. Tính cách, nghệ thuật tế nhị ấy, đã biến mất giữa họ trong những ngày đêm đó, chỉ còn tồn tại trong một cuốn sách hoặc trên một bức bích họa. Trong bức bích họa trên vòm giáo đường ấy, ai buồn hơn? Anh nghiêng về phía trước để ngời ngời trên làn da nơi cần cổ mỏng mảnh của bà. Anh yêu đôi mắt nhìn xuống của bà. Người phụ nữ này, một ngày kia sẽ biết sự thiêng liêng của những cây cầu.

Ban đêm, trên giường trong doanh trại, hai cánh tay anh duỗi thẳng ra xa như hai đạo quân. Không có hứa hẹn nào về giải pháp hoặc chiến thắng ngoại trừ thỏa ước tạm thời giữa anh và bà hoàng vẽ trên bức

tranh tường, người sẽ quên anh, không bao giờ thừa nhận sự hiện hữu của anh hoặc nhận biết anh, một người Sikh, lưng chừng trên một cái thang dây của lính công binh trong mưa, đang dựng một cây cầu tiền chế kiểu Bailey cho đạo quân phía sau anh. Nhưng anh nhớ bức tranh trong câu chuyện của họ. Một tháng sau, khi những tiểu đoàn đến bờ biển, sau khi họ sống sót qua tất cả và tiến vào thị trấn ven biển Cattolica, sau khi đội công binh đã dọn sạch mìn ở một đoạn bãi biển dài hai mươi mét để những người lính có thể trần truồng đi xuống biển, anh đến bên một nhà học giả về thời Trung cổ đã kết bạn với anh - chỉ qua một lần người ấy nói chuyện với anh và chia cho anh chút thịt hộp - và hứa sẽ cho ông thấy một thứ để đáp lại lòng tốt của ông.

Anh công binh ký nhận sử dụng một xe gắn máy Triumph, buộc một ngọn đèn khảm cấp màu đỏ thắm vào cánh tay, rồi họ đi ngược lại hướng cũ - trở lại và băng qua những thị trấn giờ đây là vô hại như Urbino và Anghiari, men theo con đường ngoằn ngoèo trên đỉnh dãy núi như cái xương sống dọc theo chiều dài nước Ý, ông già thu người ngồi đằng sau ôm chặt lấy anh, rồi đổ xuống triền núi phía tây đến Arezzo. Quảng trường ban đêm vắng vẻ không có quân lính, anh công binh đậu xe trước giáo đường. Anh đỡ nhà học giả về thời Trung cổ xuống, thu góp dụng cụ của anh và bước vào giáo đường. Bóng tối lạnh lẽo hơn. Sự trống vắng rộng lớn hơn, tiếng giày boots của anh lấp đầy khoảng không gian. Một lần nữa anh ngửi thấy mùi gỗ và mùi đá lâu năm. Anh thả ba ngọn pháo sáng. Anh quăng dây qua hàng cột phía trên gian giữa của giáo đường, rồi bắn một cái đinh tán luôn sẵn dây thừng vào một rầm gỗ cao. Vị giáo sư đại học ngắm anh với vẻ kinh ngạc, thỉnh thoảng ngược nhìn lên vùng bóng tối trên cao. Anh công binh trở đi vòng quanh ông, cột một sợi dây ngang thắt lưng và vai ông, lấy băng keo dán một cây pháo sáng nhỏ đã thả sẵn vào ngực ông già.

Anh để ông lại bên bao lơn ban Thánh Thể, ồn ào leo lên thang đến tầng trên, chỗ đầu kia của sợi thừng. Nắm chặt nó, anh bước ra ngoài ban công vào bóng tối, cùng lúc ông già được đưa lên cao, thật nhanh, cho đến khi anh công binh chạm đất thì ông đang đong đưa chầm chậm trên không trung, cách những bức tường vẽ khoảng một mét, cây pháo sáng tỏa ra một vầng sáng chung quanh ông. Vẫn giữ sợi thừng, anh công

binh bước đến phía trước cho đến khi ông già đu sang bên phải và lơ lửng trước mặt bức Cuộc chạy trốn của Hoàng đế Maxentius¹.

¹ *The Flight of Emperor Maxentius: do Piero della Francesca vẽ.*

Năm phút sau anh đỡ ông già xuống. Anh thắp một cây pháo sáng cho mình và đu người lên vòm cao trong màu xanh thẫm của bầu trời giả tạo. Anh vẫn còn nhớ những ngôi sao vàng trong bầu trời từ lúc anh dùng ống nhòm để ngắm nó. Nhìn xuống, anh thấy nhà học giả về thời Trung cổ ngồi trên một băng ghế, mệt nhoài. Bây giờ anh nhận thức được chiều sâu, chứ không phải chiều cao, của giáo đường này. Cảm giác mềm mại của nó. Sự trống rỗng và bóng tối của một miệng giếng. Cây pháo sáng trong tay anh phun tia lửa như một cây đu thừa. Anh kéo mình lên ngang mặt bà, bà Hoàng Hậu U Buồn của anh, bàn tay màu nâu của anh vươn ra, bé nhỏ trên cần cổ khổng lồ.

Người lính Sikh dựng lều ở cuối vườn, chỗ Hana nghĩ rằng trước kia có trồng cây oải hương. Nàng đã tìm thấy những chiếc lá khô trong khoảng đất ấy, vò lá giữa những ngón tay và nhận diện mùi cây. Thỉnh thoảng sau một cơn mưa, nàng nhận ra mùi thơm của nó.

Thoạt tiên anh không muốn vào nhà. Anh bước qua nhà khi anh đi làm phận sự này hay phận sự khác liên quan đến chuyện gỡ mìn. Lúc nào anh cũng lịch sự. Khẽ gật đầu. Hana thấy anh tắm bên một chậu nước mưa, được trang trọng đặt trên một chiếc đồng hồ mặt trời. Vòi nước trong vườn, lúc trước dùng cho luống hạt, giờ đây đã cạn khô. Nàng nhìn thấy tấm thân trần màu nâu của anh trong lúc anh tự tát nước lên mình như một con chim quạt đôi cánh. Ban ngày nàng để ý nhiều nhất đến hai cánh tay anh trong chiếc áo sơ mi quân đội ngắn tay và khẩu súng trường luôn luôn ở bên anh, mặc dù bây giờ những trận đánh dường như đã chấm dứt đối với họ.

Anh có những tư thế cầm súng khác nhau - súng xuôi bên hông, súng nâng lên vai, hai khuỷu tay anh hơi gấp lại. Anh sẽ quay người, đột nhiên nhận ra nàng đang ngắm anh. Anh đã sống sót qua những nỗi sợ hãi của mình, sẽ đi vòng qua bất cứ vật gì khả nghi, nhận lấy cái nhìn của nàng trong khung cảnh này như thể xác nhận anh có thể đối phó với tất cả.

Anh biết tự túc, đây là điều nhẹ nhõm đối với nàng, với tất cả mọi người trong nhà, dù Caravaggio cầu nhàu rằng anh công binh không ngừng âm ư những bài hát Tây phương anh tự học trong ba năm vừa rồi của cuộc chiến. Người lính công binh kia, người đã đến cùng anh trong mưa bão, tên gọi Hardy, trú ở nơi khác, gần thị trấn hơn, dù nàng đã thấy họ làm việc chung, vào vườn với những cây dưa thần là dụng cụ gỡ mìn.

Con chó vẫn theo Caravaggio. Người lính trẻ chạy nhảy với nó dọc lối đi nhưng không chịu cho nó chút thức ăn nào, cho rằng nó phải tự mình sinh tồn. Nếu anh tìm thấy thức ăn thì anh ăn một mình. Sự nhã nhặn của anh có giới hạn. Có những đêm anh ngủ trên gờ ban công nhìn xuống thung lũng, chỉ bò vào lều nếu trời mưa.

Phân anh, anh chứng kiến Caravaggio lang thang trong đêm. Hai lần anh công binh đi theo xa xa phía sau Caravaggio.

Nhưng hai ngày sau Caravaggio chặn anh lại và nói, Đừng theo tôi nữa. Anh bắt đầu chối, nhưng người đàn ông lớn tuổi hơn đặt bàn tay ngang khuôn mặt nói dối của anh và khiến anh im lặng. Như thế người lính biết Caravaggio đã nhận ra anh hai đêm trước. Dù sao đi nữa, chuyện theo dõi chỉ là tàn tích của một thói quen người ta dạy cho anh trong cuộc chiến. Cũng như ngay cả bây giờ anh thêm giờ súng nhắm bắn chính xác một mục tiêu nào đó. Nhiều lần anh nhắm cái mũi của một pho tượng hay một trong những con chim ưng màu nâu chao liệng trên bầu trời thung lũng.

Anh vẫn còn rất trẻ. Anh ăn ngấu nghiến, dọn dẹp vội vàng, tự cho phép mình nửa giờ để ăn trưa.

Nàng đã ngắm anh trong khi anh làm việc, cẩn trọng và không đổi như một con mèo, trong vườn cây ăn trái và khu vườn um tùm phía sau nhà. Nàng để ý làn da cổ tay anh màu nâu sậm hơn, đeo cái vòng rộng đôi khi reo leng keng khi anh uống một tách trà trước mặt nàng.

Anh không bao giờ nói về sự nguy hiểm đến cùng việc tìm kiếm của anh. Thỉnh thoảng một tiếng nổ khiến nàng và Caravaggio vội vã ra khỏi nhà, tìm nàng căng thẳng vì tiếng nổ xa xa. Nàng chạy ra ngoài, hoặc chạy

đến bên một cửa sổ, thấy Caravaggio trong một góc nhìn của nàng, và họ sẽ thấy anh công binh chậm rãi vẩy tay về phía căn nhà, thậm chí không quay lại từ hàng hiên trồng rau thơm.

Một lần, Caravaggio vào thư viện và thấy anh công binh trên trần nhà, chỗ bức trompe l'oeil - chỉ có Caravaggio mới ngược nhìn lên bốn góc trần nhà khi bước vào để xem có ai trong phòng hay không - và người lính trẻ, mắt vẫn chăm chú, giơ tay ra và búng ngón tay, khiến Caravaggio dừng lại, lời cảnh cáo nên rời phòng vì an toàn trong khi anh gỡ rồi cắt sợi ngòi nổ anh đã lần theo đến góc phòng ấy, ẩn trên tấm màn cửa.

Lúc nào anh cũng hát nho nhỏ hoặc huýt sáo. “Ai đang huýt sáo đấy?”, một đêm bệnh nhân người Anh hỏi, chưa gặp hoặc thậm chí chưa nhìn thấy người mới đến. Lúc nào anh cũng ca hát một mình khi anh nằm trên gờ ban công nhìn lên những đám mây đang biến dạng.

Khi anh bước vào tòa villa có vẻ trống vắng, anh lại ồn ào. Anh là người duy nhất trong số họ còn mặc quân phục. Áo quần chỉnh tề, khóa dây nịt chùi sáng loáng, anh công binh hiện ra từ lều của mình, khăn xếp trên đầu anh gấp nếp cân đối, giày boots sạch sẽ nện trên sàn gỗ hoặc đá của căn nhà. Đang giải quyết một vấn đề, anh có thể phá ra cười ngay đấy. Dường như anh yêu thân thể mình, thể chất của mình, một cách vô thức, khi anh cúi xuống nhặt một lát bánh mì, khi những khớp ngón tay anh phớt qua mặt cỏ, thậm chí khi anh lơ đãng xoay tròn khẩu súng trường như một cái chùy lớn trong lúc anh bước trên lối đi viên cây bách để gặp những người lính công binh khác trong làng.

Anh có vẻ tạm hài lòng với nhóm người ít ỏi trong tòa villa, là một vì sao không cố định nằm ngoài rìa hệ thống hành tinh của họ. Đối với anh, thời gian này như kỳ nghỉ lễ sau cuộc chiến đầy đất bùn và sông và cầu. Anh chỉ vào nhà khi được mời, một người khách ngần ngại, cũng như buổi tối đầu tiên lúc anh theo tiếng dương cầm ngập ngừng của Hana, đi trên lối đi viên cây bách rồi bước vào thư viện.

Anh đã đến tòa villa trong đêm mưa bão ấy không phải vì tò mò về tiếng đàn, mà vì mối nguy hiểm đối với người chơi đàn. Đội quân đang rút lui

thường để lại mình bút chì bên trong nhạc cụ. Những người chủ trở về, mở cây đàn dương cầm và mất bàn tay. Người ta sẽ đẩy quả lắc của một cái đồng hồ lớn, và một trái bom thủy tinh sẽ làm nổ tung nửa bức tường và bất cứ ai gần bên.

Anh theo tiếng dương cầm, cùng Hardy chạy lên đồi, trèo qua bức tường đá vào tòa villa. Khi nào tiếng đàn chưa ngưng thì người chơi đàn sẽ chưa nghiêng về phía trước và kéo dải kim loại mỏng ra cho máy nhịp bắt đầu. Đa số bom bút chì được giấu ở đây - chỗ dễ hàn sợi dây kim loại mỏng thẳng đứng nhất. Những trái bom được gắn vào vòi nước, vào gáy sách, chúng được đục vào cây ăn trái để một trái táo rơi xuống cành cây thấp hơn sẽ làm nổ thân cây, cũng như một bàn tay ghì lấy cành cây sẽ làm bom nổ. Anh không thể nhìn một căn phòng hoặc một cánh đồng mà không thấy những chỗ có thể có vũ khí.

Anh đã dừng lại bên hai cánh cửa kiểu Pháp, tựa đầu vào khung cửa, rồi lén vào phòng, và ngoại trừ những lúc có ánh chớp, anh ở trong bóng tối. Một cô gái đứng đấy, như đang đợi anh, nhìn xuống những phím đàn cô đang gõ. Mắt anh nhìn căn phòng trước khi nhìn cô, quét ngang căn phòng như một tia radar. Máy nhịp đang kêu tích tắc, rồi đóng đưa với vẻ vô hại. Không có mối nguy hiểm nào, không có sợi dây kim loại bé xíu nào. Anh đứng đấy trong bộ quân phục ướt đầm, cô gái thoát tiên không biết anh đã vào phòng.

Bên cạnh lều của anh, ăng ten của một cái radio tinh thể treo trên cây. Ban đêm, nếu nàng nhìn về hướng ấy bằng ống nhòm của Caravaggio, nàng có thể thấy màu xanh lân tinh ở mặt số radio, bất ngờ bị che khuất bởi thân hình của anh công binh nếu anh di chuyển ngang tầm nhìn. Anh đeo cái radio nhỏ ấy suốt ngày, chỉ gắn một loa của headphone vào đầu, loa kia buông thõng dưới cằm, như thế anh có thể nghe những âm thanh của thế giới bên ngoài, những âm thanh có thể là quan trọng đối với anh. Anh sẽ vào nhà để chuyển lại bất cứ tin tức nào anh nghe thấy và anh nghĩ có thể là đáng chú ý đối với họ. Một buổi chiều anh thông báo nhạc trưởng Glenn Miller đã qua đời, máy bay của ông bị rơi đâu đó giữa Pháp và Anh.

Anh di chuyển giữa họ như thế. Nàng thấy anh xa xa trong một khu vườn không còn tồn tại với máy dò mìn, hoặc nếu anh đã tìm ra cái gì, gỡ nút thắt những dây điện và ngòi nổ ai đó đã để lại cho anh như một lá thư rừng rợn.

Anh rửa tay luôn. Thoạt tiên Caravaggio nghĩ rằng anh quá kỹ tính. “Làm thế nào cậu sống qua được cuộc chiến?”, Caravaggio cười lớn.

“Tôi lớn lên ở Ấn Độ, chú ạ. Người ta rửa tay luôn. Trước khi ăn. Thói quen thôi. Tôi sinh ra ở Punjab.”

“Tôi từ châu Mỹ Thượng”, nàng nói.

Anh ngủ nửa người trong lều nửa người ngoài lều. Nàng thấy hai tay anh tháo headphone và thả chúng xuống đùi.

Rồi Hana đặt ống nhòm xuống và quay đi.

Họ ở bên dưới một mái vòm lớn. Người trung sĩ thắp một cây pháo sáng, và anh công binh nằm trên sàn nhà, ngược nhìn lên qua ống nhắm của cây súng trường, nhìn những khuôn mặt màu đất son như thể anh đang tìm một người anh em trong đám đông. Điểm nhắm rung rung trên những nhân vật trong Thánh Kinh, ánh sáng nhuộm đậm những bộ lễ phục nhiều màu sắc và da thịt đã thấm màu sau hàng trăm năm tắm khói dầu đèn và nến. Bây giờ là hơi khói màu vàng này. Họ biết làm thế là thái quá trong chốn tôn nghiêm này, thế nên những người lính sẽ bị đuổi ra ngoài, sẽ bị ghi nhớ vì đã lạm dụng sự cho phép họ nhận được để vào xem Đại Sảnh. Họ đã đến đây sau khi lợi bì bơm lên những bãi đổ bộ và trải qua một ngàn cuộc giao tranh của những trận đánh nho nhỏ và trận giội bom ở Monte Cassino, rồi bước đi trong sự lễ độ thỉnh lặng băng qua Raphael Stanze¹ cho đến khi, cuối cùng, họ có mặt ở đây, mười bảy người đã đổ bộ lên Sicily và chiến đấu dọc theo cổ chân của nước Ý để có mặt ở đây - nơi họ được vào chỉ là một căn phòng lớn hầu như tối tăm. Như thế chỉ có mặt ở đây là đã đủ.

¹ Bốn căn phòng trong Vatican.

Một người trong số họ nói, “Khỉ thật. Có lẽ thêm chút ánh sáng, Trung sĩ Shand?”. Anh trung sĩ tháo chốt pháo sáng rồi giơ thẳng tay lên, dòng thác ánh sáng tuôn ra ngoài nắm tay của anh, và đứng như thế trong suốt thời gian pháo sáng cháy. Những người còn lại đứng nhìn lên những hình dáng và khuôn mặt chập kín trên trần hiện ra trong làn ánh sáng. Nhưng người lính công binh trẻ đã nằm ngửa, nhắm bằng cây súng trường, mắt anh gần như chạm vào chòm râu của Noah và Abraham và những ác quỷ khác nhau cho đến khi anh gặp khuôn mặt cao quý khiến anh lặng yên, khuôn mặt như một ngọn giáo, khôn ngoan, nghiêm ngặt.

Những người lính gác đang la hét ở lối vào, anh có thể nghe thấy những bước chân chạy, cây pháo chỉ còn sáng ba mươi giây nữa. Anh lăn sang và đưa cho ông cha tuyên úy cây súng trường. “Người kia kìa. Ai thế? Hướng ba giờ tây bắc, ai thế? Nhanh lên, pháo sáng sắp tắt.”

Ông cha tuyên úy ôm cây súng trường, quét nó đến góc phòng, và cây pháo sáng tắt.

Ông trả lại cây súng cho người Sikh trẻ tuổi.

“Anh biết là tất cả chúng ta sẽ gặp nhiều rắc rối vì đã dùng vũ khí trong giáo đường Sistine. Đáng lẽ tôi không nên đến đây. Nhưng tôi cũng phải cảm ơn Trung sĩ Shand đã anh dũng làm thế. Tôi chắc chúng ta cũng chưa gây ra thiệt hại gì.”

“Ông có nhìn thấy không? Khuôn mặt đấy. Ai thế?” “À đúng, đấy là một khuôn mặt cao quý.”

“Ông đã nhìn thấy.”

“Vâng. Isaiah.”

Khi Binh đoàn Thứ tám đến Gabicce trên bờ biển miền Đông, anh công binh là trưởng đội tuần đêm. Vào đêm thứ hai, anh nhận được một tín hiệu qua làn sóng ngắn báo rằng có chuyển động của địch quân ngoài biển. Đội tuần tiểu bắn một viên đạn pháo và nước tung lên, một phát súng cảnh cáo bắn hú họa. Họ không bắn trúng cái gì cả, nhưng trong

những tia nước màu trắng của vụ nổ anh nhìn thấy một hình dáng tối thẫm hơn đang chuyển động. Anh nâng cây súng trường, nhắm theo chiếc bóng đang trôi dạt trong một phút, quyết định không bắn để nhìn xem còn có chuyển động nào khác gần đấy hay không. Quân địch vẫn còn đóng trại về phía bắc, ở Rimini, ngoài rìa thành phố. Anh đang nhắm vào chiếc bóng khi vầng hào quang đột nhiên sáng lên chung quanh đầu của Đức Mẹ Đồng Trinh Mary. Bà đang đến từ biển cả.

Bà đang đứng trong lòng một chiếc thuyền. Hai người đàn ông chèo. Hai người khác giữ cho bà đứng thẳng, và khi họ tấp vào bãi biển, dân thị trấn bắt đầu hoan hô từ trong những khung cửa sổ tối mở rộng.

Anh công binh có thể thấy khuôn mặt màu kem và vầng hào quang làm bằng bóng đèn chạy pin nhỏ. Anh đang nằm trên một ụ súng bê tông giữa thị trấn và biển, ngắm nhìn bà trong khi bốn người đàn ông leo ra ngoài thuyền rồi nâng pho tượng thạch cao dài gần hai mét vào trong hai cánh tay họ. Họ đi lên bãi biển, không dừng lại, không ngáp ngừng vì mình. Có lẽ họ đã nhìn quân Đức chôn mình, và vẽ biểu đồ các địa điểm có mình. Chân họ lún trong cát. Đây là bãi biển Gabicce Mare vào ngày 29 tháng Năm, năm 1944. Thủy Hội Mừng Đức Mẹ Đồng Trinh Mary.

Người lớn và trẻ con tràn ra đường. Đàn ông mặc đồng phục ban nhạc cũng xuất hiện. Ban nhạc không chơi được vì luật giới nghiêm, nhưng những nhạc cụ vẫn là một phần của buổi lễ, được lau chùi sáng loáng.

Anh hiện ra từ trong bóng tối, khẩu súng cối cột trên lưng, cây súng trường trong tay. Đối với họ anh trông lạ lẫm với vũ khí và cái khăn xếp. Họ cũng không ngờ anh hiện ra từ phần bãi biển trong vành đai trắng¹.

¹ Khu vực giữa hai trận tuyến.

Anh nâng súng và nhìn thấy khuôn mặt bà trong ống nhắm, không dời đổi, không tính dục, trong cận cảnh là những bàn tay sạm đen của những người đàn ông vươn đến vầng sáng của bà, hai mươi bóng đèn nhỏ gập gù duyên dáng.

Pho tượng khoác áo màu xanh da trời, gối bên trái của bà hơi nâng lên, gợi hình những nếp áo gọn.

Họ không phải là những người lãng mạn. Họ đã sống sót quân phát xít, quân Anh, quân Gaul, quân Goth và quân Đức. Họ đã bị chiếm hữu quá thường xuyên đến nỗi sự chiếm hữu không còn ý nghĩa gì. Nhưng bức tượng thạch cao màu kem và xanh dương này đã đến từ biển khơi, được đặt trên một xe tải chở nho chất đầy hoa, trong khi ban nhạc lặng lẽ diễu hành phía trước bà. Bất cứ sự bảo vệ nào anh định mang đến cho thị trấn này là vô nghĩa. Anh không thể bước đi với những khẩu súng này giữa đám trẻ nhỏ mặc y phục trắng của họ.

Anh dời sang một con đường về phía nam của họ và bước cùng nhịp với chuyển động của pho tượng, như thế họ và anh đến những đường cắt ngang cùng một lúc. Anh nâng súng để nhìn mặt bà một lần nữa trong ống nhắm. Tất cả chấm dứt trên một mũi đất nhìn ra biển, nơi họ để bà lại và trở về nhà. Họ không hề biết anh vẫn có mặt gần đấy.

Khuôn mặt bà vẫn thấp sáng. Bốn người đàn ông đã đưa bà đến bằng thuyền ngồi bốn góc chung quanh bà như những người lính canh. Bộ pin gắn sau lưng bà bắt đầu yếu dần; nó chết hẳn lúc bốn rưỡi sáng. Lúc ấy anh liếc nhìn đồng hồ đeo tay. Anh nhìn những người đàn ông qua ống nhắm của cây súng trường. Hai người đã ngủ. Anh đưa ống nhắm lên mặt bà rồi lại chăm chú ngắm bà. Bà mang một dáng vẻ khác trong ánh sáng đang phai chung quanh. Một khuôn mặt khi chìm trong bóng tối nhìn giống một người anh quen biết hơn. Một người chị hoặc em. Một ngày nào đó là một đứa con gái. Anh công bình muốn làm một cử chỉ tượng trưng nào đấy, như để lại một thứ gì anh không phải mang theo. Nhưng dù sao đi nữa, anh có niềm tin riêng của mình.

Caravaggio bước vào thư viện. Lúc này hầu như buổi chiều nào anh cũng có ở đây. Sách vẫn thường là những sinh vật bí ẩn đối với anh. Anh rút một cuốn ra và mở đến trang tựa. Anh ở trong phòng khoảng năm phút thì nghe thấy một tiếng rên nhỏ.

Anh quay lại và thấy Hana đang ngủ trên ghế sofa. Anh gấp cuốn sách lại, tựa vào cạnh gờ cao ngang đùi dưới những kệ sách. Nàng nằm cuộn tròn, má bên trái áp vào lớp gấm thêu bụi bặm, cánh tay phải đưa lên mặt, một nắm tay dưới cằm. Đôi mày nàng chuyển động, khuôn mặt tập trung trong giấc ngủ.

Lúc anh mới gặp lại nàng sau từng ấy thời gian, nàng trông căng thẳng, thân hình co rút lại chỉ còn vừa đủ để vượt qua giai đoạn này một cách hữu hiệu. Cơ thể nàng đã trải qua một cuộc chiến và, cũng như trong tình yêu, nó đã dùng tất cả mọi bộ phận của mình.

Anh hắt hơi thành tiếng, đầu cúi xuống, và khi anh ngược nhìn lên nàng đã thức, mắt nàng mở, nhìn đắm đắm vào anh ở trước mặt.

“Cháu đoán xem mấy giờ rồi.”

“Khoảng bốn giờ năm phút. Không phải, bốn giờ bảy phút”, nàng nói.

Đây là một trò chơi xưa cũ giữa một người đàn ông và một đứa bé. Anh ra khỏi phòng để nhìn đồng hồ, và nhìn cử động cùng vẻ vững chãi của anh nàng có thể biết anh mới tiêm morphine, tươi tỉnh và rành mạch, với sự tự tin quen thuộc của anh. Nàng ngồi dậy và mỉm cười khi anh trở lại, lắc đầu ngạc nhiên vì độ chính xác của nàng.

“Cháu sinh ra với đồng hồ mặt trời trong đầu cháu, phải không chú?”

“Còn ban đêm thì sao?”

“Có đồng hồ mặt trăng không nhỉ? Đã có ai sáng chế ra chưa? Có lẽ mỗi kiến trúc sư khi xây một tòa villa đều giấu một cái đồng hồ mặt trăng cho mấy tên trộm, như là món tiền thuế cần thiết.”

“Một mối lo hay hay cho bọn nhà giàu.”

“Chú hãy gặp cháu ở đồng hồ mặt trăng, chú David. Nơi người yếu đuối có thể vào trong người mạnh mẽ.”

“Như bệnh nhân người Anh và cháu?”

“Một năm trước suýt nữa cháu có con.”

Giờ đây khi trí óc anh nhẹ nhàng và chuẩn xác vì thuốc, nàng có thể nói chuyện này xọ qua chuyện kia và anh có thể theo kịp, nghĩ cùng với nàng. Nàng đang cười mở, không hẳn nhận ra nàng đã thức và đang nói

chuyện, như vẫn đang nói trong mơ, như thể cái hắt hơi của anh là cái hắt hơi trong mơ.

Trạng thái này quen thuộc với Caravaggio. Anh thường gặp người ta ở đồng hồ mặt trăng. Kinh động họ vào lúc hai giờ sáng khi anh vô ý làm cả cái tủ trong phòng ngủ đổ rầm xuống. Anh khám phá ra rằng những cú sốc như vậy ngăn họ không thấy sợ hoặc trở nên hung bạo. Bị chủ căn nhà anh đang ăn trộm bắt gặp, anh sẽ vỗ tay và hỏi hả nói chuyện, tung hứng một cái đồng hồ đất tiền, liên lâu hỏi họ chỗ họ để mọi thứ.

“Cháu đã mất đứa bé. Ý cháu là, cháu phải bỏ nó đi. Cha của nó đã chết. Lúc ấy đang có một cuộc chiến.”

“Lúc ấy cháu ở Ý?”

“Khoảng thời gian chuyện này xảy ra, cháu ở Sicily. Suốt thời gian bọn cháu theo quân lính đi lên vùng Adriatic, cháu nghĩ đến nó. Cháu vẫn tiếp tục nói chuyện với đứa bé. Cháu làm việc quần quật trong bệnh viện và né tránh mọi người chung quanh. Ngoại trừ đứa bé. Cháu kể cho nó nghe mọi chuyện. Trong đầu cháu. Cháu nói chuyện với nó trong khi cháu lau mình và chăm sóc bệnh nhân. Lúc ấy cháu hơi điên.”

“Rồi cha cháu chết.”

“Vâng. Rồi Patrick chết. Khi cháu nghe tin, cháu đang ở Pisa.”

Nàng đã thức, và ngồi dậy. “Chú biết, phải không hở?”

“Chú nhận được một lá thư nhà.”

“Có phải vì thế mà chú đến đây không, vì chú biết?” “Không phải.”

“Thế thì tốt. Cháu không nghĩ là ba tin vào lễ viếng tang hoặc những thứ đại loại như thế. Patrick thường nói ba muốn nghe hai người đàn bà hòa tấu nhạc cụ khi ba chết. Phong cầm và vĩ cầm. Thế thôi. Ba thật quá đa cảm.”

“Đúng. Người ta có thể khiến anh ấy làm bất cứ chuyện gì. Tìm cho anh ấy một người đàn bà lâm nạn là anh ấy mê tơi.”

Cơn gió từ thung lũng dâng lên ngọn đồi của họ, và hàng cây bách viền ba mươi sáu bậc thang bên ngoài giáo đường nhỏ vật lộn với gió. Những giọt nước của cơn mưa trước đây bị xô đẩy, rơi xuống kêu tí tách trên hai người. Họ đang ngồi trên lan can cạnh những bậc thang. Đã quá nửa đêm lâu lắm. Nàng đang nằm trên gờ bê tông, anh đi qua đi lại hoặc nhòai người ra ngoài nhìn xuống thung lũng. Chỉ có tiếng những giọt mưa bị dời chỗ.

“Cháu thôi nói chuyện với đứa bé khi nào?”

“Bỗng dưng cháu bận rộn quá. Quân lính đang vào trận ở cầu Moro và rồi vào Urbino. Có lẽ cháu ngưng nói chuyện với nó ở Urbino. Ở đây cháu có cảm tưởng cháu có thể bị bắn bất cứ lúc nào, bất kể cháu là lính, linh mục hay y tá. Những con đường hẹp và dốc ấy là khu dân cư đông đúc. Những người lính đến đây chỉ còn vài mẩu thân thể, yêu thích cháu trong một giờ rồi hấp hối. Điều quan trọng là ghi nhớ tên của họ. Nhưng cháu cứ nhìn thấy đứa bé mỗi khi họ chết. Bị cuốn trôi đi. Có người ngồi dậy xé lớp vải băng để cố thở được dễ dàng hơn. Có người lo lắng về những vết trầy li ti trên cánh tay khi họ chết. Rồi cái bóng bọ trong miệng. Tiếng bọ nhỏ nhỏ ấy. Cháu cúi xuống khép mắt cho một người lính đã chết, anh ta mở mắt, khinh miệt nói: “Cô mong tôi chết lắm phải không? Con quỷ cái!”. Anh ta ngồi dậy, gạt tất cả mọi thứ trên khay của cháu xuống sàn nhà. Giận điên lên. Ai muốn chết như thế cơ chứ? Chết với sự giận dữ như vậy. Con quỷ cái! Sau đó cháu luôn đợi cái bóng bọ trong miệng họ. Bây giờ cháu đã biết về cái chết, chú David. Cháu biết tất cả mùi của nó. Cháu biết cách làm họ quên đi đau đớn. Khi nào thì tiêm nhanh liều morphine vào mạch máu chính. Nước biển. Để họ đi đại tiện trước khi chết. Đáng lẽ mỗi ông tướng khốn kiếp phải làm công việc của cháu. Mỗi một ông tướng khốn kiếp. Đáng lẽ đây phải là điều kiện tiên quyết cho mỗi chuyến vượt sông. Bọn cháu là cái quái gì mà được giao cho trách nhiệm này, phải khôn ngoan như những linh mục già, biết cách dẫn dắt người ta đến một điều không ai muốn và bằng cách nào đấy làm cho họ cảm thấy dễ chịu. Cháu không thể tin nổi những lễ rửa tội họ

làm cho những người chết. Lời hùng biện thô tục của họ. Thật quá quắt! Sao họ dám nói như thế về một người đang hấp hối.”

Không có ánh sáng, tất cả đèn đã tắt, bầu trời gần như phủ kín mây. Những căn nhà còn lại sẽ được an toàn hơn nếu chúng không gây chú ý vì vẻ văn minh của mình. Họ đã quen bước quanh nhà trong bóng tối.

“Cháu có biết tại sao quân đội không muốn cháu ở lại đây với bệnh nhân người Anh không? Cháu có biết không?”

“Một cuộc hôn nhân đáng xấu hổ? Cháu có bệnh tâm lý về cha mình¹?” Nàng mỉm cười với anh.

¹ Có lẽ là mặc cảm Oedipus (*Oedipus complex*).

“Ông ấy như thế nào rồi?”

“Vẫn chưa yên lòng về con chó.”

“Bảo ông ấy rằng con chó là của chú.”

“Ông ấy cũng không chắc chú đang ở đây. Ông ấy nghĩ không chừng chú sẽ chuồn mất với bộ bát đĩa sứ.”

“Cháu nghĩ ông ấy có muốn uống rượu vang không? Hôm nay chú cuỗm được một chai.”

“Ở đâu?”

“Cháu có muốn uống hay không?”

“Bây giờ mình uống đi. Kệ ông ấy.” “À, cháu đã nghĩ thấu suốt!”

“Không phải thế. Cháu rất cần một châu rượu.”

“Hai mươi tuổi. Lúc chú hai mươi tuổi...”

“Vâng, vâng, hôm nào chú cuỗm luôn một cái máy gramophone¹ đi. Cháu nghĩ người ta gọi chuyện này là hôn của đầy.”

¹ *Máy chơi đĩa nhạc.*

“Tổ quốc của chú đã dạy chú tất cả những chuyện này. Đây là chuyện chú đã làm cho họ trong cuộc chiến.”

Anh đi xuyên qua giáo đường nhỏ bị pháo kích để vào nhà.

Hana ngồi dậy, hơi choáng váng, mắt thẳng băng. “Nhìn xem họ đã làm gì với chú”, nàng nói một mình.

Trong cuộc chiến, nàng hầu như không nói ngay cả với những người nàng làm việc chung trong vòng thân cận. Nàng cần một ông chú, một thành viên gia đình. Nàng cần cha của đứa bé, trong lúc nàng chờ đợi được say lần đầu tiên sau bao nhiêu năm, nơi thị trấn trên đồi này, trong lúc một người đàn ông bị bỏng trên đầu đã rơi vào giấc ngủ dài bốn giờ của mình, trong lúc một người bạn cũ của cha nàng lục lạo tủ thuốc của nàng, bẻ cổ thủy tinh của ống thuốc, thắt dây giày quanh cánh tay mình và nhanh chóng tiêm morphine vào người, tất cả chỉ trong khoảng thời gian đủ cho anh quay người lại.

Ban đêm, trong những ngọn núi chung quanh họ, ngay cả lúc mười giờ đêm, chỉ có mặt đất là tăm tối. Bầu trời xám, trong trẻo, những ngọn đồi màu xanh lá.

“Cháu chán ngấy sự khao khát. Chán được thêm muốn. Vì thế cháu bỏ đi, không hẹn hò, không lên xe jeep đi chơi, không tán tỉnh. Những buổi khiêu vũ cuối cùng trước khi họ chết - họ nghĩ cháu hợm hĩnh. Cháu làm việc chăm chỉ hơn người khác. Hai ca liên tiếp, trong lần đạn, làm bất cứ chuyện gì cho họ, đổ từng cái xô. Cháu trở thành kẻ hợm hĩnh vì cháu không muốn đi chơi và tiêu tiền của họ. Cháu muốn về nhà nhưng không có ai ở nhà. Cháu chán ghét châu Âu. Chán được quý như vàng vì cháu là đàn bà. Cháu yêu một người đàn ông, anh ấy chết và đứa bé chết. Ý cháu là, đứa bé không tự đứng mà chết, cháu là người hủy diệt nó. Sau đấy cháu lùi lại xa đến nỗi không ai lại gần cháu được, dù bằng cách nói cháu hợm hĩnh, hoặc bằng cái chết của bất cứ ai. Rồi cháu gặp ông ấy, người đàn ông bị cháy đen. Nhìn gần, hóa ra ông ấy là một người Anh.

Đã lâu lắm rồi, chú David, cháu không muốn dính dáng đến một người đàn ông.”

Sau khi anh công binh người Sikh có mặt quanh tòa villa một tuần, họ đã thích nghi với thói quen ăn uống của anh. Dù anh đang ở đâu - trên đồi hay trong làng - anh cũng sẽ trở về vào khoảng mười hai rưỡi để ăn chung với Hana và Caravaggio, lôi trong túi đeo vai ra một cái gói buộc bằng chiếc khăn tay màu xanh rồi trải ra bàn cạnh thức ăn của họ. Những củ hành tây và rau thơm - Caravaggio ngờ rằng anh đã lấy chúng từ vườn của dòng tu Francisco trong lúc anh dò mìn ở đấy. Anh lột vỏ hành cũng bằng con dao anh dùng để lột lớp cao su bên ngoài sợi dây ngòi nổ. Theo sau hành tây là trái cây. Caravaggio đoán rằng trong suốt cuộc tấn chiếm anh chưa bao giờ ăn thức ăn của lính.

Thật ra thì mỗi sáng tinh mơ anh luôn ngoan ngoãn xếp hàng, giơ tách nhận nước trà kiểu Anh anh thích, bỏ thêm sữa đặc của riêng mình. Anh sẽ uống chậm rãi, đứng trong ánh nắng nhìn chuyển động chậm chạp của quân lính. Nếu hôm ấy họ không chuyển quân, chín giờ sáng là họ đã chơi bài canasta.

Bây giờ, lúc bình minh, dưới đám cây cối sút sọ trong những khu vườn hư hại vì đạn pháo của villa San Girolamo, anh hộp một ngum đầy nước trong bi đông của mình. Anh đổ bột kem đánh răng lên bàn chải và bắt đầu mười phút đánh răng nhàn nhã khi anh lang thang nhìn xuống thung lũng vẫn còn chìm trong sương mù, trí óc anh tò mò nhiều hơn là ngưỡng mộ phong cảnh anh tình cờ đang sống ở phía trên. Từ lúc anh còn nhỏ, với anh đánh răng vẫn là một hoạt động ngoài trời.

Khung cảnh chung quanh anh chỉ là tạm thời, không có gì vĩnh viễn. Anh chỉ xác nhận khả năng có mưa, một mùi nào đó trong một bụi cây. Tựa hồ như trí óc anh, ngay cả lúc không dùng đến, là một cái radar, mắt anh xác định cách sắp xếp của những vật bất động trong vòng bán kính một phần tư dặm chung quanh anh, cũng là tầm tiêu diệt của những vũ khí nhẹ. Anh nhìn kỹ hai củ hành anh thận trọng đào trong đất lên, biết rằng khu vườn cũng bị quân đội đang rút lui cài mìn.

Trong bữa ăn trưa, Caravaggio liếc nhìn với vẻ bề trên đến những vật trong chiếc khăn tay màu xanh. Không chừng có một loại thú hiếm, Caravaggio nghĩ, cũng ăn loại thực phẩm anh lính trẻ này vẫn ăn với bàn tay phải của anh, những ngón tay anh đưa thức ăn lên miệng mình. Anh chỉ dùng dao để lột vỏ hành, cắt trái cây.

Hai người đàn ông mang xe kéo xuống thung lũng để lấy một bao bột mì. Anh lính cũng phải giao bản đồ những khu vực đã sạch mìn cho tổng hành dinh ở San Domenico. Cảm thấy khó hỏi chuyện lẫn nhau, họ nói về Hana. Anh lính đã hỏi nhiều câu trước khi người đàn ông lớn tuổi hơn nhận rằng ông đã biết nàng trước chiến tranh.

“Ở Canada?”

“Ừ. Tôi biết cô ấy ở đó.”

Họ đi qua nhiều đồng lúa bên vệ đường và Caravaggio chuyển sự chú ý của anh lính trẻ đến chúng. Biệt danh của anh công binh là Kip. “Gọi Kip đến đây.” “Kip đến rồi đây.” Cái tên được gán cho anh trong một trường hợp kỳ lạ. Bản báo cáo gỡ mìn đầu tiên của anh ở Anh quốc có dính chút bơ, và người sĩ quan thốt lên, “Cái gì thế này? Mỡ kipper phải không?”, và tiếng cười vây lấy anh. Anh không hề biết kipper là cái gì, nhưng chàng thanh niên người Sikh đã bị biến thành một con cá mặn kiểu Anh như thế¹. Trong vòng một tuần, tên thật của anh là Kirpal Singh đã bị quên mất. Anh không nề hà chuyện này. Huân tước Suffolk và đội phá mìn của anh dần dà quen gọi anh bằng cái tên ấy, và anh thích như thế hơn là phong tục dùng tên họ của người Anh.

¹ *Kipper: có nghĩa là món cá trích muối hun khói.*

Mùa hè ấy bệnh nhân người Anh đeo máy trợ thính, thế nên ông nghe thấy mọi thứ trong nhà. Cái máy hình vỏ sò màu hổ phách đeo trong tai ông với sự diễn dịch của nó về những tiếng động thông thường - cái ghế trong hành lang bị kéo lê trên sàn, móng chân con chó gõ lách cách ngoài căn phòng của ông, vì thế ông có thể vận âm thanh lớn lên và thậm chí nghe tiếng thở khỉ gió của nó, hoặc tiếng hét ngoài ban công của anh công binh. Bệnh nhân người Anh biết đến sự có mặt của anh

lính trẻ trong căn nhà vài ngày sau khi anh đến như thế, mặc dù Hana tách họ riêng ra, biết rằng có lẽ họ sẽ không ưa nhau.

Nhưng một hôm Hana vào phòng ông người Anh và gặp anh công binh ở đấy. Anh đang đứng ở chân giường, hai tay anh buông thõng qua cây súng trường nằm ngang trên vai. Nàng không thích cách anh cầm súng bất cẩn như thế, cách anh chậm rãi quay mình về phía nàng khi nàng bước vào, như thể thân hình anh là một trục bánh xe, như thể cây súng đã được may xuôi theo vai và cánh tay và hai cổ tay nhỏ nhắn màu nâu của anh.

Ông người Anh quay về phía nàng và nói, “Chúng tôi hợp nhau lắm!”.

Nàng bực mình vì anh công binh đã ung dung đi vào lãnh thổ này, dường như có thể bao vây nàng, chỗ nào cũng có mặt. Kip, nghe Caravaggio nói rằng người bệnh biết về súng, đã bắt đầu bàn thảo cách tìm bom với ông người Anh. Anh đã lên phòng và khám phá ra rằng ông là một kho chứa tin tức về vũ khí của quân Đồng Minh cũng như quân địch. Ông người Anh không những biết về những ngòi nổ Ý quái gở mà còn biết địa hình chi tiết của vùng Tuscany. Không bao lâu sau họ đã vẽ hình dáng bom cho nhau xem và nói về lý thuyết của mỗi mạch điện.

“Hình như ngòi nổ Ý được đặt vào theo chiều thẳng đứng. Và không phải lúc nào cũng ở phần đuôi.”

“Cũng tùy. Ngòi nổ chế tạo ở Naples là như thế, nhưng những xưởng chế tạo ở Rome lại theo hệ thống Đức. Dĩ nhiên, Naples, từ thế kỷ XV...”

Như thế có nghĩa là phải nghe người bệnh nói kiểu vòng vo của ông, và anh lính trẻ không quen đứng yên và im lặng. Anh mất kiên nhẫn, chen vào những lúc ông người Anh tạm ngưng hoặc những lúc ông im lặng, những khoảng trống ông vẫn tự cho phép mình trong lúc ông cố gắng truyền sinh lực cho một dòng suy nghĩ. Người lính ngửa đầu ra sau, nhìn lên trần nhà.

“Chúng ta nên làm một cái cang”, anh công binh quay lại nói với Hana khi nàng vào phòng, vẻ suy tính, “và khiêng ông ấy đi quanh nhà”. Nàng nhìn hai người, nhún vai rồi đi ra.

Khi Caravaggio đi ngang qua nàng trong hành lang, nàng đang mỉm cười. Họ đứng trong hành lang và lắng nghe cuộc đối thoại trong phòng.

Tôi đã nói cho anh nghe khái niệm của tôi về nhân vật Virgil¹ chưa, Kip? Để tôi...

¹ *Virgilian Man*: hình tượng anh hùng trong thơ của Publius Vergilius Maro, cũng được biết đến bằng tên Virgil.

Ông vận máy trợ thính của ông lên chưa?

Cái gì? Vận nó...

“Cháu nghĩ ông ấy đã tìm ra một người bạn”, nàng bảo Caravaggio.

Nàng bước ra sân, vào ánh nắng. Giữa trưa, những vòi nước mang nước vào bồn nước phun của tòa villa sẽ chảy trong hai mươi phút. Nàng cởi giày, leo vào bồn nước khô cạn và đợi.

Giờ này khắp nơi là mùi cỏ khô. Những con nhặng xanh lộn nhào trong không gian, đâm sầm vào người ta như thể va vào bức tường, rồi thản nhiên rút lui. Nàng để ý chỗ mấy con nhện nước làm tổ bên dưới đài nước trên cùng của bồn nước phun, khuôn mặt nàng trong bóng râm dưới gờ đài. Nàng thích ngồi trong cái nôi đá này, ngửi mùi không khí mát và tối ẩn bên trong vòi nước vẫn còn khô cạn gần đây, như không khí thoát ra từ hầm nhà được mở ra lần đầu tiên lúc cuối xuân, tương phản với sức nóng bên ngoài. Nàng phủ bụi trên hai cánh tay, những ngón chân, nếp gấp của giày, rồi vươn vai.

Căn nhà nhiều đàn ông quá. Miệng nàng áp vào cánh tay trần ở bả vai của mình. Nàng ngửi mùi da mình, sự quen thuộc của nó. Hương vị của chính mình. Nàng nhớ khi nàng bắt đầu nhận ra hương vị ấy, trong những năm niên thiếu - những năm dường như là một nơi chốn hơn là khoảng thời gian - hôn cánh tay mình để tập hôn, ngửi cổ tay mình hoặc

cúi xuống đùi. Thở vào hai bàn tay úp lại để hơi thở dội lại mũi mình. Bây giờ nàng xoa hai bàn chân trần trắng trẻo nổi bật trên màu nâu đốm của bồn nước phun. Anh công binh đã kể cho nàng nghe về những pho tượng anh gặp trong lúc chiến đấu, anh đã ngủ bên cạnh một pho tượng thiên thần sầu đau bán nam bán nữ như thế nào, rằng anh thấy pho tượng xinh đẹp. Anh đã nằm ngửa, ngắm thân tượng, và lần đầu tiên trong cuộc chiến cảm thấy bình yên.

Nàng ngửi mặt đá, mùi bướm đêm mát lạnh của nó.

Cha nàng đã vật vã lúc chết, hay ông chết yên ả? Ông có nằm như cách bệnh nhân người Anh uy nghi nghỉ ngơi trên cái giường nhỏ của mình? Ông có được một người lạ chăm sóc? Một người đàn ông không có liên hệ máu mủ với bạn có thể mở toang xúc cảm của bạn dễ hơn một người ruột thịt với bạn. Như thế khi ngã vào vòng tay kẻ lạ, bạn khám phá ra hình bóng sự lựa chọn của bạn. Không như anh công binh, cha nàng chưa bao giờ hoàn toàn tự nhiên trong thế gian. Những lời đối thoại của ông mất vài âm vì e thẹn. Mẹ nàng đã than phiền rằng bất cứ câu nói nào của Patrick cũng mất hai ba chữ cốt yếu. Nhưng Hana thích đặc điểm ấy của ông, dường như ở ông không có tinh thần phong kiến. Ông có vẻ bất quyết, sự mập mờ cho ông một nét quyến rũ ngần ngại. Ông không giống hầu hết những người đàn ông khác. Thậm chí bệnh nhân người Anh bị thương cũng có sự cương quyết quen thuộc của thời phong kiến. Nhưng cha nàng là một hồn ma khao khát, thích những người chung quanh mình tự tin, thậm chí âm ỉ.

Ông có đi đến cái chết với cảm giác bình thản như khi gặp tai nạn? Hay là trong thịnh nộ? Ông là người ít giận dữ nhất mà nàng biết, không thích tranh cãi, chỉ ra khỏi phòng khi có ai nói xấu Roosevelt hoặc Tim Buck¹ hoặc ca ngợi những ông thị trưởng Toronto nào đấy. Suốt đời ông không hề tìm cách biến đổi một ai, chỉ chấp vá hoặc ăn mừng những sự kiện xảy ra quanh mình. Chỉ thế thôi. Một cuốn tiểu thuyết là một tấm gương đi trên đường². Nàng đọc câu này trong một cuốn sách bệnh nhân người Anh khuyên nàng đọc, và đấy là cách nàng nhớ đến cha nàng - bất cứ khi nào nàng thu góp những khoảnh khắc về ông - dừng xe dưới một cây cầu ở Toronto về phía bắc đường Pottery lúc nửa đêm và bảo nàng đây là chỗ chim sáo đá và chim câu cùng chia sẻ những rui cầu trong

đêm, không thoải mái và không hẳn vui lòng. Họ đã dừng ở đấy trong một đêm hè và thò đầu ra ngoài xe trong tiếng ồn ào và tiếng chíp chíp ngái ngủ.

¹ *Tổng thư ký Đảng Cộng sản Canada từ năm 1929 đến năm 1962.*

² *Một câu văn của Stendhal.*

Chú nghe nói Patrick chết trong một cái chuồng chim câu, Caravaggio nói.

Cha nàng yêu một thành phố ông tự vẽ vời, trong ấy những con đường, những bức tường và những lễ đường là do ông và bạn ông sơn vẽ. Ông chưa bao giờ thực sự rời khỏi thế giới ấy. Nàng nhận ra tất cả mọi điều nàng biết về thế giới thực nàng đã tự học hoặc học từ Caravaggio hoặc từ mẹ kế Clara của nàng trong thời gian họ sống chung với nhau. Clara đã từng là diễn viên, ăn nói chuẩn xác, đã diễn đạt chính xác cơn thịnh nộ khi hai cha con nàng gia nhập cuộc chiến. Suốt năm vừa qua ở Ý nàng mang theo những lá thư của Clara. Những lá thư nàng biết đã được viết trên một hòn đá màu hồng ở một hòn đảo trong vịnh Georgian, trong cơn gió đến từ ngoài khơi làm uốn cong trang giấy trong cuốn sổ tay của bà, trước khi bà xé tờ giấy ra và để nó vào trong một chiếc phong bì gửi cho Hana. Nàng cất chúng trong va li của mình, mỗi lá thư đựng một mẩu đá hồng nho nhỏ và cơn gió ấy. Nhưng nàng chưa hề trả lời. Nàng nhớ Clara đến khổ sở nhưng không thể viết cho bà trong lúc này, sau tất cả mọi chuyện đã xảy ra với nàng. Nàng không thể chịu đựng nổi việc nhắc đến hoặc ngay cả xác nhận cái chết của Patrick.

Bây giờ, trên lục địa này, cuộc chiến đã đi đến nơi khác, những tu viện nữ và giáo đường trước đây được biến thành bệnh viện trong phút chốc nay trở thành hiu quạnh, cô lập trong những ngọn đồi của vùng Tuscany và Umbria. Chúng chứa đựng tàn tích của những xã hội chiến tranh, những mảnh vụn đá sỏi còn lại của một băng sơn mênh mông. Chung quanh chúng bây giờ là khu rừng thánh.

Nàng xếp hai chân dưới chiếc áo đầm mỏng và để hai tay lên đùi. Tất cả tĩnh lặng. Nàng nghe tiếng xao động trống rỗng quen thuộc, bốn chồn

bên trong ống nước giấu trong cái cột chính giữa của bồn nước phun. Rồi im lặng. Rồi bất thành linh nước chảy ào ra chung quanh nàng.

Những câu chuyện Hana đọc cho bệnh nhân người Anh nghe, du hành cùng ông già lang thang trong truyện Kim¹ hoặc với Fabrizio trong Tu viện thành Parma², đã làm họ say mê trong cơn lốc của quân đội và ngựa xe - những người đang chạy trốn hoặc đang chạy đến chiến tranh. Chết trong một góc phòng của ông là những cuốn sách khác nàng đã đọc cho ông nghe, khung cảnh trong những cuốn sách ấy họ đã đi qua.

¹ *Truyện của Rudyard Kipling.*

² *La Chartreuse de Parme: truyện của Stendhal.*

Nhiều cuốn sách bắt đầu bằng sự đảm bảo trình tự của tác giả. Người ta chèo vào vùng nước trong những cuốn sách ấy trong êm lặng.

Tôi bắt đầu tác phẩm của mình khi Servius Galba là Quan Nhiếp Chính Tối Cao... Lịch sử của Tiberius, Caligula, Claudius và Nero, trong lúc họ có thể lực, đã bị ngụy tạo vì sợ hãi, và sau khi họ chết đi được viết ra trong một nỗi căm ghét mới.

Tacitus bắt đầu cuốn Niên sử¹ của ông như thế.

¹ *Nguyên văn: Annals.*

Nhưng sách truyện mở đầu bằng một sự ngập ngừng hoặc hỗn loạn. Người đọc không bao giờ hoàn toàn thăng bằng. Một cánh cửa một ổ khóa một đập nước mở ra và họ xông vào, một tay nắm mép thuyền, tay kia cầm cái mũ.

Khi nàng bắt đầu một cuốn sách, nàng đi qua những khung cửa vòm vào những khoảng sân rộng. Parma và Paris và Ấn Độ trải những tấm thảm mời mọc.

Để chống lại những sắc lệnh thành phố, ông cuời lên khẩu súng thần công Zam-Zammah, nằm trên bệ gạch đối diện căn nhà cổ Ajaib-Gher - Căn Nhà Kỳ Diệu, như những người địa phương gọi Bảo tàng viện Lahore.

Ai nắm giữ Zam-Zammah, “con rồng phun lửa” ấy, sẽ nắm giữ vùng Punjab, vì khẩu đại bác bằng đồng xanh to lớn ấy luôn luôn là chiến lợi phẩm đầu tiên của kẻ chiến thắng.

“Đọc chậm chậm thôi, cô bé ạ, cô phải đọc Kipling thật chậm rãi. Cần thận xem chừng dấu phẩy ở đâu để cô có thể tìm ra những chỗ nghỉ tự nhiên của câu. Ông ấy viết bằng bút và mực. Tôi tin là ông rời mắt khỏi trang giấy và ngược lên nhiều lần, nhìn đăm đăm qua cửa sổ và lắng nghe tiếng chim, như đa số những người viết cô đọc thường làm. Có người viết không biết tên của những con chim, nhưng ông ấy biết. Mắt cô nhanh quá, Bắc Mỹ quá. Cô hãy nghĩ đến nhịp độ cây bút của ông ấy. Nếu không thì đây là một đoạn văn đầu tiên đầu gà đít vịt đáng sợ lắm.”

Đây là bài học đầu tiên của bệnh nhân người Anh về cách đọc sách. Ông không ngắt lời nàng nữa. Nếu ông ngủ nàng sẽ tiếp tục đọc, không hề ngược nhìn lên cho đến khi chính nàng thấy mệt. Nếu ông bỏ sót nửa giờ cuối của câu chuyện, đây chỉ là một căn phòng tối trong câu chuyện hẳn ông đã biết. Ông quen thuộc với bản đồ của câu chuyện. Benares ở phía đông, Chilianwallah ở phía bắc của Punjab. (Tất cả chuyện này xảy ra trước khi anh công binh vào cuộc đời họ, như trong truyện tiểu thuyết. Như thế ai đấy đã xoa những trang truyện của Kipling trong đêm như xoa một cây đèn thần. Một liều thuốc kỳ diệu.)

Từ kết cục của truyện Kim, với những câu văn tao nhã và thánh thiện - bây giờ đã được đọc đúng cách - nàng quay sang cuốn sổ ghi chép của ông bệnh nhân, cuốn sổ ông đã xoay sở bằng cách nào đấy để mang nó ra khỏi đám lửa cùng với ông. Cuốn sổ mở rộng, gần như gấp đôi bề dày nguyên thủy của nó.

Một mảnh giấy mỏng được xé ra từ trong Thánh Kinh và dán vào cuốn sổ.

Vua David già yếu bệnh hoạn nhiều năm và họ mặc y phục cho ngài nhưng ngài không ẩm.

Lúc ấy tôi tớ của ngài nói, Hãy tìm cho vua một nàng trinh nữ trẻ: để nàng ấp ủ ngài, để nàng nằm trong lòng ngài, để vua chúng ta có thể được ấm.

Vì thế họ tìm một cô gái xinh đẹp khắp miền duyên hải Do Thái và tìm ra Abishag, người vùng Shunam. Thiếu nữ ấp ủ vua và chăm sóc ngài: nhưng vua không ngó ngang đến nàng¹.

¹ *Trích Kings (Các vị vua) cuốn 1 1:1-4.*

Bộ lạc... đã cứu người phi công bị bỏng mang ông đến căn cứ quân sự của người Anh ở Siwa vào năm 1944. Ông được chuyển bằng chuyến xe lửa cấp cứu lúc nửa đêm từ sa mạc Miền Tây đến Tunis, rồi bằng tàu thủy đến Ý. Lúc ấy trong cuộc chiến có hàng trăm binh lính mất trí nhớ, họ vô hại nhiều hơn là xảo trá. Những người nói họ không rõ mình là người nước nào được sắp xếp chỗ ở trong những khu nhà ở Tirrenia, chỗ có bệnh viện vùng biển. Người phi công bị bỏng là một bí ẩn khác, không giấy tờ, không nhận diện được. Trong trại giam gần bên, họ giam giữ nhà thơ người Mỹ Ezra Pound trong một cái cũi, nơi ông ta giấu trong thân mình và trong túi áo, đổi chỗ giấu hàng ngày vì khái niệm an ninh của riêng ông, một hạt khuy nh diệp có cánh ông đã cúi xuống nhặt trong khu vườn của người phản bội ông khi ông bị bắt.

“Khuy nh diệp là để cho ký ức²”

² *Trích trong truyện The Pisan Cantos của Ezra Pound.*

“Các anh nên tìm cách lừa tôi”, người phi công bị bỏng bảo những người thẩm vấn ông, “bắt tôi nói tiếng Đức, tôi biết tiếng Đức đấy, hỏi tôi về Don Bradman¹. Hỏi tôi về Marmite², về Gertrude Jekyll³ tuyệt vời”. Ông biết những địa điểm ở châu Âu có tranh của Giotto⁴, và hầu hết những nơi người ta có thể tìm thấy bức trompe l’oeil giống như thật.

¹ *Cầu thủ môn cricket của Úc.*

² *Một loại thức ăn.*

³ *Nghệ sĩ, tác giả người Anh.*

⁴ *Giotto di Bondone (1267 - 1337): họa sĩ, kiến trúc sư người Ý.*

Bệnh viện vùng biển được lập nên từ những nhà tắm dọc theo bãi biển cho du khách thuê vào đầu thế kỷ. Lúc trời nóng, những cây dù Campari⁵ cũ lại một lần nữa được cắm vào trong lỗ trên bàn dành cho chúng, và những người bị băng bó, những người bị thương, những người hôn mê sẽ ngồi dưới những cây dù trong không khí biển, chậm rãi nói chuyện hoặc nhìn trùng trùng hoặc nói huyền thuyên. Người đàn ông bị bỏng để ý đến cô y tá trẻ tách riêng một mình. Ông quen với những cái nhìn chết lặng như thế, biết rằng thật ra cô là bệnh nhân hơn là y tá. Ông chỉ nói với cô khi nào ông cần thứ gì.

⁵ *Một loại rượu khai vị.*

Ông lại bị thẩm vấn. Mọi thứ ở ông rất giống người Anh ngoại trừ làn da đen như hắc ín, một xác người cổ đại khai quật trong đầm rêu giữa những người thẩm vấn.

Họ hỏi ông về tình trạng của quân Đồng Minh ở nước Ý, ông nói ông cho rằng họ đã chiếm được Florence nhưng bị kẹt trong những thị trấn vùng đồi phía bắc. Phòng tuyến Gothic. “Sư đoàn của các anh bị kẹt ở Florence và không thể vượt qua những căn cứ quân sự như Prato và Fiesole chẳng hạn vì quân Đức phòng thủ trong những tòa villa và tu viện, những nơi ấy được phòng thủ rất vững. Đây là một câu chuyện cũ - Thập Tự quân cũng phạm cùng một sai lầm trong cuộc chiến với người Saracen¹. Giống như Thập Tự quân, bây giờ các ông cần những thị trấn đồn lũy. Những thị trấn ấy chưa bao giờ bị bỏ trống ngoại trừ những lúc có dịch tả.”

¹ *Chỉ người Ả Rập hoặc Hồi giáo.*

Ông nói huyền thuyên, làm họ phát điên, kẻ phản bội hay đồng minh cũng thế, khiến họ không bao giờ đoán chắc được ông là ai.

Giờ đây, nhiều tháng sau ở villa San Girolamo, trong thị trấn trên đồi phía bắc Florence, trong phòng cây lá là phòng ngủ của ông, ông nằm nghỉ ngơi như pho tượng của một hiệp sĩ đã chết ở Ravenna². Ông nói rời rạc về những thị trấn ốc đảo, dòng họ Medici sau này, lối hành văn của Kipling, người đàn bà cắn vào da thịt ông. Trong cuốn sổ ghi chép của

ông, bản in cuốn Lịch sử của Herodotus vào năm 1890, là những mảnh rời khác - bản đồ, những đoạn nhật ký, những đoạn viết bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau, những đoạn văn cắt ra từ nhiều cuốn sách khác. Chỉ thiếu tên của chính ông. Vẫn không có manh mối nào về thân thế của ông, không tên, không chức vụ hoặc tiểu đoàn hoặc tiểu đội. Những điều nhắc đến trong cuốn sổ của ông đều xảy ra trước chiến tranh. Những sa mạc của Ai Cập và Libya trong thập niên 1930, chen lẫn với những điều liên quan đến nghệ thuật vẽ trên vách động hoặc nghệ thuật trưng bày hoặc những ghi chép hằng ngày bằng nét chữ nhỏ của ông. “Không có ai tóc nâu”, bệnh nhân người Anh nói với Hana khi nàng cúi xuống bên ông, “trong số những hình tượng Đức Mẹ ở Florence”.

² Thuộc nước Ý.

Cuốn sổ nằm trong tay ông. Nàng lấy nó từ thân thể đang ngủ của ông và để nó lên chiếc bàn cạnh giường. Vẫn để nó mở ra, nàng đứng đấy, nhìn xuống và đọc. Nàng tự hứa sẽ không lật sang trang.

Tháng Năm năm 1936.

Tôi sẽ đọc cho các anh nghe một bài thơ, vợ của Clifton nói, bằng giọng trịnh trọng của cô, lúc nào cô cũng giữ vẻ lễ nghi, trừ phi bạn rất thân với cô. Tất cả chúng tôi đang ở trại phía nam, trong ánh lửa.

Tôi bước đi trong sa mạc. Và tôi kêu lên:

“Chúa ơi, xin đem con ra khỏi chốn này!”.

Một tiếng nói đáp: “Đấy không phải là sa mạc”.

Tôi kêu: “Thế nhưng...”

Cát, hơi nóng, chân trời hoang vắng”.

Một tiếng nói đáp: “Đấy không phải là sa mạc”.

Không ai nói gì.

Cô nói, Bài thơ ấy của Stephen Crane, ông ta chưa bao giờ đến sa mạc.

Ông ta đã đến sa mạc, Madox nói.

Tháng Bảy năm 1936.

Có những sự phản bội trong chiến tranh chỉ là trò trẻ con so với sự phản bội của con người trong thời bình. Một người tình mới đi vào thói quen của người tình kia. Mọi thứ bị đập nát, phô bày trong ánh sáng mới. Chuyện này được thực hiện với những câu nói bồn chồn hoặc dịu dàng, mặc dù trái tim là một phần cơ thể thuộc về lửa.

Một câu chuyện tình không phải là chuyện về người đánh mất trái tim mình mà là chuyện về người tìm ra cư dân ử ê ấy, người cư dân khi bất ngờ gặp được có nghĩa là thân xác không lừa được ai, không lừa được cái gì - không lừa được sự khôn ngoan của giấc ngủ hoặc thói quen giao tế. Đây là sự hủy diệt của chính mình và quá khứ.

Trời đã gần tối trong căn phòng màu lá xanh. Hana quay người và nhận ra cổ nàng đã cứng lại vì bất động quá lâu. Nàng đã tập trung và chìm đắm vào nét chữ ngoằn ngoèo trong cuốn sổ nặng với những trang dày lấp kín bản đồ và chữ. Thậm chí có một lá dương xỉ nhỏ dán trong sách. Lịch sử. Nàng không gấp cuốn sách lại, chưa chạm vào nó từ lúc nàng đặt nó lên cái bàn cạnh giường. Nàng bước đi xa dần nó.

Kip đang ở trong một cánh đồng phía bắc tòa villa khi anh tìm ra trái mìn lớn. Chân anh - suýt giẫm lên sợi dây điện màu xanh lá cây khi anh băng ngang vườn cây ăn trái - xoay đi để tránh sợi dây, vì thế anh mất thăng bằng, ngã quỵ xuống đất. Anh nhắc sợi dây điện cho đến khi nó căng ra, rồi lần theo nó, đi vòng vèo qua lại giữa những hàng cây.

Anh ngồi xuống ở gốc mìn với cái túi vải đặt trên đùi. Trái mìn làm anh kinh ngạc. Họ đã phủ bê tông lên nó. Họ đã đặt chất nổ ở đấy rồi trát bê tông ướt lên trên để nguy trang cơ cấu và sức phá hủy của nó. Cách đây khoảng bốn mét là một gốc cây trơ trụi. Một cây khác cách đây khoảng mười mét. Cỏ đã mọc hai tháng trời trên khối bê tông.

Anh mở cái túi, lấy kéo cắt đi lớp cỏ. Anh đan một tấm lưới thùng quanh khối bê tông, rồi sau khi buộc sợi thùng và ròng rọc vào một cành cây, anh từ từ nhắc khối bê tông lên. Hai sợi dây điện dẫn từ khối bê tông xuống mặt đất. Anh ngồi xuống, tựa người vào thân cây, nhìn trái mìn. Tốc độ không quan trọng trong lúc này. Anh kéo radio tinh thể ra khỏi cái túi và đeo headphone vào. Rất nhanh, cái radio lấp đầy tai anh những

điệu nhạc Mỹ của đài AIF¹. Mỗi bài hát hay điệu nhạc khiêu vũ dài trung bình hai phút rưỡi. Anh có thể dựa vào những bài Chuỗi hạt trai², C-Jam Blues và những điệu nhạc khác để biết anh đã ở đây bao lâu, lắng nghe âm nhạc bằng tiềm thức.

¹ *Australian Imperial Force: quân đội Úc.*

² *A String of Pearls: không rõ tác giả, do ban nhạc của Glenn Miller trình diễn.*

Tiếng động không quan trọng. Loại mìn này không phát ra tiếng tích tắc hay lách cách mơ hồ nào để báo hiệu nguy hiểm. Âm nhạc giúp anh tập trung, suy nghĩ sáng suốt hơn về những dạng cấu trúc trái mìn có thể có, về cá tính của người đã sắp xếp hệ thống dây nối rồi đổ bê tông ướm lên trên nó.

Khối bê tông treo căng trên không trung, được ràng lại bằng một sợi thừng thứ hai, có nghĩa là hai sợi dây điện sẽ không chuỗi đi cho dù anh có làm gì chăng nữa. Anh đứng dậy và bắt đầu đục nhẹ nhẹ trái mìn được ngụy trang, dùng miệng thổi đi những mảnh bê tông vụn, rồi dùng que gỗ tưa đầu gạt thêm nhiều mẩu bê tông rời ra. Anh chỉ ngưng sự tập trung của mình khi tiếng nhạc bị chệch sóng và anh phải dò lại, khiến những điệu nhạc swing trong trẻo trở lại. Rất chậm chạp, anh đào lên một chuỗi dây điện. Sáu sợi dây cột vào nhau rồi nùi, tất cả đều màu đen.

Anh phúi bụi bằng găng mạch của sáu sợi dây.

Sáu sợi dây đen. Khi anh còn nhỏ, cha anh từng chụm những ngón tay của ông lại, che chúng đi chỉ để chứa ra những đầu ngón tay, bắt anh đoán ngón nào là ngón giữa. Ngón tay nhỏ bé của anh sẽ chạm vào ngón tay anh chọn, và bàn tay của cha anh sẽ xòe ra cho thấy cậu bé đã lầm. Dĩ nhiên sợi dây đỏ có thể được dùng làm âm cực. Nhưng đối thủ này không những đổ bê tông lên trái mìn mà còn sơn đen tất cả các dây. Kip đang bị cuốn vào một cơn lốc xoáy tâm lý. Anh bắt đầu dùng dao cạo bỏ lớp sơn, để lộ ra một sợi dây đỏ, một sợi dây xanh dương, một sợi dây xanh lá cây. Đối thủ của anh có đổi màu dây không? Anh sẽ phải dùng sợi dây đen của mình lần ngược lại như một dòng sông hình vòng cung,

rồi thử mạch điện để tìm những điểm âm dương. Rồi anh sẽ tìm chỗ điện thế đang yếu đi và biết được nguy hiểm nằm ở chỗ nào.

Hana đang khiêng một tấm gương dài trước mặt đi trên hành lang. Chốc chốc nàng dừng lại vì tấm gương nặng rồi đi tiếp, tấm gương phản chiếu lối đi màu hồng đậm cũ kỹ.

Ông người Anh muốn nhìn thấy chính mình. Trước khi nàng bước vào phòng, nàng cẩn thận xoay mặt phản chiếu của tấm gương về phía mình, không muốn ánh sáng gián tiếp dội từ cửa sổ lên mặt ông.

Ông nằm đẩy trong làn da tắm tối của mình, điểm màu nhạt duy nhất là chiếc máy trợ thính trong tai ông và ánh sáng dường như rực lên từ mặt gối của ông. Ông dùng tay đẩy những tấm khăn trải giường xuống. Đây, làm thế này, tay ông đẩy khăn xuống xa hết mức, và Hana hất tấm khăn xuống cuối giường.

Nàng đứng trên một cái ghế ở chân giường, từ từ nghiêng tấm gương xuống người ông. Nàng đang ở trong tư thế ấy, hai tay giữ tấm gương trước mặt, khi nàng nghe tiếng la hét vang vọng.

Thoạt tiên nàng không để ý. Tiếng động trong thung lũng thường vọng đến căn nhà. Loa phóng thanh của đội quân dọn mìn luôn làm nàng khó chịu khi nàng sống một mình với bệnh nhân người Anh.

“Giữ tấm gương cho yên, cô bé”, ông nói.

“Tôi nghĩ có ai đang hét. Ông có nghe thấy không?” Bàn tay trái của ông vịn máy trợ thính to lên. “Thằng bé đấy. Cô nên đi xem sao.”

Nàng dựa tấm gương vào tường rồi vội vã chạy qua hành lang. Ra khỏi nhà, nàng dừng lại để đợi tiếng hét kế tiếp. Khi tiếng hét đến, nàng chạy qua khu vườn vào những cánh đồng phía trên căn nhà.

Anh đứng, hai tay giơ quá đầu như đang chống đỡ một mạng nhện khổng lồ. Anh lúc lắc đầu để cái headphone rớt ra ngoài. Khi nàng chạy đến, anh hét bảo nàng vòng qua bên trái vì khắp nơi là dây mìn. Nàng dừng lại. Đây là lối nàng đã đi qua bao nhiêu lần mà không thấy cảm giác

nguy hiểm nào. Nàng nhấc váy lên và bước tới, nhìn xuống chân mình khi chúng vào trong đám cỏ cao.

Hai tay anh vẫn giơ lên trời khi nàng đến bên anh. Anh đã bị lừa, cuối cùng nắm hai sợi dây điện sống anh không thể buông ra nếu không có sự an toàn của một đoạn dây không dẫn điện. Anh cần bàn tay thứ ba để cầm một sợi dây và anh cần trở lại chỗ ngồi mình một lần nữa. Anh thận trọng đưa hai sợi dây cho nàng rồi buông thõng hai cánh tay cho máu lưu thông trở lại.

“Tôi sẽ lấy chúng lại ngay.” “Không sao đâu.”

“Đúng thật yên nhé.”

Anh mở cái túi lấy máy đếm Geiger và nam châm. Anh đo dọc theo hai sợi dây nàng đang cầm. Không có điểm âm. Không có manh mối. Không có gì cả. Anh lùi lại, tự hỏi trò bịp của trái mình nằm ở đâu.

“Để tôi lấy băng keo dán hai sợi dây vào thân cây, rồi cô đi về.”

“Không sao. Tôi sẽ giữ cho anh. Dây không dài đến thân cây đâu.”

“Không được.”

“Kíp... tôi giữ được.”

“Chúng ta đã đến chỗ bế tắc. Mình có trò đùa đấy. Tôi không biết phải tiếp tục như thế nào. Tôi không biết trò bịp này tinh vi đến mức nào.”

Để nàng ở đấy, anh chạy trở lại chỗ đầu tiên anh nhìn thấy sợi dây. Anh nhấc nó lên và lần này dùng máy đếm Geiger đo suốt chiều dài của nó. Rồi anh cúi xuống cách nàng khoảng mười mét, suy nghĩ, thỉnh thoảng ngược nhìn lên, nhìn mà không thấy nàng, chỉ ngắm nghía hai nhánh dây nàng giữ trong tay. Tôi không biết, anh nói thành tiếng, chậm rãi, tôi không biết. Tôi nghĩ tôi phải cắt sợi dây trong bàn tay trái của cô, cô phải tránh đi. Anh kéo headphone radio lên đầu để âm thanh trở lại tràn đầy trong anh, mang cho anh sự sáng suốt. Anh suy tính dọc theo những đường nối khác nhau của sợi dây rồi chuyển hướng sang những nút thắt

vòng vo, những góc queo bất ngờ, những chỗ chuyển mạch ẩn kín biến dương thành âm. Hộp đánh lửa. Anh nhớ đến con chó, mắt nó lớn như hai cái đĩa lót tách. Anh chạy đua cùng tiếng nhạc dọc theo những sợi dây, mắt vẫn không rời hai bàn tay bất động của cô gái đang cầm dây.

“Cô nên đi đi.”

“Anh cần một bàn tay nữa để cắt dây, đúng không?” “Tôi có thể dán dây vào thân cây.”

“Tôi giữ được.”

Anh lấy sợi dây giống như một con rắn nhỏ trong bàn tay trái của nàng. Rồi sợi kia. Nàng không rời đi. Anh không nói gì nữa, bây giờ anh phải suy nghĩ mạch lạc hết mức, như chỉ có một mình anh ở đây. Nàng lại gần anh và lấy lại một sợi dây. Anh không hề biết chuyện này, sự hiện diện của nàng đã bị xóa mất. Anh đi theo đường dây của ngòi nổ một lần nữa, cùng bộ óc đã sắp xếp cơ cấu này, kiểm lại những điểm chính, nhìn thấy khung sườn của cấu trúc mình, tiếng ban nhạc lấp đầy tất cả mọi thứ khác.

Trước khi định lý của anh phai đi, anh đến bên nàng, cắt sợi dây bên dưới nắm tay trái của nàng, tiếng cắt như vật gì bị cắn bằng răng. Anh nhìn thấy mẫu in màu sậm trên áo đầm nàng đang mặc, dọc theo bờ vai, sát cổ. Trái mình đã thành vô hiệu. Anh buông cây kim cắt và đặt tay lên vai nàng, cần chạm vào một người nào đấy. Nàng đang nói một điều gì anh không nghe được, rồi nàng với tay giật headphone ra để sự tĩnh lặng tràn vào. Làn gió nhẹ và tiếng xào xạc. Anh nhận ra anh không hề nghe tiếng “tách” của sợi dây đang bị cắt, chỉ cảm thấy nó đứt lìa, cái gãy của một khúc xương nhỏ bé nhỏ. Không buông nàng, anh đưa tay xuống dưới cánh tay nàng và giật mười lăm phân dây điện khỏi bàn tay vẫn nắm chặt của nàng.

Nàng đang nhìn anh, vẻ giễu cợt, chờ lời đáp cho câu nói của nàng, nhưng anh đã không nghe thấy nàng nói gì. Nàng lắc đầu và ngồi xuống. Anh bắt đầu thu lượm những đồ vật chung quanh mình và bỏ chúng vào cái túi của anh. Nàng nhìn lên cây, rồi tình cờ nhìn xuống và thấy hai tay anh đang run, căng thẳng và cứng đờ như tay của người bị động kinh,

hơi thở anh sâu và dồn dập, rồi một thoáng sau anh trở lại bình thường. Nàng cúi xuống bên anh.

“Anh có nghe tôi nói gì không?” “Không. Cô nói gì thế?”

“Lúc này tôi nghĩ tôi sẽ chết. Tôi muốn chết. Và tôi nghĩ nếu tôi chết thì tôi muốn chết cùng anh. Một người như anh, còn trẻ như tôi. Trong năm vừa qua tôi đã nhìn thấy quá nhiều người hấp hối gần bên tôi. Vừa rồi tôi không thấy sợ. Chắc chắn không phải là tôi can đảm. Tôi thậm chí, chúng ta có tòa villa này bãi cỏ này, chúng ta nên cùng nằm xuống, anh nằm trong vòng tay tôi, trước khi chúng ta chết. Tôi muốn chạm vào cái xương đòn gánh ở cổ anh, như một cái cánh nhỏ cứng dưới làn da anh. Tôi muốn áp những ngón tay tôi lên đấy. Tôi vẫn thích da thịt màu sồng màu đá hoặc như đài hoa màu nâu của đóa cúc Susan, anh có biết hoa ấy là hoa gì không? Anh đã thấy nó lần nào chưa? Tôi mệt mỏi quá, Kip ạ, tôi muốn ngủ. Tôi muốn ngủ dưới tàng cây này, áp mặt tôi vào xương đòn gánh của anh tôi chỉ muốn nhắm mắt mà không nghĩ đến những người khác, muốn tìm một chạc cây và leo lên đấy ngủ. Bộ óc anh cần trọng làm sao! Biết được phải cắt sợi dây nào. Làm sao anh biết? Anh cứ nói tôi không biết tôi không biết, nhưng anh có biết. Phải không? Đừng động đây, anh phải là một cái giường yên tĩnh cho tôi, để tôi cuộn tròn lại như thể anh là một người ông dễ thương tôi có thể ôm choàng lấy, tôi thích chữ ‘cuộn tròn’, một chữ từ tốn làm sao, anh không thể nói vội từ đó được...”

Miệng nàng áp vào áo sơ mi của anh. Anh nằm với nàng trên mặt đất, yên lặng vừa đủ, mắt anh trong trẻo, nhìn lên một cành cây. Anh có thể nghe hơi thở sâu của nàng. Khi anh quàng tay qua vai nàng thì nàng đã ngủ, nhưng nàng ghì tay anh vào người nàng. Liếc nhìn xuống, anh để ý thấy nàng vẫn còn cầm sợi dây, chắc hẳn nàng đã lại nhặt nó lên.

Hơi thở của nàng là sống động nhất. Người nàng có vẻ rất nhẹ, chắc phần lớn sức nặng của nàng không tựa lên người anh. Không biết anh có thể nằm yên như thế này bao lâu, không thể cử động hoặc quay về sự bận rộn. Điều chính yếu là phải yên lặng, cách anh dựa vào những bức tượng trong những tháng họ di chuyển dọc lên bờ biển, chiến đấu để tiến vào và vượt qua mỗi thị trấn đồn lũy cho đến khi chúng giống hệt nhau,

khắp nơi là những con đường hẹp sẽ biến thành cống rãnh đầy máu, khiến anh tưởng tượng nếu anh mất thăng bằng anh sẽ trượt xuống những triền dốc ấy trên dung dịch màu đỏ rồi rơi khỏi vách đá xuống thung lũng. Mỗi đêm anh bước vào nỗi lạnh lẽo của một giáo đường chiếm được và tìm một pho tượng làm tên lính canh cho anh đêm hôm ấy. Anh chỉ tin tưởng giống người đá này, đến gần chúng hết mức trong bóng tối, một thiên thần sầu đau với cặp đùi toàn mỹ của một người nữ, đường nét và bóng dáng mềm mại làm sao. Anh sẽ đặt đầu mình lên đùi của những tạo vật như thế và buông mình vào giấc ngủ.

Đột nhiên nàng tựa người vào anh nhiều hơn. Bây giờ hơi thở nàng trầm hơn, như tiếng đàn cello. Anh ngắm khuôn mặt say ngủ của nàng. Anh vẫn bức bối vì cô gái đã ở lại trong khi anh gỡ ngòi trái mìn, như thể vì làm thế nàng đã khiến anh mắc nợ nàng. Khiến anh cảm thấy có trách nhiệm lo lắng cho nàng khi hồi tưởng lại mọi chuyện, mặc dù lúc này anh không hề nghĩ đến việc ấy. Như thể điều ấy có thể giúp anh quyết định gỡ mìn như thế nào.

Nhưng anh cảm thấy bây giờ anh đang ở bên trong một thứ gì đấy, không chừng là một bức tranh anh đã nhìn thấy đâu đó trong năm vừa qua. Cặp trai gái an bình trên một cánh đồng. Anh đã nhìn thấy bao nhiêu cặp trai gái như thế, với vẻ lười lỉnh của họ trong giấc ngủ, không hề nghĩ đến công việc hoặc những mối nguy hiểm của thế gian. Bên cạnh anh là những xao động trong hơi thở của Hana như chuyển động của một chú chuột; đôi mày nàng nhướng lên tranh cãi, một cơn thịnh nộ nho nhỏ trong giấc mơ của nàng. Anh quay mắt đi, nhìn lên cây và bầu trời mây trắng. Bàn tay nàng ghì chặt lấy anh như bùn bám vào bờ sông Moro, nắm tay của anh thọc vào lớp đất ướt để giữ cho anh không bị trượt trở lại vào dòng nước xiết anh đã vượt qua.

Nếu anh là nhân vật nam chính trong bức tranh, anh đáng được ngủ một giấc. Nhưng ngay cả nàng cũng đã nói, anh là màu nâu của đá, của dòng sông ngập bùn sau mưa bão. Một điều gì đấy trong anh đã khiến anh lùi tránh ngay cả một câu nói ngây thơ trong trắng như thế. Gỡ ngòi mìn thành công là kết thúc của những cuốn tiểu thuyết. Những ông da trắng khôn ngoan với vẻ cha già bắt tay, được cảm tạ, rồi khập khiễng bỏ đi, sau khi đã được thuyết phục rồi bỏ sự cô độc vì dịp đặc biệt này.

Nhưng anh là một chuyên viên. Và anh vẫn là người ngoại quốc, người Sikh. Liên hệ riêng duy nhất của anh với con người là kẻ thù đã cài mìn rồi vừa đi vừa dùng một cành cây quét dấu vết sau lưng hắn.

Tại sao anh không thể ngủ? Tại sao anh không thể quay về phía cô gái, thôi không nghĩ rằng mọi thứ vẫn là ngọn lửa le lói chưa tàn? Trong bức tranh anh tưởng tượng, cánh đồng chung quanh vòng tay ôm ấp này đang bốc cháy. Có lần anh dùng ống nhòm theo dõi một người lính công binh đi vào một căn nhà có mìn. Anh thấy anh ta gạt một hộp diêm khỏi mép bàn và ánh sáng bao phủ anh ta trong vòng nửa giây trước khi tiếng nổ vụn vỡ của trái mìn đến tai anh. Sấm chớp vào năm 1944 là như thế đấy. Làm sao anh có thể tin cậy ngay cả vòng dây thun trên tay áo đầm của cô gái ôm sát cánh tay cô? Hoặc tiếng lách tách trong hơi thở gần gụi của cô, trầm sâu như những hòn đá trong lòng sông.

Nàng thức dậy khi con sâu bò từ cổ áo đầm lên má nàng, và nàng mở mắt, nhìn thấy anh cúi xuống bên nàng. Anh nhặt con sâu trên mặt nàng, không chạm đến làn da của nàng, rồi đặt nó xuống cỏ. Nàng để ý thấy anh đã gói ghém đồ nghề của anh. Anh lùi lại, ngồi tựa vào thân cây, nhìn nàng trong lúc nàng chậm chạp lăn người nằm ngửa và vươn vai, kéo dài hết mức giây phút ấy. Trời chắc đã về chiều, mặt trời đã qua bên kia. Nàng ngửa đầu nhìn anh.

“Đáng lẽ anh phải ôm tôi!”

“Tôi đã làm thế. Cho đến khi cô trở mình.” “Anh ôm tôi bao lâu?”

“Cho đến khi cô cử động. Cho đến khi cô cần cử động.”

“Anh không giở trò gì đấy chứ?” Nàng thêm: “Đùa tí thôi” khi thấy anh bắt đầu đỏ mặt.

“Anh có muốn xuống nhà không?” “Có. Tôi đói rồi.”

Nàng gần như không đứng lên nổi, ánh mặt trời chói lóa, hai chân nàng mỏi nhừ. Nàng vẫn chưa biết họ đã ở đấy bao nhiêu lâu. Nàng không thể quên nàng đã rơi rất nhẹ vào giấc ngủ, và ngủ rất say.

Buổi họp mặt trong phòng bệnh nhân người Anh nhen nhúm khi Caravaggio khoe chiếc máy gramophone anh tìm được ở đâu đó.

“Chú sẽ dùng nó để dạy cháu khiêu vũ, Hana. Không phải là loại khiêu vũ anh bạn trẻ của cháu biết. Chú đã nhìn thấy và chê một số điệu nhảy. Nhưng điệu nhạc này, Chuyện này kéo dài bao lâu rồi¹, là một trong những bài hát tuyệt vời vì phần nhạc dạo đầu còn tinh túy hơn bài hát chính. Chỉ có những người chơi nhạc jazz hay tuyệt mới xác nhận điều ấy. Chúng ta có thể tổ chức buổi họp mặt ở hàng hiên, như thế chúng ta có thể mời thêm con chó, hoặc chúng ta có thể lén vào chỗ của ông người Anh và họp mặt trong phòng ngủ trên lầu. Anh bạn trẻ không uống rượu của cháu đã xoay sở tìm được mấy chai rượu vang ở San Domenico ngày hôm qua. Chúng ta không chỉ có nhạc thôi. Đưa tay cho chú nào. Không được. Đầu tiên chúng ta phải lấy phấn vẽ lên sàn nhà rồi tập dượt. Ba bước chính - một-hai-ba - bây giờ thì đưa tay cho chú. Hôm nay có chuyện gì xảy ra không?”

¹ *How Long Has This Been Going On: do George và Ira Gershwin sáng tác.*

“Anh ấy gỡ một trái mìn lớn, một trái mìn khó gỡ. Để anh ấy kể cho chú nghe.”

Anh công binh nhún vai, không phải với vẻ khiêm tốn, mà như thể chuyện ấy quá phức tạp không giải thích được. Đêm xuống nhanh, đêm tràn ngập thung lũng rồi phủ lên những ngọn núi, và một lần nữa chỉ còn những ngọn đèn ở lại với họ.

Họ đang lúp xúp đi bên nhau trong hành lang dẫn đến phòng bệnh nhân người Anh, Caravaggio bê máy gramophone, một tay anh cầm đầu kim của máy.

“Bây giờ, trước khi ông bắt đầu nói chuyện lịch sử”, anh nói với hình dáng bất động trên giường, “tôi sẽ xin giới thiệu Mối tình của tôi¹”.

¹ *My Romance.*

“Do ông Lorenz Hart viết vào năm 1935 thì phải”, ông người Anh lẩm bẩm. Kip đang ngồi ở cửa sổ, và nàng nói nàng muốn khiêu vũ với anh công binh.

“Đợi đến sau khi chú dạy cháu biết khiêu vũ đã, con giun thân mến ạ.”

Nàng ngược nhìn Caravaggio với vẻ lạ lùng; đây là tên gọi âu yếm của cha nàng dành cho nàng. Anh kéo nàng vào vòng tay gấu cổ kê của anh và nói “con giun thân mến” một lần nữa, rồi bắt đầu bài học khiêu vũ.

Nàng mặc một cái áo đầm sạch nhưng không ủi. Mỗi lần họ xoay tròn nàng nhìn thấy anh công binh hát nho nhỏ theo lời nhạc. Nếu họ có điện, có thể họ đã có một cái radio, có thể họ đã nghe được tin tức của cuộc chiến ở đâu đó. Họ chỉ có cái radio tinh thể thuộc về Kip, nhưng anh đã nhả nhận để nó lại trong lều của anh. Bệnh nhân người Anh đang bàn về cuộc đời bất hạnh của Lorenz Hart. Ông cho rằng một số lời nhạc hay nhất của Lorenz Hart trong bài Manhattan đã bị sửa đổi, và bây giờ ông hát những đoạn ấy.

Mình sẽ tắm ở bãi biển Brighton;

Mình sẽ làm lũ cá hoảng hồn

Khi mình ở trong nước.

Áo tắm em mỏng quá

Sẽ khiến cua tôm cười

Từ vây này sang vây kia.

“Lời nhạc hay tuyệt, khêu gợi nữa, nhưng người ta ngờ rằng Richard Rodgers muốn lời nhạc đúng đắn hơn.”

“Cháu thấy đấy, cháu phải đoán chuyển động của chú.” “Tại sao chú không đoán chuyển động của cháu?”

“Chú sẽ đoán khi cháu biết cháu phải làm gì. Hiện tại chỉ có mình chú biết phải làm gì thôi.”

“Cháu dám cá là Kip biết.”

“Có thể cậu ấy biết nhưng cậu ấy sẽ không chịu nhảy.” “Tôi muốn uống rượu”, bệnh nhân người Anh nói, và anh công binh lấy một ly nước, hắt nước trong ly qua cửa sổ rồi rót rượu cho ông.

“Đây là ly rượu đầu tiên của tôi trong khoảng một năm.”

Có một tiếng động mơ hồ, và anh công binh quay phắt lại, nhìn ra bóng tối ngoài cửa sổ. Những người khác cũng lại. Có thể là tiếng một trái mìn. Anh quay lại nhóm người và nói, “Không sao, không phải mìn. Hình như là tiếng từ một khu đã sạch mìn”.

“Lật đĩa hát qua mặt kia đi, Kip. Bây giờ tôi sẽ giới thiệu với các bạn Chuyện này kéo dài bao lâu rồi của...” Anh chừa khoảng trống cho bệnh nhân người Anh, ông không đoán được, lắc đầu, vừa cười vừa uống rượu.

“Rượu này không chừng sẽ giết tôi mất.”

“Không có cái gì giết nổi ông bạn đâu. Ông là carbon tinh khiết.”

“Chú Caravaggio!”

“George và Ira Gershwin. Nghe này.”

Anh và Hana lướt đi trong tiếng kèn saxophone buồn bã. Anh nói đúng. Cách phân câu thật chậm rãi, kéo dài, đến nỗi nàng có thể cảm thấy người nhạc sĩ không muốn rời căn phòng khách là phần dạo đầu để đi vào bài nhạc, muốn dừng lại đây mãi, nơi câu chuyện chưa bắt đầu, như thể tác giả đã mê thích một cô gái trong đoạn mở đầu. Ông người Anh thì thầm rằng phần mở đầu của những bài hát như thế được gọi là “chủ đề”.

Má nàng tựa vào những bắp thịt trên vai Caravaggio. Nàng có thể cảm thấy hai bàn tay ghê gớm ấy trên lưng nàng, áp vào chiếc áo đầm sạch, và họ di chuyển trong khoảng không gian nhỏ hẹp giữa cái giường và bức tường, giữa cái giường và cánh cửa, giữa cái giường và vòm cửa sổ nơi Kip đang ngồi. Thỉnh thoảng khi họ xoay người nàng sẽ nhìn thấy

khuôn mặt anh. Hai cánh tay anh tựa trên hai đầu gối co lại. Hoặc anh đang nhìn ra bóng tối ngoài cửa sổ.

“Có ai biết điệu nhảy tên là Vòng ôm Bosphorus¹ không?”, ông người Anh hỏi. “Không có điệu nhảy ấy.”

¹ *Eo biển Thổ Nhĩ Kỳ giữa châu Á và châu Âu.*

Kip nhìn những chiếc bóng to lớn lướt trên trần nhà, trên bức tường sơn vữa. Anh gắng gượng đứng lên, bước đến bên bệnh nhân người Anh để rót đầy lại ly rượu cho ông, cầm chai rượu chạm vào vành ly để cụng ly với ông. Ngọn gió Tây thổi vào phòng. Đột nhiên anh quay mình, giận dữ. Anh mơ hồ ngửi thấy mùi thuốc nổ cordite trong không khí, và anh lên ra khỏi phòng, ra dấu rằng anh mệt, để lại Hana trong vòng tay của Caravaggio.

Khi chạy dọc theo hành lang tối, anh không mang đèn. Anh vớ cái túi, ra khỏi nhà, chạy nhanh xuống ba mươi sáu bậc thang của giáo đường nhỏ đến mặt đường, chỉ chạy thôi, xóa bỏ ý nghĩ mệt nhọc ra khỏi thân mình.

Đây là một người lính công binh hay là một thường dân? Mùi hoa cỏ dọc theo bức tường bên đường, cảm giác đau nhói bắt đầu bên sườn anh. Một tai nạn hoặc một lựa chọn sai lầm. Lính công binh thường ít giao du. Họ là một nhóm người với cá tính lạ lùng, phần nào giống những thợ đá hoặc thợ ngọc, họ có một sự cứng cỏi và mình mẫn bên trong, những quyết định của họ đáng sợ ngay cả với người trong nghề. Kip nhận ra phẩm chất ấy trong số thợ mài ngọc nhưng không bao giờ ở chính mình, dù anh biết những người khác nhìn thấy điều ấy ở anh. Lính công binh không bao giờ thân thiết với nhau. Khi chuyện trò, họ chỉ truyền đạt tin tức, những phương thức mới, những thói quen của kẻ địch. Anh sẽ bước vào tòa thị chính, nơi họ trú đóng, mắt anh sẽ nhìn thấy ba khuôn mặt và biết rằng người thứ tư vắng mặt. Hoặc sẽ có bốn người họ và trong một cánh đồng ở đâu đó là xác chết của một ông già hoặc một cô gái.

Anh đã học những biểu đồ trình tự khi anh gia nhập quân đội, những bản vẽ thiết kế càng lúc càng phức tạp, như những nút thắt tinh xảo hoặc những ký âm của bản nhạc. Anh khám phá ra rằng anh có tài nhìn

ba chiều, cái nhìn bất thường có thể ngấm một vật hoặc một trang tài liệu rồi sắp xếp nó lại, nhìn thấy tất cả những điều không cần thiết. Anh có bản chất bảo thủ nhưng cũng có khả năng tưởng tượng ra những phương thức ghê gớm nhất, khả năng tai nạn xảy ra trong một căn phòng - một trái mận trên bàn, một đứa bé đến ăn hột mận độc, một người đàn ông bước vào căn phòng tối, trước khi vào giường với vợ lỡ tay nói lỏng chụp đèn dầu ra khỏi chân đèn. Phòng nào cũng có nhiều sắp xếp như thế. Cái nhìn bất thường có thể thấy đường dây chôn dưới bề mặt, một nút thắt kết lại như thế nào ở ngoài tầm nhìn. Anh bỏ không xem truyện trinh thám, khó chịu vì anh có thể đoán ra kẻ ác quá dễ dàng. Anh thoải mái nhất bên những người đàn ông có cái điên rồ trừu tượng của kẻ tự học, như thầy của anh, Huân tước Suffolk, như bệnh nhân người Anh.

Anh chưa có lòng tin vào sách. Những ngày gần đây, Hana ngấm anh ngồi cạnh bệnh nhân người Anh, đối với nàng dường như đây là truyện Kim đảo ngược. Người học trò trẻ tuổi bây giờ là người Ấn, ông thầy già khôn ngoan là người Anh. Nhưng ban đêm chính Hana là người ở bên ông già, người hướng dẫn ông qua những ngọn núi đến dòng sông thánh. Thậm chí họ đã cùng nhau đọc cuốn sách ấy, giọng Hana chậm lại khi làn gió thổi rập ngọn lửa nến bên cạnh nàng, trang sách tối lại trong một thoáng.

Anh ngồi xõm trong một góc của phòng đợi ồn ào, gạt bỏ đi tất cả ý nghĩ khác; hai bàn tay xếp lại trên đầu gối, hai con ngươi thu nhỏ lại như đầu kim. Trong một phút - nửa giây nữa thôi - anh cảm thấy mình sẽ tìm ra lời giải cho câu đố quan trọng....

Nàng đoán rằng, bằng cách nào đấy, trong những đêm dài họ cùng đọc sách và lắng nghe, họ đã tự chuẩn bị đón anh lính trẻ, cậu bé đã lớn lên, đến với họ. Nhưng chính Hana mới là cậu bé trong truyện. Nếu Kip là một nhân vật trong truyện, anh phải là sĩ quan Creighton.

Một cuốn sách, một bản đồ nút thắt, một bảng gắn mạch điện, một căn phòng có bốn người trong một tòa villa bị bỏ trống chỉ thấp sáng bằng ánh nến, đôi khi bằng ánh sáng của giông bão, đôi khi bằng ánh sáng có thể phát ra từ một vụ nổ. Không có điện, núi đồi và Florence thành mù

mịt. Ánh nến tỏa ra chưa đến năm mươi mét. Từ khoảng cách xa hơn, ở đây không có điều gì thuộc về thế giới bên ngoài. Trong điệu nhảy ngắn ngủi tối nay trong phòng bệnh nhân người Anh, họ đã ăn mừng những cuộc phiêu lưu giản dị của riêng họ - với Hana là giấc ngủ, với Caravaggio là “tìm ra” máy gramophone, với Kip là gỡ được trái mìn khó, dù Kip hầu như đã quên mất giây phút ấy rồi. Anh là người không cảm thấy thoải mái trong liên hoan, trong chiến thắng.

Chỉ cách đây năm mươi mét, không có sự hiện diện của họ trong thế gian, không một âm thanh hoặc hình ảnh nào của họ trong con mắt của thung lũng lúc hai chiếc bóng của Hana và Caravaggio lướt qua những bức tường và Kip thoải mái ngồi bên trong vòm cửa sổ và bệnh nhân người Anh nhấp rượu vang, cảm thấy chất rượu thấm qua thân thể không dùng đến của ông, khiến ông say rất nhanh, mang vào giọng ông tiếng huýt của con cáo sa mạc, tiếng vỗ cánh của con chim hét ông nói rằng chỉ tìm được ở Essex, vì nó thích ở gần cây oải hương và cây ngải tây. Tất cả khao khát của người đàn ông bị bỏng nằm trong đầu ông, anh công bình tự nghĩ khi ngồi trong vòm cửa sổ bằng đá. Rồi anh bất chợt quay đầu lại, biết mọi chuyện khi anh nghe âm thanh ấy, biết chắc chắn. Anh ngoảnh lại nhìn họ, và lần đầu tiên trong đời, anh nói dối - “Không sao, không phải mìn. Hình như là tiếng từ một khu đã sạch mìn” - rồi chuẩn bị đợi đến lúc anh ngửi thấy mùi thuốc nổ cordite.

Bây giờ, nhiều giờ sau, một lần nữa Kip lại ngồi trong vòm cửa sổ. Nếu anh có thể bước khoảng cách bảy mét ngang qua phòng của ông người Anh và chạm vào nàng, anh sẽ tỉnh táo. Trong phòng rất ít ánh sáng, chỉ có ngọn nến trên bàn chỗ nàng ngồi, đêm nay nàng không đọc sách; anh nghĩ có lẽ nàng hơi say.

Từ chỗ mìn nổ, anh đã trở về và thấy Caravaggio đang ngủ trên ghế sofa trong thư viện, tay ôm con chó. Con vật nhìn anh khi anh ngừng lại ở cánh cửa mở, nó cử động thân hình vừa đủ để xác nhận rằng nó đang thức và canh chừng chỗ ấy. Tiếng gừ nhỏ của nó át tiếng ngáy của Caravaggio.

Anh cởi giày boots, cột hai sợi dây giày lại với nhau rồi quàng chúng lên vai trong lúc anh lên lầu. Trời bắt đầu mưa và anh cần một tấm vải dầu cho

lều của anh. Từ hành lang anh nhìn thấy phòng bệnh nhân người Anh vẫn còn ánh đèn.

Nàng ngồi trên ghế, một khuỷu tay tựa lên bàn nơi ngọn nến thấp tỏa sáng, đầu nàng ngả ra sau. Anh để đôi giày boots xuống sàn nhà và lặng lẽ vào phòng, nơi có cuộc họp mặt ba giờ trước đây. Anh có thể ngửi thấy mùi rượu trong không gian. Lúc anh vào, nàng để những ngón tay lên môi rồi chỉ về phía bệnh nhân. Ông sẽ không nghe thấy bước chân êm lặng của Kip. Anh công bình ngồi lại vào trong hốc cửa sổ. Nếu anh có thể bước ngang qua căn phòng và chạm vào nàng, anh sẽ tỉnh táo. Nhưng giữa họ là một hành trình phức tạp và trắc trở. Đây là một thế giới rất rộng lớn. Và tiếng động nào cũng sẽ đánh thức ông người Anh, máy trợ thính của ông đã được vặn lớn hết cỡ khi ông ngủ, để ông có thể an tâm trong nhận thức của riêng mình. Đôi mắt cô gái đảo quanh phòng, rồi ngưng lại khi nàng đối diện Kip trong khung cửa sổ hình chữ nhật.

Anh đã tìm ra địa điểm của cái chết, những gì còn lại ở đây, và họ đã chôn Hardy, đội phó của anh. Sau đó anh nghĩ mãi đến cô gái ban chiều, đột nhiên hoảng sợ cho nàng, tức giận nàng vì nàng đã tự liên lụy mình. Nàng đã gắng làm hại đời mình không chút đắn đo. Nàng nhìn anh chăm chăm. Dấu hiệu cuối cùng của nàng là ngón tay trên môi.

Anh nghiêng người quệt một bên má vào vòng dây găng trên vai mình.

Anh đã đi xuyên qua ngôi làng về nhà, mưa rơi xuống hàng cây xén ngọn trong quảng trường của thị trấn, hàng cây chưa được cắt tỉa từ lúc cuộc chiến bắt đầu, qua bức tượng kỳ lạ của hai người đàn ông ngồi trên lưng ngựa bắt tay nhau. Bây giờ anh ở đây, ánh nến chập chờn biến đổi nét mặt nàng, khiến anh không biết được nàng đang nghĩ gì. Khôn ngoan hay buồn bã hay tò mò.

Nếu nàng đang đọc sách hoặc đang cúi xuống bên ông người Anh, chắc anh sẽ gạt đầu chào nàng rồi đi ra, nhưng bây giờ anh đang ngắm Hana như một người trẻ tuổi đơn độc. Tối nay, nhìn cảnh mìn nổ, anh bắt đầu e sợ sự hiện diện của nàng trong khi anh gỡ mìn lúc chiều. Anh phải dứt bỏ sự hiện diện ấy đi, nếu không nàng sẽ có mặt bên anh mỗi lần anh

tiến đến một ngòi nổ. Anh sẽ cứu mang sự hiện diện của nàng. Khi anh làm việc, sự minh mẫn và âm nhạc tràn ngập trong anh, thế giới con người đã bị dập tắt. Bây giờ nàng ở trong anh hoặc trên vai anh, như có lần anh nhìn thấy một con dê còn sống được người sĩ quan khiêng ra ngoài con đường hầm họ đang cố làm cho ngập lụt.

Không.

Điều ấy không đúng. Anh muốn bờ vai của Hana, muốn đặt lòng bàn tay của anh lên vai nàng như anh đã làm trong ánh nắng lúc nàng ngủ và anh đã nằm đấy như thể nằm trong tầm nhắm của một cây súng trường, cảm thấy ngưỡng ngập với nàng. Trong khung cảnh của người họa sĩ tưởng tượng. Anh không muốn được an ủi nhưng anh muốn bao bọc nàng trong an ủi, để dẫn lối cho nàng ra khỏi căn phòng này. Anh không chịu tin rằng mình có nhược điểm, và với nàng anh chưa tìm thấy nhược điểm nào để so sánh với mình. Cả hai người không ai muốn người kia thấy được điểm yếu của mình. Hana ngồi thật yên. Nàng nhìn anh, ngọn nến lắt lay khiến nét mặt nàng biến đổi. Anh không biết rằng với nàng anh chỉ là một bóng dáng, thân hình mảnh dẻ và làn da anh là một phần của bóng tối.

Trước đây, khi nàng thấy anh đã rời vòm cửa sổ, nàng đã nổi giận. Vì biết anh tránh không cho họ biết chuyện mình nổ như thể họ là trẻ con. Nàng đã áp sát vào Caravaggio hơn. Điều anh làm là một sự sỉ nhục. Tối nay, cảm giác hứng thú đang dâng của buổi tối không cho phép nàng đọc sách sau khi Caravaggio rời phòng, ghé qua chỗ hộp thuốc của nàng để trộm thuốc trước khi đi ngủ, và sau khi bệnh nhân người Anh búng ngón tay xương xẩu trong không khí, hôn lên má nàng khi nàng cúi xuống bên ông.

Nàng đã thổi tắt những ngọn nến khác, chỉ thấp khúc nến đêm ở cái bàn cạnh giường và ngồi đấy, thân hình của ông người Anh đối diện nàng trong yên lặng sau những bài diễn văn say mèm phóng túng của ông. “Đôi khi tôi sẽ là con ngựa, đôi khi tôi là chó săn. Là con heo, là con gấu cụt đầu, đôi khi là ngọn lửa.”¹ Nàng có thể nghe thấy lớp sáp trào xuống chiếc khay kim loại bên cạnh nàng. Anh công binh đã đi qua thị trấn đến

một khoảng đời nào đấy nơi vụ nổ diễn ra, và sự im lặng không cần thiết của anh vẫn còn khiến nàng tức giận.

¹ Trích vở kịch *Giấc mộng đêm hè* (*A Midsummer Night's Dream*) của Shakespeare.

Nàng không thể đọc sách. Nàng ngồi trong phòng với người đàn ông mãi mãi đang hấp hối của nàng, eo nàng vẫn còn cảm thấy đau vì vết bầm khi nàng vô ý đụng vào tường trong lúc khiêu vũ với Caravaggio.

Bây giờ nếu anh tiến lại phía nàng, nàng sẽ chỉ nhìn anh, sẽ dùng sự im lặng tương tự với anh. Để mặc anh suy đoán, mở lời trước. Nàng đã từng được binh lính làm quen trước đây.

Nhưng anh làm thế này. Trong lúc băng ngang phòng, anh thọc tay sâu vào chiếc túi để mở vãn quàng trên vai. Bước chân anh êm lặng. Anh xoay người và dừng lại bên giường. Khi bệnh nhân người Anh thở xong một hơi dài, anh dùng kìm cắt sợi dây của máy trợ thính rồi thả cái kìm vào túi trở lại. Anh quay lại và nhoẻn cười với nàng.

“Sáng mai tôi sẽ nối lại dây cho ông ấy.”

Anh đặt bàn tay trái của anh lên vai nàng.

David Caravaggio - dĩ nhiên tên này mà đặt cho anh thì thật là vô lý...”

“Ít nhất là tôi cũng có tên.” “Đúng thế.”

Caravaggio ngồi trên ghế của Hana. Nắng chiều tràn ngập căn phòng, soi những hạt bụi lơ lửng. Khuôn mặt đen gầy của ông người Anh, với cái mũi khoằm, trông tựa như một con chim ưng bất động quẩn trong những tấm khăn trải giường. Cái quan tài của một con chim ưng, Caravaggio nghĩ.

Ông người Anh xoay về phía anh.

“Có một bức tranh của Caravaggio, vẽ lúc cuối đời. David và cái đầu của Goliath¹. Trong bức tranh, người dũng sĩ trẻ giờ thẳng tay nắm cái đầu già nua tàn tạ của Goliath.

¹ *David with the Head of Goliath.*

Nhưng đây không phải là điểm đáng buồn thực sự trong bức tranh. Người ta cho rằng khuôn mặt của David là chân dung của Caravaggio lúc trẻ và cái đầu của Goliath là chân dung của ông lúc già, dáng vẽ của ông khi ông vẽ bức tranh. Tuổi trẻ thắng tay phán xét tuổi già. Sự phán xét của một người về sự tử vong của chính mình. Khi tôi nhìn thấy Kip ở chân giường tôi, tôi nghĩ cậu ấy là David của tôi.”

Caravaggio ngồi đây trong im lặng, tư tưởng lạc lõng trong đám bụi lơ lửng. Cuộc chiến đã làm anh mất cân bằng, và trong tình trạng của anh bây giờ anh không thể trở về thế giới nào khác, mang những chân tay giả tạo do morphine hứa hẹn. Anh là một người đàn ông trung niên chưa hề quen cảnh gia đình. Cả đời anh né tránh một mối thân tình vĩnh viễn. Trước cuộc chiến này, anh làm một người tình khá hơn là làm một người chồng. Anh đã là người đàn ông len lén bỏ đi, như người tình rời bỏ rồi rấm, như tên trộm rời bỏ căn nhà đã bị bòn rút.

Anh ngắm người đàn ông trên giường. Anh cần biết ông người Anh đến từ sa mạc này là ai, rồi tiết lộ thân thế ông vì Hana. Hoặc có lẽ ngụy tạo cho ông một lớp vỏ, như acid tannic ngụy trang da thịt của một người đàn ông bị bỏng.

Làm việc ở Cairo trong những ngày đầu tiên của cuộc chiến, anh đã được huấn luyện để bịa ra những điệp viên nhị trùng hoặc những bóng ma sẽ dần dà mang da thịt. Anh được giao một điệp viên hoang đường tên “Phô Mai”, và anh tốn nhiều tuần để choàng lên người hắn những sự kiện, cho hắn những cá tính - chẳng hạn như tính tham lam và mê rượu khi hắn tiết lộ những tin đồn nhằm cho quân địch. Cũng như một số người ở Cairo, anh làm việc cho những trung đội tượng trưng trong sa mạc. Anh đã sống qua thời gian của cuộc chiến khi tất cả mọi thứ truyền đạt cho những người chung quanh anh là dối trá. Anh đã cảm thấy mình như một người đàn ông bắt chước tiếng chim kêu trong bóng tối của một căn phòng.

Nhưng ở đây họ đang lột da. Họ chỉ có thể bắt chước chính mình. Cách phòng thủ duy nhất là tìm sự thật nơi những người khác.

Nàng rút cuốn *Kim* từ kệ sách trong thư viện, rồi đứng tựa vào cây đàn dương cầm, bắt đầu viết vào trang giấy trắng cuối cuốn sách.

Ông ấy nói khẩu súng - khẩu thần công Zam-Zammah - vẫn còn đây bên ngoài bảo tàng viện ở Lahore. Trước kia có hai khẩu súng, làm bằng cốc chén kim loại lấy từ mỗi gia đình Hindu trong thành phố - như là jizya, hoặc thuế. Những cốc chén này được nấu chảy để làm hai khẩu súng. Chúng đã được sử dụng trong nhiều trận chiến chống người Sikh vào thế kỷ XVIII và XIX. Khẩu súng kia bị mất trong một trận đánh vượt sông Chenab...

Nàng gấp cuốn sách lại, trèo lên một cái ghế và nhét cuốn sách vào ngăn kệ khuất trên cao.

Nàng vào phòng ngủ sơn vẽ với một cuốn sách mới và loan báo đề tựa.

“Để lúc khác, Hana.”

Nàng nhìn ông. Nàng nghĩ, thậm chí bây giờ ông vẫn có đôi mắt đẹp. Tất cả mọi chuyện xảy ra ở đây, trong tia nhìn màu xám từ trong bóng tối của ông. Nàng cảm thấy nhiều ánh mắt nhìn nàng đắm đắm trong một thoáng, rồi rời đi như một ngọn hải đăng.

“Tôi không muốn sách nữa. Cô chỉ cần đưa cho tôi cuốn sách của Herodotus.”

Nàng đặt cuốn sách dày dơ bẩn vào tay ông.

“Tôi đã nhìn thấy những ấn bản của cuốn *Lịch sử* với một pho tượng bán thân trên bìa. Pho tượng người ta tìm thấy trong một bảo tàng viện ở Pháp. Nhưng tôi chưa bao giờ hình dung Herodotus như thế. Tôi nhìn thấy ông như một trong những người đàn ông gầy gò của sa mạc, đi từ ốc đảo này đến ốc đảo khác, trao đổi truyền thuyết như trao đổi hạt giống, nhận lấy tất cả mà không hề nghi ngại, ghép tất cả thành một ảo ảnh. ‘*Lịch sử của tôi đây*’, Herodotus nói, ‘từ khởi thủy đã kiếm tìm phần bổ sung cho nghị luận chính’. Ở ông người ta tìm thấy những ngổ cụt bên trong dòng cuốn của lịch sử - con người phản bội nhau vì lợi ích

quốc gia như thế nào, con người yêu nhau như thế nào... Cô nói cô bao nhiêu tuổi nhỉ?”

“Hai mươi.”

“Khi tôi biết yêu, tôi lớn tuổi hơn cô nhiều.” Hana ngừng lại. “Bà ấy là ai thế?”

Nhưng bây giờ mắt ông đang ở đâu đâu.

“Chim chóc thích những cây có cành chết”, Caravaggio nói. “Từ chỗ đậu chúng nhìn thấy hết khung cảnh. Chúng bay đi hướng nào cũng được.”

“Nếu chú đang nói đến cháu”, Hana nói, “thì cháu không phải là chim. Con chim thật sự là ông trên lầu ấy”.

Kip thử tưởng tượng nàng là một con chim.

“Cháu nói xem, có thể nào yêu được một người không thông minh bằng mình không?” Hung hăng vì say morphine, Caravaggio muốn có một không khí tranh cãi. “Điều này làm bận lòng chú nhất trong phần lớn cuộc đời tình dục của chú - chú phải lo báo cho nhóm người chọn lọc này biết, cuộc đời tình dục ấy bắt đầu muộn. Cũng hết như khoái lạc khi trò chuyện chỉ đến với chú sau khi chú đã thành hôn. Chú chưa bao giờ nghĩ từ ngữ là khêu gợi. Đôi khi chú thật sự muốn nói chuyện nhiều hơn muốn làm tình. Những câu nói. Một lô cái này một lô cái kia rồi lại một lô cái này. Cái phiền của từ ngữ là, mình có thể nói cho đến khi mình tự dồn mình vào thế kẹt. Trong khi đó mình không thể nào làm tình cho đến khi mình tự dồn mình vào thế kẹt.”

“Đúng là lời nói đàn ông”, Hana lầm bầm.

“Chú thì chưa trải qua chuyện ấy”, Caravaggio tiếp tục, “Kip, không chừng cậu thì đã trải qua, khi cậu từ đồi núi xuống Bombay, khi cậu đến Anh để huấn luyện quân sự. Tôi tự hỏi không biết đã có ai làm tình cho đến khi tự dồn mình vào thế kẹt chưa? Cậu bao nhiêu tuổi, Kip?”.

“Hai mươi sáu.” “Lớn hơn cháu.”

“Lớn hơn Hana. Cậu có thể nào yêu cô ấy nếu cô ấy không thông minh bằng cậu không? Ý tôi là, cô ấy có thể không thông minh bằng cậu. Nhưng không phải điều quan trọng khiến cậu yêu cô ấy là cậu nghĩ cô ấy thông minh hơn cậu sao? Nghĩ xem nào. Cô ấy có thể mê một ông người Anh là vì ông ấy biết nhiều hơn. Khi chúng ta chuyện trò với ông ấy, chúng ta ở trong một lĩnh vực quá rộng lớn. Thậm chí chúng ta cũng không biết ông ấy có phải là người Anh không. Có lẽ là không. Cậu thấy chưa, tôi nghĩ rằng người ta dễ phải lòng ông ấy hơn là phải lòng cậu. Tại sao?”

Vì chúng ta muốn biết chuyện này chuyện kia, những mảnh rời ghép vào nhau như thế nào. Người nói quyến rũ, lời nói dồn chúng ta vào thế kẹt. Hơn tất cả mọi điều, chúng ta muốn phát triển và thay đổi. Một thế giới dừng cảm mới.”

“Cháu không nghĩ thế”, Hana nói.

“Chú cũng không nghĩ thế. Để chú nói cho cháu nghe về những người ngang tuổi chú. Điều tệ hại nhất là người khác cho rằng đến giờ này cá tính của chúng ta đã hình thành. Cái phiên của tuổi trung niên là họ nghĩ chú đã hình thành trọn vẹn rồi. Đây.”

Đến đây Caravaggio giơ hai bàn tay lên, để chúng đối diện Hana và Kip. Nàng đứng dậy, đến sau lưng anh và quàng tay qua cổ anh.

“Đừng làm thế, chú David nhé?”

Nàng nhẹ nhàng ử hai bàn tay anh trong tay mình.

“Chúng ta đã có một người ăn nói điên khùng trên lầu.”

“Nhìn chúng ta xem - chúng ta ngồi đây như bọn nhà giàu dơ bẩn trong những tòa villa dơ bẩn trên những ngọn đồi dơ bẩn khi thành phố trở nên quá nóng bức. Bây giờ là chín giờ sáng - ông già trên lầu đang ngủ. Hana điên cuồng vì ông ấy. Tôi điên cuồng vì sự tỉnh trí của Hana, tôi điên cuồng vì sự ‘cân bằng’ của tôi, và Kip có lẽ sẽ bị nổ tung một ngày gần đây. Tại sao? Vì ai? Cậu ấy hai mươi sáu tuổi. Quân đội Anh dạy cậu ấy kỹ năng và người Mỹ dạy cậu ấy nhiều kỹ năng hơn và đội công binh

được nghe thuyết giảng, được gắn huy chương và được gửi đến những ngọn đồi giàu có. Cậu đang bị lợi dụng, cậu bé ạ, như người Welsh thường nói. Tôi sẽ không ở đây lâu. Tôi muốn mang cậu về nhà. Cút ra khỏi thành phố Dodge¹.”

¹ Một thành phố viễn Tây Mỹ thành lập khoảng năm 1821.

“Chú đừng nói nữa, chú David. Anh ấy sẽ sống sót.”

“Anh công binh bị nổ tung đêm hôm trước, tên anh ta là gì?”

Kip không nói gì. “Tên anh ta là gì?”

“Sam Hardy.” Kip đến bên cửa sổ và nhìn ra ngoài, rời khỏi cuộc trò chuyện.

“Vấn đề của tất cả chúng ta là chúng ta đang ở chỗ chúng ta không nên ở. Chúng ta đang làm gì ở châu Phi, ở Ý? Kip gõ mìn trong vườn cây ăn trái vì lý do quỷ quái nào? Tại sao cậu ấy chiến đấu trong một cuộc chiến của người Anh? Nông dân ở mặt trận miền Tây mà tĩa cây thì sẽ làm hư cái cửa. Tại sao? Vì số miểng đạn bắn vào cây trong cuộc chiến vừa rồi. Ngay cả cây cối cũng đầy những bệnh hoạn do chúng ta mang đến. Quân đội nhồi sọ chúng ta rồi bỏ chúng ta ở lại đây rồi cút đi gây rối chỗ khác, inky-dinky parlez-vous². Chúng ta nên cùng nhau bỏ đi.”

² Trích một bài hát tục thời Thế chiến thứ nhất, Những cô gái của Armentières (*Mademoiselle From Armentières*).

“Chúng ta không thể bỏ ông người Anh.”

“Ông người Anh đã bỏ đi từ mấy tháng trước rồi, Hana ạ. Ông ấy đang ở cùng với những người Bedouin hoặc ở trong một khu vườn bên Anh với hoa giáp trúc đào và của khỉ gì đấy. Ông ấy có lẽ không nhớ nổi ngay cả người đàn bà ông vòng vo nhắc đến, cố nói đến. Ông ấy không biết ông đang ở chỗ quái quỷ nào.

Cháu nghĩ chú giận cháu, phải không? Vì cháu đã yêu. Phải không? Một ông chú ghen tức. Chú hoảng sợ cho cháu. Chú muốn giết ông người Anh,

vì đây là điều duy nhất cứu được cháu, mang cháu ra khỏi đây. Thế mà chú bắt đầu mền ông ấy. Bỏ nhiệm vụ của cháu đi. Làm sao Kip yêu cháu được nếu cháu không đủ thông minh để bắt cậu ấy thôi tự liều mạng?”

“Bởi vì. Bởi vì anh ấy tin vào một thế giới văn minh. Anh ấy là một người văn minh.”

“Đây là sai lầm đầu tiên của cháu. Hành động đúng đắn là lên xe lửa, bỏ đi và sinh con với nhau. Chúng ta đi hỏi con chim là ông người Anh xem ông nghĩ sao nhé?”

Tại sao cháu không chịu thông minh hơn? Chỉ có bọn nhà giàu là không thể thông minh. Họ đã bị thỏa hiệp. Đã bao nhiêu năm họ bị khóa chặt vào đặc quyền. Họ phải bảo vệ của cải của họ. Không ai tệ hơn bọn nhà giàu. Tin chú đi. Nhưng họ phải tuân theo luật lệ của thế giới văn minh bản thủ của họ. Họ khiêu chiến, họ có danh dự, và họ không thể bỏ đi. Nhưng cháu và cậu ta, hai người. Chú là ba. Chúng ta tự do. Bao nhiêu lính công binh đã chết? Tại sao cậu chưa chết? Vô trách nhiệm đi. May mắn rồi cũng hết.”

Hana đang rót sữa vào tách của nàng. Khi nàng rót xong nàng đưa miệng bình lên phía trên bàn tay Kip và tiếp tục rót sữa lên bàn tay màu nâu của anh, rồi dọc lên cánh tay anh đến khuỷu tay anh rồi ngưng. Anh không né tránh.

Khu vườn hai tầng dài và hẹp ở phía tây căn nhà. Một hàng hiên chính và một khu vườn tối hơn ở tầng trên, nơi những bậc đá và tượng bê tông gần như biến mất dưới lớp mốc xanh của những cơn mưa. Anh công binh dựng lều ở đây. Mưa rơi và sương mù dâng lên từ thung lũng, và cơn mưa khác từ những cành bách và tùng linh sam rơi trên khoảng sườn đồi khai quang nửa chừng.

Chỉ có những đồng lửa mới có thể hong khô khu vườn phía trên lúc nào cũng ẩm ướt và râm mát. Những miếng ván lót sàn bỏ đi, rui mái nhà từ những lần pháo kích trước kia, những cành cây được kéo đến, cỏ dại Hana nhổ lên trong những buổi chiều, cỏ xén và cây tầm ma - họ mang tất cả đến đây và đốt lúc buổi chiều muộn uốn mình vào hoàng hôn.

Ngọn lửa ẩm cháy và tỏa khói, làn khói mang mùi cây lá len lén vào trong những bụi rậm, lên cành cây, rồi tan đi trên hàng hiên trước nhà. Khói vương đến cửa sổ của bệnh nhân người Anh, ông có thể nghe những giọng nói văng vẳng, thỉnh thoảng một tiếng cười, từ khu vườn ngập khói. Ông diễn giải mùi khói, suy ngược lại loại cây đã cháy. Cây hương thảo, ông nghĩ, cây bông tai, cây ngải tây, một thứ gì khác nữa không mùi, có lẽ là cây hoa tím, hoặc hoa hướng dương giả, giống cây thích loại đất nhiều acid của ngọn đồi này.

Bệnh nhân người Anh khuyên Hana nên trồng những loại cây gì. “Nhờ ông bạn người Ý của cô tìm hạt giống cho, hình như ông ấy có khả năng trong chuyện này. Cô nên có lá mạn. Cây hoa fire pink và Indian pink nữa - nếu cô muốn biết tên Latin cho ông bạn người Latin của cô, thì đấy là *Silene virginica*. Red savory cũng tốt. Nếu cô muốn chim sẻ đến thì tìm cây phỉ và cây chokecherry.”

Nàng ghi lại tất cả. Rồi cắt cây bút máy vào trong ngăn kéo của cái bàn nhỏ nơi nàng để cuốn sách nàng đang đọc cho ông nghe, cùng với hai cây nến và hộp diêm Vesta. Không có thuốc dự trữ trong phòng này. Nàng giấu chúng ở những phòng khác. Nếu Caravaggio định săn lùng chúng, nàng không muốn anh quấy rầy ông người Anh. Nàng để mảnh giấy ghi chép những tên cây vào túi áo đầm để đưa cho Caravaggio. Giờ đây khi sự lôi cuốn thể xác đã trôi dạt, nàng bắt đầu cảm thấy ngượng ngùng khi ở bên ba người đàn ông.

Nếu đấy là sự lôi cuốn thể xác. Nếu tất cả mọi chuyện liên quan đến tình yêu dành cho Kip. Nàng thích úp mặt vào phần trên của cánh tay anh, dòng sông nâu thẫm ấy, thích thức dậy đắm mình trong đó, áp vào nhịp đập của một mạch máu không nhìn thấy trong da thịt anh bên cạnh nàng. Mạch máu nàng sẽ phải định chỗ và tiêm nước biển vào nếu anh đang hấp hối.

Lúc hai hoặc ba giờ sáng, sau khi rời ông người Anh, nàng bước qua khu vườn về phía cây đèn bão của anh công binh treo trên cánh tay của tượng Thánh Christopher. Giữa nàng và ngọn đèn là bóng tối như mực, nhưng nàng biết tất cả bụi rậm và lùm cây trên lối đi của nàng, chỗ đồng lửa nàng sẽ đi ngang qua, âm ỉ hồng vì đã gần tắt hẳn. Đôi khi nàng

khum tay qua chụp đèn thủy tinh của cây đèn bão rồi thổi tắt ngọn lửa, đôi khi nàng để đèn tiếp tục cháy và khom người xuống chui vào lều qua vạt cửa mở, để trườn vào cạnh thân thể anh, vào cánh tay nàng muốn, lưỡi nàng thay vì bông gòn, răng nàng thay vì kim tiêm, miệng nàng thay vì tấm mặt nạ với những giọt thuốc giảm đau codeine để làm cho anh ngủ, để làm bộ óc bất tử đang hoạt động của anh chậm lại vào giấc ngủ. Nàng gấp cái áo đầm in hoa và để nó lên trên đôi giày tennis của nàng. Nàng biết rằng với anh, thế giới cháy bỏng chung quanh họ chỉ có vài luật lệ chính yếu. Bạn thay thế TNT bằng hơi nước, bạn gạn nước, bạn... nàng biết tất cả mọi thứ này ở trong đầu anh khi nàng ngủ bên cạnh anh, trong trắng như một cô em gái.

Cái lều và hàng cây tối bao bọc họ.

Những điều ấy chỉ là một bước xa hơn niềm an ủi nàng đã cho những người khác trong những bệnh viện dã chiến ở Ortona hoặc Monterchi. Thân thể nàng là hơi ấm cuối cùng, tiếng thì thào của nàng là niềm an ủi, kim tiêm của nàng là giấc ngủ. Nhưng thân thể của anh công binh không cho phép bất cứ vật gì từ một thế giới khác lọt vào. Một cậu trai đang yêu không chịu ăn thức ăn nàng thu góp, không cần hoặc không muốn liều thuốc trong chiếc kim tiêm nàng có thể luồn vào cánh tay anh, như Caravaggio muốn, hoặc những thứ thuốc mỡ sáng chế trong sa mạc ông người Anh ao ước, những thứ thuốc mỡ và phấn hoa để lấp ghép ông lại như người Bedouin đã làm cho ông. Chỉ vì sự vỗ về của giấc ngủ.

Anh đặt quanh mình vài món trang trí. Vài chiếc lá nàng tặng anh, một mẫu nển, và trong lều của anh là cái radio tinh thể và cái túi đeo vai đầy những vật dụng nghề nghiệp. Anh đã rời khỏi chiến trận với sự bình thản, đối với anh có nghĩa là trật tự, cho dù sự bình thản ấy là giả tạo. Anh tiếp tục tính nghiêm nhặt của mình, dõi theo con chim ưng khi nó lơ lửng bay dọc theo thung lũng trong chữ V trong ống nhắm của cây súng trường, mở một trái mìn, mắt anh không hề ngưng tìm kiếm trong khi anh kéo cái bình thủy lại gần, mở nắp và uống, thậm chí không hề nhìn đến cái cốc kim loại.

Những người khác chỉ ở ngoài lều, nàng nghĩ, mắt anh chỉ nhìn mỗi nguy hiểm, tai anh chỉ lắng nghe mọi chuyện đang xảy ra ở Helsinki hoặc

Berlin truyền đến qua làn sóng ngắn. Ngay cả khi anh là một người tình dịu dàng, lúc bàn tay trái của nàng ghì lấy anh phía trên chiếc vòng kara¹, nơi bắp thịt của cánh tay anh căng lên, nàng cảm thấy nàng vô hình trong ánh mắt lạc lõng ấy cho đến khi anh rên lên lúc đầu anh gục xuống cổ nàng. Tất cả mọi chuyện khác, ngoài hiểm nguy, là ngoài lề. Nàng đã dạy anh một tiếng kêu, muốn nghe anh kêu lên tiếng ấy, và nếu anh có bao giờ bớt căng thẳng từ lúc chiến trận bắt đầu thì chỉ là trong tiếng kêu này, như thể cuối cùng anh đã chịu thừa nhận anh đang ở đâu trong bóng tối, muốn báo hiệu niềm hoan lạc của anh trong một tiếng kêu của loài người.

¹ *Vòng bằng thép hoặc sắt của người Sikh dòng Khalsa.*

Chúng ta không biết nàng yêu anh bao nhiêu hoặc anh yêu nàng bao nhiêu. Hoặc bao nhiêu là trò giữ bí mật. Khi họ thân mật hơn, khoảng cách giữa họ trong ngày lớn thêm. Nàng thích khoảng cách anh dành cho nàng, anh cho rằng khoảng không gian ấy là quyền của họ. Nó cho họ một sinh lực riêng, một mật mã đáng điệu riêng của họ khi anh đi ngang qua dưới cửa sổ của nàng mà không nói một lời, đi bộ nửa dặm để tập hợp với những người lính công binh khác trong thị trấn. Anh đưa một cái đĩa hoặc thức ăn vào tay nàng. Nàng đặt một chiếc lá nằm ngang cổ tay màu nâu của anh. Hoặc họ làm việc bên cạnh Caravaggio, trét vữa một bức tường sắp sập. Anh công binh hát những bài hát Tây phương của mình, những bài hát Caravaggio thích nhưng giả vờ không thích.

“Pennsylvania sáu-năm-không-không-không²”, anh công binh hỗn hển hát.

² *Pensylvania Six-Five thousand của Carl Sigman và Jerry Gray.*

Nàng biết được tất cả những sắc độ làn da của anh. Màu cánh tay anh so với màu cổ anh. Màu da trong lòng bàn tay anh, trên má anh, dưới cái khăn xếp. Màu da sậm của những ngón tay rẽ những sợi dây điện đỏ và đen, hoặc trên bánh mì anh cầm lên từ cái đĩa bằng đồng thau anh vẫn còn dùng khi ăn. Rồi anh đứng lên. Sự tự túc của anh có vẻ khiếm nhã đối với họ, mặc dù chắc chắn anh cảm thấy nó là nhã nhặn vượt bậc.

Nàng yêu nhất những màu sắc ướt ở cổ anh khi anh tắm. Và lồng ngực dầm mồ hôi những ngón tay nàng bầu chặt khi anh ở trên người nàng, và hai cánh tay rắn chắc sẫm màu trong bóng tối của cái lều, hoặc một lần trong phòng nàng, khi ánh sáng từ thành phố của thung lũng, cuối cùng đã thoát khỏi giờ giới nghiêm, dâng lên giữa họ như ánh hoàng hôn và thấp sáng màu thân thể anh.

Sau này nàng sẽ nhận ra anh không bao giờ tự cho phép mình chịu ơn nàng, hoặc nàng chịu ơn anh. Nàng sẽ nhìn đăm đăm chữ ấy trong một cuốn truyện, nhắc nó ra khỏi cuốn sách và mang nó đến một cuốn tự điển. Chịu ơn. Nghĩa là có bốn phần. Nàng biết anh không bao giờ cho phép điều ấy xảy ra. Nếu nàng băng qua hai trăm thước trong khu vườn tối đến với anh, đây là sự lựa chọn của nàng, và nàng có thể thấy rằng anh đang ngủ, không phải vì thiếu tình cảm mà vì cần thiết, để anh sẽ minh mẫn với những vật bất trắc của ngày kế tiếp.

Anh nghĩ nàng thật phi thường. Anh thức dậy và nhìn nàng trong tia sáng của ngọn đèn. Anh yêu nhất vẻ mặt thông minh của nàng. Hoặc ban tối anh yêu giọng nói của nàng trong lúc nàng đại đột tranh cãi với Caravaggio. Và cách nàng trườn vào cạnh thân thể anh như một vị thánh.

Họ nói chuyện, giọng anh thoáng trầm bổng bên trong mùi vải bạt của cái lều đã là của anh trong suốt cuộc hành quân ở Ý, cái lều anh sẽ với tay lên và chạm vào bằng những ngón tay mảnh dẻ của mình như thể nó cũng thuộc về thân thể anh, một chiếc cánh bằng vải khaki anh xếp quanh mình trong đêm. Đây là thế giới của anh. Nàng cảm thấy nàng đã lạc ra ngoài Canada trong những đêm ấy. Anh hỏi nàng tại sao nàng không thể ngủ. Nàng nằm đấy, bực bội vì sự tự tức của anh, khả năng ngoảnh mặt rất dễ dàng với thế giới của anh. Nàng muốn một mái tôn cho cơn mưa, hai cây bạch dương run rẩy bên ngoài cửa sổ của nàng, một tiếng động ru nàng ngủ, những cây ru ngủ và những mái nhà ru ngủ khi nàng lớn lên ở đầu đông Toronto rồi trong một hai năm với Patrick và Clara bên dòng sông Skootamatta rồi sau đó là vịnh Georgian. Nàng chưa tìm ra một cây ru ngủ, ngay cả trong khu vườn rậm rạp này.

“Hôn em đi. Em yêu đơn thuần nhất cái miệng của anh. Răng của anh.” Và sau đó, khi đầu anh ngã sang một bên, về phía không khí ở chỗ lều mở, nàng thì thầm thành tiếng, chỉ mình nàng nghe thấy, “Có lẽ chúng mình nên hỏi Caravaggio. Có lần cha em bảo em rằng Caravaggio là một người đàn ông mãi mãi đang yêu. Không những chỉ đang yêu mà mãi mãi chìm đắm trong tình yêu. Mãi mãi rối rắm. Mãi mãi hạnh phúc. Kip? Anh có nghe em không? Em rất hạnh phúc với anh. Vì được ở bên anh như thế này”.

Thứ nàng mong ước nhất là một dòng sông cho họ bơi lội. Nàng cho rằng bơi lội cũng mang vẻ trang trọng như trong phòng khiêu vũ. Nhưng anh có một cảm nhận khác về những dòng sông, anh đã vào sông Moro trong thình lạng và kéo bộ dây cáp gắn vào cây cầu gấp kiểu Bailey, những tấm thép đóng bản lề chuỗi vào trong dòng nước sau lưng anh như một sinh vật, bầu trời lúc ấy đã được thắp sáng bằng đạn pháo, một người đang chìm giữa dòng bên cạnh anh. Những người lính công binh lao xuống nước nhiều lần để kiểm những cái ròng rọc bị mất, chụp những cái móc trong làn nước giữa họ, bùn và mặt sông và những khuôn mặt được thắp sáng bởi những cây pháo lân tinh trên bầu trời chung quanh họ.

Suốt đêm, nước ròng ròng trên mặt, họ la hét, phải ngăn nhau đừng phát điên. Y phục của họ nặng nước sông mùa đông, cây cầu từ từ biến thành một con đường trên đầu họ. Hai ngày sau là một dòng sông khác. Tất cả những dòng sông họ đến đều không có cầu, như thể tên nó đã bị xóa đi, như thể bầu trời không có tinh tú, nhà không có cửa. Những đội công binh chuỗi vào dòng sông với dây thừng, mang dây cáp trên vai và ráp bản lề thoa dầu để giảm âm kim loại, rồi đoàn quân đi qua. Lái xe qua cây cầu tiền chế với những người lính công binh vẫn còn trong làn nước bên dưới.

Vì thế họ thường bị kẹt giữa dòng khi đạn pháo đến, lóe sáng vào bờ sông bùn lầy, phá vỡ sắt thép thành những viên đá. Không có gì bảo vệ họ lúc ấy, dòng sông màu nâu mỏng như lụa so với những mảnh kim loại xé toạc nó.

Anh quay mặt với chuyện ấy. Anh biết cách ngủ nhanh trước cô gái này, người có những dòng sông của riêng nàng và đã lạc mất chúng.

Phải, Caravaggio sẽ giải thích cho nàng cách để nàng chìm đắm trong tình yêu. Thậm chí cách để chìm đắm trong tình yêu dè dặt. “Em muốn đưa anh đến sông Skootamatta, Kip ạ”, nàng nói, “em muốn cho anh xem hồ Khói. Người đàn bà cha em yêu sống trên hồ, leo xuống xuống dễ dàng hơn là vào xe hơi. Em nhớ tiếng sấm làm điện chập chờn. Em muốn anh gặp Clara của những chiếc xuồng, người cuối cùng trong gia đình em. Giờ đây không còn ai khác. Cha em đã bỏ rơi bà vì chiến tranh”.

Nàng đi đến cái lều đêm của anh, không một bước chân sai lạc hoặc ngần ngại. Cây cối làm thành một cái rây ánh trắng, như thể nàng ở trong ánh sáng của quả cầu treo nơi phòng khiêu vũ. Nàng vào lều của anh, áp tai vào lồng ngực say ngủ của anh và lắng nghe trái tim anh đang đập, như anh lắng nghe đồng hồ của một trái mìn. Hai giờ sáng. Chỉ có nàng còn thức.

NAM CAIRO 1930-1938

Sau Herodotus, trong nhiều thế kỷ giới Tây phương không chú ý đến vùng sa mạc. Từ năm 425 trước Công nguyên cho đến đầu thế kỷ XX chỉ có những đôi mắt lảng tránh. Sự thịnh lạng. Thế kỷ XIX là thời đại của những người tìm kiếm sông ngòi. Rồi trong thập niên 1920, có một tái bút lịch sử thú vị về vùng đất này của trái đất, viết bằng những cuộc thám hiểm phần lớn do tư nhân tài trợ, theo sau là những bài thuyết trình khiêm tốn tại Hội Địa lý London ở Kensington Gore. Diễn giả của những bài thuyết trình này là những người đàn ông kiệt sức, da cháy nắng. Như những thủy thủ của Conrad¹, họ không tự nhiên lắm với cách đi taxi, hoặc sự dí dỏm nhanh nhạy và nhặt nhẹo của những người soát vé trên xe bus.

¹ *Joseph Conrad (tên thật Józef Teodor Konrad Korzeniowski): nhà văn Ba Lan.*

Khi họ đi bằng xe lửa địa phương từ khu ngoại ô về hướng Knightsbridge trên đường đến những buổi họp của Hội, họ thường đi lạc, mất vé xe, chỉ bám vào những tấm bản đồ cũ kỹ của mình và mang những ghi chép cho bài thuyết trình - những ghi chép họ đã viết chậm chạp và khó khăn - trong túi ba lô lúc nào cũng có mặt và sẽ mãi mãi là một phần thân thể họ. Những người này đến từ những quốc gia khác nhau, ra đi lúc chạng vạng tối, khoảng sáu giờ, trong ánh sáng của ngọn đèn đường đơn độc. Đây là thời gian vô danh, hầu hết thành phố đang đi về nhà. Những nhà thám hiểm đến Kensington Gore quá sớm, ăn ở tiệm Căn Nhà Góc Đường Lyons rồi vào Hội Địa lý, ngồi trong hành lang trên lầu bên cạnh cái xuống Maori lớn, xem lại những ghi chép của mình. Lúc tám giờ, bài thuyết trình bắt đầu.

Cách mỗi tuần lại có một bài thuyết trình. Một người sẽ giới thiệu bài thuyết trình và một người ngỏ lời cảm ơn. Diễn giả cuối cùng thường tranh luận hoặc thử thách giá trị của bài nói chuyện, phê bình đúng chỗ nhưng không bao giờ xác xược. Mọi người tin rằng những diễn giả chính

đi sát sự kiện, và ngay cả những giả định thái quá cũng được trình bày một cách khiêm tốn.

Cuộc hành trình của tôi xuyên qua sa mạc Libya, từ Sokum bên bờ biển Địa Trung Hải đến El Obeid ở Sudan được thực hiện trên một trong vài lối đi trên bề mặt trái đất có một số vấn đề địa lý thú vị...

Những năm chuẩn bị và nghiên cứu và gây quỹ không bao giờ được nhắc đến trong các căn phòng gỗ sồi này. Diễn giả của tuần trước ghi lại cái chết của ba mươi người trong lớp băng Nam Cực. Những cái chết tương tự trong hơi nóng cực độ hoặc gió bão được thông báo với lời ca tụng tối thiểu. Tất cả hành vi con người và tài chính nằm ở phía bên kia của vấn đề đang được bàn thảo - bề mặt trái đất và “những vấn đề địa lý thú vị” của nó.

Liệu những vết trũng khác trong khu vực này, ngoài wadi Rayan đã được bàn đến nhiều, có thể được dùng trong việc thủy lợi của lưu vực sông Nile không? Phải chăng các nguồn nước giếng phun của những ốc đảo đang cạn dần? Chúng ta sẽ tìm “Zerzura” bí mật ở đâu? Có còn những ốc đảo “bị mất” nào khác để khám phá không? Những đầm lầy rùa của Ptolemy ở đâu?

John Bell, Giám đốc của Viện Khảo sát Sa mạc ở Ai Cập, đã hỏi những câu này vào năm 1927. Đến thập niên 1930, những bài viết trở nên khiêm tốn hơn nữa. “Tôi muốn thêm vào một vài nhận xét về những điểm nêu lên trong cuộc bàn thảo lý thú về ‘Địa lý Tiền sử của ốc đảo Kharga’.” Đến giữa thập niên 1930, Ladislaus de Almásy và đoàn thám hiểm của ông tìm ra ốc đảo đã mất Zerzura.

Năm 1939, thập niên huy hoàng của những cuộc thám hiểm sa mạc Libya kết thúc, và vùng đất mênh mông, lạng lẽ này trở thành một trong những bãi chiến trường.

Trong phòng ngủ cây lá, người bệnh nhân bị bỏng nhìn mãi tận xa vời. Như người hiệp sĩ đã chết ở Ravenna, với thân hình bằng cẩm thạch dường như sống động, gần như uyển chuyển, gối đầu trên một chiếc gối đá để ông có thể nhìn khung cảnh xa hơn hai chân mình. Xa hơn cơn

mưa khao khát của châu Phi. Đến cuộc sống của họ ở Cairo. Công việc và đời sống của họ.

Hana ngồi bên giường ông, và nàng du hành như một người hầu bên cạnh ông trong những chuyến đi này.

Năm 1930, chúng tôi bắt đầu vẽ bản đồ phần lớn cao nguyên Gilf Kebir, tìm ốc đảo đã mất tên là Zerzura. Thành phố Cây Keo.

Chúng tôi là những người châu Âu sa mạc. John Bell nhìn thấy Gilf vào năm 1917. Rồi Kemal el Din. Rồi Bagnold, người tìm ra lối đi về hướng nam vào Biển Cát. Madox, Walpole của Viện Khảo sát Sa mạc, ngài Wasfi Bey, nhiếp ảnh gia Casparius, Tiến sĩ Kadar nhà địa chất học và Bermann. Gilf Kebir - cao nguyên rộng lớn nằm trong sa mạc Libya, cùng cỡ với Thụy Sĩ như Madox thích nói - là trái tim của chúng tôi, hai phía đông tây là những vách thẳng đứng, thoải thoải về phía bắc. Nó nhô lên trên sa mạc ở bốn trăm dặm về phía tây của sông Nile.

Những nhà Ai Cập học đầu tiên cho rằng phía tây của những thị trấn ốc đảo không có nước. Thế giới chấm dứt ngoài ấy. Bên trong sa mạc không có nước. Nhưng trong khoảng trống vắng của sa mạc, vây quanh bạn vẫn là lịch sử đã bị quên lãng. Bộ lạc Tebu và Senussi đã lang thang ở đây, sở hữu những cái giếng họ giữ vô cùng bí mật. Người ta đồn đãi về những vùng đất phì nhiêu nép mình trong sa mạc. Những người viết Ả Rập trong thế kỷ XIII nói đến Zerzura. “Ốc đảo của những con Chim Nhỏ.” “Thành phố Cây Keo.” Trong Cuốn sách về những kho tàng ẩn giấu, Kitab al Kanuz, Zerzura được mô tả là một thành phố màu trắng, “trắng như chim câu”.

Nhìn vào một bản đồ sa mạc Libya, người ta sẽ thấy những cái tên. Năm 1925, Kemal el Din gần như đơn độc hoàn thành cuộc thám hiểm quan trọng đầu tiên trong thời hiện đại. Bagnold vào những năm 1930-1932. Almásy-Madox vào những năm 1931-1937. Chỉ trong khu vực phía bắc của Hạ Chí Tuyến¹.

¹ Nguyên văn: *Tropic of Cancer*.

Chúng tôi là một tập hợp quốc gia nhỏ nhỏ giữa những cuộc chiến, vẽ bản đồ và thám hiểm lại. Chúng tôi tập hợp ở Dakhla và Kufra như thể đây là quán rượu hay tiệm cà phê. Một xã hội ốc đảo, như Bagnold gọi. Chúng tôi biết những chuyện riêng tư của nhau, tài năng và nhược điểm của nhau. Chúng tôi tha thứ cho Bagnold tất cả mọi điều vì cách ông viết về những đụn cát. “Những rãnh gợn và mặt cát uốn lượn giống như vòm miệng của một con chó.” Đây mới thực sự là Bagnold, một người sẵn sàng thò bàn tay tìm hiểu của mình vào trong hàm của một con chó.

Năm 1930. Chuyến đi đầu tiên của chúng tôi từ Jaghbub về hướng nam vào sa mạc trong khu vực dành riêng cho bộ lạc Zwaya và Majabra. Chuyến đi bảy ngày đến El Taj. Madox và Bermann, thêm bốn người nữa. Vài con lạc đà, một con ngựa và một con chó. Khi chúng tôi ra đi, họ nhắc lại câu nói đùa cũ kỹ, “Khởi hành trong bão cát là điềm lành.”

Đêm đầu tiên, chúng tôi dựng trại hai mươi dặm về phía nam. Sáng hôm sau chúng tôi thức dậy và ra khỏi lều lúc năm giờ sáng. Lạnh quá không ngủ được. Chúng tôi bước đến đống lửa, ngồi trong ánh lửa giữa bóng tối vây quanh. Trên đầu chúng tôi là những vì sao cuối cùng. Hai giờ nữa mặt trời mới lên. Chúng tôi chuyển nhau những ly trà nóng. Mấy con lạc đà được cho ăn, nửa thức nửa ngủ nhai trái chà là cùng hột chà là. Chúng tôi ăn điềm tâm rồi uống thêm ba ly trà nữa.

Nhiều giờ sau, chúng tôi ở giữa cơn bão cát chẳng biết từ đâu ào đến trong buổi sáng đẹp trời. Ngọn gió hiu hiu mát đã dần dà mạnh thêm. Cuối cùng chúng tôi nhìn xuống, và bề mặt sa mạc đã biến đổi. Đưa cuốn sách cho tôi... đây này. Đây là lời kể tuyệt diệu của Hassanein Bey về những cơn bão như thế...

“Dưới bề mặt dường như có những ống hơi với hàng ngàn lỗ, phun những tia hơi nước bé xíu. Cát bốc lên thành những tia phụt và xoáy lốc nhỏ. Sự xáo động lớn dần khi cơn gió càng lúc càng mạnh. Dường như cả bề mặt sa mạc đang dâng lên vì một lực đẩy từ bên dưới. Những viên sỏi lớn đập vào ống chân, vào đầu gối, vào đùi. Những hạt cát leo lên thân người cho đến khi chúng tạt vào mặt rồi lên quá đầu. Bầu trời bị che khuất, tất cả phai đi trong tầm mắt trừ những vật gần nhất, vũ trụ bị lấp kín.”

Chúng tôi phải tiếp tục đi. Nếu bạn ngừng, cát sẽ dồn lại như thường dồn lại chung quanh một vật bất động, bao phủ bạn. Bạn sẽ vĩnh viễn biến mất. Một cơn bão cát có thể kéo dài năm giờ đồng hồ. Thậm chí những năm sau này khi chúng tôi ở trong xe tải, chúng tôi phải tiếp tục lái xe dù không thấy đường. Buổi tối là đáng sợ nhất. Một lần, ở phía bắc của Kufra, chúng tôi gặp một cơn bão trong bóng tối. Lúc ba giờ sáng. Luồng gió cuốn lều dứt khỏi cọc và chúng tôi lăn theo lều, cát vào lều như nước vào một cái xuống đang chìm, trì chúng tôi xuống, làm chúng tôi nghẹt thở, cho đến khi một người dẫn lạc đà cắt lều cho chúng tôi thoát ra.

Chúng tôi đi qua ba cơn bão trong vòng chín ngày. Chúng tôi không tìm ra những thị trấn sa mạc nhỏ nơi chúng tôi dự định tìm thêm nguồn cung cấp. Con ngựa biến mất. Ba con lạc đà chết. Không có thức ăn trong hai ngày cuối cùng, chỉ có trà. Liên hệ cuối cùng với bất cứ thế giới nào khác là tiếng lách cách của ấm trà đen muối khói và cái thìa dài và cái ly hướng về phía chúng tôi trong bóng tối của mỗi buổi sáng. Sau đêm thứ ba, chúng tôi thôi không nói chuyện nữa. Điều quan trọng là ngọn lửa và chất lỏng màu nâu tối thiểu.

Chỉ nhờ may mắn chúng tôi mới gặp được thị trấn sa mạc El Taj. Tôi đi qua souk¹, ngõ bán đồng hồ ngân nga tiếng chuông, vào con đường bán phong vũ biểu, qua những quầy bán đạn súng trường, những gian hàng bán xốt cà chua Ý và đồ ăn đóng hộp từ Benghazi, vải in hoa từ Ai Cập, đồ trang trí bằng lông đuôi đà điểu, thợ chữa răng đường phố, thương buôn sách. Chúng tôi vẫn câm lặng, mỗi người tản đi theo hướng của riêng mình. Chúng tôi chậm chạp đón nhận thế giới mới này, như đang tỉnh lại sau khi suýt bị chết đuối. Ở quảng trường trung tâm của El Taj, chúng tôi ngồi ăn thịt cừu, cơm, bánh badawi, và uống sữa pha hạnh nhân già nát. Tất cả những thứ này sau thời gian chờ đợi rất lâu cho ba ly trà long trọng có vị hổ phách và bạc hà.

¹ Chợ trong một thành phố Ả Rập.

Trong năm 1931, tôi theo một đoàn lữ hành người Bedouin và được bảo rằng trong đoàn còn có một người trong số chúng tôi. Hóa ra là Fenelon-Barnes. Tôi đến lều của ông ta. Ông ta đi vắng hết ngày hôm ấy trong một chuyến thám hiểm ngắn, kê mục lục những cây hóa thạch. Tôi nhìn

quanh lều của ông, cuộn bản đồ, những tấm hình gia đình ông luôn mang theo, v.v... Lúc sắp đi ra, tôi thấy một tấm gương gắn cao trên bức vách bằng da thuộc, phản chiếu hình cái giường. Dưới lớp khăn trải giường hình như có một khối u nhỏ, có thể là một con chó. Tôi kéo chiếc áo choàng djellaba lên. Bên dưới là một cô gái Ả Rập bé nhỏ bị trói đang ngủ.

Đến năm 1932, Bagnold thôi không thám hiểm nữa, trong khi Madox và những người còn lại trong số chúng tôi có mặt khắp nơi. Tìm đội quân đã mất của Cambyses. Tìm Zerzura. Năm 1932 và 1933 và 1934. Nhiều tháng rông không gặp nhau. Chỉ có những người Bedouin và chúng tôi qua lại đường Bốn Mươi Ngày. Những dòng sông là các bộ lạc sa mạc, những người đẹp nhất tôi từng gặp trong đời. Chúng tôi là người Đức, người Anh, người Hungary, người châu Phi - đối với họ tất cả chúng tôi là vô nghĩa. Dần dà chúng tôi trở thành vô quốc gia. Dần dà tôi ghét những quốc gia. Chúng ta bị những quốc gia làm cho méo mó. Madox chết vì những quốc gia.

Sa mạc không thể bị tranh đoạt hay chiếm hữu - nó là một mảnh vải cuốn theo gió, không bao giờ bị những hòn đá chặn lại, tên nó đã biến đổi hàng trăm lần, rất lâu trước khi Canterbury hiện hữu, rất lâu trước khi những trận chiến và hiệp ước chia cắt ngang dọc châu Âu và phương Đông. Những đoàn lữ hành của sa mạc, những hội hè và văn hóa du mục kỳ lạ, không để lại dấu vết, dù chỉ là một tàn lửa. Tất cả chúng tôi, thậm chí những người có gia đình và con cái ở châu Âu xa xôi, mong ước được cởi bỏ lớp áo quốc gia của mình. Đây là nơi chốn của lòng tin. Chúng tôi biến vào trong khung cảnh. Lửa và cát. Chúng tôi rời những ốc đảo nướng náu. Nơi có làn nước đến vuốt ve... Ain, Bir, Wadi, Foggara, Khottara, Shaduf. Tôi không muốn so sánh tên mình với những cái tên đẹp để đến thế. Hãy xóa đi tên họ! Hãy xóa đi quốc gia! Sa mạc đã dạy cho tôi những điều ấy.

Dù vậy, một số người muốn để lại dấu ấn của mình ở đây. Trên dòng nước đã khô cạn ấy, trên gò đá cuội này. Những hư danh nho nhỏ trong mảnh đất vùng Tây Bắc Sudan, phía nam Cyrenaica. Fenelon-Barnes muốn những cây hóa thạch ông tìm ra mang tên ông. Thậm chí ông muốn có một bộ lạc mang tên ông, và tốn hết một năm thương thuyết.

Thế rồi Bauchan qua mặt ông, có một loại đồi cát mang tên mình. Nhưng tôi muốn xóa bỏ tên mình và quê hương mình. Sau mười năm trong sa mạc, khi cuộc chiến bắt đầu, tôi len lách dễ dàng qua những biên giới, không thuộc về bất cứ ai, bất cứ quốc gia nào.

Năm 1933 hoặc 1934, tôi quên mất năm nào. Madox, Casparius, Bermann, tôi, hai tài xế người Sudan và một đầu bếp. Lúc này chúng tôi di chuyển bằng xe Ford loại A, thân xe vuông vức, lần đầu tiên có những bánh xe lớn thổi phồng được gọi là bánh hơi. Chúng chạy tốt hơn trên cát, nhưng điều mạo hiểm là không biết chúng có chịu nổi những cánh đồng đá và lớp đá vụn không.

Chúng tôi rời Kharga vào ngày 22 tháng Ba. Bermann và tôi lý luận rằng Zerzura bao gồm ba wadi¹ Williamson đã nhắc đến vào năm 1838. Ở Tây Nam của Gilf Kebir, ba khối núi đá hoa cương nằm riêng rẽ nổi lên trên đồng bằng - Gebel Arkanu, Gebel Uweinat, và Gebel Kissu. Mỗi khối núi cách nhau mười lăm dặm. Nhiều khe núi có nước ngọt, mặc dù mấy cái giếng ở Gebel Arkanu có vị đắng, không uống được ngoại trừ lúc cấp bách. Williamson nói Zerzura được hình thành từ ba wadi, nhưng ông không hề xác định vị trí của nó và chuyện này được xem như là hoang đường. Dù thế, chỉ một ốc đảo mưa trong những ngọn đồi hình lòng chảo này là đủ để giải câu đố làm thế nào Cambyses và đạo quân của ông có thể thử vượt qua một sa mạc như thế, những cuộc đột kích của người Senussi trong cuộc Đại chiến², khi những dũng sĩ da đen khổng lồ băng qua sa mạc ai cũng cho rằng không có nước uống hoặc cỏ gặm. Đây là một thế giới đã có nền văn minh hàng bao thế kỷ, hàng ngàn con đường và lối đi.

¹ *Thung lũng hoặc lòng sông cạn, tiếng Ả Rập.*

² *Thế chiến thứ nhất.*

Chúng tôi tìm thấy những bình nước ở Abu Ballas với hình dáng vò hai quai cổ điển của Hy Lạp. Herodotus nhắc đến những bình nước như thế.

Bermann và tôi nói chuyện với một ông già bí ẩn như rắn trong pháo đài El Jof - trong căn phòng bằng đá đã từng là thư viện của tộc trưởng bộ lạc

Senussi. Một ông già người Tebu, làm nghề hướng dẫn đoàn lữ hành, nói tiếng Ả Rập pha thổ âm. Sau đó Bermann nói giọng ông ta “như tiếng dơi rít”, trích theo lời Herodotus. Chúng tôi nói chuyện với ông ta cả ngày đêm, nhưng ông không tiết lộ điều gì. Tín điều của người Senussi, học thuyết cao cả nhất của họ, vẫn là không tiết lộ những bí mật của sa mạc cho kẻ lạ.

Ở wadi el Melik chúng tôi nhìn thấy những giống chim chưa được biết đến.

Ngày 5 tháng Năm, tôi trèo lên một vách đá để tiến vào cao nguyên Uweinat theo một hướng mới. Tôi thấy mình ở trong một wadi rộng lớn đầy những cây keo.

Có một thời, những người vẽ bản đồ đặt tên những nơi chốn họ đi qua bằng tên của người tình hơn là tên của họ. Một người phụ nữ đang tắm trong đoàn lữ hành sa mạc, một tay giữ tấm vải mỏng trước mặt. Người tình của một nhà thơ Ả Rập già nua nào đấy, có đôi vai trắng như chim câu khiến ông diễn tả một ốc đảo bằng tên của nàng. Thùng nước bằng da thuộc giội nước lên thân nàng, nàng quấn mình trong tấm vải, và nhà thơ già quay đi để diễn tả Zerzura.

Một người đàn ông trong sa mạc có thể luồn vào một cái tên như vào trong một miệng giếng đã được khám phá, và trong bóng râm mát rượi của nó không bao giờ muốn rời sự bảo bọc ấy. Ao ước tha thiết của tôi là ở lại đấy, giữa những cây keo. Tôi đang bước đi ở nơi chốn không phải trước đấy chưa có ai đến, mà nơi chốn có những đợt dân cư bất ngờ và ngắn ngủi qua nhiều thế kỷ - một đạo quân thế kỷ XIV, một đoàn lữ hành người Tebu, những dũng sĩ Senussi năm 1915. Giữa những thời điểm này - không có gì ở đấy. Khi không có mưa, cây keo tàn lụi, wadi khô cạn... cho đến khi mưa lại bỗng dưng xuất hiện, năm mươi hoặc một trăm năm sau. Những sự xuất hiện và biến mất đôi khi, như những truyền thuyết và lời đồn trong suốt lịch sử.

Trong sa mạc, làn nước được yêu chuộng nhất, như tên của một người tình, mang màu xanh trong bàn tay bạn, vào cổ họng bạn. Người ta nuốt đi thiếu vắng. Một người đàn bà ở Cairo uốn cong thân hình trắng nuột

của nàng, rời khỏi giường và nghiêng ra ngoài cửa sổ vào trong cơn mưa bão để cho sự trần truồng của nàng đón nhận nó.

Hana nghiêng về phía trước, cảm thấy ông đang lạc đề, nhìn ông, không nói gì. Người phụ nữ ấy, bà là ai?

Điểm tận cùng của thế giới không bao giờ là những điểm trên bản đồ bọn thực dân đã lấn chiếm trong khi nói rộng vùng ảnh hưởng của chúng. Một bên là những người đầy tớ và nô lệ và những xu hướng quyền lực và thư tín liên lạc với Hội Địa lý. Một bên là bước chân đầu tiên của một người da trắng qua một dòng sông lớn, ánh mắt đầu tiên (của một con mắt da trắng) nhìn một ngọn núi đã ở đấy tự bao giờ.

Khi chúng ta còn trẻ, chúng ta không soi gương. Chúng ta chỉ làm thế khi chúng ta đã già, lo âu về tên tuổi của mình, huyền thoại của mình, ý nghĩa cuộc đời mình đối với thế hệ tương lai. Chúng ta trở nên kiêu căng vì những cái tên chúng ta chiếm hữu, những khẳng định của chúng ta rằng chúng ta là cặp mắt đầu tiên, đạo quân hùng mạnh nhất, thương gia khôn khéo nhất. Chỉ khi Narcissus già ông ta mới muốn có một hình ảnh chạm khắc của chính mình.

Nhưng chúng tôi chú tâm đến chuyện cuộc đời chúng tôi có ý nghĩa như thế nào đối với quá khứ. Chúng tôi dong thuyền vào quá khứ. Chúng tôi còn trẻ. Chúng tôi biết quyền lực và của cải là những thứ tạm bợ. Tất cả chúng tôi ngủ với sách của Herodotus. “Vì những thành phố lớn trong thời trước giờ đây phải trở thành bé nhỏ, và những thành phố trước kia bé nhỏ trở thành lớn trong thời của ta... Vận may của con người không bao giờ dừng lại một chỗ.”

Năm 1936, một người trẻ tuổi tên Geoffrey Clifton gặp một người bạn ở Oxford, người bạn ấy nhắc đến chuyện chúng tôi đang làm. Geoffrey liên lạc với tôi, thành hôn vào ngày hôm sau, rồi hai tuần sau nữa cùng vợ bay đến Cairo.

Cặp vợ chồng ấy đi vào thế giới của chúng tôi - bốn người chúng tôi. Hoàng tử Kemal el Din, Bell, Almásy và Madox. Cái tên Gilf Kebir vẫn còn tràn ngập miệng chúng tôi. Nép mình đâu đấy trong Gilf là Zerzura, cái

tên đã xuất hiện trong những bản văn Ả Rập từ thế kỷ XIII. Khi người ta di chuyển trong khoảng cách xa như thế sẽ đến lúc người ta cần một chiếc máy bay, và chàng trai Clifton giàu có biết lái máy bay và có một chiếc máy bay.

Clifton gặp chúng tôi ở El Jof, phía bắc Uweinat. Anh ngồi trong chiếc máy bay hai người, và chúng tôi rời trại chính bước về phía anh. Anh đứng dậy trong buồng lái, rót một ly rượu từ chai rượu bỏ túi của anh. Cô vợ mới của anh ngồi bên cạnh.

“Tôi đặt tên cho chỗ này là Câu lạc bộ Đồng Quê Bir Messaha”, anh tuyên bố.

Tôi nhìn vẻ thân thiện ngần ngại thoáng qua mặt vợ anh, mái tóc như bờm sư tử của nàng khi nàng kéo cái mũ da ra khỏi đầu.

Họ là những người trẻ tuổi, tựa như hàng con cái chúng tôi. Họ trèo ra khỏi máy bay và bắt tay chúng tôi.

Đây là năm 1936, phần khởi đầu trong câu chuyện của chúng tôi...

Họ nhảy xuống từ cánh chiếc máy bay Moth. Clifton bước về phía chúng tôi, tay giơ chai rượu, và tất cả chúng tôi đều uống một ngụm rượu ấm. Anh thích lễ nghi. Anh đặt tên chiếc máy bay của anh là Gấu Rupert¹. Tôi không nghĩ anh yêu sa mạc, nhưng anh dành cho nó một sự cảm mến bắt nguồn từ nỗi kinh ngạc vì lễ lối khắc khổ của nhóm chúng tôi, nhóm người anh muốn hòa nhập vào - như cựu sinh viên vui nhộn tôn trọng thái độ im lặng trong thư viện. Chúng tôi không ngờ anh mang vợ theo, nhưng tôi nghĩ chúng tôi đã giữ vẻ lịch sự. Nàng đứng đấy trong khi cát đọng trong mái tóc bông của nàng.

¹ *Rupert Bear: truyện tranh cho trẻ em của Anh quốc.*

Chúng tôi là gì đối với cặp nam nữ trẻ tuổi này? Vài người trong số chúng tôi đã viết sách về sự hình thành của đụn cát, sự xuất hiện và biến mất của ốc đảo, những nền văn hóa đã mất của sa mạc. Dường như chúng tôi chỉ thích những thứ không thể mua bán được, những thứ thế giới bên ngoài không màng đến. Chúng tôi tranh cãi về vĩ độ, hoặc về

một sự kiện xảy ra bảy trăm năm trước. Những định lý thám hiểm. Rằng Abd el Melik Ibrahim el Zwaya, sống ở ốc đảo Zuck và chần lặc đà, là người đầu tiên trong số những bộ lạc ấy có thể hiểu khái niệm nhiếp ảnh.

Vợ chồng Clifton đang ở trong những ngày cuối của tuần trăng mật. Tôi để họ lại với những người khác để đến Kufra gặp một người và đi với anh ta vài ngày, kiểm nghiệm những giả thuyết tôi đã giữ kín không nói với những người còn lại trong đoàn thám hiểm. Ba đêm sau tôi trở về trại chính ở El Jof.

Giữa chúng tôi là ngọn lửa sa mạc. Vợ chồng Clifton, Madox, Bell và tôi. Nếu một người ngã về phía sau vài phân người ấy sẽ biến vào bóng tối. Katharine Clifton bắt đầu đọc một bài gì đấy, và tâm trí tôi không còn ở trong vầng lửa trại đốt bằng cành cây.

Khuôn mặt nàng có đường nét của dòng máu cổ điển. Hiển nhiên cha mẹ nàng nổi tiếng trong lĩnh vực lịch sử luật pháp. Tôi là người không thích thơ cho đến khi tôi nghe giọng của một người phụ nữ đọc thơ cho chúng tôi nghe. Trong sa mạc ấy, nàng lôi chuỗi ngày đại học của mình vào giữa chúng tôi để diễn tả những vì sao - như Adam dịu dàng dạy một người đàn bà bằng những ẩn dụ duyên dáng.

Dù không ai nhìn ngắm chúng trong đêm thâu,

Dù con người chẳng là chi, chúng rục rờ chẳng vì lòng kiêu, hoặc nghĩ,

Rằng Thiên đàng muốn được chiêm ngưỡng, Thượng đế muốn lời ngợi khen;

Triệu triệu Sinh linh bước trên Trái đất

Không ai nhìn thấy, khi chúng ta thức, và khi chúng ta ngủ:

Chúng, những tạo dựng của Ngài không ngớt được ngợi khen

Ngày lẫn đêm: từ dốc Đồi âm vang hoặc Bụi cây

Bao lâu chúng ta được một lần nghe

Những giọng thiên thể ngân trong trời khuya,

Một mình, hoặc đáp lời nhau

Ca ngợi Tạo Hóa tuyệt vời...¹

¹ Trích bài thơ Thiên đàng đã mất (*Paradise Lost*) của John Milton.

Đêm hôm ấy tôi phải lòng một giọng nói. Chỉ một giọng nói. Tôi không muốn nghe gì nữa. Tôi đứng dậy, bước đi.

Nàng là một cây liễu. Nàng sẽ như thế nào trong mùa đông, ở tuổi của tôi? Tôi vẫn nhìn thấy nàng, vẫn bằng ánh mắt Adam. Nàng đã là những chân tay vụng về trèo ra khỏi chiếc máy bay, cúi xuống giữa chúng tôi để khỏi lửa, khuỷu tay nàng đưa lên về hướng tôi khi nàng uống nước trong bi đông.

Vài tháng sau, nàng nhảy luân vũ với tôi, khi nhóm chúng tôi khiêu vũ ở Cairo. Dù hơi say, nàng mang vẻ mặt của một người không chịu khuất phục. Cho đến bây giờ, tôi tin rằng khuôn mặt biểu lộ nhất của nàng là khuôn mặt ngày hôm ấy, lúc cả hai chúng tôi cùng ngà say, chưa phải là người tình của nhau.

Suốt những năm sau này tôi đã cố gắng tìm hiểu xem vẻ mặt ấy của nàng có ý nghĩa gì. Dường như đấy là vẻ khinh miệt. Tôi thấy như thế. Giờ đây tôi nghĩ nàng đang dò xét tôi. Nàng là người ngây thơ, ngạc nhiên vì một điều gì trong tôi. Tôi đã xử sự như tôi vẫn thường xử sự trong những quán rượu, nhưng lần này không đúng đối tượng. Tôi là người có những quy tắc cư xử khác nhau. Tôi đã quên nàng nhỏ tuổi hơn tôi.

Nàng đang dò xét tôi. Đơn giản thế đấy. Và tôi đang dối chừng một cử động sai lạc trong ánh mắt đăm đăm như pho tượng của nàng, một điều lộ ra tâm ý của nàng.

Đưa cho tôi một tấm bản đồ và tôi sẽ dựng lên một thành phố. Đưa cho tôi một cây bút chì và tôi sẽ vẽ một căn phòng ở Nam Cairo, với những biểu đồ sa mạc trên tường. Sa mạc luôn luôn ở giữa chúng tôi. Tôi có thể thức giấc và ngược mắt nhìn lên tấm bản đồ của những khu định cư thời xưa dọc theo bờ biển Địa Trung Hải - Gazala, Tobruk, Mersa Matruh -

phía nam của chúng là những wadi vẽ bằng tay, chung quanh đây là những sắc vàng khác nhau chúng tôi đã xâm nhập, đã cố gắng biến mình trong ấy. “Nhiệm vụ của tôi là mô tả ngắn gọn nhiều cuộc thám hiểm vào Gilf Kebir. Sau nữa Tiến sĩ Bermann sẽ mang chúng ta trở lại sa mạc như nó đã hiện hữu hàng ngàn năm trước đây...”

Đây là cách Madox nói với những nhà địa lý học khác ở Kensington Gore. Nhưng người ta không tìm thấy chuyện ngoại tình trong những biên bản của Hội Địa lý. Căn phòng của chúng tôi không bao giờ xuất hiện trong những báo cáo chi tiết có biểu đồ của mỗi một ngọn đồi và mỗi một sự kiện lịch sử.

Trên con đường bán vệt nhập cảng ở Cairo, lũ chim gần như biết nói quát tháo người qua lại. Chúng sủa và huýt sáo trong những dãy hàng, như một con đường lông vũ. Tôi biết bộ lạc nào đã du hành con đường tơ lụa hoặc lạc đà nào để đem chúng trong những chiếc kiệu bé tí của chúng băng qua sa mạc. Những cuộc hành trình bốn mươi ngày, sau khi lũ chim bị những nô lệ bắt hoặc bị hái như hái hoa trong những khu vườn xích đạo, rồi bị đặt vào lồng tre để đi vào dòng giao dịch. Chúng xuất hiện như những cô dâu trong một cuộc tán tỉnh thời Trung cổ.

Chúng tôi đứng ở giữa lũ chim. Tôi đang giới thiệu cho nàng một thành phố mới mẻ đối với nàng.

Bàn tay nàng chạm vào cổ tay tôi.

“Nếu em cho anh cuộc đời em, anh sẽ đánh rơi nó. Đúng không?”

Tôi không nói gì.

KATHARINE

Lần đầu tiên nàng nằm mơ thấy ông, nàng thức dậy bên cạnh chồng, miệng la hét.

Trong căn phòng ngủ của họ, nàng nhìn trùng trùng xuống tấm khăn trải giường, miệng hé mở. Chồng nàng đặt tay lên lưng nàng.

“Ác mộng đấy thôi. Đừng sợ.” “Vâng.”

“Anh lấy nước cho em nhé?” “Vâng.”

Nàng không muốn cử động. Không muốn nằm lại khoảng không gian cũ.

Giấc mơ xảy ra trong căn phòng này - bàn tay ông trên cổ nàng (bây giờ nàng chạm vào cổ mình), nỗi cău giận của ông với nàng, nỗi cău giận nàng đã cảm thấy trong những lần đầu tiên nàng gặp ông. Không, không phải là cău giận, một sự lơ là, nỗi khó chịu vì một người đàn bà đã thành hôn đang có mặt trong nhóm của họ. Ông và nàng cúi gập người như những con thú, ông ghì chặt cổ nàng, khiến nàng nghẹn thở trong khoái cảm của mình.

Chồng nàng mang đến cho nàng cái ly trên đĩa lót, nhưng nàng không nhắc hai tay lên nổi, chúng đang run, rã rời. Anh lúng túng kê ly vào miệng nàng để nàng có thể hớp ngụm nước có mùi chlorine, vài giọt nước chảy xuống cằm nàng, rơi xuống bụng nàng. Khi nàng nằm xuống, nàng không có thì giờ để nghĩ đến những điều nàng đã thấy, nàng rơi nhanh vào một giấc ngủ say.

Đây là nhận thức đầu tiên. Ngày hôm sau nàng nhớ đến nó, nhưng lúc ấy nàng bận và nàng không chịu nghĩ ngợi lâu đến tầm quan trọng của nó, gạt nó đi; nó là một va chạm ngẫu nhiên trong một đêm nàng nằm mơ nhiều, thế thôi.

Một năm sau, những giấc mơ khác đến, bình yên, nguy hiểm hơn. Lần này, ngay trong giấc mơ đầu tiên nàng đã nhớ lại bàn tay trên cổ nàng, chờ đợi lúc tâm trạng bình thản giữa họ chuyển thành hung bạo.

Ai rắc vụn thức ăn để khêu gợi thêm muốn? Về một người bạn không hề nghĩ đến. Một giấc mơ. Rồi sau đó là một chuỗi giấc mơ khác.

Sau này ông nói đây là sự gần gũi. Sự gần gũi trong sa mạc. Ông nói sự gần gũi đã gây nên chuyện ấy. Ông yêu chữ gần gũi - sự gần gũi của nước, sự gần gũi của hai hoặc ba thân người trong một chiếc xe đi sáu tiếng đồng hồ trong Biển Cát. Đầu gối rịn mồ hôi của nàng bên cạnh hộp số xe, lắc lư, lên xuống cùng những đoạn đường gồ ghề. Trong sa mạc bạn có thì giờ nhìn khắp nơi, để lập lý thuyết về sự sắp xếp của mọi thứ chung quanh.

Nàng ghét ông khi ông nói chuyện như thế, mắt nàng giữ vẻ lễ độ, trí nàng muốn tát ông. Lúc nào nàng cũng muốn tát ông, và nàng nhận ra ngay cả điều ấy cũng mang dục tính. Với ông, mọi quan hệ rơi vào trong những khuôn mẫu. Bạn rơi vào sự gần gũi hoặc xa cách. Cũng như với ông, lịch sử trong sách của Herodotus làm sáng tỏ mọi xã hội. Ông cho rằng ông quen thuộc với những lễ lối của thế giới ông gần như đã rời bỏ từ bao năm nay, từ đấy nỗ lực để thám hiểm một thế giới nửa phần là bịa đặt trong sa mạc.

Họ chất dụng cụ vào xe ở phi trường Cairo, chồng nàng nán lại để kiểm tra ống dẫn xăng của chiếc Moth trước khi ba người đàn ông rời đi vào sáng hôm sau. Madox đi đến một trong mấy tòa đại sứ để gửi điện tín. Còn ông thì vào phố để uống cho say, một buổi tối cuối cùng thường lệ ở Cairo, đầu tiên ở Sòng Bài Hí Viện của Madame Badin, rồi sau đấy biến vào trong những con đường phía sau khách sạn Pasha. Ông thường thu xếp hành lý trước buổi tối, để sáng hôm sau ông chỉ phải leo vào xe, ngật ngủ vì say.

Ông lái xe đưa nàng vào phố, không khí ẩm, lưu thông tệ và chậm trong giờ kẹt xe.

“Nóng quá. Em muốn uống bia. Anh muốn uống không?”

“Không. Anh phải thu xếp rất nhiều thứ trong vòng vài giờ tới đây. Em cho anh kiếu.”

“Không sao”, nàng nói. “Em không muốn quấy rầy.” “Khi anh trở về anh sẽ uống với em.”

“Ba tuần nữa, đúng không?” “Khoảng đó.”

“Ước chi em cũng đi.”

Ông không trả lời. Họ qua cầu Bulaq và giao thông tẻ hơn nữa. Quá nhiều xe đẩy, quá nhiều khách bộ hành chiếm hết lòng đường. Ông rẽ về hướng nam dọc theo sông Nile đến khách sạn Semiramis, nơi nàng đang ở, chỉ quá mấy trại lính một chút.

“Lần này anh sẽ tìm ra Zerzura, phải không?” “Lần này anh sẽ tìm ra Zerzura.”

Ông như thường lệ. Gần như không nhìn nàng suốt thời gian họ đi chung, ngay cả khi họ bị kẹt tại chỗ hơn năm phút.

Ở khách sạn ông lễ độ thái quá. Khi ông cư xử như thế nàng càng ít ưa ông hơn; tất cả bọn họ đều phải giả vờ rằng dáng vẻ này là lịch thiệp, nhã nhặn. Nó làm nàng nhớ đến một con chó mặc quần áo. Mặc xác ông. Nếu chồng nàng không phải làm việc chung với ông thì nàng thà không bao giờ gặp lại ông nữa.

Ông kéo va li của nàng ra từ phía sau xe và sửa soạn mang nó vào trong sảnh khách sạn.

“Em mang được.” Áo sơ mi của nàng âm ỉ sau lưng khi nàng ra khỏi ghế cạnh tài xế.

Người gác cửa định xách va li, nhưng ông nói, “Không, cô ấy muốn tự mang”, và nàng lại cúi vì phỏng đoán của ông. Người gác cửa bỏ đi. Nàng xoay lại phía ông, ông đưa va li cho nàng, vì thế nàng đối diện ông, hai tay lúng túng xách cái va li nặng trước mặt.

“Thôi chào nhé. Chúc anh may mắn.”

“Được rồi. Anh sẽ chăm cho tất cả bọn họ. Họ sẽ an toàn.” Nàng gật đầu. Nàng ở trong bóng râm, và ông đứng trong ánh nắng gay gắt như không biết đến nó.

Rồi ông đến bên nàng, gần hơn nữa, và trong một thoáng nàng nghĩ ông sắp ôm lấy nàng. Thay vì thế, ông giơ cánh tay phải quàng qua cổ trần của nàng, vì thế cả cánh tay ông âm ỉ chạm vào da nàng.

“Tạm biệt.”

Ông bước trở về chiếc xe tải. Giờ đây nàng có thể cảm thấy mồ hôi của ông, như máu chảy từ lưỡi dao đường như cử chỉ của ông đã mô phỏng.

Nàng nhắc một cái gối nhỏ đặt lên đùi như một tấm khiên chống trả ông. “Nếu anh làm tình với em, em sẽ không nói dối về chuyện ấy. Nếu em làm tình với anh, em sẽ không nói dối về chuyện ấy.”

Nàng đưa cái gối nhỏ lên ngực, chỗ trái tim, như thể nàng muốn bóp nghẹt phần đã thoát ra ngoài của con người nàng.

“Em ghét cái gì nhất?” “Lời nói dối. Còn anh?”

“Sự chiếm hữu”, ông nói. “Khi em bỏ anh, thì quên anh đi.”

Nắm đầm của nàng vung về phía ông và đập mạnh vào phần xương ngay dưới mắt ông. Nàng mặc quần áo và bỏ đi.

Mỗi ngày ông sẽ về nhà và soi gương, nhìn vết bầm đen trên mặt. Ông trở nên tò mò, không hẳn về vết bầm, mà về hình dạng của khuôn mặt mình. Đôi mày dài trước kia ông chưa hề thật sự chú ý đến, mái tóc màu cát bắt đầu ngả bạc. Bao nhiêu năm rồi ông chưa nhìn mình trong gương như thế này. Đôi lông mày dài thật.

Không điều gì có thể ngăn ông đến với nàng.

Khi không ở trong sa mạc với Madox hoặc không ở trong những thư viện Ả Rập với Bermann, ông gặp nàng ở công viên Groppi - cạnh vườn mật được tưới rất nhiều nước. Ở đây nàng vui nhất. Nàng là người phụ nữ nhớ hơi ẩm, vẫn yêu những bờ giậu thấp lá xanh và cây dương xỉ. Trong khi với ông từng ngày màu xanh khiến ông cảm thấy như mình đang ở trong một khu hội chợ.

Từ công viên Groppi họ vòng ra khu phố cổ ở Nam Cairo, những khu chợ người châu Âu ít đến. Trong những căn phòng của ông, bản đồ phủ kín tường. Mặc dù ông cố gắng bày biện, chỗ ở của ông vẫn có vẻ như khu trại chính.

Họ nằm trong vòng tay nhau, dưới chiếc bóng và nhịp quay của cái quạt. Suốt buổi sáng ông và Bermann đã làm việc trong bảo tàng viện khảo cổ học, xếp các bản văn Ả Rập cạnh lịch sử châu Âu để tìm cách nhận ra âm vang, sự trùng hợp, những cái tên thay đổi - lần ngược lại trước thời Herodotus đến cuốn Kitab al Kanuz, trong ấy Zerzura được đặt theo tên người phụ nữ đang tắm trong một đoàn lũ hành sa mạc. Ở đây cũng có bóng quạt chậm rãi chập chờn. Và ở đây cũng có sự trao đổi thân mật và âm vọng của lịch sử ấu thời, của vết sẹo, của cách hôn.

“Em không biết phải làm sao. Em không biết phải làm sao! Em làm người tình của anh thế nào được? Anh ấy sẽ phát điên.”

Một danh sách những vết thương.

Những màu sắc của vết bầm - từ màu nâu đỏ đến màu nâu. Nàng cầm cái đĩa, bước ngang qua căn phòng, hất mọi thứ trên đĩa xuống rồi đập đĩa lên đầu ông, máu ứa lên mái tóc màu rơm. Cái nĩa đâm vào sau vai ông, để lại dấu răng bác sĩ ngờ là của một con cáo.

Trước khi bước đến ôm nàng, ông sẽ liếc nhìn chung quanh xem có vật nào chuyển dịch được không. Ông sẽ gặp nàng và những người khác nơi công cộng với những vết bầm hoặc cái đầu băng bó và giải thích rằng chiếc taxi ngừng gấp làm ông đập vào cửa sổ đang mở bên hông xe. Hoặc ông xuất hiện với iodine thoa lên một vết lằn ở cánh tay. Madox lo vì ông bỗng dưng hay gặp tai nạn. Nàng lặng lẽ cười mỉa vì lời giải thích yếu ớt

của ông. Có lẽ là tuổi tác, có lẽ anh ấy cần kính, chồng nàng nói, tay huých Madox. Có lẽ là một người đàn bà anh ấy gặp, nàng nói. Nhìn xem, không phải đây là vết cắn cào của một người đàn bà sao?

Của một con bọ cạp, ông nói. Tên Latin là *Androctonus australis*.

Một tấm bưu thiếp. Chữ viết ngay ngắn lấp đầy khung chữ nhật.

Phân nửa thời gian em không chịu nổi nếu không chạm vào anh. Thời gian còn lại em cảm thấy gặp lại anh hay không cũng chẳng sao cả. Đây không phải là đạo đức, đây là mình chịu đựng được bao nhiêu.

Không có ngày tháng, không tên kèm theo.

Thỉnh thoảng, khi nàng có thể qua đêm với ông, họ thức dậy lúc ba ngọn tháp của thành phố bắt đầu buổi cầu nguyện trước bình minh. Ông bước cùng nàng qua những khu chợ màu chàm giữa Nam Cairo và nhà nàng. Những bài ca tín ngưỡng đẹp đẽ vút vào không gian như những mũi tên, tháp này đáp lời tháp kia, như thể truyền đi lời thì thào về hai người lúc họ bước đi trong khí lạnh buổi sáng, mùi than đá và mùi cây gai dầu đang tỏa lan biến không gian thành sâu sắc. Những kẻ phạm tội trong một thành phố thánh.

Ông lấy tay gạt đĩa và ly trên bàn trong tiệm ăn, mong rằng đầu đầy trong thành phố nàng sẽ ngược nhìn lên khi nghe tiếng động ấy. Khi ông không có nàng. Ông, người chưa bao giờ cảm thấy cô đơn trong những dặm dài kinh độ giữa những thị trấn sa mạc. Trong sa mạc người ta có thể giữ thiếu vắng trong lòng hai bàn tay úp, biết rằng đây là thứ nuôi nấng hẳn nhiều hơn nước. Ông biết một loại cây ở gần El Taj, nếu người ta cắt đi lõi của nó, một dung dịch có tính thảo dược sẽ đông đầy chỗ cắt. Mỗi sáng người ta có thể uống lượng dung dịch bằng phần lõi cây đã bị cắt. Cái cây tiếp tục lớn mạnh trong vòng một năm trước khi nó chết đi vì thiếu cái này hoặc cái khác.

Ông nằm trong phòng mình, chung quanh là những tấm bản đồ nhợt nhạt. Ông không có Katharine. Thèm khát của ông muốn thiêu đốt tất cả lề luật xã hội, tất cả phép lịch thiệp.

Ông không còn màng đến cuộc sống của nàng với những người khác. Ông chỉ muốn vẻ đẹp khó quên của nàng, diễn tả kịch tính của nàng. Ông muốn giữ họ là sự phản chiếu tử mĩ và bí ẩn trong cái nhìn kẻ sát, sự xa lạ của họ gần gũi như hai trang giấy trong một cuốn sách gấp.

Ông đã bị nàng tháo rời ra.

Và nếu nàng đã mang ông đến cảnh này, thì ông đã đưa nàng đến đâu?

Khi nàng ở bên trong bức tường giai cấp của nàng, và ông ở bên cạnh nàng trong những nhóm lớn hơn, ông kể những câu chuyện đùa chính ông không thấy buồn cười. Điên hùng một cách bất thường, ông công kích lịch sử thám hiểm. Khi ông không vui ông làm thế. Chỉ có Madox nhận ra tật ấy. Nhưng nàng thậm chí không nhìn vào mắt ông. Nàng mỉm cười với mọi người, với những đồ vật trong phòng, khen một bình hoa, những thứ băng quơ vô giá trị. Nàng hiểu lầm thái độ của ông, cho rằng ông muốn thế, và tăng gấp đôi bề dày bức tường để tự vệ.

Nhưng giờ đây ông không chịu nổi bức tường trong nàng. Anh cũng dựng bức tường của anh đẩy thôi, nàng bảo ông, vì thế em có bức tường của em. Nàng nói thế, lấp lánh trong một sắc đẹp ông không chịu nổi. Nàng với quần áo đẹp, với khuôn mặt trắng xanh cười với mọi người đang mỉm cười với nàng, với nụ cười ngằn ngại đáp lại những câu đùa cáu kỉnh của ông. Ông tiếp tục những câu nói đáng sợ về chuyện này chuyện kia trong một cuộc thám hiểm họ đều biết rõ.

Ông phát điên vào giây phút nàng quay đi sau khi ông chào nàng nơi phòng đợi của quán rượu trong khu Groppi. Ông biết cách duy nhất ông có thể chấp nhận mất đi nàng là nếu ông vẫn có thể nắm giữ nàng hoặc được nàng nắm giữ. Nếu bằng cách nào đấy họ có thể chăm sóc nhau để vượt qua chuyện này. Không phải bằng một bức tường.

Ánh nắng tràn vào căn phòng Cairo của ông. Bàn tay ông rã rời trên cuốn sách của Herodotus, tất cả căng thẳng nằm trong phần còn lại của cơ thể, vì thế ông viết sai chữ, cây bút nguệch ngoạc như không có xương sống. Ông hầu như không viết nổi chữ ánh nắng. Chữ đang yêu.

Trong căn apartment¹, chỉ có ánh sáng từ dòng sông và sa mạc phía xa. Ánh sáng rơi trên cổ nàng chân nàng vết sẹo chủng ngừa ông yêu trên cánh tay phải của nàng. Nàng ngồi trên giường, choàng ôm sự trần truồng của mình. Lòng bàn tay ông trượt theo mồ hôi trên vai nàng. Đây là bờ vai của mình, ông nghĩ, không phải bờ vai của chồng nàng, đây là bờ vai của mình. Là người tình, họ đã dâng hiến cho nhau những phần thân thể của mình như thế này. Trong căn phòng cạnh bờ sông.

¹ Căn hộ chung cư.

Trong vài giờ họ có được, căn phòng đã tối lại đến độ sáng này. Chỉ có ánh sáng của dòng sông và sa mạc. Chỉ khi nào có cơn mưa hiếm hoi bất ngờ thì họ mới đến bên cửa sổ, giơ hai tay, hết sức nhoài người ra ngoài để tắm mưa. Những tiếng la hét trong cơn mưa rào ngăn ngủi ngập đầy đường phố.

“Chúng mình sẽ không bao giờ yêu nhau nữa. Mình không bao giờ có thể gặp nhau nữa.”

“Anh biết”, ông nói.

Buổi tối nàng nhất định đòi chia tay.

Nàng ngồi, thu vào trong chính mình, trong bộ áo giáp lương tâm ghé gớm của nàng. Ông không thể xuyên qua nó. Chỉ có thân thể ông gần với nàng.

“Không bao giờ nữa. Chuyện gì xảy ra cũng thế.” “Được rồi.”

“Em nghĩ anh ấy sẽ phát điên. Anh hiểu không?”

Ông không nói gì, thôi tìm cách kéo nàng vào lòng.

Một giờ sau họ bước vào buổi tối khô khan. Họ có thể nghe thấy những bài hát từ phía xa, phát ra từ máy gramophone trong rạp chiếu phim Nhạc Đại Chúng, những cửa sổ của rạp mở ra vì trời nóng. Họ sẽ phải chia tay trước khi rạp đóng cửa và những người nàng có thể quen biết ra khỏi rạp.

Họ ở trong vườn thực vật, gần giáo đường Các Thánh. Nàng nhìn thấy một giọt lệ và nghiêng người liếm nó, đưa nó vào miệng mình. Như nàng đã liếm máu trên tay ông khi ông dứt tay trong lúc nấu ăn cho nàng. Máu. Lệ. Ông cảm thấy thân thể ông thiếu vắng mọi thứ, cảm thấy ông chứa đựng khói. Điều duy nhất còn sống là sự nhận biết về nỗi khao khát và thèm muốn trong tương lai. Điều ông muốn nói, ông không thể nói với người phụ nữ này, sự cởi mở của nàng như một vết thương, tuổi trẻ của nàng chưa tàn phai. Ông không thể thay đổi điều ông yêu nhất ở nàng, là tính không nhân nhượng, điều khiến nét lãng mạn của những bài thơ nàng yêu thích vẫn ung dung tồn tại trong thế giới thực. Ông biết không có trật tự trên thế giới ngoài những phẩm chất này.

Buổi tối nàng nhất quyết. Ngày 28 tháng Chín. Cơn mưa trong cây đã khô giữa ánh trăng nóng. Không có giọt nước mát lạnh nào rơi xuống người ông như một giọt lệ. Cuộc chia tay này ở công viên Groppi. Ông chưa hỏi chồng nàng có nhà hay không trong khung ánh sáng hình vuông trên cao bên kia đường.

Ông nhìn hàng cây cọ lữ khách cao trên đầu họ, những cổ tay vươn ra của chúng. Như đầu nàng, mái tóc nàng ở trên ông, khi nàng là người tình của ông.

Không có nụ hôn. Chỉ một vòng tay ôm. Ông gỡ người ra khỏi nàng và bước đi, rồi quay lại. Nàng vẫn đứng đấy. Ông trở lại cách nàng vài thước, một ngón tay giơ lên để nhấn mạnh điều ông nói.

“Anh chỉ muốn cho em biết. Anh chưa nhớ em.”

Với nàng, khuôn mặt ông thô thảm, đang cố mỉm cười. Đầu nàng quay đi và đập vào cạnh của cây cột cổng. Ông thấy nó làm nàng đau, để ý cái nhăn mặt. Nhưng họ đã tách biệt vào trong chính mình mất rồi, bức tường đã dựng lên vì sự kiên quyết của nàng. Cú dội của nàng, nỗi đau của nàng, là ngẫu nhiên, là cố ý. Bàn tay nàng gần thái dương mình.

“Rồi anh sẽ nhớ”, nàng nói.

Trước đây nàng đã thì thầm với ông, từ thời điểm này trong cuộc đời chúng ta, chúng ta sẽ tìm thấy linh hồn mình hoặc sẽ mất đi linh hồn mình.

Làm thế nào chuyện này xảy ra? Yêu và bị tháo rời.

Tôi ở trong vòng tay nàng. Tôi đã đẩy tay áo sơ mi của nàng lên vai để tôi có thể nhìn thấy vết sẹo chũng ngựa của nàng. Anh yêu vết sẹo này, tôi nói. Vòng tròn nhợt nhạt trên cánh tay nàng. Tôi thấy món dụng cụ cào xước rồi phụt thuốc vào trong nàng rồi nhả ra, rời khỏi làn da nàng, từ bao năm trước, trong một phòng thể dục ở trường, khi nàng chín tuổi.

CHIẾC MÁY BAY CHÔN VÙI

Ông nhìn trùng trùng, mỗi mắt một tia nhìn, xuống cái giường dài và Hana ở cuối giường. Sau khi nàng lau mình cho ông, nàng bẻ đầu một ống thuốc tiêm rồi quay về phía ông với thuốc morphine. Một hình nộm. Một cái giường. Ông đi trên thuyền morphine. Nó lao đi trong người ông, làm sụp đổ thời gian và địa lý như những bản đồ rút nhỏ thế giới lại trên một mảnh giấy hai chiều.

Những buổi tối Cairo dằng dặc. Bầu trời đêm như biển cả, những con chim ưng bị nhốt trong những gian hàng cho đến khi chúng được thả ra vào lúc hoàng hôn, đường bay vòng cung về phía màu sắc cuối cùng của sa mạc. Cuộc biểu diễn nhịp nhàng như một nắm hạt giống tung đi.

Trong thành phố ấy vào năm 1936 người ta có thể mua bất cứ thứ gì - từ một con chó hoặc một con chim người ta gọi về bằng tiếng huýt gió, cho đến những sợi dây ghê gớm luồn vào ngón tay út của một người phụ nữ để buộc liền người ấy vào bạn trong khu chợ đông người.

Trong khu Đông Bắc của Cairo là khoảng sân rộng của những người học đạo, và xa hơn nữa là khu chợ Khan el Khalili. Từ trên những con đường hẹp, chúng tôi nhìn xuống những con mèo trên mái tôn gợn sóng, chúng cũng đang nhìn xuống ba mét phía dưới đến mặt đường và sạp hàng. Trên tất cả mọi thứ này là căn phòng của chúng tôi. Những cửa sổ nhìn ra mấy ngọn tháp đền thờ Hồi giáo, những chiếc ghe nhỏ, lũ mèo, tiếng ồn khủng khiếp. Nàng nói với tôi về những khu vườn ấu thơ của nàng. Khi nàng không ngủ được, nàng vẽ khu vườn của mẹ nàng cho tôi nghe, từng chữ một, từng bồn hoa một, lớp băng tháng Chạp trên ao cá, tiếng giàn hoa hồng kéo kẹt. Nàng sẽ cầm cổ tay tôi ở chỗ những mạch máu tụ lại và đưa nó đến chỗ trứng ở cổ nàng.

Tháng Ba năm 1937, ở Uweinat. Madox bức bối vì không khí loãng. Năm trăm mét trên mặt biển và anh đã cảm thấy khó chịu ngay cả với độ cao tối thiểu này. Rốt cuộc thì anh là một người sa mạc, đã rời ngôi làng

Marston Magna của gia đình anh ở Somerset, thay đổi tất cả tập tục và thói quen để anh có thể ở gần mặt biển cũng như chỗ khô ráo thường xuyên.

“Madox, chỗ trống ngay bên dưới cần cổ của một người phụ nữ tên là gì? Ở đằng trước. Đây này. Nó là gì, nó có tên chính thức không? Chỗ trống khoảng bằng ngón tay cái?”

Madox ngắm tôi một lúc trong ánh nắng gay gắt buổi trưa.

“Tỉnh táo lại đi”, anh lầm bầm.

Caravaggio nói với Hana, “Để chú kể cho cháu nghe một câu chuyện. Có một người Hungary tên là Almásy, ông ta làm việc cho người Đức trong cuộc chiến. Ông ta lái máy bay cho Afrika Korps¹ trong một thời gian ngắn, nhưng ông ta có giá trị hơn thế. Trong thập niên 1930 ông ta đã là một trong những nhà thám hiểm sa mạc lỗi lạc. Ông ta biết mọi chỗ có nước và đã giúp vẽ bản đồ của Biển Cát. Ông ta biết sa mạc rành rẽ. Ông ta thạo thổ ngữ. Cháu nghe có thấy quen quen không? Giữa hai cuộc chiến ông ta luôn đi thám hiểm bên ngoài Cairo. Một chuyến để tìm Zerzura - ốc đảo đã mất. Khi cuộc chiến bùng nổ ông ta theo người Đức. Năm 1941 ông ta trở thành người dẫn đường cho điệp viên, đưa họ băng qua sa mạc vào Cairo. Điều chú muốn nói với cháu là, chú nghĩ bệnh nhân người Anh không phải là người Anh”.

¹ *Binh đoàn châu Phi của Đức trong Thế chiến thứ hai.*

“Dĩ nhiên ông ấy là người Anh, còn những bồn hoa ở Gloucestershire thì sao?”

“Chính thế. Đây là một lai lịch hoàn hảo. Hai đêm trước, lúc chúng ta đang cố đặt tên cho con chó. Cháu nhớ không?”

“Có.”

“Ông ấy đề nghị những tên gì?” “Tối hôm đó ông ấy hơi lạ.”

“Ông ấy rất lạ, vì chú cho ông ấy thêm một liều morphine. Cháu có nhớ mấy cái tên không? Ông ấy đưa ra khoảng tám cái tên. Năm cái tên rõ ràng là trò đùa. Còn ba cái tên. Cicero. Zerzura. Delilah.”

“Thì sao?”

“‘Cicero’ là biệt danh của một điệp viên. Người Anh tìm ra hắn. Một gián điệp nhị trùng rồi tam trùng. Hắn thoát được. ‘Zerzura’ thì rắc rối hơn.”

“Cháu biết về Zerzura. Ông ấy có nói về nó. Ông ấy cũng nói đến những khu vườn.”

“Nhưng bây giờ hầu như chỉ còn sa mạc. Khu vườn Anh mờ nhạt rồi. Ông ấy sắp chết. Chú nghĩ rằng cháu có Almásy, người cộng tác với điệp viên, trên lầu.”

Họ ngồi nhìn nhau trên mấy cái giỏ mây cũ trong phòng vải¹. Caravaggio nhún vai. “Có thể lắm chứ.”

¹ *Linen room: phòng chứa khăn và vật dụng bằng vải trong nhà.*

“Cháu nghĩ ông ấy là người Anh”, nàng nói, hút lồm hai má vào như nàng hay làm khi nàng nghĩ ngợi hoặc cân nhắc điều gì về mình.

“Chú biết cháu yêu mến ông ấy, nhưng ông ấy không phải là người Anh. Trong thời gian đầu của cuộc chiến chú làm việc ở Cairo - Trục Tripoli. Điệp viên Rebecca của Rommel...”

“Chú bảo sao, ‘điệp viên Rebecca’?”

“Năm 1942 bọn Đức gửi một điệp viên tên là Eppler vào Cairo trước trận chiến El Alamein. Hắn dùng cuốn truyện Rebecca của Daphne du Maurier làm sách mật mã để gửi tin cho Rommel về những di chuyển của quân đội. Nghe đây, cuốn sách trở thành sách gối đầu giường của Sở Tình báo Anh. Ngay cả chú cũng đọc.”

“Chú đọc sách?”

“Cám ơn cháu nhé. Người nhận lệnh trực tiếp từ Rommel để dẫn Eppler qua sa mạc vào Cairo - từ Tripoli đến tận Cairo - là Bá tước Ladislaus de Almásy. Đây là khoảng sa mạc mọi người định ninh là không ai có thể vượt qua.

Giữa hai cuộc chiến, Almásy có bạn là người Anh. Những nhà thám hiểm lỗi lạc. Nhưng khi cuộc chiến bắt đầu ông ta đi với người Đức. Rommel nhờ ông ta đưa Eppler băng qua sa mạc vào Cairo vì nếu dùng máy bay hoặc nhảy dù thì lộ liễu quá. Ông ta băng qua sa mạc với hân và đưa hân đến lưu vực sông Nile.”

“Chú biết nhiều về chuyện này nhỉ.”

“Chú đóng quân ở Cairo. Lúc ấy bọn chú theo dõi họ. Từ Gialo ông ta dẫn một đoàn tám người vào sa mạc. Họ phải luôn đào xe tải ra khỏi đồi cát. Ông ta hướng họ về phía Uweinat và cao nguyên đá hoa cương của nó để họ có thể lấy nước, trú trong những hang động. Đây là điểm nửa đường. Ở đây, trong thập niên 1930 ông ta đã khám phá ra những hang động có hình vẽ trên đá. Nhưng cao nguyên Uweinat dày đặc quân Đồng Minh nên ông ta không thể dùng những cái giếng ở đây. Ông ta đi vào sa mạc trở lại. Họ cướp những kho chứa xăng của quân Anh để đổ đầy bình xăng trong xe họ. Trong ốc đảo Kharga họ đổi sang mặc quân phục Anh và treo biển số Anh lên xe họ. Khi họ bị nhìn thấy từ không trung họ ẩn trong những wadi có khi lâu đến ba ngày, hoàn toàn bất động. Bị nướng gần chết trong cát.

Họ đi ba tuần mới đến Cairo. Almásy bắt tay Eppler rồi bỏ đi. Đây là chỗ bọn chú mất dấu ông ta. Ông ta quay lại sa mạc một mình. Bọn chú nghĩ ông ta băng qua sa mạc một lần nữa về Tripoli. Nhưng đây là lần cuối cùng người ta nhìn thấy ông ta. Dần dà người Anh bắt được Eppler và dùng mật mã Rebecca để tuần tin giả cho Rommel về El Alamein.”

“Cháu vẫn không tin, chú David.”

“Người giúp bắt Eppler ở Cairo tên là Sansom.” “Delilah.”

“Chính thế.”

“Có thể ông ấy là Sansom.”

“Thoạt tiên chú nghĩ thế. Hẳn rất giống Almásy. Cũng là một người yêu sa mạc. Lúc nhỏ hẳn ở Levant và biết người Bedouin. Nhưng vấn đề là Almásy biết lái máy bay. Chúng ta đang nói đến một người rớt máy bay. Đây là một người, bị bỏng đến không nhận dạng được, bằng cách nào đẩy lọt vào vòng tay của người Anh ở Pisa. Còn nữa, ông ta nói chuyện giống người Anh. Almásy học ở Anh. Ở Cairo ông ta được gọi là điệp viên người Anh.”

Nàng ngồi trên giỏ mây nhìn Caravaggio. Nàng nói, “Cháu nghĩ mình nên để ông ấy yên. Ông ấy ở phe nào thì cũng đâu quan trọng gì, phải không?”

Caravaggio nói, “Chú muốn nói chuyện nhiều hơn với ông ấy. Với nhiều morphine trong người ông ấy hơn. Nói hết ra. Chú và ông ấy. Cháu hiểu không? Xem chuyện này đi đến đâu. Delilah. Zerzura. Cháu phải cho ông ấy một liều thuốc khác”.

“Không được, David. Chú quẩn trí quá rồi. Ông ấy là ai, chuyện đó không quan trọng. Cuộc chiến đã qua rồi.”

“Thế thì chú tự làm vậy. Chú sẽ chế hỗn hợp Brompton. Morphine và rượu. Họ sáng chế ra nó trong bệnh viện Brompton ở London cho những bệnh nhân ung thư của họ. Đừng lo, nó không giết ông ấy đâu. Nó thấm nhanh vào người. Chú có thể chế nó bằng những gì mình có sẵn. Cho ông ấy uống. Rồi cho ông morphine bình thường.”

Nàng nhìn anh ngồi trên giỏ mây, mắt trong sáng, đang mỉm cười. Trong những giai đoạn cuối cùng của cuộc chiến, Caravaggio đã trở thành một trong nhiều tên trộm thuốc morphine. Chỉ vài giờ sau khi anh đến, anh đã đánh hơi ra kho thuốc của nàng. Giờ đây những ống morphine nhỏ là nguồn thuốc của anh. Như ống kem đánh răng cho búp bê, nàng đã nghĩ thế khi nàng nhìn thấy chúng, thấy chúng rất ngộ nghĩnh. Caravaggio mang theo hai, ba ống trong túi áo suốt ngày để luôn dung dịch vào da thịt anh. Một lần nàng tình cờ thấy anh đang nôn mửa vì dùng quá liều morphine, người cúi gập và run rẩy trong một góc

tối của tòa villa, ngược nhìn lên và gần như không nhận ra nàng. Nàng đã thử nói chuyện với anh nhưng anh chỉ nhìn trừng lại. Anh đã tìm ra hộp trữ thuốc, bật toang nó ra với sức mạnh chỉ có trời biết ở đâu ra. Một lần khi anh công binh bị đứt tay vì một cánh cổng sắt, Caravaggio dùng răng bẻ gãy đầu thủy tinh, hút và nhổ morphine vào lòng bàn tay màu nâu trước khi Kip biết đấy là cái gì. Kip đẩy anh ra, trừng mắt giận dữ.

“Để ông ấy yên. Ông ấy là bệnh nhân của cháu.”

“Chú sẽ không làm hại ông ấy. Morphine và rượu sẽ làm giảm đau.”

(3 PHÂN KHỐI HỒN HỢP BROMPTON. 3 GIỜ CHIỀU.)

Caravaggio luồn cuốn sách ra khỏi hai bàn tay của người đàn ông.

“Khi ông rút máy bay trong sa mạc - ông đang bay từ đâu đến?”

“Tôi đang rời khỏi Gilf Kebir. Tôi đến đây đón một người. Cuối tháng Tám. Một ngàn chín trăm bốn mươi hai.”

“Giữa cuộc chiến? Lúc ấy mọi người đã đi cả rồi.” “Đúng thế. Chỉ còn quân đội.”

“Gilf Kebir.”

“Vâng.”

“Nó ở đâu thế?”

“Đưa cho tôi cuốn sách của Kipling... đây.”

Trên trang đầu của cuốn Kim có một tấm bản đồ với đường chấm chấm là con đường cậu bé và Thánh Nhân đã đi. Bản đồ chỉ có một phần Ấn Độ - vùng Afghanistan có những đường gạch chéo qua lại chằng chịt, và Kashmir trong lòng những ngọn núi.

Ông di bàn tay đen đúa của mình theo dòng sông Numi cho đến khi nó chảy vào biển ở vĩ độ 23°30'. Ông tiếp tục di ngón tay mình mười lăm

phân về hướng tây, ra ngoài tờ giấy, lên ngực mình; ông chạm vào xương sườn mình.

“Đây. Gilf Kebir, ngay phía trên Hạ Chí Tuyền. Trên đường biên giới giữa Ai Cập và Libya.”

Chuyện gì đã xảy ra vào năm 1942?

Tôi hoàn thành cuộc hành trình đến Cairo và đang quay lại. Tôi len lách giữa quân địch, nhớ lại những tấm bản đồ cũ, tìm những nơi trữ xăng và nước từ trước chiến tranh, lái xe đến Uweinat. Bây giờ mọi chuyện dễ dàng hơn vì tôi chỉ có một mình. Cách Gilf Kebir nhiều dặm, xe tải nổ và tôi lật úp, theo phản xạ lăn tròn trong cát, không muốn tàn lửa đung vào mình. Trong sa mạc lúc nào người ta cũng sợ lửa.

Có lẽ xe tải nổ vì bị phá hoại. Trong số người Bedouin có điệp viên, những đoàn lữ hành của họ vẫn như những thành phố trôi dạt, mang gia vị, phòng ốc, những cố vấn chính quyền đến bất cứ nơi nào họ đến. Trong những ngày ấy của cuộc chiến, giữa những người Bedouin lúc nào cũng có người Anh cũng như người Đức.

Rời xe tải, tôi bắt đầu đi bộ về Uweinat, tôi biết có một chiếc máy bay chôn ở đây.

Đợi chút đã. Ý ông muốn nói gì, một chiếc máy bay chôn dưới cát?

Ngày trước Madox có một chiếc máy bay cũ, anh đã gọt tĩa chỉ còn những bộ phận chính - phần “phụ trội” duy nhất là vòm kính che kín buồng lái, rất cần thiết cho những chuyến bay trong sa mạc. Trong thời gian chúng tôi ở sa mạc, anh ấy đã dạy tôi lái máy bay, hai chúng tôi bước vòng quanh bộ máy đã được ràng kỹ xuống cát, lý luận về chuyện nó lượn hoặc xoay mình trong gió như thế nào.

Khi máy bay của Clifton - Rupert - bay vào giữa nhóm chúng tôi, chiếc máy bay già nua của Madox bị bỏ lại nơi nó đậu, phủ bằng một tấm vải dầu, buộc vào cọc ở một trong những vòm đá vùng Đông Bắc Uweinat. Trong vài năm, cát dần dà phủ lên nó. Không ai trong chúng tôi nghĩ chúng tôi sẽ nhìn thấy nó lần nữa. Nó là một nạn nhân nữa của sa mạc.

Vài tháng sau, chúng tôi đi ngang qua hẻm núi phía đông bắc và không nhìn thấy hình dạng của nó nữa. Lúc ấy máy bay của Clifton, mới hơn nó mười năm, đã bay vào câu chuyện của chúng tôi.

Thế là ông đi bộ về máy bay?

Phải. Bốn ngày đi bộ. Tôi đã để người đàn ông đó ở Cairo và quay về sa mạc. Khắp nơi là chiến tranh. Đột nhiên có những “đội”. Đội Bermann, đội Bagnold, đội Slatin Pasha - những người đã nhiều lúc cứu mạng nhau - bây giờ chia phe phái.

Tôi đi bộ đến Uweinat. Tôi đến đây vào khoảng trưa và leo vào những hang động của cao nguyên. Trên cái giếng tên Ain Dua.

“Caravaggio nghĩ chú ấy biết ông là ai”, Hana nói. Người đàn ông trên giường không nói gì.

“Chú ấy nói ông không phải là người Anh. Chú ấy đã làm việc cho cơ quan tình báo ở Cairo và Ý một thời gian. Cho đến khi chú ấy bị bắt. Gia đình tôi quen biết Caravaggio trước chiến tranh. Chú ấy là một tên trộm. Chú ấy tin vào ‘chuyển động của đồ vật’. Có những tên trộm là nhà sưu tập, như những nhà thám hiểm ông khinh rẻ, như đàn ông sưu tập đàn bà và đàn bà sưu tập đàn ông. Nhưng Caravaggio không phải như thế. Chú ấy quá hiếu kỳ và rộng rãi nên không thể trở thành một tên trộm thành công. Hết nửa những thứ chú ấy trộm được không bao giờ về đến nhà. Chú ấy nghĩ ông không phải là người Anh.”

Nàng ngấm vẻ bất động của ông trong khi nàng nói; hình như ông không chú tâm nghe những lời của nàng. Chỉ nghe suy nghĩ xa vời của ông thôi. Như dáng vẻ của Duke Ellington và cách ông suy nghĩ trong lúc ông chơi bài Cô Đơn¹.

¹ *Solitude*, nhạc của Duke Ellington, lời của Eddie DeLange và Irving Mills.

Nàng ngưng nói.

Ông đến cái giếng cạn tên là Ain Dua. Ông cởi hết quần áo và ngâm chúng vào giếng, nhúng đầu ông rồi thân hình gầy gò của ông vào làn

nước xanh. Tay chân ông mệt nhoài vì bốn đêm đi bộ. Ông trải quần áo ra trên những tảng đá, rồi leo lên cao hơn vào giữa mấy tảng đá, leo ra ngoài sa mạc, đang là một chiến trường mê mông trong năm 1942 này, rồi trần truồng đi vào bóng tối của động đá.

Ông ở giữa những hình vẽ quen thuộc ông đã tìm thấy nhiều năm trước đây. Hươu cao cổ. Gia súc. Người đàn ông giơ cao hai tay, đội mũ cài lông vũ. Nhiều hình dáng rõ ràng ở tư thế đang bơi. Bermann đã đoán đúng về sự hiện hữu của một cái hồ xưa kia. Ông bước sâu hơn vào trong sự lạnh lẽo, vào động Người Bơi Lội, nơi ông đã để nàng lại. Nàng vẫn ở đấy. Nàng đã lê mình vào trong một góc, quán chặt mình trong lớp vải dù. Ông đã hứa sẽ trở lại đón nàng.

Chính ông cũng muốn chết trong hang động, với sự riêng tư của nó, những người bơi lội vẽ trên đá chung quanh họ. Bermann bảo ông rằng trong những khu vườn Á châu người ta có thể nhìn đá và hình dung ra nước, người ta có thể nhìn mặt ao tĩnh lặng và tin rằng nó có độ rắn của đá. Nhưng nàng là người phụ nữ lớn lên trong những khu vườn, giữa hơi ẩm, với những chữ như giàn cây và con nhím. Niềm đam mê nàng dành cho sa mạc là tạm thời. Nàng biết yêu vẻ khắc nghiệt của nó vì ông, muốn hiểu được sự an nhiên của ông trong nỗi cô đơn của nó. Nàng vẫn hạnh phúc hơn trong mưa, trong phòng tắm mờ hơi nước, trong cái ẩm ướt ngái ngủ, từ cửa sổ leo vào lại phòng ông trong đêm mưa ấy ở Cairo rồi mặc quần áo trong khi người vẫn còn ướt để giữ lại hơi ẩm. Cũng như nàng yêu những truyền thống gia đình và nghi lễ lịch sự và những bài thơ cũ đã thuộc lòng. Nàng hẳn sẽ ghét cái chết vô danh. Với nàng, có một con đường rành rẽ dẫn về tổ tiên nàng, trong khi ông đã xóa đi con đường về cội nguồn của mình. Ông kinh ngạc rằng nàng đã yêu ông bất chấp những tính cách vô danh ấy nơi ông.

Nàng nằm ngửa, theo dáng một xác chết thời Trung cổ.

Tôi trần truồng đến bên nàng, như tôi thường làm trong căn phòng Nam Cairo của chúng tôi, muốn cởi bỏ y phục nàng, vẫn còn muốn yêu nàng.

Điều tôi làm có gì là ghê gớm? Không phải chúng ta tha thứ tất cả cho người tình sao? Chúng ta tha thứ lòng ích kỷ, dục vọng, xảo trá. Cho đến

khi nào chúng ta vẫn còn là động lực của nó. Người ta có thể làm tình với một người đàn bà bị gãy tay, hoặc đang sốt. Nàng từng hút máu từ vết cắt trên bàn tay tôi cũng như tôi đã nếm và nuốt máu kinh nguyệt của nàng. Châu Âu có vài chữ không bao giờ dịch được chuẩn xác sang một ngôn ngữ khác. Felhomaly¹. Hoàng hôn của những năm mờ. Với ngụ ý về sự thân mật giữa người chết và kẻ sống.

¹ *Tựa đề của một bài thơ, tác giả vô danh.*

Từ ngăn kệ giấc ngủ, tôi nâng nàng vào trong tay tôi. Quần áo như tơ nhện. Tôi đã xáo trộn tất cả.

Tôi mang nàng ra ngoài, vào ánh nắng. Tôi mặc quần áo, đã khô giòn vì hơi nóng của đá.

Tôi đan hai bàn tay lại thành yên cương cho nàng ngồi lên. Vừa đến mặt cát, tôi xoay người nàng lại để mặt nàng hướng qua vai tôi về đằng sau. Tôi nhận ra nàng nhẹ bồng. Tôi đã quen ôm nàng trong tay như thế này, nàng đã xoay tròn chung quanh tôi, trong căn phòng của tôi, như một phản chiếu hình người của cái quạt - hai cánh tay nàng giơ ra, những ngón tay như con sao biển.

Chúng tôi di chuyển như thế về hẻm núi phía đông bắc, chỗ chôn máy bay. Tôi không cần bản đồ. Chỉ mang bình xăng tôi đã đem theo từ chiếc xe tải lật úp. Vì ba năm trước chúng tôi bắt lực vì không có nó.

“Chuyện gì đã xảy ra ba năm trước?”

“Nàng bị thương. Năm 1939. Chồng nàng lao máy bay xuống đất. Anh ấy toan tính một vụ tự sát-giết người dính dáng đến cả ba chúng tôi. Lúc ấy, thậm chí chúng tôi không còn là tình nhân. Tôi đoán rằng tin tức về chuyện ngoại tình đã bằng cách nào đấy dần dà đến tai anh ấy.”

“Cô ấy bị thương nặng nên ông không mang cô ấy theo được.”

“Phải. Cơ hội duy nhất để cứu nàng là một mình tôi gắng đi tìm trợ giúp.”

Trong động, sau bao tháng trời xa cách và giận hờn, họ đã đến với nhau, một lần nữa nói với nhau như những người tình, đẩy lẫn đi khối đá họ đã đặt ở giữa họ vì những lề luật xã hội cả hai đều không tin tưởng.

Trong vườn thực vật, nàng đã va đầu mình vào cột cổng với quyết tâm và phần nộ. Quá kiêu hãnh nên không thể là một người tình, một bí mật. Thế giới của nàng không có những ngăn chia. Ông đã quay lại phía nàng, ngón tay giơ lên, Anh chưa nhớ em.

Rồi anh sẽ nhớ.

Trong những tháng họ xa nhau, ông trở nên cay đắng và tự tức. Ông tránh gặp nàng. Ông không chịu nổi sự bình tĩnh của nàng khi nàng gặp ông. Ông gọi điện thoại đến nhà nàng để nói chuyện với chồng nàng, và nghe tiếng cười của nàng trong điện thoại. Nàng có một vẻ duyên dáng phô bày quyến rũ tất cả mọi người. Đây là một điểm ông đã yêu ở nàng. Giờ đây ông nghi ngờ tất cả.

Ông ngờ rằng nàng đã thay thế ông bằng một người tình mới. Ông diễn dịch mỗi cử chỉ của nàng với những người khác như là một dấu hiệu hứa hẹn. Có lần, trong một hành lang, nàng nắm và giật vạt áo khoác của Roundell, cười với anh ta trong khi anh ta thì thầm một điều gì, và ông đã theo dõi anh chàng phụ tá chính phủ vô hại ấy trong hai ngày để xem giữa họ có chuyện gì hơn nữa hay không. Ông không tin những lời âu yếm cuối cùng nàng đã nói với ông nữa. Hoặc là nàng ở bên ông, hoặc là nàng đối nghịch ông. Nàng đối nghịch ông. Thậm chí ông không chịu nổi nụ cười ngập ngừng của nàng với ông. Nếu nàng đưa cho ông một ly rượu, ông sẽ không uống. Nếu trong một buổi tiệc nàng chỉ vào một cái chậu, bên trong bông bênh một đóa hoa súng sông Nile, ông sẽ không nhìn nó. Chỉ là một đóa hoa mắc toí khác. Nàng có một nhóm bạn thân mới không bao gồm ông và chồng nàng. Không ai trở về với chồng. Ít nhất ông biết thế về tình yêu và bản tính con người.

Ông mua giấy vắn thuốc lá màu nâu nhạt, dán nó vào những đoạn trong cuốn Lịch sử kể lại mấy cuộc chiến ông không chú ý đến. Ông viết xuống tất cả những tranh luận chống đối ông của nàng. Dán vào trong cuốn

sách - chỉ dành cho ông giọng nói của người quan sát, người lắng nghe, ngôi thứ ba “hắn”.

Trong những ngày cuối cùng trước chiến tranh, ông đến Gilf Kebir lần cuối để dọn sạch trại chính. Chồng nàng hẹn sẽ đón ông. Người chồng cả hai đã cùng yêu mến cho đến khi họ yêu nhau.

Clifton lái máy bay đến Uweinat để đón ông vào ngày hẹn, bay là sát trên mặt ốc đảo đã mất đến nỗi những bụi cây keo rụng lá trên đường máy bay qua, chiếc Moth lượn vào những khe trũng - trong khi ông đứng trên vách núi cao ra dấu bằng một tấm vải dầu màu xanh. Rồi chiếc máy bay vòng xuống và lao thẳng về phía ông, rồi đâm sầm xuống mặt đất cách ông năm mươi mét. Một vệt khói màu xanh uốn mình bay lên từ bụng máy bay. Không có lửa.

Một người chồng phát điên. Giết tất cả bọn họ. Giết chính mình và vợ mình - và giết ông bằng sự kiện là ông bây giờ không có cách nào để rời khỏi sa mạc.

Chỉ có điều, nàng không chết. Ông kéo thân hình nàng ra, mang nó rời khỏi vòng siết gẫy gập của chiếc máy bay, vòng tay của chồng nàng.

Anh ghét em như thế nào? Nàng thì thâm trong động Người Bơi Lội, nói trong đau đớn vì những vết thương của mình. Một cổ tay gãy. Mấy xương sườn giập nát. Anh đối với em rất tệ. Đây là lúc chồng em nghi ngờ anh. Em vẫn ghét anh ở điểm ấy - biến mất vào sa mạc hoặc quán rượu.

Em đã bỏ anh trong công viên Groppi.

Tại vì anh không muốn em là thứ gì khác.

Tại vì em nói chồng em sẽ phát điên. Anh ấy phát điên thật.

Anh ấy mới phát điên gần đây thôi. Em phát điên trước, anh đã giết chết tất cả trong em. Hôn em đi, nhé. Đừng chống chế nữa. Hãy hôn em và gọi tên em.

Thân thể họ đã gặp nhau trong hương thơm, trong mồ hôi, cuống quýt vượt qua lớp màn mỏng ấy bằng lưỡi hoặc răng, như thể họ có thể nắm chặt cá tính ở đấy và tách nó ra khỏi thân xác của nhau trong khi yêu.

Giờ đây không có phấn khô trên tay nàng, không có nước hoa hồng trên đùi nàng.

Anh nghĩ anh là người đả phá, nhưng không phải. Anh chỉ di dịch, hoặc thay thế điều anh không có được. Nếu anh thất bại trong chuyện này, anh lui về chuyện kia. Không điều gì thay đổi được anh. Anh đã có bao nhiêu người đàn bà? Em rời anh vì em biết em không bao giờ có thể thay đổi được anh. Đôi khi anh đứng trong căn phòng, rất bất động, rất tỉnh lặng, như thể sự phản bội ghê gớm nhất đối với chính anh là để lộ cá tính của anh thêm chút nữa.

Trong động Người Bơi Lội, chúng tôi nói chuyện. Chúng tôi chỉ cách sự an toàn của Kufra hai vĩ độ.

Ông tạm dừng và giơ tay ra. Caravaggio đặt một viên morphine vào lòng bàn tay đen đúa, và nó biến mất vào trong cái miệng tối của người đàn ông.

Tôi băng qua lòng hồ cạn đến ốc đảo Kufra, chỉ mang áo choàng rộng tránh nóng và đỡ lạnh ban đêm, để cuốn sách của Herodotus lại với nàng. Ba năm sau, năm 1942, tôi cùng nàng bước về phía chiếc máy bay chôn trong cát, mang thân thể nàng như mang bộ áo giáp hiệp sĩ.

Trong sa mạc, những dụng cụ sinh tồn nằm dưới mặt đất - hang động người tiền sử, nước ngầm trong thân cây chôn vùi, vũ khí, một chiếc máy bay. Ở kinh độ 25, vĩ độ 23, tôi đào xuống tám vại dầu, và chiếc máy bay cũ của Madox từ từ hiện ra. Lúc ấy là ban đêm, tôi đổ mồ hôi mặc dù trời lạnh. Tôi mang ngọn đèn dầu nhỏ đến bên nàng, ngồi một lúc bên cạnh chiếc bóng cúi đầu của nàng. Hai người tình và sa mạc - ánh sao hoặc ánh trăng, tôi không nhớ. Khắp nơi khác là chiến tranh.

Chiếc máy bay hiện ra từ trong cát. Tôi yếu vì mấy ngày không ăn. Tám vại dầu nặng quá, tôi không đào nó ra được mà phải cắt nó đi.

Buổi sáng, sau hai giờ ngủ, tôi mang nàng vào buồng lái. Tôi nổ máy và chiếc máy bay lăn bánh sống lại. Chúng tôi chuyển động và bay lên trời, đã chậm mất vài năm.

Giọng nói ngưng. Người đàn ông bị bóng nhìn thẳng trước mặt trong sự chú tâm do morphine mang đến của mình.

Giờ đây, chiếc máy bay ở trong mắt ông. Tiếng máy chậm chạp nỗ lực mang nó lên trên mặt đất, động cơ quay không đều như thể mất một bộ phận, tấm khăn liệm của nàng mở tung ra trong không gian ồn ào của buồng lái, tiếng ồn đáng sợ sau những ngày ông đi bộ trong thinh lặng. Ông nhìn xuống và thấy dầu đổ lên đầu gối mình. Một cành cây bung ra khỏi áo sơ mi của nàng. Cây keo và xương. Ông ở cao trên mặt đất bao nhiêu? Ông bay thấp dưới bầu trời bao nhiêu?

Bụng máy bay phớt qua ngọn một cây cọ, và ông bay lên, lớp dầu lan trên ghế, thân hình nàng trượt vào trong dầu. Một chỗ chạm điện tóe lửa, những cành cây nhỏ ở đầu gối nàng bắt cháy. Ông kéo nàng vào lại chỗ ngồi bên cạnh ông. Ông đẩy tay lên lớp kính che buồng lái, nó không xê dịch. Ông bắt đầu đâm vào lớp kính, làm nó rạn ra, cuối cùng đập vỡ nó, trong khi dầu và lửa sóng sánh uốn lượn khắp nơi. Ông bay thấp dưới bầu trời bao nhiêu? Nàng gục xuống - những cành keo nhỏ, những chiếc lá, những nhánh cây có hình cánh tay duỗi ra chung quanh ông. Chân tay bắt đầu biến mất trong sức hút của không khí. Mùi morphine trên lưỡi ông. Hình ảnh Caravaggio phản chiếu trong hồ mắt ông đen thẫm. Giờ đây ông lên xuống như cái gàu múc nước giếng. Không hiểu vì sao mặt ông đầm máu. Ông đang lái một chiếc máy bay rã mục, lớp vải bạt trên cánh rách toang vì tốc độ máy bay. Chúng là xác chết đã rửa. Cây cọ ở đằng sau bao xa? Bao nhiêu lâu rồi? Ông nhấc chân mình ra khỏi dầu, nhưng chúng nặng quá. Ông không cách nào nhấc chúng lên được nữa. Bỗng dưng ông cảm thấy già. Chán phải sống không có nàng. Ông không thể nằm dựa trong tay nàng và tin rằng nàng sẽ canh chừng suốt ngày đêm trong lúc ông ngủ. Ông chẳng có ai. Ông mệt mỏi không phải vì sa mạc mà vì cô đơn. Madox đã đi rồi. Người đàn bà đã biến thành lá và cành con, lớp kính vỡ trên đầu ông như hàm răng hướng lên trời.

Ông lách mình vào trong dây nịt của cái dù thắm dầu và nhảy lộn người xuống, thoát khỏi lớp kính, gió tạt thân hình ông về hướng ngược lại. Rồi hai chân ông thoát khỏi mọi thứ và ông ở trong không trung, sáng rực, không biết tại sao ông sáng rực cho đến khi ông nhận ra ông đang bốc cháy.

Hana có thể nghe thấy những giọng nói trong phòng bệnh nhân người Anh, và nàng đứng trong hành lang, cố nghe xem họ đang nói gì.

Thế nào? Tuyệt vời!

Bây giờ đến lượt tôi. À! Tuyệt, tuyệt.

Đây là sáng chế vĩ đại nhất.

Một khám phá đáng kể, anh bạn trẻ ạ.

Khi nàng vào phòng, nàng thấy Kip và bệnh nhân người Anh đang chuyển nhau một hộp sữa đặc. Bệnh nhân người Anh mút lon sữa, rồi giở hộp sữa ra xa mặt ông để nhai dung dịch đặc quánh. Ông rạng rỡ nhìn Kip, anh dường như bực bội vì không được cầm hộp sữa. Anh công binh liếc nhìn Hana, lẩn quẩn bên giường, búng tay vài lần, cuối cùng xoay xở lấy lại được lon sữa từ khuôn mặt sẫm màu.

“Cậu bé và tôi, chúng tôi khám phá ra một lạc thú chung. Với tôi là trong những cuộc hành trình ở Ai Cập. Với cậu ấy là ở Ấn.”

“Ông đã bao giờ ăn bánh mì kẹp với sữa đặc chưa?”, anh công binh hỏi.

Hana hết nhìn người bệnh lại nhìn anh công binh.

Kip nhìn vào lon sữa. “Tôi đi lấy lon nữa”, anh nói, rồi ra khỏi phòng.

Hana nhìn người đàn ông trên giường.

“Kip và tôi cùng là những đứa con hoang quốc tế - sinh ra ở một nơi và chọn sống ở một nơi khác. Cả đời tranh đấu để trở về hoặc rời khỏi quê hương. Mặc dù Kip chưa nhận ra điều ấy. Vì vậy chúng tôi mới hợp nhau đến thế.”

Trong bếp, Kip dùng lưới lê của anh đâm thủng hai lỗ trên lon sữa đặc mới, nhận ra rằng lưới lê của anh càng ngày càng chỉ được dùng cho mỗi mục đích này, rồi chạy lên lầu để trở lại phòng bệnh nhân người Anh.

“Chắc hẳn ông lớn lên ở nơi khác”, anh công binh nói. “Người Anh không mút như thế.”

“Tôi sống trong sa mạc vài năm. Tôi học được tất cả những điều tôi biết ở đây. Tất cả mọi chuyện quan trọng xảy ra với tôi đều xảy ra trong sa mạc.”

Ông mỉm cười với Hana.

“Một người cho tôi morphine. Một người cho tôi sữa đặc. Chúng ta có thể đã khám phá ra một chế độ ăn uống cân bằng!” Ông quay lại phía Kip.

“Cậu làm lính công binh bao lâu rồi?”

“Năm năm. Phần lớn ở London. Rồi ở Ý. Với những đội bom-chưa-nổ.”

“Ai là thầy của cậu?”

“Một người Anh ở Woolwich. Người ta cho là ông ấy lập dị.”

“Đấy là mẫu thầy giáo tuyệt nhất. Chắc phải là Huân tước Suffolk. Anh có gặp Miss Morden¹ không?”

¹ Cách gọi lễ phép một phụ nữ chưa hoặc không lập gia đình.

“Có.”

Hai người không hề tìm cách làm Hana thấy dễ chịu trong cuộc đối thoại của họ. Nhưng nàng muốn biết về thầy của anh, và anh miêu tả ông như thế nào.

“Ông ấy như thế nào, Kip?”

“Ông ấy làm việc ở Viện Nghiên cứu Khoa học. Ông ấy là trưởng một đội thử nghiệm. Miss Morden là thư ký của ông, lúc nào cũng ở bên ông, và

tài xế của ông, Mr. Fred Harts². Miss Morden sẽ ghi chép lời ông nói trong lúc ông làm việc với bom, còn Mr. Harts phụ lo phần dụng cụ. Ông ấy là một người lỗi lạc. Bộ ba được gọi là Chúa Ba Ngôi³. Tất cả ba người bị nổ tung vào năm 1941. Ở Erith.”

² *Dạng ngắn của Mister, danh xưng lễ phép đối với một người đàn ông.*

³ *Holy Trinity, thường dùng để chỉ Cha, Con và Thánh Thần trong Thiên Chúa giáo.*

Nàng nhìn anh công binh dựa vào tường, một chân nhấc lên, vì thế đế giày của anh áp vào một bụi cây vẽ. Không có vẻ u buồn, không có gì để diễn dịch.

Vài người đàn ông đã gỡ nút thắt cuối cùng của cuộc sống trong vòng tay nàng. Ở thị trấn Anghiari, nàng đã nâng những người còn sống lên chỉ để khám phá ra rằng họ đã bị trùng ăn ruỗng. Ở Ortona, nàng đã đặt điều thuốc lá lên môi của cậu nhỏ không còn tay. Không có điều gì ngăn được nàng. Nàng đã tiếp tục bốn phận của mình trong lúc nàng âm thầm kéo con người riêng tư của nàng lùi lại. Quá nhiều y tá đã biến thành những cô hầu gái tâm tư xáo trộn của chiến tranh, trong bộ đồng phục màu vàng và đỏ với những cái nút bằng xương.

Nàng ngấm Kip dựa đầu vào tường và biết cái nhìn thản nhiên trên mặt anh. Nàng có thể đọc cái nhìn ấy.

TẠI CHỖ

W
ESTBURY, ANH QUỐC, NĂM 1940

Kirpal Singh đứng ở lưng con ngựa, chỗ đáng lẽ có yên cương nằm vắt ngang. Thoạt tiên anh chỉ đứng trên lưng ngựa, tạm dừng để vẫy tay với những người anh không thấy được nhưng anh biết đang dõi nhìn anh. Huân tước Suffolk nhìn anh qua ống nhòm, thấy chàng trai giơ hai tay lên vẫy.

Rồi anh đi xuống dốc, vào trong con ngựa phần trắng khổng lồ của Westbury, vào màu trắng của con ngựa tạc trên ngọn đồi. Giờ đây anh là một hình dáng màu đen, khung cảnh phía sau làm nổi bật độ thẫm của làn da và bộ quân phục khaki của anh. Nếu ống nhòm có tiêu điểm chính xác, Huân tước Suffolk sẽ nhìn thấy những sợi dây mỏng màu đỏ quàng trên vai của Singh, dấu hiệu đội công binh của anh. Với họ, dường như anh đang sải bước trên một tấm bản đồ bằng giấy cắt theo hình thú vật. Nhưng Singh chỉ nhận biết đôi giày boots của anh đang chà lên mặt phần thô màu trắng trong khi anh đi xuống triền dốc.

Đằng sau anh, Miss Morden cũng đang chậm chậm đi xuống đồi, túi da trên vai, dùng một cây dù xếp lại để chống. Bà dừng lại khoảng ba mét phía trên con ngựa, mở dù ra và ngồi trong bóng mát của nó. Rồi bà mở cuốn sổ ghi chép của bà.

“Bà có nghe tôi rõ không?”, anh hỏi.

“Có, tôi nghe được.” Bà chùi phần trên tay vào váy của mình, chỉnh lại mắt kính. Bà ngược nhìn về phía xa, và giống như Singh đã làm, vẫy tay với những người bà không thấy được.

Singh mến bà. Thật ra, bà là người phụ nữ Anh đầu tiên anh thực sự nói chuyện cùng từ lúc anh đến Anh quốc. Phần lớn thời gian anh ở trong trại lính tại Woolwich. Trong ba tháng ở đấy, anh chỉ gặp những người

Ấn khác và mấy sĩ quan người Anh. Phụ nữ anh gặp trong phòng ăn của NAAFI¹ sẽ trả lời câu hỏi, nhưng đối thoại với họ chỉ kéo dài hai hoặc ba câu.

¹ *The Navy, Army & Air Force Institutes: Viện Hải quân, Lục quân và Không quân.*

Anh là con trai thứ hai trong gia đình. Con trai trưởng sẽ gia nhập quân đội, con trai kế sẽ là bác sĩ, con trai kế nữa sẽ là thương gia. Một truyền thống lâu đời trong gia đình anh. Nhưng với chiến tranh, tất cả thay đổi. Anh gia nhập một trung đoàn người Sikh rồi được đưa đến Anh quốc. Sau những tháng đầu ở London, anh đã tình nguyện vào một đội công binh được thành lập để đối phó với những trái bom chưa nổ hoặc nổ chậm. Lệnh truyền từ trên xuống vào năm 1939 rất ngớ ngẩn: “*Những trái bom chưa nổ được xem là trách nhiệm của Bộ Nội vụ, Bộ đã đồng ý rằng chúng sẽ được các nhân viên Phòng không và cảnh sát thu thập rồi đưa đến những kho chứa thuận tiện, ở đây quân đội sẽ tháo ngòi của chúng vào một thời điểm thích hợp*”.

Mãi đến năm 1940, Bộ Chiến tranh mới nhận trách nhiệm tháo gỡ bom, rồi lại giao nó cho Đội Công binh Hoàng gia. Hai mươi lăm đội gỡ bom được thành lập. Họ thiếu dụng cụ kỹ thuật, chỉ có búa, đục và những dụng cụ sửa đường. Không có một chuyên viên nào.

Một trái bom là tổng hợp của những phần sau đây:

1. Một hộp chứa hoặc vỏ bom.
2. Một ngòi nổ.
3. Một bộ phận phát lửa, hoặc gaine.
4. Một phần thuốc nổ chính.
5. Những bộ phận phụ trên vỏ bom - vây, tay cầm, vòng đai quanh mũi bom, v.v...

Tám mươi phần trăm bom thả xuống Anh quốc bằng máy bay là loại bom vỏ mỏng đa dụng. Chúng thường nặng khoảng từ năm mươi ký đến năm trăm ký. Một quả bom nặng một tấn được gọi là “Hermann” hoặc “Esau”. Một quả bom nặng hai tấn được gọi là “Satan”.

Sau những ngày dài huấn luyện, Singh sẽ ngủ gục bên những bản vẽ và biểu đồ anh vẫn nắm trong tay. Nửa mơ nửa tỉnh, anh tiến vào mê trập của ống trực bên cạnh acid picric, phần đánh lửa và những tụ điện cho đến khi anh tới phần ngòi nổ nằm sâu trong thân bom. Thế rồi anh bỗng bừng thức dậy.

Khi một trái bom rơi trúng đích, độ ma sát sẽ làm bộ phận rung khởi động và đánh viên đá lửa trong ngòi nổ. Vụ nổ tí hon sẽ lan vào bộ phận phát lửa, làm lớp sáp penthrite nổ. Sáp penthrite nổ sẽ làm acid picric nổ, và acid picric nổ sẽ làm phần thuốc nổ chính gồm TNT, amatol, và bột nhôm nổ. Cuộc hành trình từ phần rung đến vụ nổ chỉ mất vài giây.

Những trái bom nguy hiểm nhất là những trái bom thả từ cao độ thấp, không khởi động cho đến khi chúng chạm đất. Những trái bom chưa nổ này vùi mình trong thành phố và đồng ruộng, nằm yên cho đến khi bộ phận rung của chúng bị xáo động - bằng cây gậy của nông dân, cú đẩy của bánh xe hơi, một trái banh tennis nảy trên mặt vỏ bom - và khi ấy chúng sẽ nổ tung.

Singh được chuyển đi bằng xe tải cùng với những người tình nguyện khác đến viện nghiên cứu ở Woolwich. Đây là lúc tỷ lệ thương vong của những đội gỡ bom cao đến đáng sợ, dù số lượng bom chưa nổ không nhiều. Năm 1940, sau khi Pháp bại trận và Anh quốc ở trong tình trạng bị vây hãm, mọi chuyện trở nên tệ hơn.

Đến tháng Tám, những cuộc giới bom bắt đầu, và trong vòng một tháng, đột nhiên có 2500 trái bom chưa nổ cần phải giải quyết. Đường sá bị chặn, xưởng máy bỏ trống. Đến tháng Chín, số bom chưa nổ lên đến 3700. Một trăm đội bom nữa được thành lập, nhưng vẫn chưa có hiểu biết về cơ cấu hoạt động của bom. Tuổi thọ của những đội bom này là mười tuần lễ.

“Đây là Thời Đại Anh Hùng trong vấn đề tháo gỡ bom, một thời kỳ dũng cảm cá nhân, khi sự cấp bách và thiếu thốn về kiến thức cũng như dụng cụ dẫn đến những mạo hiểm khôn lường... Dù sao đi nữa, đây là một Thời Đại Anh Hùng, trong ấy vai chính không được biết đến, công chúng không thể biết những hành động của họ vì lý do an ninh. Hiển nhiên

chúng ta không nên công bố những báo cáo có thể giúp kẻ địch ước lượng khả năng của chúng ta trong việc đối phó với vũ khí.”

Trong xe hơi đến Westbury, Singh ngồi trên hàng ghế trước với Mr. Harts trong khi Miss Morden ngồi ở hàng ghế sau với Huân tước Suffolk. Chiếc Humber sơn màu khaki là một chiếc xe nổi tiếng. Vạt chắn bùn của bánh xe được sơn màu đỏ rực để làm dấu - như xe của tất cả các đội gỡ bom lưu động - và ban đêm có một lớp lọc màu xanh ở bóng đèn bên hông xe phía tay trái. Hai ngày trước đó, một người đàn ông đi bộ gần con ngựa phấn nổi tiếng ở Downs đã bị nổ tung. Khi lính công binh đến nơi, họ khám phá ra một trái bom khác đã rơi xuống ngay giữa địa điểm lịch sử - trong bụng con ngựa trắng khổng lồ của Westbury tạc vào năm 1778 trên những ngọn đồi phấn uốn lượn. Liền sau sự kiện này, tất cả ngựa phấn ở Downs - bảy con cả thảy - được che lại bằng lưới nguy trang đóng cọc xuống đất, để bảo vệ chúng thì ít mà ngăn chúng trở thành những mục tiêu hiển nhiên cho những cuộc giội bom xuống Anh quốc thì nhiều.

Ở hàng ghế sau, Huân tước Suffolk nói chuyện về sự thiên di của chim cổ đỏ từ những vùng chiến tranh của châu Âu, lịch sử tháo gỡ bom, kem sữa vùng Devon. Ông đang giới thiệu những tập tục của Anh quốc cho chàng Sikh trẻ tuổi như thể đây là một nền văn hóa vừa mới được khám phá. Mặc dù là quý tộc vùng Suffolk, ông ở tại Devon, và cho đến khi cuộc chiến bùng nổ, đam mê của ông là nghiên cứu cuốn truyện Lorna Doone, mức độ xác thực của nó về mặt lịch sử và địa lý. Hầu như mùa đông nào ông cũng lẩn quẩn quanh làng Brandon và Porlock, và ông đã thuyết phục chính quyền rằng Exmoor là một địa điểm lý tưởng để huấn luyện tháo gỡ bom. Dưới quyền ông có mười hai người - gồm những tài năng từ các đội công binh quân sự và dân sự, Singh là một người trong số họ. Phần lớn thời gian trong tuần họ trú đóng tại công viên Richmond ở London, được nghe giảng về những phương pháp mới hoặc làm việc với những trái bom chưa nổ, trong khi những con nai đốm tản bộ chung quanh họ. Nhưng cuối tuần họ sẽ đến Exmoor, tiếp tục huấn luyện trong ngày, rồi sau đó được Huân tước Suffolk lái xe đưa đến giáo đường nơi Lorna Doone bị bắn trong lễ cưới của cô. “Hoặc là từ cửa sổ này, hoặc từ cánh cửa hậu kia... bắn thẳng xuống lối đi giữa hai hàng ghế - vào vai cô.

Phát súng trắc tuyệt, mặc dù dĩ nhiên đáng trách. Hung thủ bị đuổi theo vào đồng hoang và bắt thịt hắn ta bị rút khỏi thân mình.” Với Singh, chuyện ấy nghe như một truyền thuyết quen thuộc của Ấn Độ.

Bạn thân nhất trong vùng của Huân tước Suffolk là một nữ phi công ghét giới thượng lưu nhưng yêu ông. Họ đi săn chung. Bà sống trong một căn nhà nhỏ ở Countisbury trên một vách đá nhìn ra eo biển Bristol. Huân tước Suffolk diễn tả những đặc điểm kỳ thú của mỗi ngôi làng họ đi qua trong chiếc Humber. “Đây là nơi mua gậy ba toong bằng gỗ mạn gai tốt nhất.” Như thể Singh đang nghĩ đến chuyện bước vào một cửa tiệm bán hàng thời Tudor ở góc đường trong bộ quân phục và khăn xếp của anh và trò chuyện tự nhiên với chủ tiệm về gậy ba toong. Sau này, anh bảo Hana rằng Huân tước Suffolk là mẫu người Anh tuyệt nhất. Nếu không có chiến tranh, ông sẽ không bao giờ nhắc mình ra khỏi Countisbury và căn nhà ẩn dật của ông tên là Trại Nhà, nơi ông trầm ngâm với rượu vang, với lũ ruồi trong phòng giặt cũ phía sau. Ông năm mươi tuổi, có vợ nhưng cá tính chủ yếu vẫn như còn độc thân, đi bộ trên những vách đá mỗi ngày để đến thăm người bạn phi công. Ông thích sửa chữa - bồn giặt cũ và máy bơm nước và lò nấu chạy bằng bánh xe nước. Ông đang giúp Miss Swift, người nữ phi công, thu thập thông tin về những thói quen của con lửng.

Vì thế, chuyến xe đến chỗ con ngựa phấn ở Westbury có nhiều câu chuyện và kiến thức. Ngay trong thời chiến, ông vẫn biết chỗ tuyệt nhất để ghé lại uống trà. Ông bước vào Trà Thất Của Pamela, cánh tay bị băng bó vì một tai nạn với thuốc nổ guncotton, và dẫn dắt bầu đoàn của ông - thư ký, tài xế và lính công binh - như thể họ là con cái của ông. Không ai biết rõ làm thế nào Huân tước Suffolk thuyết phục được Hội đồng Bom chưa nổ cho phép ông thành lập đội gỡ bom thử nghiệm, nhưng với những sáng chế trước đây của ông, có lẽ ông nhiều kinh nghiệm hơn đa số mọi người. Ông là người tự học, và ông tin rằng trí óc ông có thể đọc được động cơ và tinh thần đằng sau bất cứ phát minh nào. Ông đã lập tức chế ra cái áo sơ mi nhiều túi, tạo điều kiện dễ dàng cho lính công binh đang làm việc có chỗ đựng ngòi nổ và dụng cụ.

Họ uống trà và đợi bánh scone, bàn thảo về phương pháp gỡ bom tại chỗ.

“Tôi tin tưởng anh, Mr. Singh. Anh biết như thế, phải không?”

“Vâng, thưa ngài.” Singh yêu mến ông. Đối với anh, Huân tước Suffolk là người đàn ông thật sự quý phái đầu tiên anh gặp ở Anh quốc.

“Anh biết tôi tin rằng anh làm cũng như tôi làm. Miss Morden sẽ ở bên anh để ghi chép. Mr. Harts sẽ ở xa hơn phía sau. Nếu anh cần thêm dụng cụ hay sức người, anh cứ thối cái còi cảnh sát và ông ấy sẽ đến phụ anh. Ông ấy không góp ý kiến, nhưng ông ấy hiểu rất rõ. Nếu ông ấy không làm điều gì, đấy có nghĩa là ông ấy không đồng ý với anh, và tôi khuyên anh nên nghe lời của ông ấy. Nhưng anh có toàn quyền tại địa điểm. Đây là súng lục của tôi. Chắc bây giờ ngài nổi tinh vi hơn, nhưng ai biết đâu được, không chừng anh sẽ may mắn.”

Huân tước Suffolk đang ám chỉ đến một việc đã làm ông nổi tiếng. Ông khám phá ra phương pháp ngăn chặn ngòi nổ chậm bằng cách rút súng bắn một viên đạn xuyên qua đầu ngòi nổ, như thế hãm lại chuyển động của đồng hồ. Phương pháp này không được dùng nữa khi người Đức trình làng loại ngòi nổ mới, ở trong ấy nắp gỗ, chứ không phải là đồng hồ, nằm phía trên cùng.

Kirpal Singh đã được kết thân, và anh sẽ không bao giờ quên. Cho đến nay, phân nửa thời gian của anh trong chiến tranh trôi qua trong tầm ảnh hưởng của ông quý tộc chưa bao giờ rời Anh quốc và dự định sẽ không bao giờ bước chân ra khỏi Countisbury sau khi chiến tranh kết thúc. Singh đã đến Anh quốc khi không quen biết một ai, xa gia đình ở Punjab. Lúc ấy anh hai mươi một tuổi. Anh chưa gặp ai ngoài binh lính. Thế nên khi đọc thông cáo gọi người tình nguyện cho một đội bom thử nghiệm, mặc dù anh nghe những lính công binh khác nói đến Huân tước Suffolk như một người điên, anh đã quyết định rằng trong một cuộc chiến người ta phải nắm phần chủ động, và người ta có nhiều cơ hội lựa chọn và sống sót hơn bên cạnh một nhân vật hoặc một cá tính.

Anh là người Ấn duy nhất trong số người nộp đơn, và Huân tước Suffolk đến trễ. Nhóm của họ gồm mười lăm người được dẫn vào một thư viện và người thư ký bảo họ chờ. Bà ngồi ở bàn giấy sao chép mấy cái tên, trong khi những người lính đùa giỡn về cuộc phỏng vấn và bài thi. Anh

không biết ai cả. Anh bước đến một bức tường, chăm chú nhìn một cái phong vũ biểu, sắp chạm vào nó nhưng rồi lại thôi, chỉ kề sát mặt anh vào nó. Rất khô đến Vừa phải đến Giông bão. Anh lẩm bẩm những chữ ấy một mình bằng cách phát âm giọng Anh mới mẻ của mình. “Rất khô. Rất khô.” Anh ngoảnh nhìn những người khác, ngấm nghĩa quanh phòng và gặp ánh mắt của người thư ký tuổi trung niên. Bà nghiêm nghị nhìn anh. Một cậu bé người Ấn. Anh mỉm cười và bước đến một kệ sách. Một lần nữa, anh không đụng vào thứ gì. Có lúc anh gí mũi vào một cuốn sách tựa đề Raymond, hoặc sống chết do Ngài Oliver Hodge viết. Anh tìm ra một cuốn khác có đề tựa na ná như thế, Pierre, hoặc những điều mập mờ. Anh quay lại, và một lần nữa bắt gặp đôi mắt của người phụ nữ đang nhìn anh. Anh cảm thấy tội lỗi như anh đã bỏ cuốn sách vào túi. Chắc bà ấy chưa bao giờ nhìn thấy cái khăn xếp. Người Anh thật lạ! Họ muốn bạn chiến đấu cho họ, nhưng họ không thèm nói chuyện với bạn. Singh. Và những điều mập mờ.

Họ gặp Huân tước Suffolk trong bữa ăn trưa, ông rất nồng nhiệt, rót rượu cho bất cứ ai muốn uống, cười phá lên mỗi khi những người dự tuyển tìm cách nói đùa. Buổi chiều, tất cả được giao cho một bài thi lạ lùng, họ phải ráp lại một bộ máy nhưng họ không biết mục đích sử dụng của nó. Họ có hai giờ để làm bài, nhưng có thể rời khỏi ngay sau khi họ tìm ra lời giải. Singh nhanh chóng làm xong và dùng thời gian còn lại để sáng chế ra các đồ vật khác từ những bộ phận khác nhau. Anh cảm thấy nếu không phải vì chủng tộc của anh, anh sẽ dễ dàng được nhận. Anh đến từ một đất nước nơi toán học và cơ khí là những đặc tính tự nhiên. Xe hơi không bao giờ bị phá hủy. Những bộ phận của chúng được mang đi khắp làng và gắn vào một cái máy may hoặc máy bơm nước. Băng ghế sau của một cái xe Ford được bọc nệm lại và biến thành một cái ghế sofa. Đa số dân làng của anh thường mang chìa vít hoặc chìa vặn ốc hơn là bút chì. Như thế, những bộ phận không cần thiết của một cái xe được lắp vào đồng hồ quả lắc lớn hoặc ròng rọc thủy lợi hoặc bộ phận quay của ghế văn phòng. Người ta dễ dàng tìm ra giải pháp cho những tai họa cơ khí. Có người hạ nhiệt độ của máy xe không phải bằng ống cao su mới mà bằng cách hốt phân bò đổ lên quanh bộ phận nén hơi. Ở Anh quốc, anh nhìn thấy những bộ phận dư thừa có thể dùng để lục địa Ấn hoạt động hai trăm năm.

Anh là một trong ba người nộp đơn được Huân tước Suffolk chọn. Người đàn ông thậm chí chưa nói chuyện với anh (và chưa cười với anh chỉ vì anh chưa đùa) bằng ngang căn phòng và quàng tay qua vai anh. Người thư ký nghiêm khắc hóa ra là Miss Morden, bà nhanh nhẹn mang đến một cái khay đựng hai ly rượu sherry lớn, đưa một ly cho Huân tước Suffolk, rồi vừa nói, “tôi biết cậu không uống rượu”, vừa lấy ly kia cho mình và nâng ly về phía anh. “Chúc mừng cậu, bài thi của cậu rất tuyệt. Mặc dù tôi đã biết chắc cậu sẽ được chọn, ngay cả trước khi cậu làm bài.”

“Miss Morden xét người rất hay. Bà có cái mũi thính về cá tính và tài hoa.”

“Cá tính, thưa ngài?”

“Đúng thế. Dĩ nhiên nó không hẳn là cần thiết, nhưng chúng ta sẽ làm việc chung. Ở đây chúng tôi cũng như người nhà. Miss Morden đã chọn cậu ngay cả trước bữa ăn trưa.”

“Tôi thấy thật khó chịu vì không nháy mắt với cậu được, Mr. Singh.”

Huân Tước Suffolk lại quàng tay qua vai Singh và dẫn anh đến cửa sổ.

“Tôi nghĩ, vì đến giữa tuần sau chúng ta mới phải bắt đầu, tôi sẽ đưa vài người trong đội đến Trại Nhà. Ở Devon chúng ta có thể góp chung kiến thức và làm quen với nhau. Cậu có thể đi cùng với chúng tôi trong chiếc Humber.”

Thế là anh đã qua được, thoát khỏi guồng máy hỗn loạn của chiến tranh. Sau một năm ở ngoại quốc, anh bước vào một gia đình, như thể anh là đứa con đi hoang trở về, được mời ngồi vào bàn, được góp phần trò chuyện.

Trời đã gần tối khi họ băng qua ranh giới từ Somerset vào Devon trên con đường chạy dọc bờ biển nhìn ra eo biển Bristol. Mr. Harts lái xuống con đường hẹp viền cây thạch nam và cây trúc đào, màu đỏ thẫm như máu trong làn ánh sáng cuối cùng. Lối vào dài ba dặm.

Ngoài Chúa Ba Ngôi Suffolk, Morden và Harts, sáu lính công binh nữa làm thành đội thử nghiệm. Cuối tuần, họ đi bộ trong vùng đồng hoang

chung quanh căn nhà nhỏ bằng đá. Tối thứ Bảy, Miss Morden, Huân tước Suffolk và vợ ông ăn tối cùng với người nữ phi công. Miss Swift bảo Singh rằng bà vẫn luôn ao ước được bay qua đất liền đến Ấn Độ. Ra khỏi trại lính, Singh không biết vị trí của mình. Có một tấm bản đồ cuốn quanh trục cao trên trần nhà. Một buổi sáng, khi chỉ có một mình, anh kéo trục cuốn xuống cho đến khi nó chạm sàn nhà. Countisbury và vùng lân cận. R. Fones lập bản đồ. Vẽ theo ước muốn của Mr. James Halliday.

“Vẽ theo ước muốn...” Anh bắt đầu yêu tiếng Anh.

Anh ở cùng với Hana trong lều đêm khi anh kể cho nàng nghe về vụ nổ ở Erith. Một trái bom nặng 250 ký bùng nổ khi Huân tước Suffolk tìm cách gỡ ngòi của nó. Nó cũng giết Mr. Fred Harts, Miss Morden và bốn lính công binh đang được Huân tước Suffolk huấn luyện. Vào tháng Năm, năm 1941. Singh đã ở trong đội của Suffolk một năm. Hôm ấy, anh đang làm việc ở London với Trung úy Blackler, gỡ một trái bom Satan trong khu vực Elephant và Castle. Họ đã cùng nhau làm việc để gỡ trái bom hai tấn và đã mệt nhoài. Anh nhớ lúc đang làm việc nửa chừng, anh ngược nhìn lên, thấy hai người sĩ quan gỡ bom chỉ trở về hướng anh, và tự hỏi là chuyện gì. Chắc họ đã tìm ra một trái bom khác. Lúc ấy đã quá mười giờ đêm và anh mệt đến mức nguy hiểm. Một trái bom khác đang đợi anh. Anh quay lại làm việc.

Khi họ gỡ xong trái bom Satan, anh quyết định không nên phí thêm thì giờ và bước đến một trong hai người sĩ quan, thoát tiên anh ta quay người như muốn bỏ đi.

“Vâng. Nó ở đâu?”

Người đàn ông cầm lấy bàn tay phải của anh, và anh biết có chuyện gì không ổn. Trung úy Blackler đứng đằng sau anh, người sĩ quan kể cho họ nghe chuyện gì đã xảy ra, rồi Trung úy Blackler đặt hai tay lên vai Singh và ghì lấy anh.

Anh lái xe đến Erith. Anh đã đoán được điều người sĩ quan ngập ngừng không muốn hỏi. Anh biết anh ta không chỉ đến để nói cho anh nghe về những cái chết. Nói cho cùng, họ đang ở trong chiến tranh. Anh ta đến,

nghĩa là có một trái bom thứ hai gần đây, có lẽ là cùng kiểu, và đây là cơ hội duy nhất để tìm ra điều sai lầm trong lúc gỡ trái bom thứ nhất.

Anh muốn làm chuyện này một mình. Trung úy Blackler sẽ ở lại London. Họ là hai người cuối cùng của đội, liều mạng cả hai là xuân ngọc. Nếu Huân tước Suffolk thất bại, nghĩa là có điều gì mới. Dù sao chẳng nữa, anh muốn làm chuyện này một mình. Khi hai người làm việc với nhau, họ phải có một căn bản lý luận chung. Phải chia sẻ và thỏa hiệp những quyết định.

Suốt chuyến lái xe đêm, anh nén tất cả cảm xúc xuống. Để giữ đầu óc mình mẫn, họ phải còn sống. Miss Morden đang uống một ly lớn whisky mạnh trước khi uống rượu sherry. Như thế bà có thể uống chậm rãi hơn, ra vẻ mệnh phụ hơn trong suốt buổi tối còn lại. “Cậu không uống rượu, Mr. Singh, nhưng nếu cậu uống, cậu sẽ làm giống tôi. Một ly đầy whisky, rồi cậu có thể hớp từng ngụm nhỏ như một cận thần tốt.” Tiếp theo câu nói này là tiếng cười khàn khàn uể oải của bà. Trong đời anh, bà là người phụ nữ duy nhất anh gặp phải mang theo hai chai rượu bỏ túi bằng bạc. Bây giờ bà vẫn đang uống rượu, và Huân tước Suffolk vẫn đang nhấm nháp miếng bánh ngọt Kipling.

Trái bom thứ hai rơi xuống cách trái bom đầu tiên nửa dặm. Cũng là bom SC-250kg. Trông nó như loại bom quen thuộc. Họ đã gỡ ngòi hàng trăm trái bom như thế, phần lớn theo lối thuộc lòng. Cuộc chiến tiến triển như thế đấy. Cứ khoảng sáu tháng địch quân lại thay đổi một điều gì đó. Bạn tìm hiểu trò lừa bịp, ý thích nhất thời, đoạn thừa nhỏ, và dạy lại cho những đội khác. Giờ đây họ đang ở trong một giai đoạn mới.

Anh không mang ai theo. Anh sẽ phải nhớ từng bước một. Người trung sĩ lái xe đưa anh đi tên là Hardy, và anh ta sẽ ở lại bên xe jeep. Người ta đề nghị anh đợi đến sáng hôm sau, nhưng anh biết họ muốn anh làm ngay. Trái bom SC-250kg rất thông dụng. Nếu nó có một sự thay đổi thì họ phải biết lập tức. Anh bắt họ gọi điện thoại trước để khu vực quanh trái bom có ánh sáng. Anh không ngại làm việc trong lúc mệt mỏi, nhưng anh muốn ánh sáng đầy đủ, không chỉ là mấy ngọn đèn pha của hai chiếc xe jeep.

Khi anh đến Erith, khu vực quanh trái bom đã được thấp sáng. Trong ánh sáng ban ngày, vào một ngày vô hại, nó sẽ là một cánh đồng. Những giậu cây, có lẽ một cái ao. Bây giờ nó là một đấu trường. Thấy lạnh, anh mượn áo len của Hardy và mặc ngoài áo của anh. Dù sao chẳng nữa, mấy ngọn đèn sẽ giữ cho anh ấm. Khi anh bước đến trái bom, họ vẫn còn sống trong trí anh. Bài thi.

Trong ánh sáng chói, độ rõ của kim loại nổi lên rõ nét. Bây giờ anh quên đi tất cả ngoại trừ sự nghi ngại. Huân tước Suffolk đã nói rằng người ta có thể chơi cờ tướng rất hay ở tuổi mười bảy, thậm chí tuổi mười ba, có thể đánh bại một bậc thầy. Nhưng người ta không thể chơi bài bridge xuất sắc vào tuổi ấy. Bài bridge dựa trên cá tính. Cá tính của bạn và cá tính của đối thủ. Bạn phải xét đến cá tính của đối thủ. Điều này đúng trong việc gỡ bom. Đây là ván bài bridge hai người. Bạn có một đối thủ. Bạn không có cộng sự. Đôi khi tôi bắt họ chơi bài bridge thay vì làm bài thi. Người ta nghĩ bom là một vật cơ khí, một kẻ thù cơ khí. Nhưng bạn phải xét đến chuyện nó được một người nào đấy làm ra.

Vỏ trái bom đã bị rách khi nó rơi xuống đất, và Singh có thể nhìn thấy phần chất nổ bên trong. Anh cảm thấy có người đang nhìn ngắm mình, và không chịu quyết định xem người ấy là Huân tước Suffolk hay là người chế ra bộ máy này. Ánh đèn nhân tạo tươi mát làm anh tỉnh táo lại. Anh bước quanh trái bom, thăm soi mọi góc cạnh của nó. Để gỡ ngòi, anh sẽ phải mở ngăn chính và vượt qua phần chất nổ. Anh mở nút túi da, dùng một chìa khóa chủ, cẩn thận vặn rời tám kim loại ở sau lưng vỏ bom. Nhìn vào trong, anh thấy túi ngòi nổ đã bị đẩy rời khỏi vỏ bom. Đây là may mắn - hay rủi ro; anh chưa biết được. Vấn đề là anh không biết cơ cấu đã khởi động chưa, trái bom đã được châm ngòi chưa. Anh quỳ gối, cúi xuống bên trái bom, mừng vì anh chỉ có một mình, trở về thế giới của những lựa chọn đơn giản. Rẽ trái hoặc rẽ phải. Cắt cái này hoặc cắt cái kia. Nhưng anh mệt mỏi, và trong anh vẫn còn câu giận.

Anh không biết anh có bao nhiêu thời gian. Đợi quá lâu sẽ tăng phần nguy hiểm. Giữ chặt mũi ống trụ bằng giày bốt, anh thò tay vào, giật rời túi ngòi nổ và nhấc nó ra khỏi trái bom. Vừa làm xong chuyện này thì anh bắt đầu run. Anh đã lấy nó ra. Trái bom bây giờ thực sự là vô hại.

Anh đặt ngòi nổ cùng đám dây điện rối rắm chung quanh xuống cỏ; chúng trong veo và rạng rỡ trong ánh sáng này.

Anh bắt đầu kéo lê vỏ bom chính về chiếc xe tải cách đây năm mươi mét để những người khác có thể rút chất nổ ra khỏi trái bom. Trong lúc anh kéo nó, một trái bom thứ ba nổ cách đây một phần tư dặm, bầu trời rực sáng, khiến ngay cả những ngọn đèn hồ quang đường như cũng yếu ớt và mờ nhạt.

Một sĩ quan đưa cho anh cốc sữa Horlicks pha với một loại rượu, rồi anh một mình trở về bên túi ngòi nổ. Anh hít mùi khói từ cốc sữa.

Không còn nguy hiểm nào đáng kể. Nếu anh lầm, vụ nổ nhỏ có thể làm nát bàn tay anh. Nhưng trừ phi anh áp nó vào tim lúc nó nổ, anh sẽ không chết. Vấn đề bây giờ chỉ là tìm lời giải. Ngòi nổ. “Trò đùa” mới trong trái bom.

Anh sẽ phải xếp lại mê trận của những sợi dây điện vào mẫu nguyên thủy của nó. Anh bước trở lại chỗ người sĩ quan, hỏi xin anh ta phần còn lại của bình thủy đựng sữa nóng. Rồi anh trở về và ngồi xuống lại bên ngòi nổ. Lúc ấy khoảng một rưỡi sáng. Anh đoán thế, vì anh không đeo đồng hồ. Trong vòng nửa tiếng, anh chỉ nhìn ngòi nổ bằng kính lúp, loại kính một tròng treo ở lỗ khuy áo của anh. Anh cúi xuống và chăm chú nhìn mặt đồng thau để tìm những dấu hiệu trầy xước khác, có thể do một cái kẹp tạo nên. Không có gì cả.

Sau này, anh sẽ cần sự phân tâm. Sau này, khi có cả một lịch sử cá nhân của những sự kiện và khoảnh khắc trong trí anh, anh sẽ cần một thứ tương đương với tiếng ồn để thiêu cháy hoặc chôn vùi tất cả trong khi anh nghĩ đến những vấn đề trước mặt anh. Sau này, radio hoặc radio tinh thể và loại nhạc ồn ào của nó sẽ đến, một tấm vải dầu che cho anh khỏi những hạt mưa của đời sống thật.

Nhưng bây giờ anh nhận biết một điều ở phía xa, như ánh phản chiếu của lần chớp trên một đám mây. Harts và Morden và Suffolk đã chết, bỗng nhiên chỉ còn là những cái tên. Mắt anh tập trung trở lại vào hộp ngòi nổ.

Trong trí, anh bắt đầu lật úp ngòi nổ xuống, cân nhắc những khả năng hợp lý. Rồi lại lật nó lên. Anh mở ốc phần phát lửa, cúi xuống, tai anh kề bên nó, sát vết trầy trên mặt đồng thau. Không có tiếng lách cách nho nhỏ. Nó lặng lẽ tách rời ra. Anh nhẹ nhàng tháo phần đồng hồ ra khỏi ngòi nổ và đặt nó xuống. Anh nhặt ống ngòi nổ lên và nhìn vào lần nữa. Anh không thấy gì. Sắp đặt nó xuống cỏ, anh ngần ngừ rồi mang nó trở lại ánh sáng. Nếu không vì sức nặng của nó, anh sẽ không để ý điều gì lạ. Và anh sẽ không bao giờ nghĩ đến sức nặng của nó nếu anh không tìm kiếm trò đùa. Tất cả những chuyện họ làm thường chỉ là nhìn hoặc lắng nghe. Anh thận trọng nghiêng ống, và sức nặng tuột về phía miệng ống. Đây là bộ phận phát lửa thứ hai - một bộ phận hoàn toàn riêng biệt - để phá hỏng bất cứ nỗ lực gỡ ngòi nào.

Anh nhè nhẹ nghiêng ống ngòi nổ để bộ phận phát lửa thứ hai rơi về phía anh, rồi vặn mở ốc bộ phận ấy. Nó phát ra một ánh chớp màu trắng xanh và tiếng như roi quất. Ngòi nổ thứ hai đã nổ. Anh kéo nó ra và đặt nó cạnh những bộ phận khác trên cỏ. Anh trở lại xe jeep.

“Có một bộ phận phát lửa thứ hai”, anh lầm bầm. “Tôi may mắn lắm mới kéo mấy sợi dây điện đó ra được. Gọi cho tổng hành dinh xem có bom nào khác không.”

Anh xua mấy người lính ra khỏi xe jeep, dựng một cái băng ghế rồi ở đây và yêu cầu rọi những ánh đèn hồ quang vào băng ghế. Anh cúi xuống nhặt ba bộ phận, để chúng cách nhau khoảng ba tấc trên băng ghế tạm. Bây giờ anh thấy lạnh, thở ra một làn khói mỏng từ hơi ẩm của thân thể mình. Anh ngược nhìn lên. Xa xa, vài người lính vẫn đang rút phần chất nổ chính ra khỏi trái bom. Anh viết nhanh xuống vài điểm ghi chú và đưa giải pháp của loại bom mới cho một sĩ quan. Dĩ nhiên anh ta không hoàn toàn hiểu hết, nhưng họ sẽ có được thông tin này.

Khi ánh nắng rọi vào một căn phòng đang cháy, ngọn lửa sẽ biến mất. Anh đã yêu Huân tước Suffolk và những mẫu kiến thức lạ lùng của ông. Nhưng sự vắng mặt của ông ở đây, trong khía cạnh mọi chuyện bây giờ tùy thuộc vào Singh, có nghĩa là cảm nhận của Singh bao gồm tất cả bom loại này trong khắp thành phố London. Đột nhiên anh có một bản đồ trách nhiệm, và anh nhận ra Huân tước Suffolk vẫn hằng mang theo

tám bản đồ ấy trong cá tính của ông. Sau này, cảm nhận ấy là điều khiến anh cần phải gạt ra ngoài rất nhiều thứ trong lúc anh làm việc với một trái bom. Anh là một trong những người không hề chú ý đến những sắp đặt quyền lực. Anh cảm thấy khó chịu với việc chuyển giao kế hoạch và giải pháp qua lại. Anh chỉ cảm thấy có khả năng trong chuyện dò tìm, xác định giải pháp. Khi hiện thực về cái chết của Huân tước Suffolk đến với anh, anh kết thúc công việc anh được giao và gia nhập trở lại vào bộ máy vô danh của quân đội. Anh đi trên tàu chuyển quân Macdonald, đưa anh và một trăm lính công binh khác đến chiến trường Ý. Ở đây họ không chỉ được dùng trong việc gỡ bom, mà còn để xây cầu, dọn gạch vụn, đặt đường ray cho xe lửa bọc sắt. Anh ẩn mình ở đây suốt thời gian còn lại của cuộc chiến. Ít ai nhớ đến anh chàng người Sikh từng ở trong đội của Suffolk. Trong vòng một năm, cả đội đã bị giải tán và quên lãng. Trung úy Blackler là người duy nhất được lên chức nhờ tài năng của mình.

Nhưng đêm ấy, trong lúc Singh lái xe qua Lewisham và Blackheath đến Erith, anh biết rằng anh chứa đựng kiến thức của Huân tước Suffolk nhiều hơn bất cứ người lính công binh nào khác. Người ta mong anh có tầm nhìn xa thay thế cho ông.

Anh vẫn đang đứng bên xe tải khi anh nghe tiếng huýt còi báo hiệu họ sẽ tắt đèn hồ quang. Trong vòng ba mươi giây, ánh sáng gắt đã được thay thế bằng những pháo sáng lưu huỳnh ở phía sau xe. Lại một trận giới bom. Họ có thể tắt những nguồn sáng yếu hơn này khi họ nghe tiếng máy bay. Anh ngồi xuống thùng xăng rộng đối diện ba bộ phận anh đã tháo khỏi trái bom SC-250kg, tiếng rít của pháo sáng chung quanh nghe ồn ào sau sự tĩnh lặng của ánh đèn hồ quang.

Anh ngồi nhìn và lắng nghe, đợi chúng kêu lách cách. Cách đây năm mươi mét, những người khác lặng im. Anh biết ngay lúc này anh là vua, người giật dây con rối, có thể đòi bất cứ điều gì, một thùng cát, một cái bánh trái cây vì anh cần, và những người ấy, lúc bình thường sẽ không buồn băng ngang qua một quán rượu vắng để trò chuyện với anh ngoài giờ làm việc, sẽ làm theo ý anh. Anh thấy điều ấy thật lạ lùng. Như thể anh đã được trao cho một bộ quần áo rộng thùng thình, hai tay áo kéo lê sau lưng. Nhưng anh biết anh không thích thế. Anh đã quen với sự vô

hình của mình. Ở Anh quốc, người ta đã làm ngơ với anh trong các trại lính, và dần dà anh thích như thế. Sự tự túc và riêng tư Hana nhìn thấy ở anh sau này không phải chỉ vì anh là lính công binh trong chiến trường Ý. Nó cũng là sản phẩm của chuyện anh là một thành viên vô danh của một sắc dân khác, một phần của thế giới vô hình. Anh đã dựng nên cá tính phòng thủ để chống lại những điều ấy, chỉ tin những người kết bạn với anh. Nhưng đêm ấy ở Erith anh biết anh có khả năng giết dây và ảnh hưởng mọi người chung quanh anh, những người không có tài năng đặc biệt của anh.

Một vài tháng sau, anh đã trốn thoát qua Ý, đã gói ghém chiếc bóng của người thầy trong cái túi da, như anh đã nhìn thấy cậu bé áo xanh làm ở rạp Hippodrome trong kỳ nghỉ phép đầu tiên của anh vào dịp Giáng sinh. Huân tước Suffolk và Miss Morden mời anh đi xem một vở kịch Anh. Anh đã chọn Peter Pan, và họ, không nói một lời, chấp thuận đi cùng anh đến buổi trình diễn đầy tiếng trẻ con la hét. Có những bóng dáng kỷ niệm như thế ở bên anh khi anh nằm với Hana trong lều của mình nơi thị trấn nhỏ trong vùng đồi nước Ý.

Để lộ tính cách hoặc quá khứ của anh sẽ là một cử chỉ quá ồn ào. Cũng như anh không bao giờ có thể quay lại hỏi nàng động cơ nào sâu sắc nhất đã tạo nên mối quan hệ này. Anh yêu nàng cũng nhiều như anh yêu ba người Anh lạ lùng ấy, ăn cùng bàn với họ, những người đã chứng kiến tiếng cười và niềm vui và sự kinh ngạc của anh khi cậu bé màu xanh giơ cao hai cánh tay và bay vào trong bóng tối phía trên sân khấu, trên đường trở về để dạy cô bé trong gia đình trên mặt đất những điều kỳ diệu như thế.

Trong bóng tối rọi ánh pháo sáng ở Erith, anh sẽ ngừng bất cứ khi nào anh nghe tiếng máy bay, và từng ngọn đuốc lưu huỳnh theo nhau bị dúi vào trong những thùng cát. Anh sẽ ngồi trong bóng tối đơn điệu, đổi chỗ ngồi để anh có thể nghiêng người và đặt tai anh gần bên cơ cấu đồng hồ, vẫn canh giờ tiếng lách cách, cố nghe chúng trong tiếng rung của những máy bay thả bom Đức trên đầu anh.

Rồi điều anh chờ đợi xảy ra. Sau đúng một giờ, đồng hồ bấm giờ nhả ra và nắp gỗ nổ. Tháo rời bộ phận phát lửa chính đã làm nhả một phần gỗ

không nhìn thấy và khởi động bộ phận phát lửa thứ hai ẩn kín bên trong. Nó đã được định giờ để nổ sau sáu mươi phút - rất lâu sau khi người lính công binh theo lệ thường cho rằng trái bom đã được tháo ngòi an toàn.

Bộ phận mới này sẽ hoàn toàn chuyển hướng phương pháp gỡ bom của quân Đồng Minh. Từ nay, mỗi trái bom nổ chậm sẽ mang mối đe dọa của bộ phận phát lửa thứ hai. Lính công binh không còn vô hiệu hóa được một trái bom chỉ bằng cách tháo ngòi nổ. Họ sẽ phải biến những trái bom thành vô dụng với ngòi nổ còn nguyên vẹn. Trước đây, trong ánh đèn hồ quang chung quanh anh, trong cơn phẫn nộ, bằng cách nào đó anh đã tháo ngòi nổ thứ hai bị đứt rời ra khỏi bẫy rập. Trong bóng tối lưu huỳnh dưới trận giới bom, anh chứng kiến ánh chớp trắng xanh cỡ bằng bàn tay anh. Một giờ sau. Anh sống sót chỉ nhờ may mắn. Anh bước về phía người sĩ quan và nói, “tôi cần một ngòi nổ nữa để biết chắc”.

Một lần nữa họ thả pháo sáng chung quanh anh. Một lần nữa ánh sáng tràn vào vòng bóng tối của anh. Đêm hôm ấy anh tiếp tục thử những ngòi nổ mới thêm hơn hai giờ nữa. Thời gian nổ chậm sáu mươi phút đã được chứng minh là cố định.

Anh ở Erith gần hết đêm hôm ấy. Buổi sáng, anh thức dậy và thấy mình ở London. Anh không nhớ chuyện đã được chở về. Anh thức dậy, đến một cái bàn và bắt đầu vẽ đại cương trái bom, những bộ phận phát lửa, những bộ phận nổ, tất cả vấn đề của bom ZUS-40, từ ngòi nổ cho đến những vòng khóa. Rồi anh phủ kín hình vẽ căn bản với những đường chỉ ra tất cả phương thức có thể dùng để gỡ ngòi bom. Mỗi mũi tên vẽ chính xác, chữ viết rõ ràng theo cách anh được dạy.

Điều anh khám phá đêm hôm trước là đúng. Anh đã sống sót chỉ nhờ may mắn. Gỡ ngòi tại chỗ một trái bom như thế chỉ làm cho nó nổ. Anh vẽ và viết tất cả mọi điều anh biết trên tám giấy vẽ lớn. Cuối trang anh đề: Vẽ theo ý muốn của Huân tước Suffolk, bởi học trò của Ngài, Trung úy Kirpal Singh, ngày 10 tháng Năm, năm 1941.

Sau cái chết của Suffolk, anh làm việc hết sức, như điên dại. Những trái bom đang thay đổi nhanh chóng, với những phương pháp và bộ phận

mới. Anh đóng quân ở công viên Regent với Trung úy Blackler và ba chuyên viên khác, tìm giải pháp, vẽ họa đồ cho mỗi trái bom mới đến.

Sau mười hai ngày làm việc ở Phòng giám đốc Viện Nghiên cứu Khoa học, họ tìm ra câu trả lời. Bỏ qua ngòi nổ hoàn toàn. Bỏ đi nguyên tắc đầu tiên, cho đến lúc ấy là “gỡ ngòi bom”. Hay tuyệt. Tất cả bọn họ cười và hoan hô và ôm chầm lấy nhau trong phòng ăn sĩ quan. Họ không biết phương pháp thay thế sẽ như thế nào, nhưng họ biết họ đúng về mặt lý thuyết. Chú tâm đến vấn đề sẽ không giải quyết được nó. Đây là lời của Trung úy Blackler. “Nếu bạn ở cùng phòng với một vấn đề, đừng nói chuyện với nó.” Một câu nói vô tình. Singh đến bên anh và xoa đầu anh theo một góc cạnh khác. “Thế thì chúng ta không đụng đến ngòi nổ.”

Một khi họ nghĩ ra điều ấy, trong vòng một tuần đã có người hoàn thành giải pháp. Một máy khử trùng bằng hơi nước. Người ta có thể cắt một lỗ vào vỏ bom chính, rồi phân chất nổ chính có thể được hóa lỏng bằng một tia hơi nước và được tháo chảy ra ngoài. Phương pháp ấy giải quyết vấn đề hiện thời. Nhưng đến lúc ấy anh đã ở trên một chiếc tàu đi Ý.

“Lúc nào trên cạnh của trái bom cũng có chữ viết bằng phấn màu vàng. Em có bao giờ để ý như vậy không? Cũng như thân hình bọn anh có chữ viết bằng phấn màu vàng khi bọn anh xếp hàng trong sân ở Lahore.

Khi bọn anh đăng lính, bọn anh xếp thành một hàng, chậm chạp lê chân từ ngoài đường vào tòa nhà y tế rồi ra sân. Bọn anh ghi tên. Một bác sĩ chấp nhận hoặc từ chối thân thể bọn anh bằng những dụng cụ của ông, dùng bàn tay thăm dò cổ bọn anh. Cái kẹp rời khỏi thuốc khử trùng Dettol và gấp lấy những mảnh da của bọn anh.

Những người được nhận đông chật khoảng sân. Kết quả viết bằng ký hiệu trong lớp phấn màu vàng trên da bọn anh. Sau một cuộc phỏng vấn ngắn trong hàng, một sĩ quan người Ấn vẽ thêm phấn màu vàng vào tấm bảng treo quanh cổ bọn anh. Số cân, tuổi tác, khu vực cư trú, trình độ học vấn, tình trạng hàm răng của bọn anh, đơn vị nào thích hợp nhất với bọn anh.

Anh không cảm thấy bị xúc phạm vì chuyện này. Anh chắc anh trai anh sẽ cảm thấy bị xúc phạm, sẽ phần nộ bước đến cái giếng, kéo thùng nước lên, rửa sạch những vết phấn. Anh không giống anh ấy. Mặc dù anh yêu anh ấy. Ngưỡng mộ anh ấy. Bản chất của anh có một khía cạnh khiến anh nhìn thấy lý lẽ trong mọi chuyện. Anh ấy thường nhại theo anh, cười nhạo anh vì anh có vẻ nghiêm túc và hăng hái trong trường. Dĩ nhiên em phải hiểu là anh ít nghiêm túc hơn anh ấy nhiều, chỉ là anh ghét sự dối đầu. Anh vẫn có thể làm những chuyện anh muốn theo cách anh muốn. Anh đã khám phá ra rất sớm khoảng trống không ai nhìn đến dành cho những người có cuộc sống lặng lẽ như anh. Anh không tranh cãi với viên cảnh sát nói rằng anh không thể đạp xe qua một cây cầu nào đấy hoặc qua một cánh cổng nào đấy trong pháo đài - anh chỉ đứng đấy, không động đậy, cho đến khi anh trở thành vô hình, rồi anh đi qua. Như một con dế. Như một cốc nước được che giấu. Em hiểu không? Những trận chiến công khai của anh trai anh đã dạy cho anh điều này.

Nhưng với anh, anh trai anh vẫn luôn là người hùng trong gia đình. Anh ở trong tầm ảnh hưởng của một người nổi loạn là anh ấy. Anh chứng kiến sự mệt nhọc của anh ấy sau mỗi cuộc phản kháng, thân thể anh ấy nỗ lực chống trả sự lẳng nhục này hoặc lề luật kia. Anh ấy phá vỡ truyền thống của gia đình, không chịu vào quân đội mặc dù anh ấy là con trai trưởng. Anh ấy không chịu tán thành bất cứ tình huống nào trong ấy người Anh nắm quyền lực. Vì thế họ lôi anh ấy vào nhà tù của họ. Trong Trại giam Trung tâm Lahore. Sau đấy là nhà giam Jatnagar. Đêm đêm, anh ấy nằm ngửa trên cái giường nhỏ, cánh tay bó bột treo lên, cánh tay các bạn anh ấy đã đánh gãy để bảo vệ anh ấy, để ngăn anh ấy tìm cách bỏ trốn. Trong tù, anh ấy trở nên bình thản và quý quái. Giống anh hơn. Anh ấy không cảm thấy bị xúc phạm khi nghe tin anh đăng lính thay cho anh ấy, không còn chuẩn bị làm bác sĩ, anh ấy chỉ cười và nhả tin qua cha anh bảo anh cẩn thận. Anh ấy sẽ không bao giờ tranh đấu chống lại anh hoặc chuyện anh làm. Anh ấy tin rằng anh có mưu chước sinh tồn, có thể ẩn mình trong những chỗ yên lặng. ”

Anh đang ngồi ở quầy trong bếp nói chuyện với Hana. Caravaggio tạt ngang trên đường đi ra, dây thừng nặng quàng trên vai, và nếu có ai hỏi, anh nói đấy là chuyện riêng của anh. Anh kéo lê những sợi thừng sau

lưng, vừa đi qua cửa vừa nói, “Bệnh nhân người Anh muốn gặp cậu, nhóc con”.

“Được rồi, nhóc con.” Anh công binh nhảy xuống khỏi quầy, giọng Ấn của anh lẫn vào trong giọng nhại người Welsh của Caravaggio.

“Cha anh có một con chim, anh nghĩ là một con én nhỏ, ông luôn mang nó theo bên mình, nó cần thiết cho sự yên vui của ông như kính đeo mắt hoặc ly nước trong bữa ăn. Trong nhà, cho dù ông chỉ vào phòng ngủ ông cũng mang nó theo. Khi ông đi làm, cái lồng nhỏ treo trên tay cầm xe đạp của ông.”

“Cha anh còn sống không?”

“Ồ, còn. Anh nghĩ thế. Ít lâu nay anh chưa nhận được thư của ông. Chắc anh trai anh vẫn còn ở trong tù.”

Anh nhớ mãi một chuyện. Anh ở trong con ngựa trắng. Anh cảm thấy nóng trên ngọn đồi phấn, lớp bụi màu trắng của nó cuộn lên chung quanh anh. Anh làm việc với bộ máy, nó đơn giản, nhưng đây là lần đầu tiên anh làm việc một mình. Miss Morden ngồi phía trên anh hai mươi mét, cao hơn trên triền dốc, ghi chép những gì anh đang làm. Anh biết phía dưới, bên kia thung lũng, Huân tước Suffolk đang dõi nhìn anh qua ống nhòm.

Anh làm việc chậm rãi. Lớp bụi phấn bay lên, rồi rơi xuống trên tất cả mọi vật, tay anh, bộ máy, vì thế anh phải liên tục thổi bụi ra khỏi nắp ngòi nổ và dây điện để nhìn thấy những chi tiết trong máy. Anh thấy nóng trong lớp áo chèn. Anh liên tục đưa hai cổ tay rịn mồ hôi ra sau để chùi vào lưng áo sơ mi. Tất cả các bộ phận rời hoặc bị tháo ra đựng đầy trong những cái túi áo ngang ngực anh. Anh thấy mệt, kiểm đi kiểm lại mọi thứ. Anh nghe giọng Miss Morden. “Kip?” “Vâng.” “Ngừng tay một chút, tôi xuống đây.” “Bà không nên xuống, Miss Morden ạ.” “Dĩ nhiên là tôi xuống được.” Anh cài nút mấy túi áo và trải một tấm vải trên trái bom; bà lúng túng leo xuống vào con ngựa trắng, ngồi kế anh rồi mở túi da của bà. Bà tấm một chiếc khăn tay bằng ren với nước hoa trong lọ nước hoa nhỏ và đưa khăn cho anh. “Dùng cái này lau mặt cậu đi. Huân

tước Suffolk dùng nó để tỉnh táo lại.” Anh ngáp ngừng cầm khăn, chặm nó vào trán, cổ và cổ tay anh theo lời đề nghị của bà. Bà mở nắp bình thủy, rót trà cho cả hai. Bà tháo lớp giấy dầu và lấy ra những miếng bánh ngọt Kipling.

Bà dường như không vội vã trở lên triển ốc, về lại sự an toàn. Nhắc nhở rằng bà nên quay lại thì có vẻ khiếm nhã quá. Bà chỉ nói đến cái nóng khốn khổ, rằng ít nhất họ có thể trông chờ lúc họ về khách sạn trong thị trấn, nơi họ đã đặt phòng có phòng tắm. Bà bắt đầu nói dông dài về chuyện bà đã gặp Huân tước Suffolk như thế nào. Không một lời nào về trái bom bên cạnh họ. Trước đấy anh đã từ từ chặm lại, như một người nửa thức nửa ngủ đọc đi đọc lại một đoạn sách, cố tìm mối liên kết giữa những câu văn. Bà đã kéo anh ra khỏi dòng xoáy của vấn đề. Bà cẩn thận thu dọn túi da của mình, đặt một bàn tay lên vai phải của anh, rồi trở lại vị trí của bà ở tấm chăn bên trên con ngựa Westbury. Bà để lại cho anh cái kính mát, nhưng nếu đeo nó thì anh không nhìn rõ, vì thế anh để nó qua một bên. Rồi anh trở lại làm việc. Mùi nước hoa. Anh nhớ lúc nhỏ anh có ngửi mùi nước hoa ấy một lần. Anh lên cơn sốt và ai đấy đã thoa nó lên người anh.

RỪNG THÁNH

Kip rời cánh đồng anh đang đào xới, bàn tay trái giơ ra trước mặt như bị bong gân.

Anh đi qua hình bù nhìn trong vườn của Hana, cây thập tự treo những lon cá mòi, lên đồi về tòa villa. Anh chụm bàn tay kia lên bàn tay giơ ra trước mặt như để che ngọn lửa nển. Hana gặp anh ở hàng hiên, anh cầm tay nàng áp vào tay mình. Con cánh cam đang bò quanh móng tay út của anh nhanh nhẹn băng qua cổ tay nàng.

Nàng quay trở vào nhà. Bây giờ nàng giơ bàn tay ra trước mặt. Nàng đi qua bếp rồi lên lầu.

Người bệnh quay lại đối diện nàng khi nàng vào phòng. Nàng chạm vào chân ông bằng bàn tay có con cánh cam. Nó rời nàng, di chuyển lên làn da sạm. Tránh tấm khăn trải màu trắng rộng mênh mông, nó bắt đầu cuộc hành trình dài suốt thân hình ông, một điểm màu đỏ rực trên da thịt dường như của núi lửa.

Trong thư viện, hộp ngòi nổ lơ lửng trong không trung, đã bị Caravaggio đẩy khỏi quầy khi anh quay lại vì tiếng hét vui sướng của Hana trong hành lang. Trước khi nó chạm đất, thân hình Kip trượt xuống bên dưới nó, rồi anh chụp nó trong tay.

Caravaggio liếc xuống nhìn mặt anh chàng trẻ tuổi đang thở phì phì.

Anh đột nhiên nghĩ anh nợ Kip một cuộc sống.

Kip bắt đầu cười, không còn e thẹn trước mặt người đàn ông lớn tuổi hơn, tay giơ hộp dây điện.

Caravaggio sẽ nhớ cú trượt ấy. Anh có thể bỏ đi, không bao giờ gặp lại Kip, và anh sẽ không bao giờ quên Kip. Nhiều năm sau này, trên một con

đường ở Toronto, Caravaggio sẽ ra khỏi xe taxi, giữ cánh cửa mở cho một người gốc Đông Ấn sắp vào xe, và lúc ấy anh sẽ nghĩ đến Kip.

Bây giờ, anh công bình chỉ ngược mặt cười với khuôn mặt Caravaggio, với trần phòng qua vai Caravaggio.

“Chú biết nhiều về xà rông.” Caravaggio vẫy tay về phía Kip và Hana trong khi anh nói. “Chú có gặp mấy người Ấn ở đầu Đông Toronto. Chú vào trộm trong một căn nhà hóa ra thuộc về một gia đình Ấn. Họ thức dậy, ra khỏi giường, quần trong những tấm vải gọi là xà rông để ngủ, và nó làm chú tò mò. Họ và chú nói chuyện rất nhiều, cuối cùng họ thuyết phục được chú mặc thử xà rông. Chú cởi quần áo, quần xà rông, và họ lập tức nhào vào chú rồi rượt chú gần như trần truồng chạy trong đêm.”

“Chuyện ấy có thật không?” Nàng cười. “Một trong nhiều chuyện có thật!”

Nàng biết rõ về anh, nên nàng gần như tin vào câu chuyện. Trong lúc ăn trộm, Caravaggio thường xuyên bị lạc hướng vì những yếu tố con người. Lẻn vào một căn nhà lúc Giáng sinh, anh sẽ bực mình nếu anh để ý lịch Giáng sinh chưa được lật đến đúng ngày. Anh thường trò chuyện với những con vật nuôi bị bỏ lại một mình trong nhà, hùng hồn thảo luận các bữa ăn với chúng, cho chúng ăn những khẩu phần hậu hĩ, và thường được chúng vui mừng chào đón nếu anh trở lại nơi phạm tội.

Nàng đến trước những kệ sách trong thư viện, mắt nhắm lại, rút đại một cuốn sách. Nàng tìm thấy khoảng trống giữa hai phần của một cuốn thơ và bắt đầu viết vào đấy.

Anh ấy nói Lahore là một thành phố cổ. So với nó, London là thành phố mới. Tôi nói, Chao ơi, em đến từ một đất nước mới hơn nữa. Anh ấy nói họ đã biết về thuốc súng từ lâu. Ngay từ thế kỷ XVII, đã có những bức tranh trong hoàng cung ghi lại cảnh pháo bông.

Anh ấy nhỏ người, không cao hơn tôi mấy. Lúc anh cười, nụ cười gần gũi thân mật của anh có thể quyến rũ mọi thứ. Anh không để lộ bản tính cứng cỏi. Ông người Anh nói anh là một trong những vị thánh chiến sĩ. Nhưng anh có một chất tếu riêng, ồn ào hơn bề ngoài của anh. Nhớ câu “Sáng mai anh sẽ nổi lại dây cho ông ấy.” Ô là la!

Anh ấy nói Lahore có mười ba cổng - mang tên những vị thánh và hoàng đế hoặc nơi cổng dẫn đến.

Chữ bungalow¹ bắt nguồn từ chữ Bengali.

¹ Nhà gỗ một tầng, hoặc nhà kiểu Bengal.

Lúc bốn giờ chiều, họ nai nịt Kip và hạ anh xuống hố cho đến khi anh ngập đến eo trong làn nước bùn, người anh quẩn quanh thân trái bom Esau. Từ vây đến mũi, trái bom cao hơn ba mét, mũi bom ngập trong bùn cạnh chân anh. Bên dưới làn nước màu nâu, đùi anh kẹp ngang vỏ bom bằng kim loại, tựa như cách anh đã thấy những người lính ôm phụ nữ trong góc một sàn nhảy của NAAFI. Khi tay anh mỏi, anh đặt chúng lên dàn gỗ chống cao ngang vai anh, dùng để ngăn không cho bùn sụp xuống quanh người anh. Lính công binh đã đào hố quanh trái bom Esau và dựng những vách tường bằng khung gỗ trước khi anh đến địa điểm. Năm 1941, bom Esau với ngòi nổ Y loại mới đã bắt đầu xuất hiện, đây là trái bom thứ hai của anh.

Trong những buổi họp kế hoạch, họ đã quyết định rằng cách duy nhất để đối phó với ngòi nổ mới là vô hiệu hóa nó. Đây là một trái bom khổng lồ trong tư thế đà điểu, đầu chúi xuống đất. Anh để chân trần xuống hố, đã đang từ từ lún xuống, chôn trong đất sét, không thể bám chân xuống đáy trong làn nước lạnh. Anh không mang giày bột - chúng sẽ lún chặt trong đất sét, và khi họ dùng ròng rọc kéo anh lên, cú giật có thể làm gãy cổ chân anh.

Anh áp má trái vào lớp vỏ kim loại, cố hình dung mình đang ấm áp, tập trung vào chút ánh nắng lọt xuống dưới hố sâu hơn sáu mét và rơi lên gáy anh. Vật anh đang ôm có thể nổ bất cứ lúc nào, khi nào những cái cần gạt rung lên, khi nào bộ phận phát lửa khởi động. Không có phép màu hoặc tia X để báo hiệu lúc nào một cái ống nhỏ vỡ, lúc nào một sợi dây điện ngừng rung. Những tín hiệu cơ khí nhỏ nhoi ấy như tiếng trái tim thì thầm hoặc một cơn tai biến não bên trong người đàn ông đang vô tư băng qua đường trước mặt bạn.

Anh đang ở thị trấn nào? Anh không nhớ nổi. Anh nghe một giọng nói và ngược nhìn lên. Hardy chuyển dụng cụ xuống trong cái túi da cột vào

đầu một sợi dây thừng, cái túi treo lơ lửng ở đây trong khi Kip nhét những cái kìm và đồ nghề khác nhau vào mấy túi áo chèn anh đang mặc. Anh đang âm ư bài Hardy đã hát trong xe jeep trên đường đến địa điểm:

Họ đang đòi lính canh ở cung điện Buckingham...

Christopher Robin đi xuống với Alice.¹

¹ *Buckingham Palace, nhạc của H. Fraser-Simon, lời của A.A. Milne.*

Anh lau khô chỗ ngòi nổ rồi bắt đầu nặn đất sét thành hình chén bao quanh ngòi nổ. Rồi anh mở bình, đổ oxygen lỏng vào chén. Anh dán chặt cái chén vào mặt kim loại. Giờ đây anh lại phải chờ.

Khoảng không gian giữa anh và trái bom rất hẹp, nên anh đã bắt đầu cảm thấy nhiệt độ thay đổi. Nếu anh ở trên đất khô, anh có thể bỏ đi và trở lại trong vòng mười phút. Giờ thì anh phải đứng đây cạnh trái bom. Họ là hai tạo vật đáng ngờ trong một khoảng không gian kín. Đại úy Carlyle đang làm việc trong một đường hầm với oxygen lỏng thì cả hồ đột nhiên bốc cháy. Họ nhanh chóng kéo anh ta ra, đã bất tỉnh trong dây nịt của mình.

Anh đang ở đâu? Lisson Grove? Đường Old Ken?

Kip nhúng bông gòn vào nước bùn, chạm nó vào vỏ bom cách ngòi nổ khoảng hai tấc rưỡi. Nó rời ra, có nghĩa là anh phải đợi lâu hơn. Khi miếng bông gòn dính, nghĩa là khu vực chung quanh ngòi nổ đã đóng băng đúng mức và anh có thể tiếp tục. Anh đổ thêm oxygen vào cái chén.

Bây giờ bán kính của lớp băng đang lan ra là khoảng ba tấc. Một vài phút nữa. Anh nhìn mảnh giấy ai đó đã dán vào trái bom. Họ đã cười nhiều khi đọc nó sáng nay trong bộ đồ nghề cập nhật gửi đến tất cả các đơn vị gỡ bom.

Khi nào một vụ nổ là hợp lý?

Nếu cuộc sống của một người là X , rủi ro là Y , ước lượng thiệt hại của vụ nổ là V , thì một nhà lý luận học có thể tranh luận rằng nếu V nhỏ hơn X chia cho Y , thì nên cho trái bom nổ; nhưng nếu V chia cho Y lớn hơn X , nên cố gắng tránh vụ nổ tại chỗ.

Ai viết những lời ấy?

Lúc này anh đã ở trong hố với trái bom hơn một giờ. Anh tiếp tục đổ thêm oxygen lỏng vào chén. Ngang vai anh, phía bên phải, là một cái ống bơm không khí bình thường xuống để ngừa anh bị say oxygen. (Anh đã nhìn thấy binh lính bị mệt vì say rượu dùng oxygen để chữa nhức đầu.) Anh dùng bông gòn thấm lần nữa và lần này nó dính. Anh có khoảng hai mươi phút. Sau đó nhiệt độ của bộ pin trong trái bom sẽ lại tăng lên. Nhưng tạm thời bây giờ ngòi nổ đã đóng băng và anh có thể bắt đầu gỡ nó ra.

Anh vuốt lòng bàn tay trên vỏ bom để xem lớp kim loại có bị rách không. Phần vỏ bom ngâm trong nước sẽ là an toàn, nhưng oxygen có thể bắt lửa nếu nó chạm vào thuốc nổ. Sai lầm của Carlyle. X chia cho Y. Nếu có chỗ rách đáng lẽ họ phải dùng nitrogen lỏng.

“Bom một tấn Esau, thưa sếp.” Giọng Hardy từ trên mặt hố bùn.

“Dấu hiệu đề loại năm mươi, trong vòng tròn, B. Thông thường có hai túi ngòi nổ. Nhưng chúng ta nghĩ ngòi thứ hai không được nối. Rõ chứ?”

Họ đã bàn thảo với nhau tất cả chuyện này trước đây, nhưng họ đang xác nhận và nhớ mọi thứ lần cuối.

“Bây giờ thì gài microphone cho tôi rồi lùi lại.” “Rõ, thưa sếp.”

Kip mỉm cười. Anh nhỏ hơn Hardy mười tuổi, không phải là người Anh, nhưng Hardy vui sướng nhất bên trong lớp kén của kỷ luật quân đội. Lúc nào lính cũng ngập ngừng khi nói “thưa sếp” với anh, nhưng Hardy hét ra tiếng ấy to và hăng hái.

Anh đang làm việc nhanh để cạy ngòi nổ ra trong lúc tất cả bộ pin không hoạt động.

“Anh có nghe rõ tôi không? Huýt sáo đi... Được rồi, tôi nghe rồi. Tôi đang đổ oxygen lần cuối cùng. Sẽ để nó sủi bọt ba mươi giây. Rồi bắt đầu. Thêm lớp băng đóng mới. Rồi, tôi sẽ tháo cái chặn... Rồi, cái chặn đã được tháo ra.

Hardy đang lắng nghe và ghi chép tất cả, phòng khi có chuyện chẳng lành xảy ra. Một tia lửa thôi, Kip sẽ ở trong hố ngập lửa. Hoặc có thể trái bom có một trò đùa. Người kế tiếp sẽ phải cân nhắc những lựa chọn khác.

“Tôi sẽ dùng chìa khóa chủ.” Anh rút nó ra khỏi túi áo ngực. Nó lạnh và anh phải chà xát cho nó ấm. Anh bắt đầu tháo vòng khóa của trái bom. Nó chuyển động dễ dàng và anh bảo Hardy như thế.

“Họ đang đổi lính gác ở cung điện Buckingham”, Kip huýt sáo. Anh kéo vòng khóa và vòng định chỗ ra, thả chúng chìm xuống nước. Anh có thể cảm thấy chúng lặn chậm chậm dưới chân anh. Bốn phút nữa mọi chuyện sẽ xong.

“Alice sẽ thành hôn với một lính gác. ‘Đời lính khổ cực quá lắm’, Alice nói!”

Anh đang hát lớn lên, cố gắng làm thân thể ấm hơn, ngực anh lạnh buốt. Anh vẫn đang cố dang xa lớp kim loại đông đá trước mặt anh. Và anh phải luôn đưa hai bàn tay ra sau gáy, nơi ánh nắng vẫn chiếu đến, rồi xoa chúng cho sạch bùn dơ và dầu mỡ và băng đá. Dùng ống kẹp để giữ chặt đầu ngòi nổ không phải là dễ. Rồi anh kinh hoàng thấy đầu ngòi nổ tách rời ra hoàn toàn.

“Sai rồi, Hardy. Cả đầu ngòi nổ đứt rời ra. Nói chuyện với tôi nhé, rõ chưa? Thân chính của ngòi nổ bị kẹt dưới kia, tôi không với đến được. Không có cái gì lộ ra ngoài để tôi có thể nắm lấy.”

“Lớp băng đá đang ở đâu?” Hardy ở ngay phía trên anh. Hardy mất vài giây để chạy bay đến hố.

“Sáu phút nữa băng sẽ tan.”

“Sếp lên đây đi, chúng ta sẽ cho nó nổ.” “Không được. Chuyển cho tôi thêm oxygen.”

Anh giơ tay phải lên và cảm thấy cái bình lạnh lẽo được đặt vào đấy.

“Tôi sẽ nhả bunn dơ lên chỗ hở của ngòi nổ - chỗ đầu ngòi đã rời ra - rồi tôi sẽ cắt lớp kim loại cho đến khi tôi có thể nắm lấy cái gì đó. Lùi lại đi. Tôi sẽ nói cho anh nghe.”

Anh suýt nổi cáu vì chuyện đã xảy ra. Bunn dơ, tên họ gọi oxygen, đổ ra đầy quần áo anh, kêu xèo xèo khi nó chạm vào nước. Anh đợi cho lớp băng đá xuất hiện và bắt đầu dùng một cái đục cắt lớp kim loại. Anh đổ thêm oxygen, đợi, rồi đục sâu hơn. Khi không có gì rời ra, anh xé một mảnh áo sơ mi, nhét nó giữa lớp kim loại và cái đục, rồi bắt chắp nguy hiểm dùng búa nện vào cái đục, đập vỡ những mảnh vụn. Lăn vải áo sơ mi anh đang mặc là lớp an toàn duy nhất bảo vệ anh nếu có tia lửa xẹt. Vấn đề nghiêm trọng hơn là ngón tay anh bị lạnh. Chúng không còn linh động, trơ ra như bộ pin trong trái bom. Anh tiếp tục cắt ngang vào lớp kim loại chung quanh đầu ngòi nổ đã mất. Cạo nó ra từng lớp, hy vọng sự đông đá sẽ khiến cách mổ xẻ này an toàn. Nếu anh cắt thẳng xuống, thì có thể anh sẽ đập vào nắp gỗ dùng để mỗi bộ phận phát lửa.

Chuyện này xảy ra trong vòng năm phút. Hardy không rời khỏi miệng hố, thay vì thế cho anh biết thời gian ước lượng cho đến lúc lớp băng tan. Nhưng thật ra cả hai không ai có thể biết chắc. Vì đầu ngòi nổ đã gãy, họ đang làm đông đá một chỗ khác, và đối với anh, làn nước dù lạnh vẫn ấm hơn mặt kim loại.

Rồi anh nhìn thấy một thứ gì đấy. Anh không dám đục lỗ thùng rộng thêm. Chỗ nối mạch run run như một sợi tua bạc. Phải chi anh có thể với tới nó. Anh cố xoa tay cho ấm lên.

Anh thở ra, bất động trong vài giây, rồi dùng kìm nhỏ cắt đôi mối nối trước khi anh hít vào trở lại. Anh thở hắt ra khi cái lạnh giá buốt làm bỏng một phần tay anh trong lúc anh rút tay khỏi những mạch điện. Trái bom đã bị vô hiệu hóa.

“Ngòi nổ đã tháo. Bộ phận phát lửa tắt. Hôn tôi đi nào.” Hardy đã bắt đầu quay trục dây cuốn và Kip đang cố gắng tự gài mình vào dây ràng; anh hầu như không làm được vì vết bỏng và cái lạnh, tất cả bắp thịt anh nhiễm lạnh. Anh nghe tiếng ròn rọc giật và chỉ nắm chặt những sợi dây da vẫn chưa cột xong quanh người anh. Anh bắt đầu cảm thấy đôi chân

da nâu của mình được kéo ra khỏi vòng siết của bùn, di chuyển như một cái xác người cổ đại được mang ra khỏi đầm rêu. Hai bàn chân nhỏ nhắn của anh nổi lên trên mặt nước. Anh trôi lên, được nhấc ra khỏi hố vào ánh nắng, đầu và rồi thân mình.

Người anh treo ở đây, quay chậm chậm dưới khung cọc gần ròng rọc. Giờ đây Hardy vừa ôm choàng lấy anh vừa gỡ khóa dây ràng cho anh để thả anh ra. Đột nhiên anh nhìn thấy một đám đông đang theo dõi họ cách đây khoảng hai mươi mét, quá gần, thật quá gần, so với khoảng cách an toàn; nếu bom nổ họ sẽ bị tiêu diệt. Nhưng dĩ nhiên Hardy không có ở đây để chặn họ lại.

Họ lẳng lặng nhìn anh, một người Ấn, bám trên vai Hardy, gần như không thể bước trở lại xe jeep với tất cả dụng cụ - đồ nghề và bình và chân và máy thu âm, vẫn xoay mình lắng nghe tiếng hư không dưới hố.

“Tôi đi không nổi.”

“Chỉ đến xe jeep thôi. Vài mét nữa thôi, thưa sếp. Tôi sẽ thu dọn mọi thứ còn lại.”

Họ bước chậm chạp, chốc chốc lại ngừng. Họ phải đi qua những khuôn mặt đang nhìn họ chăm chăm, nhìn người đàn ông da nâu mảnh mai, không mang giày, trong chiếc áo chèn ướt, nhìn khuôn mặt phờ phạc không nhận ra hay thừa nhận bất cứ điều gì, bất cứ ai trong số họ. Tất cả im lặng. Chỉ lùi lại nhường lối cho anh và Hardy. Đến xe jeep, anh bắt đầu run. Mắt anh không chịu được ánh sáng phản chiếu từ kính xe. Hardy phải nhắc và đỡ anh vào ghế bên cạnh tài xế.

Khi Hardy rời khỏi, Kip chậm chạp cởi cái quần ướt và quần mình trong chăn. Rồi anh ngồi đây. Lạnh và mệt đến nỗi không vận mở được bình thủy đựng nước trà nóng trên ghế bên cạnh anh. Anh nghĩ: ở dưới ấy thậm chí mình không sợ hãi. Mình chỉ cáu - vì lỗi lầm của mình, hoặc khả năng trái bom có một trò đùa. Phản ứng của một con thú để bảo vệ chính mình.

Giờ đây, anh nhận ra, chỉ có Hardy giữ cho anh còn nhân tính.

Khi có một ngày trời nóng ở villa San Girolamo, họ gội đầu, đầu tiên gội bằng dầu hôi để giết chấy nếu có, rồi bằng nước. Nằm ngửa, tóc trải ra, mắt nhắm tránh ánh nắng, Kip bỗng có vẻ dễ tổn thương. Trong tư thế yếu đuối này, anh có một nét e thẹn, nhìn anh giống một xác chết trong thần thoại hơn bất cứ vật gì sống động hoặc thuộc về loài người. Hana ngồi cạnh anh, mái tóc nâu đậm của nàng đã khô. Đây là những lúc anh sẽ nói về gia đình anh và người anh trai trong tù.

Anh sẽ ngồi dậy, hất mái tóc về phía trước, rồi bắt đầu dùng khăn lông xoa suốt chiều dài của nó. Nàng tưởng tượng ra tất cả châu Á qua những cử chỉ của người đàn ông này. Dáng chuyển động chậm rãi, nét tao nhã thâm lặng của anh. Anh nói đến những vị thánh chiến sĩ và bây giờ nàng cảm thấy anh là một trong những vị thánh ấy, nghiêm khắc và lý tưởng, chỉ trong những lúc trời nắng hiếm hoi này mới tạm thời không còn là thần thánh, giản dị, đầu anh ngã lại xuống bàn để mặt trời có thể hong khô mái tóc anh trải ra như những hạt lúa trong giỏ rơm hình quạt. Mặc dù anh là một người Á châu, trong những năm cuối cùng của cuộc chiến anh đã nhận lấy những người cha Anh quốc, theo lẽ luật của họ như một đứa con trai hiếu thảo.

“À, nhưng anh của anh nghĩ rằng anh là một thằng ngốc vì tin người Anh.” Anh quay lại phía nàng, đôi mắt lấp lánh nắng. “Anh ấy nói một ngày kia anh sẽ sáng mắt ra. Châu Á vẫn chưa phải là một lục địa tự do, và anh ấy kinh hoàng vì bọn anh hăng hái quăng mình vào trong những cuộc chiến của người Anh. Đây là chuyện bọn anh vẫn thường tranh cãi. Anh của anh cứ nói ‘Một ngày kia em sẽ sáng mắt ra’.”

Anh công binh nói điều này trong lúc mắt anh nhắm chặt, giấu cợt ngụ ý trong câu nói. “Anh nói, Nhật Bản là một phần của châu Á, và người Nhật đã đối xử tàn bạo với người Sikh ở Mã Lai. Nhưng anh của anh bỏ qua chuyện ấy. Anh ấy bảo bây giờ người Anh treo cổ những người Sikh tranh đấu cho độc lập.”

Nàng quay đi, khoanh hai tay lại. Những hận thù của thế giới. Những hận thù của thế giới. Nàng bước đi trong bóng tối giữa ban ngày của tòa villa, đến ngồi bên ông người Anh.

Ban đêm, khi nàng thả tóc anh xuống, anh lại là một chòm tinh tú khác, những cánh tay của hàng ngàn xích đạo trên gối anh, những gợn sóng của chúng giữa họ, trong vòng tay ôm và những xoay trở của họ trong giấc ngủ. Nàng ôm một nữ thần Ấn trong tay, nàng ôm lúa mì và dải lụa. Khi anh cúi xuống người nàng, mái tóc anh tuôn chảy. Nàng có thể cột nó quanh cổ tay mình. Khi anh chuyển động, mắt nàng mở để thấy ánh điện xẹt trong tóc anh giữa bóng tối của cái lều.

Lúc nào anh cũng di chuyển tương đối với mọi vật, bên cạnh tường, hàng giậu ở ban công. Anh nhìn lướt chung quanh. Khi anh nhìn Hana, anh thấy một mảng khuôn má gầy của nàng tương đối với khung cảnh đằng sau. Như anh nhìn đường bay vòng cung của chim hồng tước bằng khoảng cách nó rời xa mặt đất. Anh đã đi dọc lên nước Ý với cặp mắt cố gắng nhìn tất cả, ngoại trừ những gì thuộc về con người hoặc tạm thời.

Một điều anh không bao giờ xét đến là chính mình. Chiếc bóng của anh, hoặc cánh tay anh với đến lưng ghế, hoặc hình phản chiếu của anh trong một khung cửa sổ, hoặc họ nhìn anh như thế nào. Trong những năm chiến tranh, anh đã học được rằng điều an toàn duy nhất là chính mình.

Anh ở bên ông người Anh nhiều giờ, ông gợi anh nhớ đến cây linh sam anh nhìn thấy ở Anh quốc. Một cảnh bệnh hoạn của nó, quá nặng nề vì tuổi tác, được một cây khác chống đỡ. Nó đứng trong vườn của Huân tước Suffolk bên bờ vách đá, nhìn ra eo biển Bristol như một tên lính canh. Mặc dù nó yếu ớt, anh cảm thấy sinh vật trong cây cao thượng, với một ký ức có sức mạnh vượt ra ngoài bệnh hoạn.

Anh không có gương soi. Anh quần khăn xếp ở ngoài trời trong khu vườn của anh, nhìn quần quanh lớp rêu trên cây cối. Nhưng anh để ý vết kéo cắt trên tóc Hana. Anh quen hơi thở của nàng khi anh áp mặt vào người nàng, ở chỗ khúc xương đòn gánh khiến da nàng trắng hơn. Nhưng nếu nàng hỏi anh mắt nàng màu gì, mặc dù anh đã yêu mến nàng, nàng nghĩ anh sẽ không nói được. Anh sẽ cười và đoán, nhưng nếu nàng, mắt đen, nhắm mắt và nói nàng mắt xanh, anh sẽ tin lời nàng. Anh có thể chăm chú nhìn những đôi mắt nhưng không ghi nhận chúng màu gì, như thức ăn đã vào cuống họng hoặc bao tử anh chỉ là cấu trúc hơn là mùi vị hoặc một vật rõ rệt.

Khi người nào đó nói, anh nhìn cái miệng chứ không nhìn đôi mắt và màu mắt, anh thấy dường như chúng luôn thay đổi tùy theo ánh sáng của căn phòng, theo giờ phút trong ngày. Cái miệng biểu lộ sự bất an hoặc tự mãn hoặc bất cứ điểm nào trong quang phổ cá tính. Đối với anh, nó là khía cạnh tinh tế nhất của khuôn mặt. Anh không bao giờ biết chắc đôi mắt biểu lộ điều gì. Nhưng anh có thể đọc được cách cái miệng tối lại thành tàn nhẫn, hoặc gợi ý dịu dàng. Người ta thường có thể xét lăm đôi mắt vì phản ứng của chúng với một tia nắng bình thường.

Anh thu góp lại tất cả như một phần của khúc hòa âm biến chuyển. Anh nhìn thấy nàng trong những giờ những chốn khác nhau và chúng biến đổi giọng nói hoặc bản chất của nàng, thậm chí sắc đẹp của nàng, như cách năng lực trong lòng đại dương ôm ấp hoặc sai khiến định mệnh của những chiếc thuyền cứu đắm.

Họ có thói quen dậy lúc rạng đông và ăn tối trong ánh sáng cuối cùng còn sót lại. Suốt buổi tối, chỉ có một ngọn nến tỏa ánh sáng vào bóng tối bên cạnh bệnh nhân người Anh, hoặc ngọn đèn dầu lưng nửa nếu Caravaggio xoay xở kiếm được dầu. Nhưng những hành lang và phòng ngủ khác chìm trong bóng tối, như trong một thành phố bị chôn vùi. Họ trở nên quen bước đi trong bóng tối, tay giơ ra, chạm những đầu ngón tay vào tường bên này hoặc bên kia.

“Không còn ánh sáng. Không còn sắc màu.” Hana hát đi hát lại một mình câu này. Phải làm cho Kip bỏ thói quen đáng sợ vịn một tay lên lan can cầu thang để trượt xuống. Nàng tưởng tượng hai chân anh bay trong không trung và đá vào bụng của Caravaggio vừa trở về.

Nàng đã thổi tắt ngọn nến trong phòng ông người Anh một giờ trước đây. Nàng đã cởi giày tennis, áo đầm của nàng mở nút ở cổ vì cái nóng mùa hè, hai tay áo cũng không cài nút và lỏng lẻo, kéo cao lên cánh tay. Nét cầu thả dễ thương.

Ở tầng chính của phần tòa nhà bên này, ngoài nhà bếp, thư viện và giáo đường nhỏ bỏ trống, là một khoảnh sân trong nhà bao quanh bằng kính. Bốn bức tường kính với một cánh cửa kính dẫn vào một cái giếng đầy kín và những kệ đựng những cây đã chết, những cây hắc đã có thời nở rộ

trong căn phòng được sưởi ấm. Mảnh sân trong nhà này càng lúc càng làm nàng nhớ đến một cuốn sách mở ra để lộ những cánh hoa ép, một thứ người ta liếc nhìn khi đi ngang qua, không bao giờ bước vào.

Hai giờ sáng.

Hai người vào tòa villa bằng hai lối khác nhau, Hana bằng lối vào giáo đường nhỏ bên cạnh ba mươi sáu bậc thang, anh từ sân phía bắc. Khi anh bước vào nhà, anh cởi đồng hồ và luồn nó vào trong một hốc tường cao ngang ngực, trong hốc là một tượng thánh nhỏ. Thánh bảo hộ của bệnh viện ở tòa villa này. Nàng sẽ không nhìn thấy ánh lân tinh. Anh đã cởi giày và chỉ mặc quần. Anh đã tắt ngọn đèn buộc vào tay anh. Anh không mang gì khác, chỉ đứng đấy một lúc trong bóng tối, một chàng trai mảnh dẻ, một cái khăn xếp sẫm màu, vòng kara lỏng lẻo quanh cổ tay anh chạm vào làn da. Anh dựa vào góc tường như một ngọn giáo.

Rồi anh lướt qua khoảng sân trong nhà. Anh vào bếp, lập tức cảm nhận con chó trong bóng tối, bắt nó rồi cột nó vào cái bàn bằng một sợi thừng. Anh lấy lon sữa đặc trên kệ bếp rồi trở lại phòng kính trong khoảng sân trong nhà. Anh lần tay dọc theo phía dưới bệ cửa và tìm thấy những khúc cây nhỏ dựa vào đấy. Anh vào sân, đóng cửa sau lưng anh, và lúc nó sắp đóng hẳn, anh thò tay dựng những khúc cây vào cửa trở lại. Phòng trường hợp nàng đã nhìn thấy chúng. Rồi anh leo xuống giếng. Anh biết khoảng một mét bên dưới giếng có một thanh ngang vững chãi. Anh đóng nắp miệng giếng, co người ngồi đấy, tưởng tượng nàng đang đi tìm anh hoặc đang ẩn trốn. Anh bắt đầu mút lon sữa đặc.

Nàng ngờ rằng anh sẽ làm như vậy. Đến thư viện, nàng bật ngọn đèn trên tay nàng, bước cạnh những kệ sách từ cổ chân nàng vươn lên đến chiều cao nàng không nhìn thấy. Cửa đóng, vì thế một người đứng trong hành lang sẽ không nhìn thấy tia sáng đèn. Anh chỉ có thể nhìn thấy vầng sáng phía bên kia cánh cửa kiểu Pháp nếu anh đứng ngay trước cửa. Nàng bước đi, hai, ba bước lại dừng chân, tìm một lần nữa trong những cuốn sách hầu hết là sách Ý một cuốn sách tiếng Anh lạc loài nàng có thể mang đến cho bệnh nhân người Anh. Nàng đã dần dà yêu những cuốn sách với gáy sách kiểu Ý, những trang đầu sách, những hình minh họa được phủ một lớp giấy mỏng dán trong sách, mùi của chúng, thậm chí

tiếng kêu rắc khi người ta mở chúng ra quá nhanh, như thể làm vỡ một chuỗi xương bé xíu vô hình. Nàng ngừng lại một lần nữa. Tu viện thành Parma.

“Nếu có ngày anh hết khó khăn”, anh nói với Clelia, “anh sẽ đến thăm những bức tranh đẹp ở Parma, và rồi xin em đoái tưởng một cái tên: Fabrizio del Dongo”.

Caravaggio nằm trên thảm đầu bên kia thư viện. Từ chỗ tối của anh, dường như cánh tay trái của Hana là lân tinh thô, chiếu sáng những cuốn sách, phản chiếu ánh đỏ lên mái tóc thẫm màu của nàng, nổi rực lên mặt vải chiếc áo đầm của nàng và tay áo phồng lên ở vai.

Anh ra ngoài giếng.

Ánh sáng tỏa ra từ cánh tay nàng khoảng một mét rồi bị nuốt vào bóng tối, thế nên Caravaggio cảm thấy ở giữa họ là một thung lũng bóng tối. Nàng kẹp cuốn sách bìa màu nâu dưới cánh tay phải. Khi nàng cử động, những cuốn sách mới hiện ra và những cuốn sách khác biến mất.

Nàng đã già dặn hơn. Và anh yêu nàng lúc này nhiều hơn lúc anh hiểu nàng rõ hơn, khi nàng là sản phẩm của cha mẹ nàng. Bây giờ nàng là con người nàng quyết định muốn trở thành. Anh biết, nếu anh đi ngang qua Hana trên một con đường ở châu Âu, nàng sẽ trông quen quen nhưng anh sẽ không nhận ra nàng. Buổi tối đầu tiên anh đến tòa villa, anh đã che giấu sự kinh ngạc của mình. Khuôn mặt khắc khổ của nàng, thoát tiên có vẻ lạnh lùng, mang một nét sắc bén. Anh nhận ra rằng trong hai tháng vừa qua anh đã quen với con người hiện nay của nàng. Anh gần như không thể tin nổi vui thích của mình trước sự biến đổi của nàng. Nhiều năm trước, anh đã cố tưởng tượng nàng thành người lớn như thế nào, nhưng anh đã vẽ ra một người với những tính chất đúc khuôn từ cộng đồng của nàng. Không phải là kẻ lạ tuyệt vời này, người anh có thể yêu sâu đậm hơn vì anh không góp phần tạo nên con người nàng.

Nàng đang nằm trên ghế sofa, xoay ngọn đèn vào trong để nàng có thể đọc, đã đắm chìm vào cuốn sách. Một lúc sau, nàng ngước nhìn lên, lắng nghe, rồi nhanh nhẹn tắt đèn.

Nàng có biết anh đang ở trong phòng không?

Caravaggio nhận ra hơi thở anh ồn ào, anh không thở nhẹ và đều được. Ánh đèn bật lên một thoáng rồi lại tắt.

Thế rồi, ngoại trừ Caravaggio, dường như tất cả mọi thứ trong phòng đang chuyển động. Anh có thể nghe tiếng di động chung quanh mình, ngạc nhiên rằng chưa có ai đụng vào anh. Thằng bé đang ở trong phòng. Caravaggio bước đến ghế sofa và hạ tay xuống về phía Hana. Nàng không có ở đấy. Trong khi anh đứng thẳng lên, một cánh tay quàng qua cổ anh và ghì chặt người anh ngửa ra sau. Một ánh đèn rơi gắt vào mặt anh, và cả hai người thở hỗn hển khi họ ngã xuống sàn nhà. Cánh tay có ngọn đèn vẫn ghì lấy cổ anh. Rồi một bàn chân trần hiện ra trong ánh đèn, đưa ngang qua mặt Caravaggio và giẫm lên cổ cậu nhỏ bên cạnh anh. Một ánh đèn nữa được bật lên.

“Bắt được anh rồi. Bắt được anh rồi.”

Hai thân hình trên sàn nhà ngược nhìn lên hình dáng thẫm màu của Hana phía trên ánh đèn. Nàng đang ngân nga, “Em bắt được anh, em bắt được anh. Em nhờ vào Caravaggio - tiếng thở của chú ấy thật khò khè quá đấy! Em biết chú ấy sẽ ở đây. Chú ấy là mẹo của em”.

Chân nàng nhấn mạnh hơn xuống cổ cậu nhỏ. “Đầu hàng đi. Thú tội đi.”

Caravaggio bắt đầu run trong vòng tay của cậu nhỏ, toát mồ hôi khắp người, không thể vùng ra. Ánh sáng chói của hai ngọn đèn bây giờ rơi vào anh. Bằng cách nào đấy anh phải leo ra, bò ra khỏi sự kinh hoàng này. Thú tội đi. Cô gái đang cười vang. Anh cần phải lấy lại giọng bình tĩnh trước khi anh nói, nhưng họ hầu như không nghe, đang kích động trong cuộc phiêu lưu của họ. Anh gỡ mình ra khỏi vòng tay nới lỏng của cậu nhỏ, không nói một lời, ra khỏi phòng.

Họ lại ở trong bóng tối. “Anh ở đâu?”, nàng hỏi. Rồi nhanh nhẹn chuyển động. Anh sẵn sàng tư thế để nàng va vào ngực anh, rồi vòng tay ôm lấy nàng. Nàng đặt bàn tay lên cổ anh, rồi môi nàng lên môi anh. “Sữa đặc! Trong khi mình giao đấu? Sữa đặc?” Nàng áp môi vào cổ anh, lớp mồ hôi

trên cổ, nếm vị anh nơi bàn chân của nàng đã đặt lên. “Anh muốn nhìn thấy em.” Ngọn đèn của anh bật lên và anh nhìn thấy nàng, mặt lem luốc bụi đất, tóc cuốn dựng lên vì mồ hôi. Nụ cười của nàng với anh.

Anh luồn hai bàn tay mảnh dẻ của anh vào trong tay áo đầm của nàng và ôm lấy vai nàng. Nếu nàng xoay người, hai tay anh xoay cùng với nàng. Nàng bắt đầu nghiêng người, ngã ngửa xuống, tin rằng anh sẽ ngã theo nàng, tin rằng tay anh sẽ đỡ nàng. Rồi anh sẽ cong người lại, chân giơ lên trời, chỉ có hai bàn tay và cánh tay và môi anh ở trên người nàng, phần còn lại của người anh như cái đuôi của con bộ ngựa. Ngọn đèn vẫn buộc chặt vào bắp thịt và mồ hôi ở cánh tay trái của anh. Khuôn mặt nàng len vào ánh đèn để hôn và liếm và nếm. Trán của anh dụi vào mái tóc ướt của nàng.

Thế rồi bỗng dưng anh ở bên kia căn phòng, ngọn đèn lính công binh của anh nhảy nhót khắp nơi, trong căn phòng anh đã tồn một tuần để rà sạch tất cả những ngòi nổ có thể được gài. Như thể rút lại căn phòng đã ra khỏi chiến tranh, không còn là một khu vực hoặc địa hạt. Anh di chuyển, chỉ với ngọn đèn, tay đóng đưa rọi trần phòng, khuôn mặt tươi cười của nàng khi anh đi qua nàng, đang đứng trên lưng ghế sofa nhìn xuống thân hình mảnh mai bóng ướt của anh. Lần kế tiếp anh đi ngang qua nàng, anh thấy nàng đang cúi xuống chùi hai tay vào váy. “Nhưng em bắt được anh, em bắt được anh”, nàng ngân nga. “Em là người Mohican của đại lộ Danforth.”

Rồi nàng cúi lên lưng anh, ánh đèn của nàng lượn lên những gáy sách trên những ngăn kệ cao, hai tay nàng giơ lên hạ xuống trong khi anh xoay nàng vòng quanh, rồi nàng cúi về phía trước, ngã xuống và chụp lấy đùi của anh, rồi nhô dậy và rời khỏi anh, nằm ngửa trên mặt thảm cũ, mùi những cơn mưa trong quá khứ xa xưa vẫn còn trong ấy, bụi đất trên hai cánh tay ướt của nàng. Anh cúi xuống bên nàng, nàng với tay tắt ngọn đèn của anh. “Em thắng, phải không?” Anh vẫn chưa nói gì từ lúc anh vào phòng. Đầu anh làm cử chỉ nàng yêu thích, nửa gật đầu nửa lắc đầu phản đối. Anh không thể nhìn thấy nàng vì ánh sáng chói. Anh tắt ngọn đèn của nàng để họ cùng bình đẳng trong bóng tối.

Có một tháng trong cuộc đời của Hana và Kip khi họ ngủ cạnh nhau. Một hình thức độc thân giữa họ. Khám phá ra rằng ân ái có cả một nền văn minh, một xứ sở trước mặt họ. Yêu ý niệm về anh hoặc về nàng. Em không muốn làm tình với anh. Anh không muốn làm tình với em. Ai biết được họ đã học được điều ấy ở đâu khi họ còn trẻ như thế. Có lẽ từ Caravaggio, người đã nói với nàng trong những buổi tối ấy về tuổi tác của anh, về nỗi dục dăng dành cho mỗi tế bào ở người tình khi người ta khám phá rằng mình không phải là bất tử. Dù sao đi nữa, thời đại này là thời đại của cái chết. Ham muốn của chàng trai chỉ trọn vẹn trong giấc ngủ say nhất của anh trong vòng tay của Hana, khoái lạc cực điểm của anh liên quan nhiều hơn đến sức hút của mặt trăng, cái kéo giật của đêm tối trên thân thể anh.

Suốt buổi tối, khuôn mặt thôn thả của anh áp vào sườn nàng. Nàng nhắc anh nhớ đến khoái cảm được gãi, những móng tay nàng cào theo hình vòng tròn trên lưng anh. Ayah¹ của anh đã dạy anh điều này từ bao nhiêu năm trước. Kip nhớ rằng tất cả êm ả và bình an trong thuở ấu thơ đã đến từ bà, không bao giờ từ người mẹ anh yêu hoặc anh trai anh hoặc cha anh, những người cùng anh chơi đùa. Khi anh sợ hãi hoặc không ngủ được, ayah là người nhận ra thiếu thốn của anh, sẽ ru anh ngủ với bàn tay trên tấm lưng nhỏ gầy của anh, bà là kẻ lạ thân thiết gốc Nam Ấn đã sống với họ, giúp công việc nhà, nấu và hầu bữa ăn cho họ, nuôi lớn con của bà trong khuôn khổ gia đình họ, đã vỗ về anh trai anh những năm trước đây, có lẽ biết tính tình của tất cả trẻ con trong nhà rõ hơn cha mẹ ruột của chúng.

¹ *Vú nuôi.*

Đây là một tình cảm hổ tương. Nếu người ta hỏi Kip anh yêu ai nhất, anh sẽ phải nhắc đến ayah trước mẹ anh. Với anh, tình yêu đầm ấm của bà to lớn hơn bất cứ tình yêu máu mủ hoặc tình dục nào. Sau này anh nhận ra rằng, suốt đời anh đi tìm một tình yêu như thế ngoài vòng gia đình. Sự thân mật không có dục tính, hoặc đôi khi sự thân mật có dục tính, của một kẻ lạ. Phải đến tuổi xế chiều anh mới nhận ra điều ấy về mình, thậm chí mới có thể hỏi chính mình câu hỏi anh yêu ai nhất.

Chỉ một lần anh cảm thấy anh đã đền đáp cho bà đôi chút an ủi, mặc dù bà đã hiểu rõ tình yêu của anh đối với bà.

Khi mẹ bà chết, anh đã lẻn vào phòng bà và ôm lấy thân hình bông dưng già cỗi của bà. Anh lặng lẽ nằm bên cạnh bà đang khóc than, không kèm giữ và đứng lễ tục, trong căn phòng gia nhân nhỏ bé của bà. Anh nhìn bà hứng những giọt lệ của bà vào trong một cái chén thủy tinh kề sát mặt bà. Anh biết bà sẽ mang nó đến đám tang. Anh nằm sau lưng thân hình gầy gập của bà, hai bàn tay chín tuổi của anh trên vai bà, và khi cuối cùng bà êm lại, chỉ thỉnh thoảng run rẩy, anh bắt đầu gỡ qua lớp áo sari¹ của bà, rồi vạch áo ra và gỡ lên làn da của bà - như bây giờ Hana nhận được nghệ thuật dịu dàng này, những móng tay anh trên hàng triệu tế bào của làn da nàng, trong lều của anh, vào năm 1945, nơi hai lục địa của họ gặp nhau trong một thị trấn vùng đồi.

¹ *Y phục phụ nữ Ấn Độ.*

ĐỘNG NGƯỜI BƠI LỘI

Tôi hứa sẽ kể cho anh nghe người ta biết yêu như thế nào.

Một chàng trai tên Geoffrey Clifton gặp một người bạn ở Oxford, người bạn ấy nhắc đến chuyện chúng tôi đang làm. Clifton liên lạc với tôi, thành hôn vào ngày hôm sau, và hai tuần sau nữa cùng vợ bay đến Cairo. Họ đang ở trong những ngày cuối cùng của tuần trăng mật. Câu chuyện của chúng tôi khởi đầu như thế.

Khi tôi gặp Katharine, nàng đã thành hôn. Một phụ nữ có chồng. Clifton leo ra khỏi máy bay, rồi nàng hiện ra, đầy bất ngờ, vì khi lên kế hoạch cho chuyến thám hiểm chúng tôi chỉ nghĩ đến một mình anh. Quần cụt khaki, đầu gối xương xẩu. Những ngày ấy nàng quá sôi nổi, không hợp với sa mạc. Tôi thích tuổi trẻ của anh ấy hơn là sự nồng nhiệt của cô vợ trẻ anh mới cưới. Anh là phi công của chúng tôi, người chuyển tin, dò đường. Anh là Kỷ Nguyên Mới, bay qua và thả những sợi ruy băng dài đủ màu làm tín hiệu cho chúng tôi biết chúng tôi phải ở đâu. Anh không ngừng chia sẻ nỗi say đắm của anh dành cho nàng. Bọn chúng tôi có bốn người đàn ông, một người đàn bà, và chồng cô ta với niềm vui bày tỏ trong thời kỳ trăng mật của anh ấy. Họ về Cairo, một tháng sau trở lại, và mọi chuyện cũng gần như cũ. Lần này nàng trầm lặng hơn, nhưng anh vẫn là chàng trai trẻ. Nàng sẽ ngồi trên những thùng xăng rỗng, tay chống cằm, khuỷu tay dựa trên đầu gối, nhìn đăm đăm một tấm vải dầu phân phát không ngừng, và Clifton sẽ ca ngợi nàng. Chúng tôi thử đùa cợt cho anh thôi đi, nhưng mong anh khiêm tốn hơn sẽ là trái ý anh, và không ai trong nhóm chúng tôi muốn thế.

Sau một tháng ở Cairo, nàng trở thành câm lặng, đọc sách không ngừng, muốn cô độc, như thể điều gì đấy đã xảy ra, hoặc nàng bỗng dưng nhận ra điều kỳ diệu là con người có thể thay đổi. Nàng không phải tiếp tục làm cô gái thích giao thiệp đã thành hôn với một chàng ham phiêu lưu. Nàng đang khám phá chính mình. Chứng kiến cảnh ấy quả là khó, vì Clifton không nhận ra rằng nàng đang tự học hỏi. Nàng đọc mọi thứ về

sa mạc. Nàng có thể nói chuyện về Uweinat và ốc đảo đã mất, thậm chí lòng kiếm những bài viết bên lề.

Anh cũng hiểu, tôi là người đàn ông hơn nàng mười lăm tuổi. Cuộc đời tôi đã đến giai đoạn khi tôi thấy mình đồng cảm với kẻ xấu ngạo đời trong các cuốn sách. Tôi không tin vào vĩnh cửu, vào mối quan hệ giữa hai lứa tuổi khác biệt. Tôi hơn nàng mười lăm tuổi. Nhưng nàng khôn ngoan hơn. Nàng khao khát thay đổi hơn tôi nghĩ.

Điều gì đã thay đổi nàng trong tuần trăng mật muộn của họ ở cửa sông Nile bên ngoài Cairo? Chúng tôi đã gặp họ vài ngày - họ đến hai tuần sau lễ cưới của họ ở Cheshire. Anh đã mang cô vợ mới theo, vì anh không thể rời nàng và không thể bỏ lời hứa với chúng tôi. Với Madox và tôi. Chúng tôi sẽ nuốt chửng anh mất. Vì thế, ngày hôm ấy hai đầu gối xương xấu của nàng hiện ra từ trong máy bay. Đây là chủ đề trong câu chuyện của chúng tôi. Tình cảnh của chúng tôi.

Clifton ca ngợi vẻ đẹp của cánh tay nàng, nét mảnh mai của cổ chân nàng. Anh diễn tả nhìn nàng bơi lội. Anh nói về những bồn rửa hậu môn mới trong khách sạn. Cái đôi ngón ngấu của nàng trong bữa điểm tâm.

Tôi không nói lời nào khi nghe tất cả những chuyện ấy. Đôi khi, tôi ngược nhìn lên trong lúc anh nói và bắt gặp cái liếc mắt của nàng, chúng kiến nổi khó chịu không nói ra của tôi, rồi nụ cười mỉm kín đáo của nàng. Chuyện ấy có phần mỉa mai. Tôi là người đàn ông đứng tuổi hơn. Tôi là người đàn ông từng trải, mười năm trước đã đi bộ từ ốc đảo Dakhla đến Gilf Kebir, người vẽ họa đồ Farafra, người biết Cyrenaica và đã hơn hai lần lạc trong Biển Cát. Nàng gặp tôi khi tôi đã có tất cả những danh hiệu ấy. Hoặc nàng có thể xoay vài độ và nhìn thấy những danh hiệu trên người Madox. Tuy thế, bên ngoài Hội Địa lý chúng tôi là những kẻ vô danh; chúng tôi là những người tiên phong của một nhóm nhỏ nàng tình cờ gặp vì cuộc hôn nhân này.

Những lời chồng nàng ca tụng nàng không có nghĩa lý gì. Nhưng cuộc đời tôi, ngay cả khi tôi là nhà thám hiểm, đã bị từ ngữ chi phối trong nhiều khía cạnh. Bằng lời đồn và truyền thuyết. Những biểu đồ. Những mảnh gốm viết chữ. Sự tế nhị của từ ngữ. Trong sa mạc, lập lại một điều

gì sẽ là hắt thêm nước vào lòng đất. Ở đây sự ý nhị đưa người ta vượt qua hàng trăm dặm.

Đoàn thám hiểm của chúng tôi ở cách Uweinat khoảng bốn mươi dặm, Madox và tôi dự định sẽ đi riêng để dò đường. Hai vợ chồng Clifton và những người khác sẽ ở lại. Nàng đã đọc tất cả sách vở mang theo và hỏi mượn sách của tôi. Tôi không có gì ngoài những tám bản đồ. “Còn cuốn sách anh xem vào buổi tối?” “Cuốn sách của Herodotus. À. Cô muốn mượn cuốn ấy?” “Tôi không dám mạo muội. Nếu nó là riêng tư.” “Tôi có ghi chép của tôi trong ấy. Và những mẫu cắt rời. Tôi cần nó bên mình.” “Tôi sợ sàng quá, xin anh thứ lỗi.” “Khi tôi về tôi sẽ cho cô xem. Thường đi đâu tôi cũng mang nó theo.”

Tất cả chuyện này xảy ra với rất nhiều duyên dáng và nhã nhặn. Tôi giải thích rằng nó không phải là một cuốn sách bình thường, và nàng nhượng bộ. Tôi có thể rời đi mà không cảm thấy mình ích kỷ trong bất cứ phương diện nào. Tôi biết ơn sự nhã nhặn của nàng. Clifton không có ở đây. Chỉ có hai chúng tôi. Tôi đang thu xếp hành trang trong lều của mình khi nàng đến gặp tôi. Tôi là người đã quay lưng với hầu hết chuyện giao thiệp, nhưng đôi khi tôi cảm kích một cử chỉ tế nhị.

Một tuần sau chúng tôi trở về. Việc tìm kiếm và ghép nối mọi thứ với nhau có nhiều tiến triển. Chúng tôi hứng khởi. Ở trại có một bữa tiệc mừng nhỏ. Clifton là người lúc nào cũng ăn mừng người khác. Tính ấy dễ thương.

Nàng đến bên tôi với một cốc nước. “Chúc mừng anh. Tôi đã nghe anh Geoffrey nói...” “Vâng!” “Đây, anh uống đi.” Tôi giơ tay ra và nàng đặt cái cốc vào tay tôi. Nước rất lạnh sau thứ nước trong bi đông chúng tôi đã uống. “Geoffrey dự định tổ chức một buổi họp mặt cho anh. Anh ấy đang viết một bài nhạc và muốn tôi đọc một bài thơ, nhưng tôi muốn làm một chuyện khác.” “Đây, cô cầm lấy sách mà đọc.” Tôi rút cuốn sách từ trong ba lô của tôi và đưa cho nàng.

Sau bữa ăn và trà được thảo, Clifton mang ra một chai rượu cognac anh đã giấu mọi người cho đến giây phút ấy. Chúng tôi phải uống hết cả chai tối hôm ấy trong khi Madox tường trình chuyến đi của chúng tôi, Clifton

hát bài nhạc tấu của anh. Rồi nàng bắt đầu đọc trong cuốn Lịch sử - câu chuyện của Candaules và hoàng hậu của ông. Thường tôi chỉ đọc lướt qua câu chuyện ấy. Nó ở phần đầu cuốn sách, không liên hệ nhiều đến những nơi chốn và thời kỳ khiến tôi chú ý. Nhưng dĩ nhiên nó là một câu chuyện nổi tiếng. Nó cũng là câu chuyện nàng chọn để đọc.

Candaules đã yêu say đắm vợ mình; đã yêu đến thế, ông cho rằng vợ ông đẹp hơn nhiều so với tất cả phụ nữ khác. Ông thường diễn tả sắc đẹp của vợ ông, ca ngợi nó hết mực với Gyges, con trai của Daskylus (vì anh làm ông đẹp lòng nhất trong tất cả các dũng sĩ dùng giáo của ông).

“Anh đang nghe đấy chứ, Geoffrey?” “Anh đang nghe đây, em yêu.”

Ông nói với Gyges: “Gyges, ta nghĩ người không tin ta khi ta nói đến sắc đẹp của vợ ta, vì rằng tai đàn ông không dễ tin bằng mắt họ. Vì thế, hãy tìm cách nhìn nàng lỏa thể”.

Người ta có thể nói nhiều điều. Biết rằng cuối cùng tôi sẽ là người tình của nàng, cũng như Gyges sẽ trở thành người tình của hoàng hậu và người giết chết Candaules. Tôi thường mở cuốn sách của Herodotus để tìm những manh mối về địa lý. Nhưng Katharine mở cuốn sách như mở một cửa sổ của cuộc đời nàng. Giọng nàng cẩn trọng khi nàng đọc. Mắt nàng chỉ đặt trên trang giấy có câu chuyện, như thể nàng đang chìm vào cát lún trong khi nàng nói.

“Thần thực lòng tin rằng hoàng hậu là người đẹp nhất trong tất cả phụ nữ, và thần xin bệ hạ đừng bắt thần làm điều trái luật.” Nhưng nhà vua trả lời anh như thế này: “Can đảm lên Gyges, và đừng sợ, dù là sợ ta, rằng ta nói những điều này để thử lòng người, hoặc sợ vợ ta, e nàng có thể hại người. Vì ta sẽ sắp xếp để nàng không biết người đã nhìn thấy nàng”.

Đây là chuyện tôi biết yêu một người đàn bà như thế nào, người đã đọc cho tôi nghe một câu chuyện đặc biệt trong cuốn sách của Herodotus. Tôi nghe những lời nàng đọc ngang qua đóng lửa, không hề nhìn lên, ngay cả khi nàng trêu chồng nàng. Có thể nàng chỉ đọc cho mình anh ấy nghe. Có thể nàng chỉ chọn câu chuyện ấy cho chính họ, không có ẩn ý nào khác. Đây chỉ là một câu chuyện khiến nàng giật mình nghĩ đến tình

huống tương tự của mình. Nhưng trong đời thực một con đường đã đột nhiên lộ hình. Mặc dù nàng không hề toan tính rằng chuyện ấy sẽ là bước lầm lạc đầu tiên. Tôi chắc chắn như thế.

“Ta sẽ để người ở trong phòng ngủ của ta, sau cánh cửa mở; sau khi ta đã vào phòng, vợ ta cũng sẽ vào nằm. Gần cửa ra vào có một cái ghế để nàng đặt xiêm áo nàng cởi ra từng lớp một; và như thế người sẽ có thể thông thả nhìn ngắm nàng.”

Nhưng Gyges bị hoàng hậu nhìn thấy khi anh rời phòng ngủ. Lúc ấy nàng hiểu ra chuyện chồng nàng đã làm; mặc dù hổ thẹn, nàng không than trách... nàng giữ yên lặng.

Đây là một câu chuyện lạ lùng. Có phải không, Caravaggio? Một người đàn ông kiêu căng đến mức ông ta muốn được ghen tỵ. Hoặc ông muốn được tin tưởng, vì ông nghĩ ông không được tin tưởng. Đây hoàn toàn không phải là hình ảnh của Clifton, nhưng anh ấy trở thành một phần của câu chuyện này. Trong hành vi của người chồng có một điều gì rất kinh ngạc nhưng cũng rất con người. Một điều làm chúng ta tin nó có thể xảy ra.

Ngày hôm sau người vợ gọi Gyges vào và cho anh hai sự lựa chọn.

“Giờ đây có hai cách người có thể làm, và ta sẽ cho người quyền lựa chọn cách người muốn. Hoặc là người giết Candaules và chiếm hữu ta cùng vương quốc Lydia, hoặc người phải bị giết ngay chốn này, để trong tương lai người không thể tuân lời Candaules trong mọi chuyện, nhìn điều người không nên nhìn. Hoặc là nhà vua, người gây ra chuyện này, chết, hoặc người, người đã nhìn ta khỏa thân, chết.”

Thế là nhà vua bị giết. Một Kỷ Nguyên Mới bắt đầu. Có những bài thơ ba âm tiết đôi về Gyges. Ông là người man rợ¹ đầu tiên dâng lễ cúng ở Delphi. Ông cai trị Lydia hai mươi tám năm, nhưng chúng ta vẫn chỉ nhớ đến ông như một chiếc răng cửa trong chuyện tình lạ thường này.

¹ Nguyên văn là *Barbarians*: xuất phát từ thời Hy Lạp, chỉ tất cả những người không nói tiếng Hy Lạp hoặc không phải là người Hy Lạp.

Nàng ngưng đọc và ngược nhìn lên. Ra khỏi cát lún. Nàng đang tiến hóa. Thế là quyền lực đổi tay. Trong lúc ấy, một giai thoại đã giúp tôi biết yêu.

Từ ngữ, Caravaggio. Chúng có quyền năng.

Khi vợ chồng Clifton không ở cùng chúng tôi, họ trú tại Cairo. Clifton đang làm những việc khác cho người Anh, chỉ có trời mới biết là chuyện gì, một ông cố vấn trong một văn phòng chính phủ nào đấy. Tất cả chuyện này xảy ra trước chiến tranh. Nhưng lúc ấy tất cả mọi quốc gia ngụp lặn trong thành phố Cairo, gặp gỡ ở khu Groppi để nghe những buổi hòa nhạc tối, khiêu vũ đến khuya. Họ là một cặp vợ chồng trẻ được ưa thích, con nhà danh giá, còn tôi ở ngoài lề giới thượng lưu Cairo. Họ sống giàu sang. Một cuộc sống nhiều lễ nghi thỉnh thoảng tôi len vào. Ăn tối, hội họp ngoài vườn. Những sự kiện bình thường tôi không chú ý đến nhưng bây giờ tham dự vì nàng có mặt ở đấy. Tôi là người nhin cho đến khi nào gặp điều mình muốn.

Làm thế nào tôi giải thích về nàng với anh đây? Bằng hai bàn tay tôi? Như tôi có thể vòng tay trong không khí thành hình dáng núi mặt bằng hoặc hòn đá? Nàng đã là một thành viên trong đoàn thám hiểm gần một năm. Tôi gặp nàng, nói chuyện với nàng. Chúng tôi thường xuyên ở trước mặt nhau. Sau này, khi chúng tôi biết được chúng tôi khao khát nhau, những khoảnh khắc trước đấy tràn về trong trái tim, bây giờ đây gợi ý, như bàn tay bốn chôn siết lấy cánh tay trên một vách đá, những ánh mắt không nhìn thấy hoặc bị hiểu lầm.

Lúc ấy ít khi tôi ở Cairo, chỉ khoảng một phần ba thời gian. Tôi viết cuốn sách của tôi tại Bộ Ai Cập học, *Récents Explorations dans le Désert Libyque*¹. Mỗi ngày trôi qua, càng lúc tôi càng đến gần mặt chữ hơn, như thể sa mạc đang ở trong trang sách, nên thậm chí tôi có thể ngửi thấy mùi mực khi nó rời khỏi cây bút máy. Đồng thời tôi phải chống chọi với sự hiện diện gần bên của nàng. Trong khi tôi viết cuốn sách ngắn của tôi, dài bảy mươi trang, cô động và đi thẳng vào vấn đề, cùng với bản đồ du hành, nói thực tôi bị ám ảnh nhiều hơn vì cái miệng hứa hẹn của nàng, làn da mịn sau đầu gối, phần bụng trắng thon. Tôi không thể tách rời thân thể nàng ra khỏi trang giấy. Tôi mong được đề tặng công trình chuyên khảo của tôi cho nàng, cho giọng nói của nàng, cho thân hình

nàng tôi tưởng tượng đang ngồi dậy trên giường, trắng nuột như một cánh cung dài, nhưng đây là cuốn sách tôi hiến tặng một vị vua. Tin rằng một sự mê say như thế sẽ bị chế nhạo, xem thường bởi cái lắc đầu lễ độ và ngượng ngáp của nàng.

¹ *Những cuộc thám hiểm gần đây trong sa mạc Libya.*

Tôi bắt đầu khách sáo gấp đôi khi ở bên nàng. Một đặc điểm trong bản tính của tôi. Như thể bối rối vì một vẻ lỏa thể phô bày trước đây. Một lễ thói châu Âu. Sau khi đã thể hiện nàng một cách kỳ lạ vào những dòng chữ tôi viết về sa mạc, lẽ tất nhiên giờ đây tôi sẽ bước vào bộ giáp kim loại mỗi khi nàng có mặt.

Bài thơ hoang dại là thể thân

Cho người phụ nữ được yêu hoặc phải được yêu

Niềm hân hoan điên cuồng là giả mạo của một khoái cảm khác.¹

¹ *Trích trong bài thơ Arrival at the Waldorf (Đến khách sạn Waldorf) của Wallace Stevens. Mấy câu thơ này ngụ ý rằng thơ không thể thay thế được đời thực.*

Trên bãi cỏ của Hassanein Bey - ông già uy nghi của chuyến thám hiểm năm 1923 - nàng bước lại cùng với phụ tá chính phủ Roundell, bắt tay tôi, nhờ anh ta lấy cho nàng một ly rượu, quay lại phía tôi nói, “em muốn anh chiếm lấy em.” Roundell trở lại. Nàng nói thế, như đã đưa cho tôi một con dao. Trong vòng một tháng, tôi trở thành người tình của nàng. Trong căn phòng trên khu chợ souk, phía bắc con đường bán vẹt.

Tôi quỳ xuống trong hành lang khảm gạch, mặt tôi úp vào tấm rèm là áo dạ hội của nàng, vị mặn của những ngón tay này trong miệng nàng. Hai chúng tôi là một pho tượng lạ trước khi chúng tôi bắt đầu mở khóa cho thèm khát của mình. Những ngón tay nàng cào lên mái tóc màu cát bắt đầu thừa của tôi. Cairo và tất cả sa mạc của nó quanh chúng tôi.

Có phải đây là nỗi khao khát vì tuổi trẻ của nàng, vì nét trẻ con mãnh mai và háo hức của nàng? Khi tôi nói đến những khu vườn với anh, tôi nói đến những khu vườn của nàng.

Chúng tôi gọi vết lõm nhỏ ở cổ nàng là Bosphorus. Tôi sẽ lao từ vai nàng vào Bosphorus. Nhắm mắt ở đấy. Tôi sẽ quỳ trong lúc nàng nhìn xuống với vẻ giấu cợt như tôi là một kẻ lạ hành tinh. Nàng, người có cái nhìn giấu cợt. Bàn tay mát rượi của nàng bỗng áp lên cổ tôi trên một chuyến xe bus ở Cairo. Đi trong một chiếc taxi đóng kín và chúng tôi dùng tay yêu nhau từ cầu Khedive Ismail đến Hội Tipperary. Hoặc ánh nắng xuyên qua móng tay nàng khi bàn tay nàng phủ lấy mặt tôi trong hành lang trên lầu ba của bảo tàng viện.

Với chúng tôi, chỉ có một người chúng tôi phải tránh không để bị bắt gặp.

Nhưng Geoffrey Clifton là một người gắn chặt vào guồng máy Anh quốc. Gia phả của anh bắt đầu từ thời Canute. Guồng máy không nhất thiết để lộ cho Clifton, mới thành hôn mười tám tháng, thấy sự ngoại tình của vợ anh, nhưng nó bắt đầu bao quanh chỗ sai, căn bệnh của hệ thống. Nó biết tất cả hành vi của chúng tôi từ ngày đầu tiên chúng tôi vụng về chạm vào nhau ở porte cochère¹ của khách sạn Semiramis.

¹ Cổng cho xe chạy vào.

Tôi đã bỏ qua những câu nói của nàng về họ hàng của chồng nàng. Geoffrey Clifton cũng ngây thơ như chúng tôi về mạng lưới Anh quốc trên đầu chúng tôi. Nhưng cả đám hộ vệ canh chừng và bảo vệ chồng nàng. Chỉ có Madox, một quý tộc trước kia có người quen trong quân đội, biết những rắc rối bí mật ấy. Chỉ có Madox, với khá nhiều tế nhị, cảnh cáo tôi về một thế giới như thế.

Tôi mang theo cuốn sách của Herodotus, và Madox - một ông thánh trong hôn nhân của anh - mang theo Anna Karenina, không ngừng đọc đi đọc lại câu chuyện về tình yêu và lừa dối. Một ngày, đã quá muộn để ngăn chặn guồng máy chúng tôi đã khởi động, anh cố gắng giải thích thế giới của Clifton bằng lời của người em trai Anna Karenina. Đưa cuốn sách của tôi đây. Nghe này.

Phân nửa Moscow và Petersburg là họ hàng hoặc bạn bè của Oblonsky. Ông được sinh ra trong giới những người là hoặc sẽ trở thành những người tài ba của địa cầu. Một phần ba chính giới, những người đứng tuổi hơn, là bạn của cha ông và đã biết ông từ lúc ông còn là đứa bé quần tã... Vì thế, những người phân phát ơn phước của

thế giới này đều là bạn của ông. Họ không thể bỏ qua một người trong số họ... Ông chỉ cần không phản đối hoặc ghen tỵ, không cãi cọ hoặc méch lòng, những điều ông chưa hề làm vì lòng tốt bẩm sinh.

Tôi đã dần dà yêu tiếng móng tay anh gõ trên ống tiêm, Caravaggio. Lần đầu tiên Hana tiêm morphine cho tôi trong lúc anh có mặt, anh đứng ở cửa sổ, và đầu anh quay phắt về phía chúng tôi khi anh nghe tiếng móng tay cô gõ. Tôi biết tôi có bạn rồi đây. Như một người tình sẽ luôn luôn nhận ra lớp ngực trắng của những người tình khác.

Phụ nữ muốn tất cả ở người tình. Và tôi lặn mất quá thường xuyên. Như những đội quân biến đi dưới cát. Rồi còn nỗi e sợ của nàng đối với chồng nàng, lòng tin của nàng vào danh tiết của nàng, lòng khao khát xưa kia của tôi muốn được tự túc, những lần tôi biến mất, ngờ vực của nàng đối với tôi, sự hoài nghi về tình yêu của nàng dành cho tôi. Nỗi hoảng sợ không nguyên cớ và sự ngọt ngào của tình yêu che giấu.

“Em nghĩ anh đã trở thành bất nhân”, nàng nói với tôi. “Anh không phải là kẻ phản bội duy nhất.”

“Em không nghĩ anh màng đến - rằng chuyện này đã xảy ra giữa chúng ta. Anh lướt qua mọi chuyện với lòng e sợ và căm ghét của anh về sự sở hữu, chiếm hữu, bị chiếm hữu, bị nêu tên. Anh nghĩ đấy là một đức tính. Em nghĩ anh bất nhân. Nếu em rời bỏ anh, anh sẽ đến với ai? Anh có tìm một người tình khác không?”

Tôi không nói gì.

“Anh chối đi chứ, đồ khốn.”

Nàng vẫn hằng muốn từ ngũ, nàng yêu chúng, lớn lên với chúng. Từ ngũ cho nàng sự sáng suốt, mang lại lẽ phải, hình dáng. Trong khi tôi nghĩ từ ngũ uốn cong cảm xúc như những cây gậy trong nước.

Nàng trở về với chồng.

Từ thời điểm này, nàng thì thảo, chúng mình hoặc sẽ tìm ra hoặc sẽ đánh mất linh hồn mình.

Đại dương chuyển dời, tại sao tình nhân lại không? Những bến cảng ở Ephesus, những dòng sông của Heraclitus biến mất, thay vào đấy là những cửa sông ngập phù sa. Vợ Candaules trở thành vợ của Gyges. Những thư viện cháy rụi.

Mối quan hệ của chúng tôi đã là cái gì? Sự phản bội những người chung quanh chúng tôi, hay ước muốn về một cuộc sống khác?

Nàng leo lại vào căn nhà của nàng bên cạnh chồng nàng, và tôi rút về những quán rượu quây kềm.

Anh sẽ nhìn mặt trăng

Nhưng anh sẽ thấy em.¹

¹ Trích trong bài nhạc *I'll be seeing you* (Anh sẽ nhìn thấy em) của Sammy Fain và Irving Kahal.

Nhà học giả về Herodotus già nua ấy. Âm ư và hát bài ca ấy nhiều lần, đập lời hát mông ra để uốn chúng vào chính đời mình. Người ta có nhiều cách để bình phục từ một mất mát thâm kín. Một người trong nhóm nàng nhìn thấy tôi ngồi với một thương buôn gia vị. Nàng đã có lần nhận được từ ông ta một cái đê khâu bằng thiếc trong đựng nhụy hoa nghệ tây. Một trong hàng vạn thứ khác nhau.

Nếu Bagnold - đã nhìn thấy tôi ngồi bên người thương buôn nhụy hoa nghệ tây - nhắc đến chuyện ấy trong bàn ăn tối nơi nàng ngồi, chuyện ấy khiến tôi cảm thấy như thế nào? Tôi có thấy được an ủi rằng nàng sẽ nhớ đến một người đã tặng cho nàng một món quà nhỏ, một cái đê khâu bằng thiếc nàng đã đeo quanh cổ với một sợi dây mỏng đậm màu trong hai ngày khi chồng nàng đi xa? Nhụy hoa nghệ tây vẫn còn trong cái đê khâu, vì thế ngực nàng có vết màu vàng.

Nàng đã thấy câu chuyện về tôi như thế nào, người bị cả nhóm lãng tránh sau khi tôi làm mất mặt chính mình trong một cảnh âm ỉ này hay một cảnh âm ỉ khác, Bagnold cười, chồng nàng lo lắng cho tôi vì anh là một người tốt, còn Madox đứng lên, bước đến cửa sổ và nhìn vùng phía nam thành phố. Trò chuyện có lẽ đã chuyển sang những cuộc gặp gỡ

khác. Dù sao đi nữa, họ vẫn là những người vẽ bản đồ. Nhưng nàng có leo xuống cái giếng chúng tôi giúp nhau cùng đào và ôm lấy chính mình, như tôi thèm khát được ôm nàng trong tay?

Mỗi chúng tôi bây giờ có cuộc sống riêng, vũ trang bằng hiệp ước sâu sắc nhất với người kia.

“Anh đang làm gì đấy?”, nàng nói khi gặp tôi trên đường. “Anh không thấy anh làm tất cả chúng tôi phát điên lên sao.”

Với Madox, tôi nói tôi đang theo đuổi một góa phụ. Nhưng nàng chưa phải là góa phụ. Khi Madox trở về Anh quốc, nàng và tôi không còn là tình nhân. “Gửi lời chào của tôi đến góa phụ Cairo của anh”, Madox lẩm bẩm. “Tôi vẫn muốn được gặp cô ấy.” Anh ấy có biết không? Với anh ấy, người bạn làm việc chung với tôi mười năm, người đàn ông tôi yêu hơn bất cứ người đàn ông nào khác, tôi vẫn luôn cảm thấy tôi là kẻ lường gạt. Đây là năm 1939, dù sao đi nữa tất cả chúng tôi sẽ để xứ sở này lại cho chiến tranh.

Madox trở về làng Marston Magna, ở Somerset, nơi anh sinh ra, và một tháng sau, anh ngồi trong nhà thờ giáo xứ, nghe bài giảng ca tụng chiến tranh, rút khẩu súng lục sa mạc của anh và tự sát.

Tôi, Herodotus của xứ Halicarnassus, trình bày lịch sử của tôi, để thời gian không thể làm phai đi điều Con Người đã tạo ra, hoặc những hành động vĩ đại và tuyệt vời của người Hy Lạp và người Man Rợ... cùng với lý do họ đánh nhau.

Đàn ông vẫn thường là người đọc thơ trong sa mạc. Madox - với Hội Địa lý - đã phát biểu những bài tường trình đẹp đẽ về những lối đi và cuộc săn lùng của chúng tôi. Bermann thổi lý thuyết vào đồng tro tàn còn âm ỉ. Còn tôi? Tôi là kỹ năng trong số họ. Người thợ kỹ thuật. Những người khác viết về tình yêu dành cho nỗi cô đơn và nghiền ngẫm những gì họ tìm thấy ở đấy. Họ chưa bao giờ biết chắc tôi nghĩ gì về tất cả mọi chuyện. “Anh có thích mặt trăng ấy không?”, Madox hỏi tôi sau khi anh đã biết tôi mười năm. Anh hỏi với vẻ ngập ngừng, như thể anh đã xâm phạm một điều riêng tư. Đối với họ, tôi quá khôn ranh để trở thành một người yêu sa mạc. Tôi giống Odysseus hơn. Dù vậy, tôi là người yêu sa mạc.

Hãy cho tôi thấy sa mạc, như anh cho một người khác thấy dòng sông, hoặc một người khác thấy thành phố thuở ấu thơ của anh ta.

Khi chúng tôi chia tay lần cuối cùng, Madox dùng câu từ biệt cũ. “Mong Thượng đế khiến an bình ở cùng anh.” Tôi vừa sải bước đi xa anh vừa nói, “Không có Thượng đế”. Chúng tôi không giống nhau chút nào.

Madox nói Odysseus không bao giờ viết một chữ, một cuốn sách riêng tư. Có lẽ ông cảm thấy lạc lõng trong niềm hân hoan giả tạo của nghệ thuật. Tôi phải thừa nhận là công trình chuyên khảo của tôi chính xác đến nghiêm khắc. Nỗi e sợ rằng tôi sẽ diễn tả sự hiện diện của nàng trong khi tôi viết đã khiến tôi thiêu hủy tất cả cảm xúc, tất cả hùng biện tình yêu. Dù vậy, tôi diễn tả sa mạc thuần khiết như tôi nói đến nàng. Madox hỏi tôi về mặt trăng trong những ngày cuối cùng bên nhau trước khi chiến tranh bắt đầu. Chúng tôi chia tay. Anh đi Anh quốc, khả năng cuộc chiến đang đến làm gián đoạn tất cả, cuộc khai quật lịch sử chậm chạp của chúng tôi trong sa mạc. Chào nhé, Odysseus, anh vừa nói vừa cười, biết rằng tôi vẫn không thích Odysseus bao nhiêu, và ít thích Aeneas hơn nữa, nhưng chúng tôi đã quyết định rằng Bagnold là Aeneas. Nhưng tôi cũng không thích Odysseus. Chào nhé, tôi nói.

Tôi nhớ anh quay lại, cười vang. Anh chỉ ngón tay thô của anh vào chỗ trái cổ của anh và nói. “Cái này gọi là mạch sizood.” Mang đến cho chỗ lõm ở cổ nàng một cái tên chính thức. Anh trở về với vợ ở làng Marston Magna, chỉ mang cuốn sách của Tolstoy anh ưa thích, để lại tất cả la bàn và bản đồ cho tôi. Nỗi cảm mến của chúng tôi vẫn chưa nói thành lời.

Marston Magna ở Somerset, nơi anh nhắc đến nhiều lần trong trò chuyện với tôi, đã biến những cánh đồng xanh của nó thành một sân bay. Những chiếc máy bay đốt khí thải trên những lâu đài thời vua Arthur. Tôi không biết điều gì đã khiến anh tự tử. Có thể là tiếng động thường trực của những chuyến bay, bây giờ quá ồn ào đối với anh sau tiếng o o đơn giản của chiếc Gypsy Moth trong những khoảng im lặng của chúng tôi ở Libya và Ai Cập. Cuộc chiến của ai kia đã cắt đứt những nối kết bạn bè mỏng manh của anh. Tôi là Odysseus, tôi hiểu những ngăn cấm biến chuyển và tạm thời của chiến tranh. Nhưng anh là một

người khó kết bạn. Anh là người suốt đời chỉ quen biết hai, ba người, và bây giờ họ đã biến thành kẻ thù.

Anh ở Somerset một mình với vợ, chị chưa bao giờ gặp chúng tôi. Với anh những cử chỉ nho nhỏ là đủ. Một viên đạn kết thúc chiến tranh.

Lúc ấy là tháng Bảy năm 1939. Họ đi xe bus từ làng đến Yeovil. Xe bus đi chậm, vì thế họ trễ giờ dự lễ. Ở gần cửa nhà thờ đông người, họ quyết định ngồi riêng để tìm được chỗ ngồi. Nửa giờ sau, bài giảng bắt đầu, nó hiểu chiến và rõ ràng ủng hộ chiến tranh. Giọng cha xứ lên bổng xuống trầm nói về cuộc chiến, ban phước lành cho chính phủ và những người sắp đi vào chiến tranh. Madox lắng nghe bài giảng càng lúc càng trở nên hăng hái. Anh rút khẩu súng sa mạc, cúi người và tự bắn vào tim mình. Anh chết ngay lập tức. Một sự thình lặn ghê gớm. Thình lặn của sa mạc. Thình lặn khi không có máy bay. Họ nghe tiếng thân hình anh đổ xuống chiếc ghế dài. Không có chuyển động nào khác. Cha xứ sống lại. Sự thình lặn như khi một cái phễu thủy tinh bọc cây nến trong nhà thờ nứt ra và mọi người quay lại. Vợ anh bước xuống lối đi chính, dừng ở hàng ghế của anh, lăm bắm một điều gì, và họ để chị vào bên cạnh anh. Chị quỳ xuống, vòng tay ôm anh.

Odysseus đã chết như thế nào? Tự tử, phải không nhỉ? Hình như tôi nhớ thế. Bây giờ. Có thể sa mạc đã làm hỏng Madox. Thời gian ấy khi chúng tôi không liên hệ gì đến thế giới. Tôi cứ nghĩ đến cuốn sách Nga anh ấy thường mang theo. Nước Nga vẫn gần quốc gia của tôi hơn quốc gia của anh ấy. Vâng, Madox là người chết vì những quốc gia.

Tôi yêu sự bình thản của anh trong tất cả mọi chuyện. Tôi thường tranh cãi dữ dội về những địa điểm trên bản đồ, và không hiểu sao những báo cáo của anh sẽ nhắc đến cuộc “tranh luận” của chúng tôi bằng từ ngữ rất phải chăng. Anh điềm tĩnh và vui vẻ viết về những chuyến đi của chúng tôi khi có niềm vui để diễn tả, như thể chúng tôi là Anna và Vronsky¹ trong một vũ hội. Dù vậy, anh là người không bao giờ vào phòng khiêu vũ ở Cairo với tôi. Còn tôi là người ngã lòng yêu trong khi khiêu vũ.

¹ Anna và Vronsky là hai nhân vật trong tiểu thuyết Anna Karenina của Leo Tolstoy.

Anh có dáng đi chậm rãi. Tôi chưa bao giờ thấy anh khiêu vũ. Anh là một người viết, người diễn dịch thế giới. Một mảnh cảm xúc bé xíu có thể nảy sinh hiểu biết. Một cái liếc mắt có thể dẫn đến nhiều đoạn lý thuyết. Nếu anh nhìn thấy một kiểu nút thắt mới trong những bộ lạc sa mạc, hoặc tìm ra một loại cây cọ hiểm, anh sẽ mê say nhiều tuần liền. Khi chúng tôi gặp những thông tin trong khi du hành - bất cứ từ ngữ nào, hiện đại hay cổ xưa, chữ Ả Rập trên một bức tường đất, một mẫu tiếng Anh viết bằng phấn trên vạt chắn bùn của xe jeep - anh sẽ đọc nó rồi áp bàn tay vào nó như thể anh đang chạm vào những ý nghĩa sâu xa có thể chứa đựng trong ấy, để trở nên thân thiết hết mức với những chữ ấy.

Ông giơ cánh tay ra, những mạch máu bầm tím nằm ngang, lật ngửa lên, đợi luồng morphine. Khi nó tràn vào người, ông nghe tiếng Caravaggio thả cây kim rơi xuống chiếc hộp thiếc men sứ hình bầu dục. Ông nhìn thấy hình dáng công kênh như con gấu quay lưng lại phía ông, rồi lại xuất hiện, cũng đã tiêm thuốc, một công dân nước morphine giống như ông.

Có những ngày tôi về nhà sau khi viết những dòng chữ khô khan, và điều duy nhất có thể cứu tôi là bài Hoa kim ngân hồng¹ do Django Reinhardt viết và Stéphane Grappelly trình diễn với ban nhạc Hot Club của Pháp. Năm 1935, 1936, 1937. Những năm nhạc jazz tuyệt vời. Những năm khi nhạc jazz bỗng bênh trôi ra ngoài khách sạn Claridge trên đại lộ Champs-Élysées vào những quán rượu của London, miền Nam nước Pháp, Morocco, rồi len vào Ai Cập, ở đấy tiếng rì rầm của những âm điệu như thế được một ban nhạc khiêu vũ vô danh của Cairo lắng lặng giới thiệu. Khi tôi trở lại sa mạc, tôi mang theo mình những tối khiêu vũ cùng với đĩa nhạc 78 vòng của bài Kỷ vật² trong những quán rượu, những người đàn bà đi qua lại như những con chó săn, tựa người vào bạn khi bạn thì thầm vào vai họ giữa bài Em yêu³. Món quà của công ty thu âm Société Ultraphone Française⁴. Năm 1938, 1939. Có tiếng thì thầm tình yêu ở dãy bàn trong quán. Chiến tranh đã đến góc đường.

¹ *Honeysuckle Rose*.

² *Souvenirs*.

³ *My Sweet.*

⁴ *Hội Ultraphone Pháp.*

Trong những đêm cuối cùng ấy ở Cairo, nhiều tháng sau khi mối tình chấm dứt, rốt cuộc chúng tôi cũng thuyết phục được Madox vào một quán rượu quây kềm cho bữa tiệc chia tay của anh. Nàng và chồng nàng cũng có mặt. Đêm cuối cùng. Bản khiêu vũ cuối cùng. Almásy say rượu và thử một điệu khiêu vũ cũ hẵn chế ra tên là vòng ôm Bosphorus, nhắc bóng Katharine Clifton trong hai cánh tay khẳng khiu của hẵn và bước qua lại trên sàn cho đến khi hẵn với nàng ngã lên mấy bụi dong sông Nile.

Ông ấy bây giờ đang là ai? Caravaggio nghĩ.

Almásy say, và đối với những người khác lối nhảy của hẵn dường như là một chuỗi chuyển động thô bạo. Những ngày ấy hẵn và nàng dường như không thuận với nhau. Hẵn lắc nàng từ bên này qua bên kia như nàng là một con búp bê vô danh, và nhận chìm trong rượu nỗi buồn vì Madox ra đi. Hẵn ồn ào khi ngồi cùng bàn với chúng tôi. Khi Almásy như thế này chúng tôi thường lảng đi, nhưng đây là đêm cuối cùng của Madox ở Cairo nên chúng tôi ở lại. Một người Ai Cập chơi vĩ cầm rất dở đang bắt chước Stéphane Grappelly, và Almásy như một hành tinh cuồng loạn. “Mừng chúng ta - những kẻ lạ hành tinh”, hẵn nâng ly. Hẵn muốn nhảy với mọi người, đàn ông cũng như đàn bà. Hẵn vỗ tay tuyên bố, “Bây giờ là điệu vòng ôm Bosphorus. Anh nhảy không, Bernhardt? Hetherton?”. Đa số rút lui. Hẵn quay lại cô vợ trẻ của Clifton, đang nhìn hẵn với một vẻ cau giận lể độ, và khi hẵn vẫy tay nàng tiến tới, rồi hẵn va mạnh vào người nàng, cổ hẵn đã ở trên vai trái của nàng, nơi khoảng da trần trên những hạt sequin. Tiếp theo là một điệu tango của người điên cho đến khi một trong hai người bước sai nhịp. Nàng giận dữ không chịu thua, không chịu bỏ về bàn để cho hẵn thắng. Nàng chỉ nhìn hẵn trừng trừng khi hẵn ngửa đầu ra sau, không phải nghiêm trang mà với một khuôn mặt công kích. Miệng hẵn thì thầm với nàng khi hẵn cúi xuống, có lẽ đang gần giọng hát lời nhạc của bài *Hoa kim ngân hồng*.

Ở Cairo, giữa những cuộc thám hiểm, không ai gặp Almásy nhiều. Hắn trông xa cách hoặc bứt rứt. Ban ngày hắn làm việc trong bảo tàng viện và ban đêm hay đến những quán rượu trong khu chợ Nam Cairo. Biến vào một xứ Ai Cập khác. Họ đã đến đây chỉ vì Madox. Nhưng bây giờ Almásy đang khiêu vũ với Katharine Clifton. Hàng chậu cây phớt qua hình dáng mảnh mai của nàng. Hắn xoay tròn với nàng, nhấc nàng lên, rồi ngã xuống. Clifton ngồi yên trên ghế, chỉ thoáng nhìn họ. Almásy nằm ngang người nàng, rồi chậm chạp gồng đứng lên, vuốt lại mái tóc vàng của hắn, quỳ bên nàng trong góc xa của căn phòng. Đã có lúc hắn là một người đàn ông tao nhã.

Đã quá nửa đêm. Những người khách không thích cảnh ấy, ngoại trừ những khách quen dễ mua vui, đã quen với kiểu cách ấy của những người Âu sa mạc. Họ là những người phụ nữ đeo hoa tai dài bằng bạc, mặc áo đính hạt sequin, những giọt kim loại nhỏ ấm lên trong hơi nóng của quán rượu, những hạt sequin lúc xưa Almásy vẫn thích, những người hát đôi bông tai bạc lỏm chồm vào mặt hắn trong khi khiêu vũ. Những đêm khác hắn khiêu vũ với họ, khi hắn say hơn, hắn ôm eo họ và vác cả thân hình họ lên. Vâng, họ thấy thú vị, cười cái bụng của Almásy khi áo sơ mi của hắn bung ra, không mê sức nặng của hắn, sức nặng tựa trên vai họ khi hắn ngừng giữa điệu khiêu vũ, một lúc nào đó gục ngã xuống sàn trong điệu schottische.

Điều quan trọng trong những buổi tối như thế là tiến đến kế hoạch của buổi tối, trong khi những chòm sao con người xoay trượt chung quanh bạn. Không nghĩ ngợi hoặc suy tính. Những ghi chép tại chỗ của buổi tối đến sau này, trong sa mạc, trong những địa hình giữa Dakhla và Kufra. Lúc ấy, đang nhìn mặt la bàn nổi trong dầu, hắn sẽ nhớ tiếng kêu như tiếng con chó làm hắn nhìn quanh tìm con chó trên sàn nháy, và nhận ra rằng không chừng hắn đã giẫm lên một người phụ nữ. Khi nhìn thấy ốc đảo hắn sẽ tự hào về màn nháy múa của mình, vẫy hai tay và đồng hồ đeo tay lên trời.

Những đêm lạnh trong sa mạc. Hắn rút một sợi chỉ từ đêm tối và đặt vào miệng như thức ăn. Hai ngày đầu tiên của chuyến đi là như thế, lúc hắn ở lưng chừng giữa thành phố và cao nguyên. Sau sáu ngày hắn không hề nghĩ đến Cairo hoặc âm nhạc hoặc những con đường hoặc những người

phụ nữ; đến lúc ấy hắn đã đang di chuyển trong thời xưa, đã thích nghi với lối thở trong nước sâu. Liên hệ duy nhất của hắn với thế giới của những thành phố là cuốn sách của Herodotus, cuốn cẩm nang của hắn về những lời dường như dối trá, xưa và nay. Khi hắn khám phá ra sự thật trong điều dường như là dối trá, hắn mang lọ hồ của hắn ra và dán vào sách một bản đồ hoặc mẫu tin, hoặc dùng một khoảng trống trong cuốn sách để vẽ những người đàn ông mặc váy với những con thú lơ mơ không rõ là thú gì bên cạnh họ. Những cư dân ốc đảo thuở ban đầu thường không vẽ gia súc, dù Herodotus nói rằng họ có gia súc. Họ sùng bái một nữ thần thai nghén, những hình vẽ trên đá của họ đa số là về phụ nữ đang mang thai.

Trong vòng hai tuần, thậm chí ý nghĩ về thành phố không còn lọt vào tâm trí hắn. Như thể hắn đang bước đi dưới một lớp mù mỏng trên thớ giấy tấm mực của một tấm bản đồ, miền tinh tú giữa đất và biểu đồ giữa những khoảng cách và truyền thuyết giữa thiên nhiên và người kể chuyện. Sandford gọi nó là địa mạo học. Nơi họ chọn để đến, để thành cái tôi tốt đẹp nhất của mình, để không còn nhận thức về tổ tiên. Ở đây, ngoài la bàn mặt trời và số đường dài trong máy đo và cuốn sách, hắn chỉ có một mình, là sáng tạo của riêng hắn. Trong những thời gian này hắn biết ảo ảnh, *fata morgana*, là như thế nào, vì hắn ở trong ấy.

Ông thức giấc và thấy Hana đang lau mình cho ông. Trong phòng có một cái bàn giấy cao ngang eo. Nàng cúi xuống, hai bàn tay nàng mang nước từ cái chậu sứ đến ngực ông. Khi làm xong, nàng lùa những ngón tay ướt chải tóc vài lần, khiến tóc nàng ướt và thẫm lại. Nàng ngước nhìn lên, thấy mắt ông đang mở, và mỉm cười.

Khi ông mở mắt một lần nữa, Madox đang ở đấy, vẻ xơ xác, mệt mỏi, cầm ống tiêm morphine, anh phải dùng cả hai tay vì tay anh không có ngón cái. Ông nghĩ, làm sao anh ấy tự chích cho mình được nhỉ? Ông nhận ra đôi mắt, thói quen của cái lưỡi hay liếm môi, sự minh mẫn của trí óc anh hiểu được tất cả lời ông nói. Hai lão già quái gở.

Khi người đàn ông nói, Caravaggio nhìn màu hồng trong miệng ông. Lợi răng có lẽ là màu iodine nhạt của những hình vẽ trên đá khám phá ở Uweinat. Có nhiều thứ hơn để khám phá, để nhận đoán từ tấm thân trên

giường, không còn hiện hữu ngoài cái miệng, một mạch máu trên cánh tay, đôi mắt xám như mắt sói. Anh vẫn kinh ngạc vì kỷ luật rành rẽ của người đàn ông, có khi xưng ngôi thứ nhất, đôi khi ngôi thứ ba, vẫn chưa thừa nhận ông là Almásy.

“Lúc này, ai nói chuyện thế?”

“‘Cái chết có nghĩa là bạn ở trong ngôi thứ ba.’”

Cả ngày họ chia nhau những ống morphine. Để lần gỡ câu chuyện của ông, Caravaggio du hành trong bộ mã ký hiệu. Khi người đàn ông bị bỏng nói chậm lại, hoặc khi Caravaggio cảm thấy anh không hiểu hết mọi chuyện - mối tình, cái chết của Madox - anh cầm ống tiêm trong hộp thiếc men sứ hình bầu dục lên, dùng khớp ngón tay ép vỡ đầu ống thuốc thủy tinh và bơm thuốc vào ống tiêm. Bây giờ, đã xé tay áo bên trái của anh ra hẳn, anh nói thẳng thừng chuyện này với Hana. Almásy chỉ mặc một cái áo lót màu xám, vì thế cánh tay đen đúa của ông để trần dưới khăn trải giường.

Mỗi lần cơ thể nuốt morphine vào, một cánh cửa khác mở ra, hoặc ông nhảy về những hình vẽ trong động hoặc về chiếc máy bay chôn vùi hoặc một lần nữa nấn ná bên người đàn bà bên cạnh ông dưới cái quạt, má nàng áp vào bụng ông.

Caravaggio cầm cuốn sách của Herodotus lên. Anh lật một trang, băng qua một đụn cát để khám phá ra Gilf Kebir, Uweinat, Gebel Kissu. Khi Almásy nói, anh ở bên ông, sắp xếp lại những sự kiện. Chỉ có khao khát khiến câu chuyện lạc đề, lắt lay như một mũi kim la bàn. Dù sao đi nữa, đây là thế giới của dân du mục, một câu chuyện đáng ngờ. Một tâm trí du hành đông tây trong lớp trá hình của bão cát.

Trên mặt đất trong động Người Bơi Lội, sau khi chồng nàng đâm máy bay của họ xuống đất, hẳn đã cắt tấm vải dù nàng mang theo và trải nó ra. Nàng hạ người nằm xuống, nhăn mặt đau đớn vì những vết thương. Hẳn nhẹ nhàng lùa những ngón tay vào tóc nàng, tìm những vết thương khác, rồi sờ vào vai nàng và chân nàng.

Ở trong động, sắc đẹp của nàng là điều hấn không muốn mất đi, nét duyên dáng của nàng, chân tay nàng. Bản chất của nàng, thì hấn biết hấn đã nắm chặt trong tay.

Nàng là một phụ nữ biến đổi khuôn mặt mình khi trang điểm. Đến một buổi họp mặt, leo vào giường, nàng tô son môi màu máu đỏ, một vệt đỏ cam trên mỗi mắt.

Hấn ngược nhìn lên một hình vẽ trong động và lấy trộm màu sắc của nó. Màu đất son cho khuôn mặt nàng, hấn bôi màu xanh lên mắt nàng. Hấn bước quanh động, tay hấn đầy màu đỏ, và chải những ngón tay của hấn vào tóc nàng. Rồi tất cả làn da nàng, để đầu gối đã thò ra ngoài máy bay ngày đầu tiên có màu nhụy hoa nghệ tây. Vùng âm hộ. Những vòng màu sắc quanh chân nàng để nàng thoát khỏi loài người. Hấn khám phá trong cuốn sách của Herodotus các truyền thuyết về những chiến binh già tôn vinh người thân yêu của mình bằng cách mang họ vào và giữ họ trong bất cứ thế giới nào khiến họ bất tử - một dung dịch sắc sỡ, một bài hát, một hình vẽ trên đá.

Trong hang động trời đã lạnh. Hấn quấn nàng trong vải dù cho nàng ấm. Hấn nhóm một ngọn lửa nhỏ bằng những cành cây keo và xua khói vào các góc hang động. Hấn thấy mình không thể nói trực tiếp với nàng, vì thế hấn nói trang trọng, giọng hấn vang dội quanh vách hang động. *Bây giờ anh đi tìm người giúp đỡ đây, Katharine. Em hiểu không? Có một chiếc máy bay gần đây, nhưng không có xăng. Anh có thể gặp được một đoàn lữ hành hoặc một xe jeep, có nghĩa anh sẽ về sớm hơn. Anh không biết nữa.* Hấn rút cuốn sách của Herodotus và đặt nó bên cạnh nàng. Lúc ấy là tháng Chín năm 1939. Hấn bước ra ngoài động, ngoài ánh sáng ngọn lửa, xuyên qua bóng tối xuống sa mạc ngập ánh trăng.

Hấn leo xuống những tảng đá đến đáy cao nguyên và đứng đấy.

Không có xe tải. Không có máy bay. Không có la bàn. Chỉ có vầng trăng và chiếc bóng của hấn. Hấn tìm ra mốc chỉ đường cũ bằng đá từ thời xưa để định hướng El Taj, bắc-tây bắc. Hấn ghi nhớ góc độ của chiếc bóng mình rồi bắt đầu bước đi. Cách đấy bảy mươi dặm là khu chợ souk với

con đường bán đồng hồ. Nước *ain*¹ đổ đầy trong túi da đeo trên vai hấn ọc ạch như một lá nhàu.

¹ *Chữ Ả Rập có nghĩa là suối hoặc nguồn nước tự nhiên.*

Có hai khoảng thời gian hấn không thể di chuyển. Giữa trưa, khi chiếc bóng núp dưới chân hấn, và lúc hoàng hôn, giữa lúc mặt trời lặn và lúc những vì sao xuất hiện. Khi ấy tất cả mọi thứ trên mặt sa mạc đều giống nhau. Nếu hấn di chuyển, hấn có thể đi lạc đến chín mươi độ ngoài hướng đi của mình. Hấn đợi tám biểu đồ sóng động của những vì sao, rồi tiến tới, mỗi giờ đọc chúng một lần. Trước kia, khi họ có những người dẫn đường trong sa mạc, họ sẽ treo một ngọn đèn trên một cây sào dài và những người còn lại sẽ theo tia sáng dọi lại phía trên người đọc sao.

Một người đàn ông đi bộ cùng vận tốc với lạc đà. Hai dặm rưỡi một giờ. Nếu may mắn, hấn sẽ gặp trứng đà điểu.

Nếu không may, một trận bão cát sẽ xóa đi tất cả. Hấn đi bộ ba ngày không có thức ăn. Hấn không muốn nghĩ đến nàg. Nếu hấn đến El Taj hấn sẽ ăn abra, thức ăn của bộ lạc Goran làm bằng trái colocynth¹, họ luộc hột để tẩy mùi đắng rồi giã nó cùng với chà là và châu chấu. Hấn sẽ bước qua con đường đồng hồ và thạch cao. Mong Thượng đế khiến an bình ở cùng anh. Madox đã nói thế. Chào nhé. Một cái vẫy tay. Thượng đế chỉ hiện hữu trong sa mạc, bây giờ hấn muốn xác nhận điều ấy. Bên ngoài sa mạc chỉ có giao dịch và quyền lực, tiền bạc và chiến tranh. Những bạo chúa tài chính và quân sự nắn hình thế giới.

¹ *Một loại dưa đắng.*

Hấn đang ở trong một vùng nứt nẻ, chuyển từ cát sang đá. Hấn không muốn nghĩ đến nàg. Rồi những ngọn đồi xuất hiện như những lâu đài thời Trung cổ. Hấn bước đi cho đến khi hấn bước cùng chiếc bóng của hấn vào bóng của một ngọn núi. Những bụi hoa mimosa. Dây leo colocynth. Hấn gào tên nàg vào những hòn đá. *Vì tiếng dọi là linh hồn của âm thanh tự xao động trong trống vắng.*

Rồi hấn đến El Taj. Hầu hết cuộc hành trình hấn đã tưởng tượng ra con đường bán gương. Khi hấn đến vòng ngoài khu định cư, xe jeep quân đội

Anh vây quanh hắn và bắt hắn đi, không nghe câu chuyện của hắn về một người phụ nữ bị thương ở Uweinat, chỉ cách đây bảy mươi dặm, thật ra không nghe bất cứ điều gì hắn nói.

“Ý ông muốn nói người Anh không tin lời ông? Không ai chịu nghe ông?”

“Không ai nghe tôi.” “Tại sao?”

“Tôi không nói cái tên đúng với họ.” “Tên của ông?”

“Tôi cho họ biết tên tôi.” “Vậy thì...”

“*Tên của nàng. Tên của chồng nàng.*”

“Vậy thì ông đã nói gì?” Ông không trả lời.

“Tĩnh dậy đi! Ông đã nói gì?”

“Tôi nói nàng là vợ tôi. Tôi nói *Katharine*. Chồng nàng đã chết. Tôi nói nàng bị thương nặng, trong một cái động ở Gilf Kebir, trong Uweinat, phía bắc giếng Ain Dua. Nàng cần nước. Nàng cần thức ăn. Tôi sẽ trở lại với họ để làm người dẫn đường. Tôi nói tôi chỉ muốn một chiếc xe jeep. Một trong những chiếc xe jeep khốn kiếp của họ... Có lẽ sau cuộc hành trình tôi trông giống như một trong số những nhà tiên tri sa mạc điên khùng, nhưng tôi không nghĩ thế. Cuộc chiến đã đang bắt đầu. Họ đang rút điệp viên ra khỏi sa mạc. Bất cứ ai có cái tên ngoại quốc dạt vào trong những thị trấn ốc đảo nhỏ này đều là kẻ tình nghi. Nàng chỉ cách đây bảy mươi dặm và họ không chịu nghe. Một đơn vị Anh rơi rớt ở El Taj. Lúc ấy chắc tôi đã nổi điên lên. Họ dùng những phòng giam bằng mây, lớn cỡ bằng phòng tắm vòi sen vừa cho một người. Tôi bị bỏ vào một phòng giam như thế và chở đi bằng xe tải. Tôi lăn lóc trong xe tải cho đến khi tôi té xuống đường, vẫn nằm trong cũi. Tôi gào tên Katharine. Gào tên Gilf Kebir. Trong khi cái tên duy nhất đáng lẽ tôi phải gào, phải thả như tấm danh thiếp vào tay họ, là tên của Clifton.

“Họ lôi tôi lên xe tải trở lại. Tôi chỉ là một người nữa có thể là điệp viên hạng nhì. Chỉ là một tên con hoang quốc tế nữa.”

Caravaggio muốn đứng lên và rời khỏi tòa villa này, xứ sở này, mảnh vụn của chiến tranh. Anh chỉ là một tên trộm. Điều Caravaggio muốn là ôm chầm lấy anh công binh và Hana, hoặc tốt hơn nữa, những người cùng độ tuổi với anh, trong một quán rượu anh biết tất cả mọi người, nơi anh có thể khiêu vũ và nói chuyện với một người phụ nữ, tựa đầu anh lên vai nàng, nghiêng đầu lên lông mày nàng, sao cũng được, nhưng anh biết trước tiên anh phải rời sa mạc này, cấu trúc morphine của nó. Anh cần lùi ra xa con đường vô hình dẫn đến El Taj. Người đàn ông anh tin là Almásy đã dùng anh và morphine để trở về thế giới của ông, vì nỗi buồn của ông. Ông ấy thuộc về phe nào trong chiến tranh không còn quan trọng gì.

Nhưng Caravaggio nghiêng về phía trước. “Tôi cần biết một điều.”

“Điều gì?”

“Tôi cần biết ông có giết Katharine Clifton không. Có nghĩa là, ông giết Clifton, và khi làm thế ông giết nàng.”

“Không. Thậm chí tôi chưa từng tưởng tượng ra điều ấy.”

“Lý do tôi hỏi là vì Geoffrey Clifton làm việc cho Sở Tình báo Anh. Tôi e rằng anh ta không chỉ là một người Anh ngây thơ. Chàng trai thân thiện của ông đấy. Đối với người Anh, anh ta đang canh chừng nhóm người lạ lùng của ông trong sa mạc Ai Cập-Libya. Họ biết một ngày kia sa mạc sẽ trở thành bãi chiến trường. Anh ta là nhiếp ảnh viên chụp trên không. Cái chết của anh ta làm họ không yên, vẫn chưa yên. Họ vẫn đặt dấu hỏi. Sở Tình báo biết về mối tình giữa ông và vợ anh ta ngay từ đầu. Cho dù Clifton không biết đi chằng nữa. Họ nghĩ có thể cái chết của anh ta được dàn xếp để bảo vệ ông, mở cầu kéo¹ lên cho ông lọt qua. Họ đợi ông ở Cairo, nhưng dĩ nhiên ông đã quay về sa mạc. Sau này, khi tôi được gửi đến Ý, tôi bỏ lỡ phần cuối trong câu chuyện của ông. Tôi không biết chuyện gì đã xảy ra với ông.”

¹ Nguyên văn là *Drawbridge*: ý nghĩa nguyên thủy là loại cầu ngoài cổng lâu đài bắc ngang hào nước.

“Thế là anh đã đuổi theo tôi đến cùng.”

“Tôi đến vì con bé. Tôi biết cha cô ấy. Tôi chưa hề nghĩ là tôi sẽ gặp Bá tước Ladislaus de Almásy trong tu viện nữ bị pháo kích này. Nói thật tình, tôi mến ông nhiều hơn hầu hết những người tôi đã làm việc chung.”

Khung ánh sáng hình chữ nhật lướt lên trên ghế của Caravaggio, đóng khung đầu và ngực anh, khiến bệnh nhân người Anh thấy khuôn mặt anh dường như là một bức chân dung. Trong ánh sáng mờ, tóc anh trông sẫm màu, nhưng bây giờ mái tóc rối bồng lên rục rờ, hai búi mắt anh biến đi trong ánh sáng màu hồng cuối ngày.

Anh đã xoay chiếc ghế lại để anh có thể nghiêng về phía trước, tựa vào lưng ghế, đối diện Almásy. Caravaggio không dễ thốt ra lời. Anh sẽ xoa cằm, mặt nhăn lại, mắt nhắm, để nghĩ ngợi trong bóng tối, và chỉ lúc ấy anh mới bật ra được một câu, dứt ra khỏi những suy nghĩ của chính mình. Bóng tối ấy lộ ra trong anh lúc này khi anh ngồi trong khung ánh sáng hình thoi, cúi gập trên một chiếc ghế cạnh giường Almásy. Một trong hai người đàn ông lớn tuổi của câu chuyện này.

“Tôi có thể nói chuyện với anh, Caravaggio, vì tôi cảm thấy cả hai chúng ta đã gần cái chết. Cô bé, cậu nhỏ, chúng chưa gần cái chết. Mặc dù chúng đã trải qua rất nhiều chuyện. Khi tôi mới gặp Hana, cô ấy rất buồn.”

“Cha cô ấy bị giết ở Pháp.”

“Tôi hiểu. Cô ấy không chịu nói đến chuyện đó. Cô ấy xa lánh tất cả mọi người. Cách duy nhất tôi có thể khiến cô ấy nói chuyện với tôi là nhờ cô ấy đọc cho tôi nghe... Anh có nhận ra là cả hai chúng ta đều không có con?”

Rồi ông ngưng lại, như để cân nhắc một khả năng. “Anh có vợ không?”, Almásy hỏi.

Caravaggio ngồi trong ánh sáng màu hồng, hai bàn tay che mặt để xóa đi tất cả, để anh có thể nghĩ chính xác, như thể đây là một món quà nữa của tuổi trẻ không còn dễ dàng đến với anh.

“Anh phải nói chuyện với tôi, Caravaggio. Hay tôi chỉ là một cuốn sách? Một thứ để đọc, một sinh vật lạ để nhử ra khỏi hồ và tiêm đầy morphine, đầy những hành lang, lời dối trá, cây cỏ, hẻm đá.”

“Kẻ trộm chúng tôi được dùng nhiều trong cuộc chiến này. Chúng tôi được hợp thức hóa. Chúng tôi ăn trộm. Rồi một số trong chúng tôi bắt đầu cố vấn. Chúng tôi có năng khiếu nhìn thấu qua lớp ngụy trang của dối trá hơn là tình báo chính quy. Chúng tôi tạo nên chuyện lừa bịp thực ra là sự thật. Cả chiến dịch được chỉ huy bằng hỗn hợp của tội phạm và trí thức này. Tôi đi khắp vùng Trung Đông, đây là nơi tôi nghe đến ông lần đầu tiên. Ông là một bí mật, một khoảng không trên biểu đồ của họ. Dem kiến thức về sa mạc của ông trao vào tay người Đức.”

“Quá nhiều chuyện đã xảy ra ở El Taj vào năm 1939, khi tôi bị bắt và bị nghi là điệp viên.”

“Vậy đó là lúc ông sang phe người Đức.” Im lặng.

“Và ông vẫn không thể trở lại động Người Bơi Lội và Uweinat?”

“Không, cho đến khi tôi tình nguyện dẫn Eppler băng qua sa mạc.”

“Tôi có chuyện phải nói với ông. Về năm 1942, khi ông dẫn người điệp viên vào Cairo...”

“Cuộc hành quân Salaam.”

“Vâng. Khi ông đang làm việc cho Rommel.”

“Một người tài ba... Anh muốn nói với tôi chuyện gì?” “Tôi định nói, khi ông băng qua sa mạc, tránh né quân Đồng Minh, đi cùng với Eppler - chuyện ấy thật dũng cảm. Từ ốc đảo Gialo đến tận Cairo. Chỉ có ông mới mang được người của Rommel vào Cairo với cuốn Rebecca của hắn.”

“Làm sao anh biết được chuyện ấy?”

“Chuyện tôi muốn nói là họ không chỉ khám phá ra Eppler ở Cairo. Họ biết về cả cuộc hành trình. Trước đó rất lâu một mật mã của Đức đã bị

giải, nhưng chúng tôi không thể để Rommel biết được điều ấy, nếu không người của chúng tôi sẽ bị phát hiện. Vì thế chúng tôi phải đợi Eppler đến Cairo để bắt.

Chúng tôi theo dõi ông suốt lộ trình. Suốt con đường xuyên qua sa mạc. Vì Sở Tình báo có tên ông, biết ông có dính líu, nên họ càng thêm chú ý. Họ cũng muốn bắt ông. Ông lẽ ra phải bị giết... Nếu ông không tin tôi, ông rời Gialo và ông đi mất hai mươi ngày. Ông theo con đường có giếng lấp dưới cát. Ông không thể đến gần Uweinat vì quân Đồng Minh, và ông tránh Abu Ballas. Có lúc Eppler lên cơn sốt sa mạc và ông phải chăm sóc hẳn, mặc dù ông nói ông không ưa hẳn...

Máy bay lẽ ra ‘mất dấu’ ông, nhưng ông bị theo dõi rất sát sao. Ông và Eppler không phải là điệp viên, chúng tôi mới là điệp viên. Sở Tình báo nghĩ ông đã giết Geoffrey Clifton vì người phụ nữ ấy. Họ tìm ra mộ anh ta năm 1939, nhưng không có dấu vết nào của vợ anh ta. Ông đã trở thành kẻ thù không phải vào lúc ông về phe với người Đức mà từ khi ông đan dúi với Katharine Clifton.”

“Tôi hiểu.”

“Sau khi ông rời Cairo năm 1942, chúng tôi mất dấu ông. Họ dự định bắt và giết ông trong sa mạc. Nhưng họ mất dấu ông. Hai ngày sau đó. Chắc hẳn ông không tinh táo, thiếu lý trí, nếu không chúng tôi đã tìm ra ông. Chúng tôi đã gài mìn chiếc xe jeep. Sau này chúng tôi tìm thấy nó đã bị nổ, nhưng ông thì không thấy đâu. Ông đã biến mất. Chắc đấy mới là cuộc hành trình quan trọng của ông, chứ không phải là chuyến đi đến Cairo. Trong lúc ông hẳn đang điên.”

“Anh có ở Cairo theo dõi tôi cùng với họ không?” “Không. Tôi đọc hồ sơ. Tôi sắp đi Ý và họ nghĩ không chừng ông ở đấy.”

“Ở đây.”

“Vâng.”

Khung ánh sáng hình thoi di chuyển lên tường, bỏ Caravaggio lại trong bóng tối. Tóc anh lại sẫm màu. Anh ngả ra sau, vai anh chạm vào cây lá.

“Tôi đoán mọi chuyện chẳng còn quan trọng gì”, Almásy lẩm bẩm.

“Ông có muốn morphine không?”

“Không. Tôi đang suy nghĩ mọi việc. Tôi vẫn luôn là một người riêng tư. Thật khó hiểu rằng tôi đã *được bàn thảo* nhiều đến thế.”

“Ông đan díu với một người liên quan với Sở Tình báo. Có những người trong Sở Tình báo quen biết ông.”

“Bagnold, có lẽ.”

“Vâng.”

“Một người Anh rất Anh quốc.”

“Đúng thế.”

Caravaggio ngưng lại.

“Tôi phải nói với ông về một chuyện cuối cùng.” “Tôi biết.”

“Chuyện gì đã xảy ra với Katharine Clifton? Chuyện gì đã xảy ra trước chiến tranh khiến mọi người đến Gilf Kebir một lần nữa? Sau khi Madox đã về Anh quốc.”

Tôi định đi một chuyến nữa đến Gilf Kebir để dọn hết trại chính ở Uweinat. Cuộc sống của chúng tôi ở đây đã qua rồi. Tôi nghĩ sẽ không còn chuyện gì xảy ra giữa chúng tôi nữa. Tôi đã không gặp nàng như người tình đã gần một năm. Cuộc chiến đang chuẩn bị ở đâu đây như bàn tay thò vào cửa sổ gác xép. Nàng và tôi đã rút vào sau những bức tường của các thói quen trước kia, vào quan hệ dường như là trong sạch. Chúng tôi không còn gặp nhau nhiều.

Trong mùa hè năm 1939 tôi định đi đường bộ đến Gilf Kebir với Gough, thu dọn trại chính, rồi Gough sẽ rời đi bằng xe tải, Clifton sẽ bay vào đón tôi. Rồi chúng tôi sẽ tản mác, ra khỏi mối liên hệ tay ba của chúng tôi.

Khi tôi nghe tiếng máy bay, nhìn thấy nó, tôi đang leo xuống những tảng đá của cao nguyên. Clifton bao giờ cũng đúng hẹn.

Máy bay nhỏ có một cách chạm đất là hạ thấp xuống dưới đường chân trời, nghiêng cánh trong ánh sáng sa mạc, rồi tiếng động tắt, nó trôi xuống mặt đất. Tôi chưa bao giờ hoàn toàn hiểu cách hoạt động của máy bay. Tôi đã nhìn chúng đến gần tôi trong sa mạc, và tôi vẫn sợ hãi khi ra khỏi lều đón chúng. Chúng nghiêng cánh trong ánh sáng rồi chúng đi vào sự thinh lặng ấy.

Chiếc Moth đến, bay là sát trên cao nguyên. Tôi vẫy tấm vải dầu màu xanh. Clifton hạ độ cao và gầm bay qua đầu tôi, thấp đến nỗi làm những bụi cây keo rụng lá. Chiếc máy bay nghiêng qua trái và đảo vòng lại, nhìn thấy tôi, chỉnh lại vị trí và bay thẳng đến tôi. Cách tôi năm mươi mét, đột nhiên nó chao nghiêng và đâm xuống đất. Tôi bắt đầu chạy đến.

Tôi nghĩ anh ấy đi một mình. Theo dự định anh phải đi một mình. Nhưng khi tôi đến đấy để kéo anh ấy ra, nàng ngồi bên cạnh anh. Anh đã chết. Nàng đang cố cử động phần thân dưới của nàng, mắt nhìn thẳng trước mặt. Cát đã vào qua cửa sổ buồng lái và ngập trên đùi nàng. Hình như nàng không bị thương. Bàn tay trái của nàng giơ ra phía trước để đỡ khi chiếc máy bay nhào xuống. Tôi kéo nàng ra khỏi chiếc máy bay Clifton gọi là Rupert và mang nàng vào những động đá. Vào động Người Bơi Lội, nơi có những hình vẽ. Vĩ độ 23°30' trên bản đồ, kinh độ 25°15'. Tối hôm ấy tôi chôn Geoffrey Clifton.

Phải chăng tôi là tai ương của họ? Của nàng? Của Madox? Của sa mạc bị chiến tranh cưỡng bức, bị đạn pháo như thể ở đấy chỉ có cát? Lũ Man rợ đấu với lũ Man rợ. Cả hai đạo quân đi qua sa mạc mà không cảm nhận được nó. Những sa mạc Libya. Bỏ chính trị đi, thì đấy là những chữ đẹp nhất tôi biết. Libya. Một chữ khêu gợi, kéo dài, một giếng nước ngọt ngào. Chữ b và y. Madox nói nó là một trong vài chữ hiếm hoi người ta nghe cái lưỡi chuyển hướng. Còn nhớ Dido trong những sa mạc của Libya không? Một người sẽ như sông nước nơi chốn khô cằn...¹

¹ Trích Isaiah 32:2.

Tôi không tin tôi đã đi vào một mảnh đất bị nguyên rửa, hoặc tôi bị vướng vào một tình huống ác nghiệt. Đối với tôi, mỗi người, mỗi nơi chốn là một món quà. Tìm thấy những hình vẽ trên đá trong động Người Bơi Lội. Hát những đoạn “chủ đề” với Madox trong những chuyến thám hiểm. Sự xuất hiện của Katharine trong nhóm chúng tôi ở sa mạc. Cách tôi bước đến bên nàng trên sàn bê tông đỏ chùi bóng rồi quỳ xuống, đầu tôi áp vào bụng nàng như thể tôi là một cậu bé. Bộ lạc súng chữa lành cho tôi. Thậm chí bốn người chúng ta, Hana và anh và cậu công binh.

Mọi thứ tôi yêu hoặc quý trọng đã bị lấy đi.

Tôi ở lại bên nàng. Tôi phát hiện ba xương sườn của nàng bị gãy. Tôi cứ đợi đôi mắt nàng lay động, cho cổ tay gãy của nàng gập lại, cho cái miệng bất động của nàng nói.

Anh ghét em như thế nào? Nàng thì thảo. Anh đã giết gần hết mọi thứ trong em.

Katharine... em đã không...

Ôm em đi. Đừng chống chế nữa. Không có điều gì thay đổi anh được.

Ánh mắt của nàng là vĩnh cửu. Tôi không thể ra khỏi cái nhìn ấy. Tôi sẽ là hình ảnh cuối cùng nàng nhìn thấy. Con chó rừng trong hang động sẽ hướng dẫn và bảo vệ cho nàng, sẽ không bao giờ lừa dối nàng.

Có hàng trăm vị thần liên quan đến thú vật, tôi bảo nàng như thế. Có những vị thần gắn liền với chó rừng - Anubis, Duamutef, Wepwawet. Đây là những tạo vật sẽ hướng dẫn em vào thế giới bên kia - như bóng ma thuở xưa của anh đã theo em những năm trước khi chúng ta gặp gỡ. Tất cả những buổi họp mặt ở London và Oxford. Nhìn ngắm em. Anh ngồi đối diện em khi em làm bài, tay cầm một cây bút chì lớn. Anh có mặt khi em gặp Geoffrey Clifton lúc hai giờ sáng trong thư viện Câu lạc bộ trường Oxford. Áo khoác của mọi người ngổn ngang trên sàn nhà, em chân trần như một con diệc nhón gót đi giữa chúng. Anh ấy đang nhìn em, nhưng anh cũng đang nhìn em, mặc dù em không thấy sự hiện diện của anh, lơ là anh. Em đang ở độ tuổi chỉ nhìn thấy những người đàn ông

diễn trai. Em chưa nhận biết những người ở ngoài tầm duyên dáng của em. Ở Oxford con chó rừng không được dùng làm kẻ hộ tống nhiều. Trong khi anh là người nhịn cho đến khi gặp thứ mình muốn. Bức tường đằng sau em đầy sách. Bàn tay trái của em cầm một chuỗi hạt trai dài em đang đeo ở cổ. Đôi chân trần của em nhón bước qua. Em đang tìm một thứ gì đấy. Những ngày ấy em tròn trĩnh hơn, dù vẫn xinh đẹp vừa đủ cho đời sống đại học.

Có ba chúng ta trong thư viện Câu lạc bộ trường Oxford, nhưng em chỉ tìm thấy Geoffrey Clifton. Đây sẽ là một mối tình chớp nhoáng. Anh ấy có việc gì đấy với những nhà khảo cổ ở tận Bắc Phi. “Một lão già quái lạ đang làm việc cùng anh.” Mẹ em rất vui vì chuyến phiêu lưu của em.

Nhưng linh hồn của con chó rừng, “người mở lối”, tên là Wepwawet hoặc Almásy, đã đứng trong phòng cùng với em và anh ấy. Hai tay anh khoanh lại, nhìn em và anh ấy cố hăng hái nói chuyện gẫu, không dễ dàng lắm vì cả hai đều say. Nhưng điều tuyệt diệu là ngay trong cơn say lúc hai giờ sáng, em và anh ấy bằng cách nào đấy đã cùng nhận ra giá trị và niềm vui bền vững ở người kia. Có thể hai người đã đến cùng với những người khác, có lẽ sẽ qua đêm cùng với những người khác, nhưng cả hai người đã tìm thấy định mệnh của mình.

Lúc ba giờ sáng, em cảm thấy em phải về, nhưng em không thể tìm ra một chiếc giày. Em cầm chiếc giày kia trong tay, một chiếc giày khiêu vũ màu hồng. Anh nhìn thấy chiếc giày còn lại vùi bên cạnh mình, và anh nhặt nó lên. Chiếc giày rục rở. Nó rõ ràng là đôi giày em ưa thích, có mang dấu ngón chân em. Em nói cảm ơn, nhận lại chiếc giày khi về, thậm chí không nhìn đến mặt anh.

Anh tin điều này. Khi chúng ta gặp những người chúng ta yêu, linh hồn chúng ta có vai trò là sử gia, với chút thông thái rởm, sẽ tưởng tượng hay nhớ lại một cuộc gặp gỡ khi người kia vô tình đi ngang qua, cũng như Clifton có thể đã mở cửa xe cho em một năm trước đấy và không chú ý đến định mệnh của đời anh ấy. Nhưng tất cả mọi phần thân thể phải sẵn sàng cho người kia, tất cả những nguyên tử phải nhảy về cùng một phía để khao khát được hình thành.

Anh đã sống trong sa mạc nhiều năm và đã dần dà tin những điều như thế. Đây là nơi chốn của những cái túi. Một trompe l'oeil của thời gian và nước. Con chó rùng một mắt ngoái nhìn và mắt kia ngấm con đường em đang cân nhắc. Trong hàm nó là những mảnh quá khứ nó mang đến cho em, và sau khi tất cả thời gian ấy qua đi rồi, em sẽ tin rằng mọi chuyện đã được tiên tri.

Đôi mắt nàng nhìn tôi, mỗi một với tất cả. Một sự mỗi một ghê gớm. Khi tôi kéo nàng ra khỏi máy bay, ánh mắt nàng cố nhận lấy tất cả mọi vật chung quanh mình. Bây giờ đôi mắt đề phòng, như để bảo vệ một điều bên trong. Tôi lại gần nàng hơn, ngồi xổm xuống. Tôi cúi xuống và đặt lưỡi lên con mắt màu xanh bên phải, thấy vị mặn của muối. Phấn hoa. Tôi mang vị ấy đến miệng nàng. Rồi con mắt kia. Lưỡi tôi lau đi màu xanh trên làn da mịn của mí mắt; khi tôi lùi lại, một vệt trắng giăng ngang tia nhìn của nàng. Tôi hé môi nàng, lần này tôi để những ngón tay vào sâu hơn, cạy hàm răng mở ra, cái lưỡi “thụt vào” và tôi phải kéo nó ra đằng trước, trong nàng đã có một sợi chỉ, một hơi thở của sự chết. Hầu như đã quá muộn. Tôi nghiêng xuống và dùng lưỡi mang phấn hoa màu xanh đến lưỡi nàng. Có lần chúng tôi từng ve vuốt như thế này. Không có gì xảy ra. Tôi lùi ra, hít một hơi và lại nghiêng xuống. Khi tôi gập cái lưỡi, nó giật nhẹ nhẹ.

Rồi tiếng gừ dữ dội, hung hãn và thân thiết, thoát ra từ người nàng phũ lên tôi. Một cơn co giật suốt người nàng như dòng điện. Nàng bị hất ra khỏi thế ngồi dựa vào bức tường có hình vẽ. Con vật ấy đã vào trong nàng, nó lao đến và ngã gục vào người tôi. Đường như càng lúc hang động càng tối hơn. Cổ nàng vật vã qua lại.

Tôi biết những mưu chước của ma quỷ. Lúc nhỏ tôi được dạy về người tình ma quỷ. Tôi được kể về một người đàn bà xinh đẹp quyến rũ đến phòng một chàng trai trẻ. Nếu anh ta khôn ngoan, anh ta sẽ đòi cô ta quay người lại, vì ma quỷ và phù thủy không có lưng, chỉ có thứ họ muốn cho anh thấy. Tôi đã làm gì? Tôi đã đem loài thú nào vào người nàng? Tôi nghĩ tôi đã nói chuyện với nàng hơn một giờ. Phải chăng tôi đã là người tình ma quỷ của nàng? Phải chăng tôi đã là người bạn ma quỷ của Madox? Xứ sở này, có phải tôi đã vẽ biểu đồ cho nó và biến nó thành một chiến trường?

Chết ở thánh địa là điều quan trọng. Đây là một trong những bí mật của sa mạc. Thế nên Madox vào nhà thờ ở Somerset, chỗ anh cảm thấy đã mất tính thiêng liêng, và anh làm điều anh tin là một hành vi thánh thiện.

Khi tôi xoay người nằn lại, cả người nằn phủ màu rực rỡ. Được thảo và đá và ánh sáng và tro cây keo để biến nằn thành bất tử. Thân thể nằn ép sát vào màu sắc thiêng liêng. Chỉ màu xanh của mắt đã mất đi, biến con mắt thành vô danh, một bản đồ trống không vẽ gì, không dấu hiệu hồ nước, không cụm núi sẫm màu như ở phía bắc Borkou- Ennedi-Tibesti, không có cây quạt xanh màu chanh nơi con sông Nile chảy vào lòng bàn tay mở của Alexandria, bìa của châu Phi.

Và tất cả những cái tên của các bộ lạc, những người du mục sùng tín đã bước đi trong vẻ đơn điệu của sa mạc và nhìn thấy ánh rực rỡ và tín ngưỡng và màu sắc. Như một viên đá hoặc một hộp kim loại được tìm thấy hoặc xương có thể được yêu quý và biến thành bất tử trong những lời cầu nguyện. Bây giờ nằn đi vào và trở thành một phần sự huy hoàng của xứ sở này. Chúng tôi chết đi chứa đựng biết bao người tình và bộ lạc, mùi vị chúng tôi đã nuốt, thân thể chúng tôi đã lao vào và bơi lên như thể đây là dòng sông tri thức, tính cách chúng tôi đã leo lên như cây cối, sợ hãi chúng tôi đã giấu đi như hang động. Tôi ước mong tất cả chuyện này được đánh dấu trên người tôi lúc tôi chết. Tôi tin vào nghệ thuật vẽ bản đồ như thế - mang dấu của thiên nhiên, không chỉ là chúng ta tự đặt mình lên một tấm bản đồ, như những tòa nhà mang tên của những ông bà giàu sang. Chúng ta là lịch sử chung, sách vở chung. Chúng ta không bị chiếm hữu hoặc chung thủy trong ý thích hoặc kinh nghiệm. Tôi chỉ mong ước được bước đi trên một quả đất không có bản đồ.

Tôi mang Katharine Clifton vào sa mạc, nơi có cuốn sách chung của ánh trắng. Chúng tôi ở giữa lời thì thầm của giếng nước. Trong cung điện của gió.

Khuôn mặt Almásy ngả về bên trái, nhìn vào khoảng không - đầu gối của Caravaggio, có lẽ.

“Ông có muốn morphine không?” “Không.”

“Ông có muốn thứ gì không?”

“Không.”

THÁNG TÁM

Caravaggio xuống thang lầu trong bóng tối rồi vào nhà bếp. Ít cần tây trên bàn, vài củ cải rễ vẫn còn bùn đất. Ánh sáng duy nhất phát ra từ ngọn lửa Hana vừa nhóm. Nàng quay lưng lại phía anh và chưa nghe tiếng chân anh vào. Những ngày ở tòa villa đã làm thân thể anh thư thái, giải tỏa căng thẳng cho anh, vì thế anh dường như to lớn hơn, những cử chỉ của anh dềnh dàng hơn. Chỉ có sự thâm lặng trong chuyển động của anh vẫn như cũ. Mặt khác, bây giờ anh có một vẻ cầu thả, cử chỉ của anh thành uể oải.

Anh kéo chiếc ghế ra để nàng quay lại, nhận ra anh đang ở trong phòng.

“Chào chú David.”

Anh giơ cánh tay lên. Anh cảm thấy anh đã ở trong sa mạc quá lâu.

“Ông ấy thế nào?”

“Đang ngủ. Nói đến kiệt sức.”

“Ông ấy có phải là người chú nghĩ không?”

“Ông ấy là người tốt. Chúng ta có thể để ông ấy yên.” “Cháu cũng nghĩ thế. Kip và cháu đều chắc chắn ông ấy

là người Anh. Kip nghĩ những người tốt nhất đều có tính lập dị, anh ấy đã làm việc chung với một người như thế.”

“Chú nghĩ Kip cũng lập dị. Cậu ấy đang ở đâu thế?”

“Anh ấy đang mưu tính chuyện gì ngoài hàng hiên, không muốn cháu ra ngoài ấy. Tiệc mừng sinh nhật cháu.” Đang co ro bên khung sắt lò sưởi, Hana đứng dậy, lau bàn tay vào cánh tay bên kia.

“Để mừng sinh nhật cháu chú sẽ kể cho cháu nghe một câu chuyện nhỏ”, anh nói.

Nàng nhìn anh.

“Không phải là chuyện về Patrick, né?” “Một chút về Patrick, đa số là về cháu.”

“Cháu vẫn chưa nghe được những chuyện ấy, chú David.”

“Những người cha rồi sẽ chết. Cháu vẫn sẽ yêu ông ấy theo cách của cháu. Cháu không thể giấu cha trong lòng.”

“Chùng nào chất morphine tan đi thì chú hãy nói chuyện với cháu.”

Nàng đến bên anh và quàng tay quanh người anh, nhón chân hôn lên má anh. Vòng tay anh siết chặt quanh người nàng, bộ râu lún phún của anh như cát trên da nàng. Bây giờ nàng yêu điều ấy ở anh; trước kia anh lúc nào cũng quá chỉnh tề. Patrick từng nói đường ngôi trên tóc anh như Đường Yonge lúc nửa đêm. Trước kia Caravaggio di chuyển như một vị thần linh trước mặt nàng. Bây giờ, khi khuôn mặt, thân mình của anh đầy đặn ra và mái tóc ngả màu muối tiêu, anh là một người thân thiện hơn.

Bữa ăn tối nay do anh công binh sửa soạn. Caravaggio không háo hức cho lắm. Đối với anh, một trong ba bữa ăn ngày hôm nay coi như đã mất. Kịp tìm rau củ, bày chúng ra gần như chưa nấu, chỉ đun chúng sôi lên một lúc thành súp. Lại thêm một bữa ăn thanh đạm, không phải là bữa ăn Caravaggio mong ước sau một ngày lắng nghe người đàn ông trên lầu. Anh mở tủ dưới bồn rửa chén. Ở đấy, bọc trong một miếng vải ẩm, là một ít thịt khô. Caravaggio cắt thịt và bỏ vào túi.

“Cháu có thể giúp chú bỏ morphine, chú biết mà. Cháu là một y tá giỏi.”

“Chung quanh cháu là những người đàn ông điên rồ...”

“Vâng. Cháu nghĩ tất cả chúng ta đều điên.”

Khi Kip gọi, họ bước từ bếp ra hàng hiên có lan can thấp bằng đá, viền quanh là những ngọn đèn.

Với Caravaggio, chúng trông như một chuỗi nến điện tìm thấy trong những nhà thờ bụi bặm, và anh nghĩ anh công binh lấy chúng đi là quá đáng, cho dù anh lấy vì sinh nhật của Hana chẳng nữa. Tay che mặt, Hana bước chậm về phía trước. Trời lặng gió. Hai chân và đùi nàng chuyển động qua chiếc váy của nàng như thể lớp vải là nước loãng. Giày tennis của nàng êm lặng trên mặt đá.

“Anh đào ở đâu cũng thấy vỏ ốc”, anh công binh nói.

Họ vẫn chưa hiểu. Caravaggio cúi xuống những ánh đèn nhấp nháy. Chúng là những vỏ ốc đựng dầu. Anh nhìn theo dãy đèn; chắc phải có khoảng bốn mươi vỏ.

“Bốn mươi lăm”, Kip nói, “số năm của thế kỷ này tính cho đến nay. Ở quê hương tôi, chúng tôi ăn mừng thời đại cũng như ăn mừng chính mình”.

Hana đi bên cạnh họ, hai tay trong túi áo, và Kip thích nhìn dáng nàng bước như thế. Rất thoải mái, tựa hồ nàng đã cất đôi tay đi nghỉ đêm, và bây giờ chuyển động đơn giản, không có tay.

Caravaggio bị phân tâm vì sự hiện diện đáng kinh ngạc của ba chai rượu vang đỏ trên bàn. Anh bước đến, đọc nhãn hiệu và lắc đầu sửng sốt. Anh biết anh công binh sẽ không uống chút rượu nào. Cả ba chai đã được khai. Chắc hẳn Kip đã đọc một cuốn sách về phép xã giao trong thư viện. Rồi anh nhìn thấy bắp và thịt và khoai tây. Hana khoác tay Kip và cùng anh đến bàn.

Họ ăn uống, độ sánh không ngờ của rượu vang như vị thịt trên lưỡi họ. Không bao lâu họ trở nên ngớ ngẩn trong những lần nâng ly chúc mừng anh công binh - “người thu lượm tài hoa” - và bệnh nhân người Anh. Họ nâng ly mừng nhau, và Kip tham dự với ly nước của anh. Đây là lúc Kip bắt đầu nói về mình. Caravaggio giục Kip nói thêm, tuy không phải lúc nào anh cũng lắng nghe Kip, đôi khi đứng dậy và bước quanh bàn, đi qua đi lại trong niềm vui của buổi tiệc. Anh muốn đôi trẻ thành hôn, muốn

dùng lời ép buộc chúng, nhưng dường như chúng có những lề luật lạ lùng riêng về quan hệ của mình. Anh đang làm gì trong vai trò này. Anh lại ngồi xuống. Thỉnh thoảng anh để ý thấy một ngọn đèn tắt đi. Những vỏ ốc chỉ chứa được từng ấy dầu. Kip đứng dậy và đổ đầy paraffin hồng vào chúng.

“Chúng ta phải giữ đèn thắp cho đến nửa đêm.”

Rồi họ nói về cuộc chiến xa vời vợi. “Khi chiến tranh với Nhật kết thúc, cuối cùng tất cả mọi người có thể về nhà”, Kip nói. “Còn cậu thì sẽ đi đâu?” Caravaggio hỏi. Anh công binh lúc lắc đầu, nửa gật, nửa lắc, miệng mỉm cười. Vì thế Caravaggio bắt đầu nói, phần lớn cho Kip nghe.

Con chó thận trọng đến bên cạnh cái bàn và đặt đầu lên gối của Caravaggio. Anh công binh xin nghe những câu chuyện Toronto khác, như thể đây là một nơi chốn diệu kỳ.

Tuyết nhận chìm thành phố, đóng băng bến cảng, người ta nghe hòa nhạc trên phà vào mùa hè. Nhưng điều anh thật sự chú ý là những manh mối về bản chất của Hana, mặc dù nàng lẩn tránh, hướng Caravaggio ra khỏi các câu chuyện có những giây phút của cuộc đời nàng. Nàng muốn Kip chỉ biết nàng trong hiện tại, một người có lẽ nhiều khuyết điểm hơn hoặc đồng cảm nhiều hơn hoặc cứng rắn hơn hoặc điên cuồng hơn cô gái hoặc người phụ nữ trẻ trước kia là nàng. Trong đời nàng có mẹ nàng Alice cha nàng Patrick mẹ kế nàng Clara và Caravaggio. Nàng đã thừa nhận những cái tên này với Kip như thể chúng là giấy tờ chứng minh của nàng, hồi môn của nàng. Họ toàn bích và không cần phải bàn thảo thêm. Nàng dùng họ như tài liệu trong một cuốn sách nàng có thể mở ra tìm chỉ dẫn về cách luộc trứng, hoặc cách nhét tỏi vào thịt cừu. Không ai được hạch hỏi họ.

Bây giờ - vì đang rất say - Caravaggio kể câu chuyện Hana hát bài Marseillaise, câu chuyện anh đã kể cho nàng nghe trước kia. “Vâng, tôi đã nghe bài ấy”, Kip nói, và thử hát nó. “Không được, anh phải hát lớn lên”, Hana nói, “anh phải vừa đứng vừa hát!”.

Nàng đứng dậy, cởi đôi giày tennis rồi leo lên bàn. Trên bàn, cạnh đôi chân trần của nàng, là bốn ngọn đèn vỏ ốc nhấp nháy gần tắt.

“Em hát cho anh đây. Anh phải tập hát nó như thế này đây, Kip. Em hát cho anh đây.”

Nàng hát to lên vào bóng tối phía bên ngoài những ngọn đèn vỏ ốc, bên ngoài khung ánh sáng hình vuông từ phòng bệnh nhân người Anh, vào bầu trời tối có những bóng cây bách nghiêng ngả. Nàng rút hai tay khỏi túi áo.

Kip đã nghe bài hát này trong những trại lính, do những nhóm đàn ông hát, thường trong những giờ phút kỳ lạ, chẳng hạn như ngay trước một trận túc cầu tùy hứng. Còn Caravaggio, khi anh nghe nó trong những năm chiến tranh vừa qua, anh không bao giờ thật sự thích nó, không bao giờ thích nghe nó. Trong lòng anh là giọng hát của Hana từ bao năm trước. Bây giờ anh thích thú lắng nghe vì nàng lại hát nó, nhưng niềm vui của anh nhanh chóng thay đổi vì cách nàng hát. Không phải nỗi đam mê của tuổi mười sáu mà là âm vang của vòng ánh sáng ngại ngần chung quanh nàng trong bóng tối. Nàng hát nó như thể nó sứt sẹo, như thể người ta không bao giờ còn có thể gom được tất cả hy vọng của bài hát. Nó đã bị biến đổi trong năm năm dẫn đến đêm hôm nay, sinh nhật hai mươi một của nàng trong năm bốn mươi lăm của thế kỷ XX. Hát bằng giọng người lữ khách mỗi một, một mình chống chọi tất cả. Một chứng thực mới. Không còn vẻ quyết chắc trong bài hát, người hát chỉ là một giọng ca đối đầu mọi ngọn núi quyền lực. Đây là điều chắc chắn duy nhất. Giọng hát là điều duy nhất chưa bị phá hỏng. Một bài hát của đèn vỏ ốc. Caravaggio nhận ra nàng đang hát cùng, và vang vọng lại, trái tim của anh công bình.

Trong lều có những đêm không chuyện trò và những đêm tràn đầy chuyện trò. Họ không bao giờ biết chắc điều gì sẽ xảy đến, mảnh quá khứ của ai sẽ hiện ra, hoặc vượt ve có trở nên vô danh và thâm lặng trong bóng tối của họ không. Sự gần gũi của thân thể nàng hoặc khối ngôn ngữ của nàng trong tai anh - trong lúc họ nằm trên cái gối hơi anh nhất định thổi phồng lên và dùng mỗi tối. Anh đã mê sáng chế Tây phương này.

Anh ngoan ngoãn xì hơi và xếp nó làm ba mỗi buổi sáng, như anh đã làm trong suốt thời gian anh đi dọc lên đất Ý.

Trong lều Kip dụi vào cổ nàng. Anh tan chảy khi những móng tay nàng gãi trên da anh. Hoặc anh kề miệng anh vào miệng nàng, bụng anh áp vào cổ tay nàng.

Nàng ca hát và âm ư. Trong bóng tối của lều, nàng nghĩ anh nửa phần là chim - tính chất lông vũ trong anh, lớp sắt lạnh ở cổ tay anh. Khi nào anh ở trong bóng tối như thế với nàng, cử động của anh ngái ngủ, không hẳn nhanh nhẹn như thế giới bên ngoài, trong khi dưới ánh sáng ban ngày anh lướt qua tất cả mọi thứ hỗn độn chung quanh anh, như màu sắc lướt trên màu sắc.

Nhưng ban đêm anh thích uể oải. Nàng không thể nhìn thấy trật tự và nguyên tắc của anh nếu nàng không nhìn thấy đôi mắt anh. Không có chìa khóa nào mở được anh. Chỗ nào nàng chạm vào cũng là những khung cửa ngôn ngữ braille. Như thế những cơ quan, trái tim, hàng xương sườn, có thể nhìn thấy dưới làn da, nước bọt trên tay nàng bây giờ là màu sắc. Anh đã vẽ bản đồ cho nỗi buồn của nàng nhiều hơn bất cứ người nào khác. Cũng như nàng biết con đường tình yêu lạ lùng anh dành cho người anh nguy hiểm của anh. “Bọn anh có dòng máu lang thang. Thế nên đối với bản chất của anh ấy, bị giam là khó khăn nhất, và anh ấy có thể tự tử để được tự do.”

Trong những đêm chuyện trò, họ đi trên đất nước có năm dòng sông của anh. Sutlej, Jhelum, Ravi, Chenab, Beas. Anh dẫn nàng vào ngôi đền lớn của đạo Sikh, cởi giày nàng, ngắm nàng khi nàng rửa chân, quàng đầu. Chỗ họ vào được xây năm 1601, bị xâm phạm năm 1757, rồi được xây lại ngay sau đó. Năm 1830 người ta khảm vàng và cẩm thạch. “Nếu anh đưa em đến trước bình minh, thoát tiên em sẽ thấy sương mù trên mặt nước. Rồi sương tan để lộ đền thờ trong ánh sáng. Em sẽ nghe thấy những bài ca của các vị thần - Ramananda, Nanak và Kabir. Ca hát là tâm điểm của sùng bái. Em nghe bài ca, em ngửi thấy mùi trái cây trong vườn của đền thờ - trái lựu, trái cam. Đền thờ là nơi nung nấu trong dòng lũ cuộc đời, mở cửa cho tất cả mọi người. Nó là con tàu băng qua đại dương ngu muội.”

Họ đi trong đêm, qua cánh cửa bạc đến đền thờ nơi cuốn Sách Thánh nằm dưới màn trướng bằng gấm thêu. Ca đoàn ragis hát những đoạn trong Sách, được các nhạc công đệm theo. Họ hát từ bốn giờ sáng đến mười một giờ đêm. Cuốn Granth Sahib được mở ra ngẫu nhiên, một câu trích dẫn được chọn, và trong ba giờ, trước khi sương tan trên mặt hồ để lộ đền Vàng, những đoạn sách hòa vào nhau, đồng đưa trong tiếng đọc không ngừng.

Kip đi với nàng bên một cái ao nhỏ đến đền cây, nơi chôn Baba Gujhaji, giáo sĩ đầu tiên của đền. Một cái cây của lòng mê tín, già bốn trăm năm mươi tuổi. “Mẹ anh đến đây để buộc một sợi dây vào cành cây, cầu khẩn cây xin một đứa con trai, rồi khi anh của anh sinh ra, bà trở lại để xin được ban thêm một đứa nữa. Khắp Punjab có những cây thiêng và nước nhiệm màu.”

Hana im lặng. Anh biết chiều sâu bóng tối trong nàng, thiếu thốn đứa con cũng như lòng tin. Anh luôn vỗ về nàng trở về từ bìa những cánh đồng u buồn của nàng. Một đứa con mất đi. Một người cha mất đi.

“Anh cũng đã mất một người giống như cha vậy”, anh đã nói thế. Nhưng nàng biết người đàn ông bên cạnh nàng là một trong những người được ban phép, đã lớn lên như một người ngoài cuộc nên có thể đổi lòng trung, có thể thay thế mất mát. Có những người bị bắt công tiêu hủy và có những người không bị. Nếu nàng hỏi anh, anh sẽ nói anh đã có một cuộc đời tốt đẹp - dù anh của anh ở trong tù, đồng đội của anh bị nổ tung, anh liều mạng mỗi ngày trong cuộc chiến tranh này.

Mặc dù những người như vậy tốt bụng, họ là một bất công ghê gớm. Anh có thể ở dưới hố đất sét cả ngày để gỡ ngòi một trái bom có thể giết anh bất cứ lúc nào, có thể về nhà từ đám tang của một người lính công binh đồng đội, sinh lực anh buồn rầu, nhưng với bất cứ thử thách nào chung quanh, anh luôn có giải đáp và ánh sáng. Nhưng nàng không thấy gì cả. Với anh, có những tám bản đồ định mệnh khác nhau, và ở đền thờ bên hồ Amritsar, tất cả tín ngưỡng và đẳng cấp đều được chào đón và ăn cùng nhau. Chính nàng cũng sẽ được phép đặt tiền hoặc hoa lên tám vải trải trên sàn nhà và tham dự vào tiếng ca hát không ngơi.

Nàng ước mong điều ấy. Tính hướng nội của nàng là một nỗi buồn tự nhiên. Anh sẽ để nàng vào bất cứ cổng nào trong mười ba cánh cổng cá tính, nhưng nàng biết nếu anh bị nguy hiểm anh sẽ không bao giờ quay lại đối diện nàng. Anh sẽ tạo ra một khoảng không gian chung quanh mình và tập trung. Đây là kỹ năng của anh. Anh nói người Sikh giỏi về kỹ thuật. “Bọn anh có sự gần gũi bí ẩn... cái gì nhỉ?” “Sự đồng cảm.” “Đúng thế, sự đồng cảm với máy móc.”

Anh sẽ lạc lõng giữa họ trong nhiều giờ, điệu nhạc trong máy radio tình thể nện vào trán anh và vào tóc anh. Nàng không tin nàng có thể hướng về anh hoàn toàn, làm người tình của anh. Anh chuyển động với một vận tốc cho phép anh thay thế mất mát. Đây là bản chất của anh. Nàng sẽ không xét đoán anh vì chuyện ấy. Nàng có quyền gì đâu. Mỗi sáng Kip ra đi với cái túi da đeo trên vai trái, bước trên lối đi rời villa San Girolamo. Mỗi sáng nàng nhìn anh, nhìn có thể là lần cuối cùng vẻ tươi mới của anh đối với thế giới. Sau vài phút, anh sẽ nhìn lên hàng bách tở tả vì mảnh đạn pháo, những cành ở lưng chừng đã bị đạn pháo làm gãy. Pliny chắc cũng đã bước trên một con đường như thế này, hoặc Stendahl, vì những đoạn trong Tu viện thành Parma cũng xảy ra trong khu vực này của thế giới.

Kip sẽ ngược nhìn lên, vòng cung của những cây cao bị thương phía trên anh, con đường trước mặt anh từ thời Trung cổ, và anh, một chàng trai trong nghề nghiệp lạ lùng nhất mà thế kỷ của anh đã sáng chế ra, một anh công binh, một kỹ sư quân đội, rà và gỡ mìn. Mỗi sáng anh hiện ra từ trong lều, tắm và mặc quần áo trong vườn, rời tòa villa và khu lân cận, thậm chí không vào nhà - có thể vẫy tay nếu anh nhìn thấy nàng - như thể ngôn ngữ, nhân tính sẽ làm anh rối rắm, sẽ giống như máu chui lọt vào trong bộ máy anh cần phải hiểu. Nàng sẽ nhìn thấy anh ở quãng trống trên lối đi, cách căn nhà bốn mươi mét.

Đây là giây phút anh để tất cả họ lại sau lưng. Lúc cầu kéo đóng lại sau lưng người hiệp sĩ và anh chỉ còn một mình với nỗi an bình của tài năng nghiêm nhặt của chính mình. Ở Siena nàng đã nhìn thấy một bức bích họa. Một bức vẽ thành phố. Vài mét bên ngoài những bức tường thành phố, lớp sơn của người họa sĩ đã tróc ra, thế nên không có cả sự yên ổn của nghệ thuật để mang lại vườn cây ăn trái trong những dặm đường xa

cho người lữ khách đang rời lâu đài. Nàng cảm thấy đó là nơi Kip đi đến trong ngày. Mỗi sáng anh sẽ bước từ khung cảnh trong tranh đến những vách đá tắm tối của hỗn loạn. Người hiệp sĩ. Vị thánh chiến sĩ. Nàng sẽ nhìn thấy bộ quân phục khaki thấp thoáng qua hàng bách. Ông người Anh đã gọi anh là *fato profugus* - kẻ bị định mệnh săn đuổi. Nàng đoán rằng, đối với anh, những ngày này bắt đầu bằng niềm vui được ngược mắt nhìn lên hàng cây.

Họ đã đưa lính công binh đến Naples bằng máy bay đầu tháng Mười năm 1943, chọn những người giỏi nhất trong những đội công binh ở miền Nam nước Ý, Kip là một trong ba mươi người được đưa vào thành phố bị gài mìn.

Quân Đức ở chiến trường Ý đã sắp xếp một trong những cuộc rút quân xuất sắc và kinh khủng nhất trong lịch sử. Cuộc tiến quân của Đồng Minh, đáng lẽ mất một tháng, kéo dài một năm. Lối đi của họ bốc lửa. Lính công binh theo sát vạt chần bùn của những chiếc xe tải trong khi các đội quân tiến tới, mắt họ tìm kiếm những vết xáo trộn mới trên đất, dấu hiệu mìn chôn hoặc mìn thủy tinh hoặc mìn giày. Cuộc tiến quân chậm ghê gớm. Xa hơn về phía bắc trong vùng núi, phe đảng của những nhóm cộng sản Garibaldi đeo những chiếc khăn tay đỏ làm hiệu cũng gài thuốc nổ trên đường, thuốc nổ sẽ phát nổ khi xe tải Đức cán qua.

Mức đặt mìn ở Ý và Bắc Phi thật khó tưởng tượng. Ở chỗ nối hai đường Kismaayo-Afmadu, người ta tìm thấy 260 trái mìn. Trong vùng cầu sông Omo có 300 trái mìn. Trong ngày 30 tháng Sáu, năm 1941, lính công binh Nam Phi gài 270 trái mìn Mark II ở Mersa Matruh. Bốn tháng sau người Anh gỡ 7806 trái mìn ở Mersa Matruh và gài chúng ở nơi khác.

Mìn được chế tạo bằng mọi thứ. Ống nước mạ kền đường kính bốn mươi phân được đổ đầy thuốc nổ rồi để lại trên đường quân đội đi qua. Mìn trong những hộp gỗ để lại trong các căn nhà. Mìn ống nước được đổ đầy gelignite, mảnh vụn kim loại và đinh. Lính công binh Nam Phi nhồi sắt và gelignite vào thùng xăng mười bốn lít thành loại mìn có thể hủy diệt xe bọc sắt.

Tệ nhất là trong thành phố. Những đơn vị gỡ bom, huấn luyện sơ sài, được chở bằng tàu thủy từ Cairo và Alexandria. Sư đoàn Mười Tám trở nên nổi tiếng. Trong ba tuần của tháng Mười năm 1941, họ gỡ 1403 trái bom có sức nổ mạnh.

Tình trạng ở Ý còn tệ hơn châu Phi, cơ cấu đồng hồ trong ngòi bom lập dị đến hãi hùng, cơ quan khởi động bằng lò xo khác với các bom Đức được dạy trong huấn luyện. Khi lính công binh vào các thành phố, họ bước trên những đại lộ có xác chết treo trên cây hoặc ban công của các tòa nhà. Quân Đức thường trả đũa bằng cách giết mười người Ý cho mỗi người Đức bị giết. Vài xác treo bị gài mìn và phải cho nổ trên không.

Quân Đức rút khỏi Naples ngày 1 tháng Mười, năm 1943. Trong một trận tấn công của quân Đồng Minh vào tháng Chín trước đây, hàng trăm người dân đã bỏ đi và bắt đầu sống trong những hang động ngoài thành phố. Trong khi rút lui, quân Đức giội bom vào những cửa động, buộc dân chúng phải ở lại dưới đất. Một trận dịch sốt phát ban bộc phát. Trong bến cảng, những tàu bị đục thủng đáy vừa mới bị gài mìn bên dưới mặt nước.

Ba mươi lính công binh bước vào thành phố đầy những cạm bẫy. Bom nổ chậm gấn vào tường của những tòa nhà công cộng. Gần như tất cả các xe đều bị gài bom. Lính công binh vĩnh viễn trở nên nghi ngại với những vật dường như vô tình được đặt trong một căn phòng. Họ nghi ngờ mọi vật họ nhìn thấy trên bàn, trừ phi nó được đặt theo hướng “bốn giờ”. Nhiều năm sau chiến tranh, lính công binh để một cây bút mực lên bàn sẽ đặt đầu to hơn của nó theo hướng bốn giờ.

Naples tiếp tục là vùng chiến tranh sáu tuần và Kip ở đây cùng đơn vị công binh trong suốt thời gian ấy. Sau hai tuần, lính công binh tìm thấy dân chúng trong những hang động. Da của họ đen sạm vì phân và sốt phát ban. Đoàn người đi về bệnh viện thành phố là một đám rước ma.

Bốn ngày sau, bưu điện trung ương nổ tung, bảy mươi hai người bị chết hoặc bị thương. Bộ sưu tập văn thư về thời Trung cổ phong phú nhất của châu Âu đã bị cháy rụi trong viện lưu trữ thành phố.

Ngày 20 tháng Mười, ba ngày trước khi điện được phục hồi, một người Đức ra đầu hàng. Hắn bảo chính quyền rằng trong khu bến cảng của thành phố có hàng ngàn bom gắn liền với hệ thống điện ngưng hoạt động. Khi điện được bật lên, thành phố sẽ tan vào lửa. Hắn bị tra hỏi hơn bảy lần, với những mức độ khéo léo và tàn bạo khác nhau - nhưng cuối cùng chính quyền vẫn không chắc chắn về lời tự thú của hắn. Lần này cả thành phố di tản. Trẻ con và người già, người sắp chết, người mang thai, người đã được đem ra khỏi hang động, thú vật, các xe jeep có giá trị, binh lính bị thương rời bệnh viện, bệnh nhân tâm thần, cha xứ và tu sĩ và ma sơ rời tu viện. Đến hoàng hôn ngày 22 tháng Mười, năm 1943, chỉ còn mười hai người lính công binh ở lại.

Theo dự định, điện sẽ được bật lên vào lúc ba giờ sáng hôm sau. Trước đây, không một ai trong nhóm lính công binh đã từng ở trong một thành phố bỏ trống, và những giờ này sẽ là những giờ khắc kỷ lạ và bối rối nhất trong cuộc đời họ.

Trong những buổi chiều tối, bão sấm chớp kéo qua vùng Tuscany. Sét đánh bất cứ vật kim loại hoặc tháp nhọn nào nhô lên trên cảnh vật. Ngày nào Kip cũng trở về tòa villa theo con đường màu vàng giữa hai hàng cây bách vào khoảng bảy giờ tối, khi tiếng sấm, nếu có, bắt đầu. Một kinh nghiệm thời Trung cổ.

Hình như anh thích những thói quen tạm thời ấy. Nàng hoặc Caravaggio sẽ nhìn thấy hình dáng anh xa xa, dừng chân trên đường về để ngoái nhìn thung lũng xem cơn mưa còn cách anh bao xa. Hana và Caravaggio trở vào nhà. Kip tiếp tục đi nửa dặm lên đồi, trên lối đi hơi lượn về bên phải rồi từ từ về bên trái. Tiếng giày boots của anh trên lớp sỏi. Từng luồng gió xô vào anh, đập ngang thân cây bách, khiến chúng chao đi, vào tay áo của anh.

Trong mười phút kế tiếp anh bước đi, không chắc mưa có bắt kịp anh hay không. Anh sẽ nghe tiếng mưa trước khi anh cảm thấy nó, tiếng lách tách trên mặt cỏ khô, trên lá cây olive. Nhưng lúc này thì anh đang ở phía trước của trận bão, trong luồng gió lộng tươi mát của ngọn đồi.

Nếu mưa bắt kịp anh trước khi anh đến tòa villa, anh sẽ tiếp tục bước cùng nhịp độ, cài tấm áo choàng cao su vào ba lô rồi đi bên trong chiếc áo.

Trong lều, anh nghe tiếng sấm rền. Những tiếng rắc giòn của nó trên đầu, như tiếng bánh xe ngựa trong lúc nó biến vào những ngọn núi. Một ánh chớp chói lọi thỉnh thoảng rơi qua lớp vải lều, đối với anh hình như lúc nào nó cũng rực rỡ hơn ánh nắng, một ánh chớp lân tinh, một thứ giống máy móc, liên quan đến một chữ mới anh đã nghe trong những phòng lý thuyết và qua radio tinh thể của anh, chữ “hạt nhân”. Trong lều, anh tháo tấm khăn xếp ướt, lau khô tóc và quần tấm khăn xếp khác lên đầu.

Cơn bão cuộn khỏi Piedmont, đi về phía nam và phía đông. Sét đánh những tháp chuông của các nhà thờ nhỏ trên núi với những hoạt cảnh tả Những đoạn đường Thập Giá¹ hoặc Những điều bí nhiệm của Tràng Hạt². Trong thị trấn nhỏ Varese và Varallo, những tượng đất nung lớn hơn người thật đúc từ thế kỷ XVII được chiếu rọi trong phút chốc, tả cảnh trong Thánh Kinh. Chúa Jesus đang bị hành hình, hai cánh tay trời giật ra sau, ngọn roi giáng xuống, con chó sữa, ba người lính trong hoạt cảnh nhà thờ kế tiếp giờ cây thập giá cao hơn về phía những đám mây vẽ.

¹ Nguyên văn là *Stations of the Cross: tả những giờ cuối cùng của Chúa Jesus*.

² Nguyên văn là *Mysteries of the Rosary: những sự kiện trong Thánh Kinh nói về cuộc đời Chúa Jesus*.

Ở địa điểm của nó, villa San Girolamo cũng nhận được những khoảnh khắc ánh sáng như thế - những hành lang tối, phòng ông người Anh nằm, căn bếp nơi Hana đang nhóm lửa, giáo đường nhỏ bị đạn pháo - tất cả bỗng sáng lên, không còn hình bóng. Kip sẽ không ngại ngừng bước đi dưới cây cối trong khoảng vườn của anh khi có những cơn bão như thế, nguy cơ bị chết vì sét đánh nhỏ nhoi đến đáng thương so với những hiểm nguy trong cuộc sống thường ngày của anh. Những hình ảnh Thiên Chúa giáo ngậy thơ trong những đền đài trên sườn đồi anh đã nhìn thấy ở cùng anh trong khoảng không gian tranh tối tranh sáng, trong lúc anh đếm số giây giữa sấm và sét. Có lẽ tòa villa này là một hoạt cảnh tương tự, bốn người trong những cử động riêng tư, được rọi sáng trong thoáng chốc, đã bị ném vào cuộc chiến này một cách mỉa mai.

Mười hai lính công binh ở lại Naples tản ra trong thành phố. Suốt đêm họ phá vỡ những đường hầm bịt kín, leo xuống ống cống, tìm những đường dây ngòi nổ có thể nối liền với máy phát điện trung tâm. Theo dự định, họ sẽ lái xe đi lúc hai giờ sáng, một giờ trước khi điện được bật lên.

Một thành phố mười hai người. Mỗi người trong một khu vực thành phố khác nhau. Một người ở chỗ máy phát điện, một người ở hồ chứa nước, vẫn còn lặn xuống nước - chính quyền tin chắc rằng lũ lụt sẽ gây ra sự tàn phá. Cách gài mìn một thành phố. Sự thinh lặng là đáng sợ nhất. Tiếng động duy nhất của thế giới loài người họ nghe thấy là tiếng chó sủa và giọng chim hót vọng ra từ cửa sổ những căn chung cư phía trên mặt đường. Khi đến giờ bật điện, anh sẽ vào một căn phòng có con chim. Một thứ thuộc về loài người trong khoảng trống không này. Anh đi ngang qua Museo Archeologico Nazionale¹, những tàn tích của Pompeii và Herculaneum để ở đây. Anh đã nhìn thấy con chó thời xưa đông cứng trong lớp tro màu trắng.

¹ *Bảo tàng viện Khảo cổ học Quốc gia.*

Anh bật ngọn đèn công binh màu đỏ buộc vào cánh tay trái của anh trong khi bước đi, nguồn sáng duy nhất trên đường Strada Carbonara. Anh mệt nhoài vì cuộc lùng kiếm ban đêm, và bây giờ hình như chẳng còn chuyện gì để làm. Mỗi lính công binh đều có máy truyền tin, nhưng chỉ được dùng nó trong trường hợp có khám phá khẩn cấp. Anh mệt mỏi nhất vì sự thinh lặng ghê sợ trong những khoảng sân vắng vẻ và những bồn nước phun khô cạn.

Lúc một giờ sáng, anh lần đầu đến giáo đường San Giovanni a Carbonara bị hư hại, anh biết trong ấy có một nhà nguyện Tràng hạt nhỏ. Anh đã bước xuyên qua giáo đường vài buổi tối trước đây, khi sét rọi sáng bóng tối, và anh đã nhìn thấy những hình người to lớn trong bức hoạt cảnh. Một thiên thần và một phụ nữ trong phòng ngủ. Bóng tối thay vào cảnh tượng ngăn ngủi ấy, và anh ngồi trên một chiếc ghế dài chờ đợi, nhưng không còn cảnh nào hiện ra nữa.

Bây giờ anh tiến vào góc giáo đường ấy, với những tượng đất nung tô màu như những người da trắng. Hoạt cảnh diễn tả một phụ nữ đang nói

chuyện với một thiên thần trong phòng ngủ. Mái tóc xoăn màu nâu của người phụ nữ lộ ra dưới chiếc áo khoác rộng màu xanh, những ngón tay trái của bà chạm vào lồng ngực mình. Khi anh bước vào căn phòng, anh nhận ra mọi thứ đều lớn hơn thật. Đầu của anh không cao hơn vai của người phụ nữ. Cánh tay thiên thần giơ lên cao đến năm mét. Dù thế, đối với Kip họ là bầu bạn. Đây là một căn phòng có người, và anh bước đi trong cuộc thảo luận của những tạo vật này, miêu tả một chuyện ngụ ngôn về loài người và thiên đàng.

Anh chuỗi túi da khỏi vai và đối diện cái giường. Anh muốn nằm lên đấy, ngập ngừng chỉ vì sự hiện diện của thiên thần. Anh đã đi vòng quanh hình dáng thiên thần, để ý thấy những bóng đèn bụi bám gần sau lưng hình dáng ấy bên dưới đôi cánh sẫm màu, và anh biết cho dù anh ước muốn anh cũng không thể ngủ dễ dàng trong sự hiện diện của một hình dáng như thế. Trong hoạt cảnh có ba đôi dép, một điểm tế nhị của người dựng cảnh, thấp thoáng bên dưới cái giường. Lúc ấy khoảng một giờ bốn mươi sáng.

Anh trải tấm áo khoác của mình trên sàn, ép dẹp túi da làm gối rồi nằm xuống mặt đá. Phần lớn tuổi thơ của anh ở Lahore, anh ngủ trên một tấm chiếu trên sàn phòng ngủ của anh. Thật ra anh chưa bao giờ quen với giường kiểu Tây phương. Anh chỉ dùng một tấm nệm mỏng và một cái gối hơi trong lều của mình, còn lúc ở Anh quốc khi anh ở cùng Huân tước Suffolk, anh ngọt ngào chìm vào tấm nệm mềm nhão, nằm kệt cứng ở đấy, thức cho đến khi anh bò ra để nằm ngủ trên thảm.

Anh đuổi người ra bên cái giường. Anh để ý những đôi dép cũng lớn hơn thật. Chân của dân Amazon thì vừa dép ấy. Trên đầu anh là cánh tay phải ngập ngừng của người phụ nữ. Dưới chân anh là thiên thần. Không bao lâu nữa, một lính công binh sẽ bật điện thành phố lên, và nếu anh nổ tung, anh sẽ nổ tung cùng với hai nhân vật này. Hoặc là họ sẽ chết, hoặc là họ sẽ an toàn. Dù sao đi nữa, anh chẳng còn làm gì thêm được nữa. Anh đã thức cả đêm, săn tìm lần cuối những chỗ giấu thuốc nổ và đạn nổ chậm. Những bức tường sẽ sụp đổ chung quanh anh, hoặc anh sẽ bước đi trong một thành phố sáng đèn. Ít nhất anh đã tìm thấy những hình dáng phụ mẫu này. Anh có thể thoải mái trong cuộc đối thoại bằng dáng điệu này.

Anh kê tay dưới đầu, nhận ra vẻ cứng rắn trên mặt thiên thần trước đây anh không nhìn thấy. Đóa hoa trắng thiên thần đang cầm đã lừa mỵ anh. Thiên thần cũng là chiến sĩ. Trong chuỗi tư tưởng này, anh nhắm mắt và đầu hàng sự mệt mỏi.

Anh xoa tay chân với một nụ cười mỉm trên khuôn mặt, như thể nhẹ nhõm vì cuối cùng cũng được ngủ, cảm giác xa xỉ của một điều như thế. Lòng bàn tay trái của anh úp xuống mặt bê tông. Màu khăn xếp của anh giống màu ren cổ áo của Mary.

Dưới chân bà, anh công binh nhỏ bé người Ấn mặc quân phục nằm bên cạnh sáu chiếc dép. Đường như nơi này không có thời gian. Mỗi người trong số họ đã chọn một tư thế thoải mái nhất để quên đi thời gian. Người khác sẽ nhớ đến chúng ta như thế. Trong nỗi êm ả, với nụ cười mỉm, khi chúng ta tin tưởng ngoại vật chung quanh. Bây giờ, với Kip bên chân hai dáng hình, hoạt cảnh gợi ý một cuộc tranh cãi về số phận của anh. Cánh tay đất nung giơ lên để ngừng hình xử, một hứa hẹn tương lai tốt đẹp cho người sinh ra ở ngoại quốc đang ngủ như một đứa trẻ. Ba người gần đến điểm quyết định, thỏa thuận.

Dưới lớp bụi mỏng, khuôn mặt thiên thần mang một niềm vui mãnh liệt. Lưng thiên thần gắn sáu bóng đèn, hai bóng đã bị hỏng. Dù vậy, sự kỳ diệu của dòng điện bỗng nhiên thắp sáng đôi cánh thiên thần từ bên dưới, vì thế màu đỏ máu và màu xanh và màu vàng của những cánh đồng mùa tạc rục lên sống động trong buổi chiều muộn.

Bây giờ trong tương lai, bất kỳ Hana ở đâu, nàng cũng cảm nhận thân hình Kip chuyển động theo cuộc sống của nàng. Trí nàng lặp lại chuyển động ấy. Con đường anh lao qua giữa họ. Khi anh biến thành hòn đá im lặng giữa họ. Nàng nhớ tất cả mọi điều trong ngày tháng Tám ấy - bầu trời như thế nào, những vật trên bàn trước mặt nàng tối đi trong tiếng sấm.

Nàng nhìn thấy anh trên cánh đồng, hai tay ôm đầu, rồi nhận ra cử chỉ ấy không phải vì đau đớn mà vì anh cần ôm sát headphone vào đầu. Anh cách nàng một trăm mét trong cánh đồng bên dưới khi nàng nghe một tiếng thét thoát ra khỏi thân thể anh, thân thể chưa bao giờ nói lớn giọng

giữa họ. Anh quy gối, như thể bị gãy đôi. Anh lặng yên như thế, rồi chậm chạp đứng dậy và đi chéo về phía lều của anh, vào lều và đóng vạt lều. Có tiếng sấm lắc rắc khô giòn và nàng thấy hai cánh tay nàng tối lại.

Từ cái lều, Kip hiện ra với khẩu súng trường. Anh vào villa San Girolamo, lướt qua nàng, di chuyển như một trái banh thép trong máy arcade¹, qua khung cửa rồi lên cầu thang từng ba bậc một, hơi thở anh đều đặn, giày boots của anh đập vào vách đứng của những bậc thang. Nàng nghe tiếng chân anh đi dọc hành lang trong khi nàng tiếp tục ngồi ở bàn trong bếp, cuốn sách trước mặt nàng, cây bút chì, những vật này đông lại và ngả bóng trong ánh sáng trước cơn bão.

¹ Máy trò chơi, còn gọi là máy pinball, người chơi gạt cần đẩy trái banh theo những lối khác nhau.

Anh vào phòng ngủ. Anh đứng ở chân giường của bệnh nhân người Anh.

Chào cậu công binh.

Báng súng tì vào ngực anh, dây đeo súng vòng quanh cánh tay gấp thành hình tam giác của anh.

Chuyện gì xảy ra bên ngoài thế?

Kip trông như kẻ tội đồ, tách biệt ra ngoài thế giới, khuôn mặt nâu của anh đang khốc. Thân hình anh xoay đi, bắn vào bồn nước phun cổ, và lớp vữa tường tung bụi lên giường. Anh xoay lại để khẩu súng trường chĩa vào ông người Anh. Anh bắt đầu run rồi cả người anh găng kèm chế cơn run rẩy ấy.

Để cây súng xuống, Kip.

Anh va mạnh lưng vào tường và ngừng run rẩy. Bụi vữa tường lơ lửng trong không gian chung quanh họ.

Này chú, tôi đã ngồi ở chân giường này và lắng nghe lời ông. Những tháng vừa qua. Khi tôi còn bé tôi đã làm thế, y như thế. Tôi tin rằng tôi có thể rót đầy vào mình những gì người lớn dạy tôi. Tôi tin rằng tôi có thể

mang theo kiến thức ấy, dần dà thay đổi nó, nhưng dù sao đi nữa cũng sẽ truyền đạt nó cho một người khác.

Tôi lớn lên cùng những truyền thống của quê hương tôi, nhưng sau này, thường là với những truyền thống từ quê hương của ông. Hòn đảo trắng mỏng manh với những tập tục và cách cư xử và sách vở và trường lớp và lý lẽ, bằng cách nào đấy đã biến đổi cả thế giới. Các ông là mẫu mực của cách xử sự chuẩn xác. Tôi biết, nếu tôi nhấc một tách trà với ngón tay không đúng tôi sẽ bị cấm cửa. Nếu tôi thắt nút cà vạt không đúng kiểu tôi sẽ bị loại. Phải chăng các ông có quyền lực như thế chỉ vì những chiếc tàu thủy? Phải chăng, như anh của tôi nói, vì các ông có lịch sử và máy in ấn?

Các ông rồi người Mỹ đã biến đổi chúng tôi. Với những phép tắc truyền giáo của các ông. Những người lính Ấn phí hoài cuộc đời họ làm anh hùng để họ có thể là pukkah¹. Các ông gây chiến như chơi cricket. Làm thế nào các ông lừa được chúng tôi vào chuyện này? Đây... hãy nghe chuyện các ông đã làm.

¹ *Thanh khiết.*

Anh quăng khẩu súng trường lên giường rồi đến bên ông người Anh. Chiếc radio tinh thể treo bên hông anh, gắn vào thắt lưng. Anh gỡ nó ra và đặt headphone lên cái đầu đen đúa của người bệnh, ông nhăn mặt vì da đầu đau đớn. Nhưng anh công bình để headphone lại trên đầu ông. Rồi anh bước về chỗ cũ và cầm khẩu súng lên. Anh thấy Hana ở cửa.

Một trái bom. Rồi một trái bom nữa. Hiroshima. Nagasaki. Anh xoay khẩu súng về vòm cửa sổ. Con chim ưng trong vùng không gian của thung lũng dường như cố tình trôi vào chữ V của ống nhắm. Nếu anh khép mắt lại, anh nhìn thấy những đường phố châu Á ngập lửa. Lửa cuộn qua những thành phố như tấm bản đồ bùng nổ, ngọn cuồng phong hơi nóng chạm vào làm khô héo những thân người, trong không gian đột nhiên in bóng dáng loài người. Cơn rung động của trí tuệ phương Tây.

Anh nhìn bệnh nhân người Anh, đang đeo headphone, mắt hướng vào nội tâm, lắng nghe. Điểm nhắm của khẩu súng trường chuyển từ cái mũi gầy xuống trái cổ, trên xương đòn gạnh. Kip ngưng thở. Hai tay gập lại chính xác thẳng góc ôm khẩu súng trường Enfield. Không lay chuyển.

Rồi đôi mắt của ông người Anh nhìn lại anh.

Cậu công binh.

Caravaggio vào phòng, vươn tay về phía Kip, và Kip xoay báng súng vào sườn anh. Cái tát bằng chân của một con thú. Thế rồi, như thể đang tiếp tục cùng một cử động, anh trở về vị trí cũ, tay gập lại thẳng góc trong tư thế của đội quân xử bắn, tư thế đã ăn sâu vào anh trong những trại lính khác nhau ở Ấn và Anh quốc. Cái cổ bị bồng ở trong tầm nhắm của anh.

Kip, nói chuyện với tôi đi.

Bây giờ khuôn mặt anh là một con dao. Anh nén những giọt lệ vì kinh ngạc và hoảng sợ, nhìn mọi thứ, mọi người chung quanh anh theo một cách khác. Đêm có thể xuống giữa họ, sương có thể rơi, và đôi mắt nâu đậm của chàng trai sẽ nhìn ra kẻ thù mới lộ hình.

Anh của tôi đã bảo tôi. Đừng ơ hờ với châu Âu. Bọn giao dịch. Lũ sắp xếp giao kèo. Bọn vẽ bản đồ. Anh ấy nói đừng bao giờ tin dân châu Âu. Đừng bao giờ bắt tay họ. Nhưng chúng tôi, ôi chao, chúng tôi dễ lóa mắt - vì những bài diễn văn, huy chương và lễ nghi của các ông. Những năm vừa qua tôi đã làm gì? Cắt đi, gỡ đi những tay chân ma quỷ. Để làm gì? Để cho chuyện này xảy ra ư?

Chuyện gì thế? Lạy chúa Jesus, cậu nói đi!

Tôi để cái radio lại cho ông, để ông nuốt lấy bài học lịch sử của ông. Đừng động đậy nữa, Caravaggio. Tất cả những bài diễn văn của nền văn minh từ vua và nữ hoàng và tổng thống... những tiếng nói của trật tự trù tượng. Hãy ngủ đi.

Hãy nghe radio và ngủ ngon ăn mừng trong ấy. Ở nước tôi, khi người cha bẻ gãy công lý, người cha bị giết.

Cậu không biết người đàn ông này là ai.

Điểm nhắm của khẩu súng không rời cần cổ bị lỏng. Rồi anh công binh chuyển hướng nó lên đôi mắt của người đàn ông.

Cậu bắn đi, Almásy nói.

Đôi mắt của anh công binh và người bệnh gặp nhau trong căn phòng chật choạng tối giờ đây đầy chật thể gian.

Ông gật đầu với anh công binh. Cậu bắn đi, ông trầm tĩnh nói.

Kip bật băng đạn ra khỏi súng, chụp nó khi nó bắt đầu rơi xuống. Anh ném khẩu súng lên giường, một con rắn đã phun hết nọc độc. Anh nhìn thấy Hana ở đâu đó bên lề mọi chuyện.

Người đàn ông bị lỏng gỡ headphone ra khỏi đầu mình, chậm chạp đặt chúng xuống trước mặt. Rồi bàn tay trái của ông với lên kéo máy trợ thính ra, thả nó xuống sàn.

Bắn đi, Kip. Tôi không muốn nghe nữa.

Ông nhắm mắt. Trôi vào bóng tối, xa khỏi căn phòng.

Anh công binh dựa vào tường, hai bàn tay nắm lại, cúi đầu. Caravaggio có thể nghe thấy tiếng mũi anh hít thở không khí, nhanh và mạnh như một ống thụt.

Ông ấy không phải là người Anh.

Người Mỹ, người Pháp, tôi không cần biết. Khi các ông bắt đầu thả bom những dân tộc da nâu của thế giới, thì các ông là người Anh. Các ông có Vua Leopold của Bỉ và giờ đây các ông có tên khốn kiếp Harry Truman của Mỹ. Tất cả các người học hỏi từ người Anh.

Không đúng. Không phải ông ấy. Lầm rồi. Trong tất cả mọi người ông ấy có lẽ ở bên phe của cậu đấy.

Anh ấy sẽ bảo điều ấy không quan trọng, Hana nói.

Caravaggio ngồi xuống ghế. Anh nghĩ, anh lúc nào cũng ngồi trên chiếc ghế này. Trong phòng có tiếng eo éo từ máy radio tĩnh thể, vẫn nói bằng giọng như bị ngập nước. Anh không thể quay nhìn anh công binh hoặc nhìn về phía hình dáng lơ mờ là chiếc áo đầm của Hana. Anh biết người lính trẻ nói đúng. Họ sẽ không bao giờ thả trái bom như thế xuống một quốc gia da trắng.

Anh công binh bước ra khỏi phòng, bỏ Caravaggio và Hana lại bên cạnh giường. Anh đã bỏ lại ba người trong thế giới của họ, không còn là tên lính canh của họ nữa. Trong tương lai, nếu và khi nào người bệnh chết đi, Caravaggio và cô gái sẽ chôn cất ông. Cứ để người chết chôn người chết. Anh chưa bao giờ biết chắc câu ấy có nghĩa là gì. Mấy chữ tro tráo trong Thánh Kinh ấy.

Họ sẽ chôn tất cả ngoại trừ cuốn sách. Thân thể, khăn trải giường, quần áo, cây súng trường. Không lâu sau, chỉ còn lại một mình Caravaggio với Hana. Và động cơ của tất cả chuyện này là từ máy radio. Một biến cố phát ra từ làn sóng ngắn. Một cuộc chiến mới. Cái chết của một nền văn minh.

Đêm tĩnh mịch. Anh có thể nghe tiếng những con cú đêm, tiếng kêu xa xôi của chúng, tiếng cánh đập khi chúng xoay hướng. Hàng cây bách vươn cao phía trên lều của anh, đứng yên trong đêm lặng gió. Anh ngả lưng nằm xuống, nhìn chăm chăm vào góc tối của căn lều. Khi anh nhắm mắt, anh nhìn thấy lửa, người ta lao vào những dòng sông vào những hồ chứa nước để tránh lửa hoặc hơi nóng đốt cháy mọi thứ trong giây phút, tất cả những gì họ níu giữ, da tóc của họ, thậm chí làn nước họ lao vào. Trái bom rực rỡ được mang bằng máy bay vượt đại dương, qua mặt trăng ở phương Đông, về quần đảo màu xanh. Rồi được thả xuống.

Anh chưa ăn uống gì, không thể nuốt nổi bất cứ cái gì. Trước khi nắng tắt, anh dọn sạch những vật dụng quân đội trong lều, dụng cụ gỡ bom, tháo tất cả huy hiệu trên quân phục. Trước khi nằm xuống, anh tháo khăn xếp, chải tóc và cột lại thành búi, rồi ngả lưng nằm, nhìn ánh sáng trên vải lều chậm chậm phai đi, mắt anh chăm chú nhìn tia sáng màu xanh cuối cùng, nghe gió lặng xuống rồi yên hẳn, nghe cánh của những

con chim ưng kêu “thụp” khi chúng xoay hướng. Và tất cả những tiếng động tinh tế trong không gian.

Anh cảm thấy tất cả gió trên thế gian đã bị hút về châu Á. Anh bước đi xa dần nhiều trái bom nhỏ trong sự nghiệp của anh đến một trái bom dường như lớn bằng cỡ một thành phố, rộng lớn đến nỗi nó để người sống sót chứng kiến cái chết của dân số chung quanh họ. Anh không biết gì về trái bom. Anh không biết nó là một tấn công bất ngờ của kim loại và sự bùng nổ, hay không khí sôi bỏng trào đến và xuyên qua bất cứ thứ gì thuộc về con người. Anh chỉ biết là anh cảm thấy anh không thể để bất cứ thứ gì đến gần anh nữa, không thể ăn thức ăn hay uống từ một vũng nước trên mặt ghế đá ngoài hàng hiên nữa. Anh cảm thấy anh không thể rút một que diêm trong bao ra và thắp đèn, vì anh tin rằng ngọn đèn sẽ mồi lửa mọi thứ. Trong lều, trước khi ánh sáng tan đi, anh đã mang hình gia đình ra nhìn. Tên của anh là Kirpal Singh, và anh không biết anh đang làm gì ở đây.

Bây giờ anh đứng dưới hàng cây trong hơi nóng tháng Tám, không đội khăn xếp, chỉ mặc một cái kurta¹. Tay không, anh chỉ đi dọc theo bờ giậu, đôi chân trần trên mặt cỏ hoặc sàn đá của hàng hiên hoặc tro của một đồng lửa cũ. Thân thể anh thao thức, đứng trên bờ một thung lũng lớn của châu Âu.

¹ Áo rộng, dài khoảng đầu gối.

Lúc sáng sớm nàng nhìn thấy anh đứng bên cạnh lều. Suốt buổi tối nàng đã dõi tìm ánh đèn trong đám cây cối. Tối hôm ấy mỗi người trong tòa villa ăn một mình, ông người Anh không ăn gì. Bây giờ nàng thấy cánh tay anh công bình quơ ra và những vách tường vải đỏ sụp xuống, chồng chất lên nhau như một cánh buồm. Anh quay mình đi đến căn nhà, leo những bậc thang vào hàng hiên và biến mất.

Trong giáo đường nhỏ, anh đi qua những hàng ghế bị cháy về phía bên thờ, nơi chiếc xe máy nằm bên dưới một tấm vải dầu được chặn xuống bằng những cành cây. Anh bắt đầu kéo tấm vải ra khỏi chiếc xe. Anh cúi xuống bên chiếc xe và bắt đầu xịt dầu vào những đĩa xích và răng cưa.

Khi Hana vào giáo đường nhỏ không nóc, anh đang ngồi đấy, dựa lưng và đầu vào bánh xe.

Kip.

Anh không nói gì, nhìn nàng mà không thấy nàng.

Kip, em đây mà. Chúng em có liên quan gì đến việc ấy đâu?

Trước mặt nàng anh là một hòn đá.

Nàng quỳ xuống ngang với anh rồi ngã vào người anh, nghiêng đầu tựa vào ngực anh, giữ yên như thế.

Một trái tim đang đập.

Khi anh vẫn bất động, nàng quỳ thẳng lại.

Ông người Anh có lần đọc cho em nghe một câu từ một cuốn sách: “Tình yêu nhỏ bé đến nỗi nó có thể chẻ mình qua một lỗ kim khâu”.

Anh quay đi, mặt anh dừng lại cách một vũng nước mưa vài phân.

Một chàng trai và một cô gái.

Trong khi anh công binh kéo chiếc xe ra từ dưới tấm vải dầu, Caravaggio nghiêng người qua lan can, cầm tựa vào cánh tay. Rồi anh cảm thấy anh không thể chịu nổi tâm trạng của căn nhà và bước đi. Anh không có mặt khi anh công binh rồ máy xe, ngồi lên xe trong lúc nó hơi chồm lên, sinh động bên dưới anh, Hana đứng gần bên.

Singh chạm vào cánh tay nàng, rồi để xe lăn bánh xuống triền dốc, và chỉ khi ấy mới lên ga cho xe chạy.

Caravaggio đang đợi anh giữa đường đến cổng, tay cầm khẩu súng. Khi Caravaggio bước ra cản lối anh, và chàng trai lái xe chậm lại, thậm chí Caravaggio không buồn giơ súng về phía chiếc xe. Caravaggio đến bên anh và quàng tay quanh người anh. Một vòng tay siết chặt. Lần đầu tiên anh công binh cảm thấy những sợi râu lún phún trên da mình. Anh cảm

thấy bị kéo vào, thu gọn trong những bắp thịt. “Tôi sẽ phải học cách nhớ cậu”, Caravaggio nói. Rồi chàng trai lùi lại và Caravaggio đi về căn nhà.

Chiếc xe phóng vào khung cảnh chung quanh anh. Khói của chiếc Triumph và bụi và sỏi vụn rơi qua giữa hàng cây. Chiếc xe phóng qua vỉa song chắn gia súc ở cổng, rồi anh chạy vòng vèo xuống đồi ra khỏi làng, ngang qua mùi của những khu vườn hai bên đường, những khu vườn gắn mình vào triền dốc trong những góc độ bất trắc.

Thân hình anh ở một tư thế đã thành thói quen, ngực anh song song, gần như chạm vào bình xăng, hai cánh tay anh nằm ngang trong hình dáng ít cản gió nhất. Anh đi về hướng nam, tránh Florence hoàn toàn. Xuyên qua Greve rồi rẽ ngang đến Montevarchi và Ambra, những thị trấn nhỏ chiến tranh và cuộc tấn chiếm đã bỏ qua. Khi những ngọn đồi khác xuất hiện, anh bắt đầu leo lên sống lưng chúng về phía Cortona.

Anh đang di chuyển ngược chiều cuộc tấn chiếm, như đang quay ngược cuộn chỉ chiến tranh, con đường không còn căng thẳng vì quân đội. Anh chỉ đi những đường anh biết, nhìn thấy những thị trấn lâu đài quen thuộc xa xa. Anh nằm bất động trên chiếc Triumph, đang nóng lên bên dưới anh trong lúc nó lao đi trên những con đường làng. Anh không mang nhiều hành lý, đã bỏ lại tất cả vũ khí. Chiếc xe phóng qua từng làng, không chậm lại vì một thị trấn hay ký ức chiến tranh nào. “Trái đất sẽ ngã nghiêng như một gã say, và sẽ bị dời đi như một cúp lều tranh.”¹

¹ Trích Isaiah 24:20.

Nàng mở ba lô của anh. Một khẩu súng lục bọc trong tấm vải dầu, tỏa mùi khi nàng mở ra. Bàn chải đánh răng và bột kem đánh răng, những hình phác họa bằng bút chì trong cuốn sổ tay, trong số ấy có một tấm vẽ nàng - nàng đang ngồi trên hàng hiên và anh nhìn xuống từ phòng của ông người Anh. Hai khăn xếp, một chai bột hồ. Một đèn công binh với dây quàng bằng da để đeo lúc khẩn cấp. Nàng bật đèn lên và ba lô ngập ánh sáng màu đỏ.

Trong các túi bên hông ba lô nàng tìm thấy những dụng cụ gỡ bom, nàng không muốn chạm vào chúng. Bọc trong một miếng vải nhỏ khác

là ống máng kim loại nàng tặng cho anh, dùng để rút chất đường của cây thích ở quê hương nàng.

Từ trong căn lều sụp nàng lôi ra một tấm hình hắc phải là hình gia đình anh. Nàng cầm tấm hình trong lòng bàn tay. Một người Sikh và gia đình của anh.

Người anh trai chỉ khoảng mười một tuổi trong bức hình này. Kip bên cạnh anh ta, tám tuổi. “Khi chiến tranh đến anh trai anh theo bất cứ phe nào chống lại người Anh.”

Cũng có một cuốn sách hướng dẫn nhỏ, trong ấy là sơ đồ những trái bom. Và hình vẽ một vị thánh có một nhạc sĩ đi kèm.

Nàng để mọi thứ lại chỗ cũ trừ tấm hình nàng cầm trong tay. Nàng mang cái túi qua cây cối, băng ngang hiên ngoài và mang nó vào nhà.

Cứ khoảng độ một giờ anh chậm lại rồi dừng xe, nhổ vào kính bảo hộ và lau bụi bằng tay áo sơ mi của anh. Rồi anh lại nhìn bản đồ. Anh sẽ đi đến vùng Adriatic, rồi về nam. Đa số quân đội đang ở biên giới phía bắc.

Anh lái xe lên đồi vào Cortona, giữa tiếng rít của máy xe đang rồ ga. Anh lái chiếc Triumph lên những bậc thềm ngoài cửa giáo đường rồi bước vào. Một pho tượng đứng đấy, bao quanh là giàn chống. Anh muốn đến gần khuôn mặt tượng hơn, nhưng anh không có ống nhắm của khẩu súng trường, và anh cảm thấy người cứng đờ không leo nổi lên giàn giáo. Anh lang thang bên dưới như một người không thể lọt vào bên trong căn nhà. Anh dẫn xe xuống những bậc thềm giáo đường, rồi đổ dốc qua những vườn nho tan nát và đi tiếp đến Arezzo.

Ở Sansepolcro, anh rẽ vào con đường núi ngoằn ngoèo, vào làn sương mù trong núi, vì thế anh phải giảm tốc độ xuống mức tối thiểu. Bocca Trabaria. Anh thấy lạnh nhưng gạt thời tiết ra ngoài tâm trí. Cuối cùng con đường nhô lên quá màn sương trắng, làn sương mù nằm bên dưới sau lưng anh. Anh đi vòng bên ngoài Urbino nơi quân Đức đã thiêu hủy hết ngựa cày của kẻ địch. Họ đã chiến đấu trong vùng này một tháng;

bây giờ anh lướt qua trong vài phút, chỉ nhận ra những đèn Đức Mẹ Da Đen. Chiến tranh đã làm tắt cả thị trấn và tỉnh lỵ giống nhau.

Anh thả dốc về phía bờ biển. Vào Gabicce Mare, nơi anh nhìn thấy tượng Đức Mẹ Đồng Trinh hiện ra trên biển. Anh ngủ trên đồi, nhìn ra vách đá và mặt nước, gần nơi bức tượng đã được mang đến. Ngày đầu tiên của anh chấm dứt.

Clara thương - Maman¹ thương

¹ *Mẹ trong tiếng Pháp.*

Clara ạ, Maman là một từ tiếng Pháp, một chữ tròn gọi ý ấp ủ, một chữ riêng tư thậm chí có thể được hét lên nơi công cộng. Một điều êm ái và bất tử như một chiếc sà lan. Mặc dù con biết rằng về mặt tinh thần di vẫn là một chiếc xuồng. Có thể xoay trở vào một con lạch trong giây phút. Vẫn độc lập. Vẫn riêng tư. Không phải là chiếc sà lan có trách nhiệm với mọi người chung quanh. Clara ạ, đây là lá thư đầu tiên của con trong bao nhiêu năm, và con không quen vẽ trình trọng của thư từ. Vài tháng vừa qua, con sống với ba người khác nữa, và trò chuyện của chúng con chậm rãi, vãn vơ. Giờ đây con không quen lối nói chuyện nào khác nữa.

Năm nay là năm 194-. Mấy nhỉ? Con chợt quên mất rồi. Nhưng con biết ngày tháng. Một ngày sau khi chúng con nghe tin về những trái bom được thả xuống Nhật Bản, vì thế con cảm thấy như ngày hôm nay là ngày tận thế. Từ bây giờ trở đi, con tin rằng riêng luôn nghịch với chung. Nếu chúng ta có thể lý giải chuyện này chúng ta có thể lý giải mọi chuyện.

Patrick đã chết trong một chuồng bò câu ở Pháp. Ở Pháp, vào thế kỷ XVII và XVIII, người ta dựng chuồng bò câu thật to, to hơn hầu hết các ngôi nhà. Như thế này đây.

Đường ngang ở một phần ba chiều cao từ nóc xuống có tên là gờ chuột - để ngựa chuột chạy lên gạch, cho bò câu được an toàn. An toàn như chuồng bò câu. Một nơi thiêng liêng. Vẽ nhiều mặt giống như một giáo đường. Một nơi êm ái. Patrick đã chết ở một nơi êm ái.

Lúc năm giờ sáng, anh đạp ga nổ máy chiếc Triumph, và bánh xe sau hất tung ra một lớp sỏi hình quạt. Anh vẫn ở trong bóng tối, vẫn không thể phân biệt đâu là biển trong khung cảnh xa hơn vách đá. Anh không có bản đồ cho cuộc hành trình từ đây về nam, nhưng anh có thể nhận ra những con đường chiến tranh và đi theo lối dọc bờ biển. Khi nắng lên

anh có thể chạy nhanh gấp đôi. Những dòng sông vẫn còn ở trước mặt anh.

Khoảng hai giờ chiều, anh đến Ortona, nơi lính công binh đã dựng những cây cầu tiền chế kiểu Bailey, suýt chết đuối giữa dòng sông trong cơn bão tố. Trời bắt đầu mưa và anh ngừng lại để khoác tấm áo choàng cao su. Anh bước quanh chiếc xe trong sự ẩm ướt. Giờ đây, khi anh di chuyển, tiếng động trong tai anh thay đổi. Tiếng mưa rơi tí tách thay tiếng gió rít gào, nước bắn từ bánh xe trước lên giày boots của anh. Mọi thứ anh nhìn thấy qua kính bảo hộ đều một màu xám. Anh không muốn nghĩ đến Hana. Trong sự im lặng giữa tiếng xe anh không nghĩ đến nàng. Khi khuôn mặt nàng hiện ra anh xóa nó đi, giật tay lái để anh chệch hướng và phải tập trung. Nếu có những chữ, chúng sẽ không phải thuộc về nàng; chúng sẽ là những cái tên trên bản đồ nước Ý anh đang chạy xe qua.

Anh cảm thấy anh mang thân thể của ông người Anh cùng với mình trong cuộc trốn chạy này. Nó ngồi trên bình xăng đối diện anh, tấm thân màu đen ôm lấy thân thể anh, đối diện quá khứ đằng sau vai anh, đối diện vùng quê họ đang phóng qua, cung điện đang xa dần của những người lạ trên ngọn đồi nước Ý sẽ không bao giờ được xây dựng lại. “Và những lời của ta đặt vào miệng người sẽ không rời miệng người.

Hoặc rời miệng con cháu người. Hoặc rời miệng con cháu của con cháu người.”¹

¹ *Trích Isaiah 51:16.*

Giọng của ông người Anh ngân nga Isaiah vào tai anh, như ông đã ngân nga buổi chiều ấy khi chàng trai nói về khuôn mặt trên trần giáo đường ở Rome. “Dĩ nhiên có hàng trăm Isaiah. Một ngày kia cậu sẽ muốn nhìn ông lúc già - ở miền Nam nước Pháp, các tu viện xưng tụng ông là một ông già có râu, nhưng tia nhìn của ông vẫn chứa đựng uy quyền.” Ông người Anh đã ngân nga trong căn phòng sơn vẽ. “Nghe đây, Thượng đế sẽ tóm chặt và mang người đi, và Ngài chắc chắn sẽ bọc người lại. Ngài chắc chắn sẽ xoay tròn người và ném người như một quả banh vào một xứ sở rộng lớn.”²

² *Trích Isaiah 22:17.*

Anh đang đi sâu hơn vào cơn mưa nặng hạt. Anh đã yêu khuôn mặt trên trần giáo đường, nên anh đã yêu những lời ấy. Như anh đã tin tưởng người đàn ông bị bỏng và những đồng cỏ văn minh anh chăm bón. Isaiah và Jeremiah và Solomon ở trong cuốn sách cạnh giường của người đàn ông bị bỏng, cuốn sách thánh của ông, những thứ ông yêu quý dán vào cuốn sách ấy. Ông đã đưa cuốn sách cho anh công binh, và anh công binh nói chúng tôi cũng có một cuốn Sách Thánh.

Lớp cao su lót kính bảo hộ đã rạn nứt trong những tháng qua, và bây giờ mưa bắt đầu ngập đầy khoảng trống trước mắt anh. Anh sẽ chạy xe không đeo kính, tiếng mưa là tiếng đại dương vĩnh viễn trong tai anh, thân hình khom xuống của anh cứng đờ, lạnh giá, vì thế chỉ có ý niệm về hơi nóng từ chiếc xe anh rất quen lái, tia nước màu trắng bắn ra từ xe khi anh lướt qua những ngôi làng như một ngôi sao băng, một hình ảnh kéo dài nửa giây trong lúc người ta có thể ước một điều gì. “Vì bầu trời sẽ biến đi như khói và trái đất sẽ già cũ như quần áo. Và người sống ở đây cũng sẽ chết đi như thế.

Vì nhậy sẽ ăn họ như quần áo, và giun trùng sẽ ăn họ như len.¹”

¹ *Trích Isaiah 51:6*

Một bí mật của những sa mạc từ Uweinat đến Hiroshima.

Anh đang tháo kính bảo hộ khi anh quẹo lên cầu trên sông Ofanto. Anh bắt đầu trượt trong khi tay trái anh giơ lên cầm kính bảo hộ. Anh thả kính xuống để giữ vững chiếc xe, nhưng không ngờ đến cái gờ sắt đầu cầu, chiếc xe ngã về bên phải bên dưới anh. Đột nhiên anh cùng chiếc xe trượt theo làn nước mưa xuống giữa cầu, kim loại chà xát tạo nên những nháng lửa xanh chung quanh tay và mặt anh.

Tám bảng thiếc nặng bung ra và bay qua vai anh. Rồi anh và chiếc xe chệch về bên trái cầu, chỗ không có tay vịn, và anh với xe văng ra khỏi cầu, nằm nghiêng song song với mặt nước, tay anh giơ ra sau quá đầu. Tám áo khoác tuột ra khỏi người anh, thoát khỏi mọi thứ máy móc và con người, nhập vào không gian.

Chiếc xe và người lính vẫn ở trên không trung, rồi lộn vòng xuống, thân xe kim loại giữa hai chân anh khi chúng đập mạnh vào dòng nước, xé một đường nước màu trắng, biến mất, mưa cũng rơi vào dòng sông. “Ngài sẽ ném người như một quả banh vào một xứ sở rộng lớn.”

Làm thế nào Patrick lại ở trong một chuồng bò câu, Clara nhỉ? Đơn vị của ba đã bỏ ba lại khi ba bị bỏng và bị thương. Bỏng đến nỗi những cái nút áo sơ mi ba mặc gắn liền vào da thịt ba, vào lồng ngực thân yêu của ba. Lồng ngực con đã hôn và đi đã hôn. Làm thế nào ba con bị bỏng? Ba có thể uốn mình như lươn, hoặc như chiếc xuống của dì ra khỏi thế giới thực tựa hồ như có phép thuật. Trong sự ngây thơ dễ thương và rắc rối của ba. Ba là người đàn ông ít nói nhất, và con vẫn lấy làm lạ rằng phụ nữ thích ba. Phụ nữ chúng ta thường thích một người đàn ông nói nhiều bên cạnh. Chúng ta là những người theo chủ nghĩa duy lý, khôn ngoan, mà ba thì thường lạc lối, không quyết chắc, không bày tỏ.

Ba bị bỏng, con là y tá, lẽ ra con có thể chăm sóc ba. Dì có hiểu địa lý đáng buồn lắm không? Lẽ ra con có thể cứu ba, hoặc ít nhất ở cạnh ba cho đến giờ phút cuối. Con biết nhiều về chuyện bị bỏng. Ba đã ở một mình với bò câu và chuột bao nhiêu lâu? Trong những giờ cuối cùng khi ba còn máu và sự sống? Chim bò câu trên đầu ba. Những đôi cánh vỗ chập chới chung quanh ba. Không ngủ được trong bóng tối. Ba vẫn ghét bóng tối. Và ba một mình, không có người yêu hay quyến thuộc.

Con chán ghét châu Âu, Clara ạ. Con muốn về nhà. Về căn nhà nhỏ của dì và hòn đá màu hồng ở vịnh Georgian. Con sẽ đi xe bus đến eo biển Parry. Rồi từ đất liền gửi tin nhắn qua radio sóng ngắn đến Pancakes. Rồi đợi dì, đợi bóng dáng dì trong một chiếc xuống đến cứu con khỏi chốn này, nơi ba và con đã phản bội dì để tiến vào. Làm sao dì trở nên khôn ngoan đến thế? Làm sao dì trở nên cương quyết đến thế? Làm sao dì không bị lừa như ba và con? Dì là yêu quý thích lạc thú đã trở nên rất khôn ngoan. Người thuần khiết nhất trong số chúng ta, hột đậu đen nhất, chiếc lá xanh nhất.

Hana

Đầu trần của anh công binh nhô lên khỏi mặt nước, anh hỗn hển hớp không khí trên dòng sông.

Caravaggio đã làm cái cầu dây bằng một sợi thừng xuống nóc tòa villa kế bên dưới. Ở đầu bên này, dây thừng được thắt vào quanh eo của pho tượng Demetrius rồi cột chặt vào giếng nước. Sợi dây chỉ cao ngang ngọn

hai cây olive trên lối anh đi qua. Nếu anh mất thăng bằng, anh sẽ rơi vào những cành cứng bụi bặm của cây olive.

Anh bước lên cầu dây, hai chân mang vớ của anh bám chặt sợi thừng. Bức tượng ấy đáng giá bao nhiêu? Có lần anh băng quơ hỏi Hana, và nàng bảo anh rằng bệnh nhân người Anh nói tất cả tượng Demetrius đều vô giá trị.

Nàng dán phong thư lại rồi đứng lên, đi ngang căn phòng để đóng cửa sổ, và đúng lúc ấy ánh chớp lướt qua thung lũng. Nàng nhìn thấy Caravaggio lưng chừng trên không trung, trên hẻm núi chạy quanh tòa villa như một vết sẹo sâu. Nàng đứng đấy tựa như mơ mộng, rồi leo vào vòm cửa sổ và ngồi đấy nhìn ra ngoài.

Mỗi lần có sét, mưa đông lại trong màn đêm thành linh được rọi sáng. Nàng nhìn thấy những con kên kên ném mình lên bầu trời, dò tìm Caravaggio.

Anh đi được nửa đường thì ngửi thấy mùi mưa, rồi mưa bắt đầu rơi khắp người anh, dán vào thân thể anh, và đột nhiên quần áo anh nặng hơn.

Nàng đưa hai bàn tay khum ra ngoài cửa sổ và chải mưa vào tóc.

Tòa villa trôi đi trong bóng tối. Trong hành lang ngoài phòng bệnh nhân người Anh, ngọn nến cuối cùng đang cháy, vẫn còn cháy trong đêm. Mỗi lần ông mở mắt thức dậy, ông nhìn thấy ánh sáng màu vàng lung linh quen thuộc.

Bây giờ, đối với ông thế giới không có âm thanh, thậm chí ánh sáng dường như cũng là điều không cần thiết. Sáng mai ông sẽ bảo cô gái rằng ông không muốn có ánh nến bầu bạn trong khi ngủ.

Khoảng ba giờ sáng, ông cảm thấy một sự hiện diện trong phòng. Trong một thoáng, ông nhìn thấy một hình dáng ở chân giường của ông, dựa vào tường hoặc có lẽ được vẽ lên đấy, không rõ lắm trong bóng lá bên ngoài ánh nến. Ông thì thào một điều gì đấy, một điều ông vẫn muốn nói, nhưng chỉ có thỉnh lặng và hình dáng màu nâu mảnh mai, có thể chỉ là bóng đêm, không lay động. Một cây bạch dương. Một người đàn ông đội

lông vũ. Một hình dáng đang bơi. Ông không nghĩ ông may mắn đến mức được nói chuyện với anh công binh trẻ một lần nữa.

Dù sao chẳng nữa, đêm nay ông vẫn thức để xem hình dáng ấy có di chuyển lại gần ông hay không. Không dùng viên thuốc giảm đau, ông sẽ thức cho đến khi ánh sáng tắt đi và mùi khói nến trôi vào phòng ông và vào phòng của cô gái xa hơn dưới hành lang. Nếu hình dáng quay lại, sẽ có lớp sơn trên lưng hắn, nơi hắn va mạnh vào hình vẽ cây cối trong nỗi đau buồn. Khi ngọn nến tắt ông sẽ có thể nhìn thấy điều này.

Bàn tay ông chậm rãi giơ ra, chạm vào cuốn sách của ông, rồi trở về lồng ngực tối của ông. Trong phòng không còn chuyển động nào khác.

Anh đã ngồi ở đâu khi anh nhớ đến nàng? Giờ đây, sau bao nhiêu năm. Một hòn đá lịch sử nẩy trên mặt nước, nẩy lên để anh và nàng già đi trước khi nó chạm vào mặt nước một lần nữa rồi chìm xuống.

Anh đã ngồi ở đâu trong vườn khi một lần nữa anh nghĩ anh phải vào nhà để viết một lá thư, hoặc một ngày kia đến trạm điện thoại, điền mẫu đơn để cố gắng liên lạc với nàng ở một nước khác. Chính là khu vườn này, vuông cỏ khô cắt ngắn này gợi anh nhớ lại mấy tháng anh ở bên Hana và Caravaggio và bệnh nhân người Anh trong villa San Girolamo về phía bắc Florence. Anh là bác sĩ, có hai con và một người vợ hay cười. Anh thường xuyên bận rộn trong thành phố này. Lúc sáu giờ chiều, anh cởi chiếc áo choàng trắng. Bên trong anh mặc quần màu đậm và một áo sơ mi ngắn tay. Anh đóng cửa phòng mạch, trong ấy tất cả giấy tờ có những loại chặn giấy khác nhau - hòn đá, lọ mực, xe tải đồ chơi con trai anh không còn thích nữa - để quạt không thổi bay đi tất cả. Anh leo lên xe đạp và đạp bốn dặm về nhà bằng ngõ xuyên qua khu chợ. Khi nào có thể, anh rẽ xe vào bóng mát của con đường. Anh đã đến tuổi đột nhiên nhận ra ánh nắng Ấn Độ làm anh mệt nhoài.

Anh lướt đi dưới hàng liễu bên con kênh, rồi dừng lại ở một khu nhà nhỏ, tháo kẹp ống quần dùng khi đi xe đạp và vác xe xuống những bậc thang vào khu vườn nhỏ do vợ anh chăm bón.

Tối hôm nay, một điều gì đấy đã mang viên đá ra khỏi nước và cho phép nó di chuyển ngược chiều trong không gian về thị trấn vùng đồi ở Ý. Có lẽ là vết bỏng hóa chất trên cánh tay một cô bé anh chữa trị hôm nay. Hoặc cầu thang bằng đá, nơi cổ đại màu nâu hăng hái mọc viền theo những bậc thang. Khi anh nhớ đến nàng, anh đã mang xe đạp lên nửa cầu thang. Vì anh đang trên đường đi làm, nên gọi nhớ ấy bị trì hoãn từ khi anh đến bệnh viện rồi gặp bệnh nhân và ban điều hành trong bảy giờ liên tiếp. Hoặc có thể là vết bỏng trên cánh tay cô bé.

Anh ngồi trong vườn. Và anh ngắm Hana, mái tóc nàng dài hơn, ở xứ sở của nàng. Nàng làm nghề gì nhỉ? Anh vẫn nhìn thấy nàng, khuôn mặt nàng và thân hình nàng, nhưng anh không biết nghề nghiệp hoặc hoàn cảnh của nàng, mặc dù anh nhìn thấy phản ứng của nàng với những người chung quanh nàng, nàng cúi xuống những đứa trẻ, một cánh cửa tủ lạnh màu trắng sau lưng nàng, một bối cảnh có những chiếc xe điện êm lạng. Đây là một món quà giới hạn không hiểu vì sao anh có được, tựa như một cuốn phim chiếu hình nàng, nhưng chỉ một mình nàng, trong im lặng. Anh không thể nhìn thấy rõ những người chung quanh nàng, xét đoán của nàng, anh chỉ nhìn thấy tính chất của nàng và mái tóc thẫm màu đang dài ra của nàng, thỉnh thoảng một lọn tóc rơi xuống mắt nàng.

Giờ đây, anh nhận ra nàng sẽ luôn có một khuôn mặt nghiêm trang. Vẻ mặt nàng đã biến đổi từ một cô gái trẻ đến những đường nét sắc cạnh của một bà hoàng, một người cấu tạo khuôn mặt mình với ước muốn trở thành một mẫu người nhất định. Anh vẫn thích điều ấy ở nàng. Sự thông minh của nàng, việc nàng đã không thừa hưởng vẻ mặt này hoặc sắc đẹp kia, nhưng chúng là những điều nàng tìm kiếm và sẽ luôn luôn phản ánh giai đoạn hiện tại trong cá tính của nàng. Hình như mỗi một hoặc hai tháng anh lại nhìn thấy nàng như thế, như thể những khoảnh khắc chiếu rọi này là sự tiếp nối của những lá thư nàng viết cho anh trong một năm trời, không nhận được thư trả lời, cho đến khi nàng thôi không gửi thư nữa, nản lòng vì sự thình lạng của anh. Cá tính của anh, anh đoán thế.

Bây giờ anh có những thôi thúc muốn nói chuyện với nàng trong một bữa ăn, trở lại thời kỳ họ gần gũi nhất trong lều hoặc trong phòng bệnh

nhân người Anh, cả hai nơi chứa đựng khoảng cách như dòng nước xao động giữa họ. Nhớ lại thời ấy, anh tò mò về mình cũng nhiều như anh tò mò về nàng - trẻ trung và nghiêm túc, cánh tay mềm dẻo của anh giờ qua không khí về phía cô gái anh đã yêu. Giày bốt ướt của anh nằm bên cánh cửa kiểu Ý, dây giày cột vào nhau, tay anh vươn đến bờ vai nàng, trong lúc một hình dáng nằm trên giường.

Trong bữa ăn tối, anh nhìn con gái anh vật lộn với muỗng nĩa, cố cầm những vũ khí to lớn đó trong hai bàn tay bé bỏng của nó. Ở cái bàn này, tất cả tay của họ đều màu nâu. Họ cử động dễ dàng trong lễ thói và tập tục của họ. Vợ anh đã dạy cho tất cả bọn họ cá tính khô hài phóng túng, tính cách con trai anh thừa hưởng. Trong căn nhà này, anh thích chứng kiến sự nhanh trí của con trai anh, sự nhanh trí ấy thường xuyên khiến anh ngạc nhiên ra sao, thậm chí vượt xa kiến thức và tính khô hài của anh và vợ - cách nó đối xử với những con chó ngoài đường, bắt chước cách đi, tia nhìn của chúng. Anh thích chuyện cậu bé này hầu như có thể đoán ra ước muốn của mấy con chó từ những biểu lộ chúng có được.

Hana di chuyển dễ dàng giữa nhóm người không phải là lựa chọn của nàng. Ngay ở tuổi này, ba mươi tư, nàng vẫn chưa tìm thấy nhóm người của riêng mình, những người nàng muốn. Nàng là một phụ nữ danh giá và khôn ngoan, không may mắn trong những mối tình cuồng nhiệt, luôn liều lĩnh, đôi mày của nàng có một nét chỉ có nàng nhận ra trong gương. Mẫu người lý tưởng và tôn sùng lý tưởng trong mái tóc óng ả đậm màu ấy! Người ta yêu mến nàng. Nàng vẫn còn nhớ những dòng thơ người Anh đọc to lên cho nàng nghe từ cuốn sách của ông. Nàng là một phụ nữ tôi không hiểu rõ đủ để giữ trong đôi cánh của tôi, nếu những nhà văn có cánh, để che chở suốt cuộc đời tôi.

Rồi Hana cử động, khuôn mặt nàng quay lại, và nàng cúi đầu trong một nỗi hối tiếc. Vai nàng chạm vào gờ một cái tủ, một cái ly rơi xuống. Bàn tay trái của Kirpal sà xuống chụp cái nĩa rơi cách sàn nhà vài phân, rồi nhẹ nhàng đặt nó vào những ngón tay của con gái anh, đuôi mắt anh nheo lại sau cặp kính.

Hết

